

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT TRÌ



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT TRÌ**

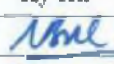
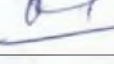
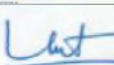
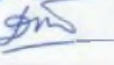
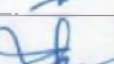
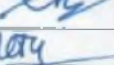
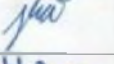
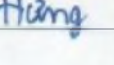


**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ**
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phú Thọ, tháng 5 năm 2025

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CNKT Ô TÔ**

Quyết định số 1137/QĐ-ĐHCNV, ngày 31 tháng 12 năm 2024)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Ký tên
1	Vũ Đức Bình	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Vũ Quốc Hiến	Phó Hiệu trưởng	P. Chủ tịch HĐ	
3	Lê Quang Vinh	Phó Trưởng Khoa Cơ khí – Ô tô (PT)	P. Chủ tịch TTHĐ	
4	Nguyễn Văn Vương	Phụ trách Bộ môn. Khoa Cơ khí – Ô tô	Thành viên - Thư ký	
5	Nguyễn Hữu Hải	Trưởng phòng Quản lý chất lượng	Thành viên	
6	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Trưởng phòng Quản lý Đào tạo	Thành viên	
7	Trương Minh Chính	Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính	Thành viên	
8	Nguyễn Thị Minh Hằng	Trưởng phòng Tài chính – Kế toán	Thành viên	
9	Phạm Thái Hưng	Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông	Thành viên	
10	Nguyễn Đức Tuấn	Trưởng phòng Quản trị	Thành viên	
11	Đỗ Thị Mai Thanh	Giám đốc Trung tâm Thông tin Thư viện	Thành viên	
12	Đào Thị Lan	P. Trưởng phòng Công tác sinh viên (PT)	Thành viên	
13	Hoàng Thị Vân An	P. Trưởng phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế (PT)	Thành viên	
14	Lê Thành Cương	P. Trưởng Khoa Khoa học Cơ bản	Thành viên	
15	Nguyễn Đình Thanh	Giảng viên. Khoa Cơ khí – Ô tô	Thành viên	
16	Phạm Mạnh Thắng	Phó Giám đốc Trung tâm (PT). Khoa Cơ khí - Ô tô	Thành viên	
17	Triệu Quang Hưng	Sinh viên lớp OT1Đ22	Thành viên	

(Ấn định danh sách này có 17 thành viên)

MỤC LỤC

MỤC LỤC	4
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	8
PHẦN I. KHÁI QUÁT.....	10
1.1. Đặt vấn đề.....	10
1.2. Tổng quan chung	13
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....	30
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	30
Mở đầu:.....	30
Tiêu chí 1.1:.....	30
Tiêu chí 1.2:.....	34
Tiêu chí 1.3:.....	48
<i>Kết luận về tiêu chuẩn 1:</i>	62
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT	63
Mở đầu:.....	63
Tiêu chí 2.1:.....	63
Tiêu chí 2.2:.....	66
Tiêu chí 2.3:.....	69
<i>Kết luận về tiêu chuẩn 2:</i>	71
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	73
Mở đầu:.....	73
Tiêu chí 3.1:.....	73
Tiêu chí 3.2:.....	76
Tiêu chí 3.3:.....	80
<i>Kết luận về tiêu chuẩn 3:</i>	83
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	84
Mở đầu.....	84

Tiêu chí 4.1:.....	84
Tiêu chí 4.2:.....	87
Tiêu chí 4.3:.....	89
<i>Kết luận về tiêu chuẩn 4:</i>	91
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	92
Mở đầu.....	92
Tiêu chí 5.1:.....	92
Tiêu chí 5.2:.....	94
Tiêu chí 5.3:.....	97
Tiêu chí 5.4:.....	99
Tiêu chí 5.5:.....	101
<i>Kết luận về tiêu chuẩn 5:</i>	102
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	103
Mở đầu.....	103
Tiêu chí 6.1:.....	104
Tiêu chí 6.2:.....	106
Tiêu chí 6.3:.....	109
Tiêu chí 6.4:.....	110
Tiêu chí 6.5:.....	113
Tiêu chí 6.6:.....	116
Tiêu chí 6.7:.....	119
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 6:</i>	122
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	123
Mở đầu.....	123
Tiêu chí 7.1:.....	123
Tiêu chí 7.2:.....	127
Tiêu chí 7.3:.....	129
Tiêu chí 7.4:.....	131
Tiêu chí 7.5:.....	133

<i>Kết luận về tiêu chuẩn 7:</i>	136
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	137
Mở đầu.....	137
Tiêu chí 8.1:.....	137
Tiêu chí 8.2:.....	140
Tiêu chí 8.3:.....	143
Tiêu chí 8.4:.....	148
Tiêu chí 8.5:.....	152
<i>Kết luận Tiêu chuẩn 8:</i>	155
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	156
Mở đầu.....	156
Tiêu chí 9.1:.....	156
Tiêu chí 9.2:.....	159
Tiêu chí 9.3:.....	160
Tiêu chí 9.4:.....	163
Tiêu chí 9.5:.....	165
<i>Kết luận tiêu chuẩn 9:</i>	167
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng.....	169
Mở đầu.....	169
Tiêu chí 10.1:.....	169
Tiêu chí 10.2:.....	171
Tiêu chí 10.3:.....	173
Tiêu chí 10.4:.....	175
Tiêu chí 10.5:.....	177
Tiêu chí 10.6:.....	180
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 10:</i>	182
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	183
Mở đầu.....	183
Tiêu chí 11.1:.....	183

Tiêu chí 11.2:.....	187
Tiêu chí 11.3:.....	189
Tiêu chí 11.4:.....	192
Tiêu chí 11.5:.....	195
<i>Kết luận về tiêu chuẩn 11:</i>	197
PHẦN III. KẾT LUẬN	198
PHẦN IV: PHỤ LỤC.....	217

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CBGV	Cán bộ giảng viên
CBQL	Cán bộ quản lý
CBVC	Cán bộ viên chức
CĐR	Chuẩn đầu ra
CNKT	Công nghệ kỹ thuật
CNTT	Công nghệ thông tin
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CTSV	Công tác sinh viên
TTTS&TT	Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông
CVHT	Cổ vấn học tập
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐCCT	Đề cương chi tiết
ĐHCNVT	Đại học Công nghiệp Việt Trì
GDDH	Giáo dục đại học
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GV	Giảng viên
NCKH	Nghiên cứu khoa học
QLCL	Quản lý chất lượng
KHCN	Khoa học và công nghệ

KQHT	Kết quả học tập
KTĐG	Kiểm tra đánh giá
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PPGD	Phương pháp giảng dạy
SV	Sinh viên

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

Chất lượng giáo dục được xem là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của các cơ sở giáo dục đại học. Do vậy chương trình đào tạo đóng một vai trò quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của một ngành đào tạo nói chung và ngành CNKT Ô tô nói riêng. Trong xu thế hội nhập, tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và nhu cầu về nguồn nhân lực có chất lượng cao trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, việc đảm bảo, duy trì, nâng cao chất lượng CTĐT càng trở nên có ý nghĩa quan trọng. Trong nhiều năm qua, Khoa Cơ khí - Ô tô, trường Đại học Công nghiệp Việt Trì đã luôn nỗ lực áp dụng nhiều biện pháp nhằm duy trì, nâng cao chất lượng CTĐT ngành CNKT Ô tô. Vì vậy, khi có chủ trương của Nhà trường về việc tự đánh giá chất lượng CTĐT cho các ngành học và các hướng dẫn về công tác tự đánh giá chất lượng CTĐT, Khoa Cơ khí - Ô tô đã được Nhà trường cho phép chủ động thực hiện các nội dung, hoạt động tự đánh giá CTĐT ngành CNKT Ô tô theo chương trình đào tạo cấp bằng kỹ sư, hệ chính quy từ năm 2020 đến năm 2025 và hướng đến đánh giá ngoài.

1.1.1. Mục đích, phạm vi và quy trình tự đánh giá

a. Mục đích tự đánh giá

- Việc tự đánh giá CTĐT sẽ giúp cho Khoa Cơ khí - Ô tô tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT ngành CNKT Ô tô từ đó góp phần xây dựng, triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến nâng cao chất lượng CTĐT, điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn phát triển tiếp theo nhằm đáp ứng các mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn đề ra của Nhà trường.

- Đảm bảo các yêu cầu về mục tiêu giáo dục đại học theo Luật Giáo dục Đại học, phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Phú Thọ, ngành Công Thương và cả nước.

- Đây cũng là điều kiện cần thiết để trường Đại học Công nghiệp Việt Trì đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT, thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH và các dịch vụ xã hội khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

b. Phạm vi và công cụ tự đánh giá

- Phạm vi tự đánh giá: Đánh giá toàn bộ các hoạt động trong giai đoạn 2020-2025.

- Công cụ đánh giá: Theo 11 tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH do Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-B GDĐT ngày 14 tháng 03 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Công văn hướng dẫn tự đánh giá số 1074 và 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục - Bộ GD&ĐT; Công văn số 1669/QLCL - KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục quản lý chất lượng - Bộ GD&ĐT về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH.

c. Quy trình tự đánh giá

Quy trình tự đánh giá được thực hiện theo các bước được quy định trong Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28 tháng 06 năm 2016, cụ thể như sau:

Bước 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành CNKT

Ô tô.

Bước 2. Lập kế hoạch tự đánh giá

Bước 3. Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng

Bước 4. Viết báo cáo tự đánh giá

Bước 5. Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá

Bước 6. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Quá trình viết báo cáo tự đánh giá được thực hiện từ tháng 02 năm 2025 đến tháng 4 năm 2025. Sau khi có quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành CNKT Ô tô (theo Quyết định số 1137/QĐ-ĐHCNVT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng trường ĐHCNVT), Nhà trường đã ban hành kế hoạch tự đánh giá CTĐT ngành CNKT Ô tô; thành lập ban thư ký và các nhóm chuyên trách phụ trách những tiêu chuẩn khác nhau, cụ thể:

Nhóm 1 do TS. Lê Quang Vinh làm nhóm trưởng phụ trách các tiêu chuẩn 1, 2, 3.

Nhóm 2 do ThS. Nguyễn Văn Vượng làm nhóm trưởng phụ trách các tiêu chuẩn 4, 5, 10.

Nhóm 3 do ThS. Nguyễn Đình Thanh làm nhóm trưởng phụ trách các tiêu chuẩn 6, 7.

Nhóm 4 do ThS. Phạm Mạnh Thắng làm nhóm trưởng phụ trách các tiêu chuẩn 8, 9, 11.

Tiếp đó, Nhà trường đã tổ chức cho toàn thể CB-GV của Khoa Cơ khí - Ô tô tham gia tập huấn viết báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành CNKT Ô tô theo quy định, tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT. Sau tập huấn, Khoa Cơ khí - Ô tô đã triển khai kế hoạch tự đánh giá với sự tham gia của toàn thể CB-GV và người học theo sự phân công của hội đồng tự đánh giá.

Phần tự đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chuẩn từ 1 đến 11. Trong từng tiêu chuẩn, nội dung đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chí. Trong mỗi tiêu chí được trình bày theo các nội dung chính: Mô tả tiêu chí; Điểm mạnh; Điểm tồn tại; Kế hoạch hành động; Tự đánh giá.

1.1.2. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô

a. Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá

Phần I: Tổng quan, bao gồm việc mô tả tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT; Các tiêu chí được đánh giá theo các tiêu chuẩn cụ thể; Giới thiệu chung về trường Đại học Công nghiệp Việt Trì cũng như đơn vị thực hiện tự đánh giá CTĐT là Khoa Cơ khí - Ô tô;

Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, cho từng tiêu chí với các tiêu mục là:

1. Mô tả mức độ đáp ứng của CTĐT so với yêu cầu nội hàm của tiêu chí kèm theo các minh chứng;
2. Nêu những điểm mạnh của CTĐT theo nội dung của tiêu chí;
3. Điểm tồn tại;
4. Kế hoạch hành động;
5. Tự đánh giá.

Phần III: Kết luận các vấn đề về tự đánh giá CTĐT ngành CNKT Ô tô; tổng hợp các điểm mạnh, điểm tồn tại và đưa ra các giải pháp, kế hoạch hành động khắc phục tồn tại.

Phần IV: Phụ lục, bao gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, CSDL kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định và văn bản liên quan khác, danh mục minh chứng.

b. Nội dung chính của báo cáo tự đánh giá

Nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành CNKT Ô tô theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành. CTĐT ngành CNKT Ô tô được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, CDR, bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung CTDH và phương pháp tiếp cận trong dạy - học; tiêu chuẩn 5 đánh giá về KQHT của người học; tiêu chuẩn 6, 7 hướng đến việc tự đánh giá về đội ngũ cán bộ GV, nghiên cứu viên và đội ngũ nhân viên; tiêu chuẩn 8 tập trung đánh giá các yếu tố liên quan đến người học và hoạt động hỗ trợ người học; tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về cơ sở vật chất và trang thiết bị; tiêu chuẩn 10 gồm các nội dung về nâng cao chất lượng CTĐT và NCKH; tiêu chuẩn 11 đưa ra các đánh giá về kết quả đầu ra của CTĐT.

Ngoài ra, ở phần tổng quan chung, Báo cáo tự đánh giá đã phác thảo một bức tranh tổng thể về trường Đại học Công nghiệp Việt Trì với những hoạt động và chính sách chất lượng cụ thể.

c. Quy tắc đánh mã minh chứng

Mỗi tiêu chí sẽ có một hệ thống các thông tin, minh chứng đi kèm. Mã thông tin và minh chứng (mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có một dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau Hn.ab.cd.ef;

Trong đó: H- Viết tắt “Hộp minh chứng”;

n- số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số thứ tự từ 1 đến hết;

ab- số thứ tự của tiêu chuẩn;

cd- số thứ tự của tiêu chí;

ef- số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí.

VD: H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1 đặt tại hộp 1.

1.2. Tổng quan chung

1.2.1. Giới thiệu sơ lược về Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì

Trường ĐHCNVT cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc Bộ Công Thương được thành lập theo Quyết định số 126/QĐ-TTg ngày 20/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Hóa chất, tiền thân là Trường Kỹ thuật Trung cấp II thành lập ngày 25 tháng 6 năm 1956.

Nhà trường có sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục và mục tiêu như sau:

Sứ mạng: Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng, các dịch vụ giáo dục và sản phẩm khoa học công nghệ đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Tầm nhìn: Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì sẽ trở thành trường đại học đa ngành, định hướng ứng dụng, có uy tín và chất lượng ngang tầm các trường đại học tiên tiến trong nước và khu vực.

Trải qua 69 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành, 14 năm đào tạo đại học, sứ mạng của Nhà trường luôn được phổ biến, quán triệt sâu sắc trong tập thể lãnh đạo, cán bộ - giảng viên và người học của Nhà trường, được thực hiện một cách nhất quán trong các chương trình công tác ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Nhà trường; được cập nhật, bổ sung cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển theo định hướng chiến lược kinh tế - xã hội của đất nước và phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế.

Giá trị cốt lõi:

Nhân văn – Đoàn kết – Chất lượng – Đổi mới

Triết lý giáo dục:

Học tập chủ động - làm việc sáng tạo

Mục tiêu:

- Mục tiêu chung:

Nâng cao chất lượng đào tạo và các điều kiện phục vụ, xây dựng Nhà trường trở thành trường đại học ứng dụng đạt chuẩn quốc gia và khu vực. Các sản phẩm đào tạo và nghiên cứu khoa học được công nhận về chất lượng, đáp ứng yêu cầu xã hội.

- Mục tiêu cụ thể:

Xây dựng nội dung chương trình đào tạo phù hợp với sự phát triển của khoa học và công nghệ, tiếp cận trình độ tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới, đồng thời đáp ứng với nguồn nhân lực có trình độ đại học và sau đại học.

Xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, đủ về số lượng, chuẩn về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và hội nhập.

Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hiện đại hóa trang thiết bị đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập và thực hành thực tập.

Mở rộng hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học với các trường, viện nghiên cứu và cơ sở sản xuất ở trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

Cung cấp các cơ hội học tập tốt ở bậc đại học và sau đại học.

Để thực hiện thành công sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu, Nhà trường đã xác định rõ chính sách chất lượng trong quy định về công tác ĐBCL. Hệ thống ĐBCL bên trong của Trường được thiết lập và vận hành để triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng, hỗ trợ cho các đơn vị trong công tác chuyên môn nhằm hướng đến mục tiêu đánh giá, kiểm soát, duy trì và cải tiến chất lượng mọi hoạt động của Nhà trường. Hàng năm, Nhà trường đã thực hiện khảo sát người học về chất lượng giảng dạy của giảng viên, về chất lượng sinh viên trước khi tốt nghiệp, về các hoạt động hỗ trợ, phục vụ người học, lấy ý kiến của các bên liên quan về việc điều chỉnh CĐR và CTĐT... Năm 2024, Nhà trường đã đạt chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở Giáo dục chu kỳ 2 theo 25 tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ GD&ĐT. Đến thời điểm hiện tại, Nhà trường có 06 chương trình đào tạo (Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Hóa học và Kế toán) đã được cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng CTĐT bởi Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội. Nhà trường đã và đang tích cực thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo nhằm nâng cao chất lượng trong mọi hoạt động của Nhà trường, xây dựng văn hóa chất lượng trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên:

Nhà trường có đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, đội ngũ giảng viên, kỹ thuật viên, chuyên viên nhiều kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao được đào tạo ở trong và nước ngoài. Tổng số viên chức và người lao động của Nhà trường hiện có 243 người, trong đó có 02 Phó Giáo sư, 45 tiến sĩ, 154 thạc sĩ... 100% giảng viên giảng dạy chuyên môn có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ. Ngoài ra, còn có trên 50 phó giáo sư, tiến sĩ và thạc sĩ có kinh nghiệm của các trường Đại học, các Viện và doanh nghiệp tham gia thỉnh giảng. Nhiều giảng viên của Nhà trường là những chuyên gia có uy tín trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, đã tham gia các hội đồng tư vấn, hội đồng đánh giá, nghiệm thu các đề tài, dự án KHCN cấp Tỉnh, Bộ, Nhà nước.

Hoạt động đào tạo

Nhà trường thực hiện đào tạo trình độ đại học, sau đại học với đa ngành đáp ứng yêu cầu của người học, từ hình thức đào tạo chính quy, vừa làm vừa học, đào tạo ngắn hạn cấp chứng nhận, đào tạo theo đơn đặt hàng của Bộ Công Thương, các địa phương và doanh nghiệp.

Hiện tại, Nhà trường đang thực hiện đào tạo chính quy 02 ngành trình độ thạc sĩ Kỹ thuật hóa học và Hoá học, 14 ngành trình độ đại học. Tất cả các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, đại học của Trường được thực hiện theo học chế tín chỉ giúp học viên, sinh viên chủ động lựa chọn các học phần và thời gian học tập theo năng lực, nhu cầu của bản thân. Có thể khẳng định, Nhà trường có đủ các điều kiện về đội ngũ giảng viên, học liệu, cơ sở vật chất để thực hiện theo đúng thiết kế của CTĐT và ĐBCL ở các hình thức đào tạo khác nhau.

CTĐT của Trường được xây dựng trên cơ sở tuân thủ các quy định về xây dựng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành, phù hợp với Luật giáo dục Đại học, Khung trình độ quốc gia Việt Nam, phù hợp sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu giáo dục và chức năng, nhiệm vụ của Trường, đồng thời gắn với nhu cầu học tập của người học, nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động. Tất cả các ngành ứng với các trình độ đào tạo của Nhà trường có đầy đủ CTĐT, tiến độ và kế hoạch đào tạo. Tất cả các CTĐT có chuẩn đầu ra và mục tiêu cụ thể, rõ ràng, cấu trúc linh hoạt hợp lý, được

thiết kế một cách có hệ thống và logic đáp ứng đầy đủ yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ của từng trình độ, ngành đào tạo, thể hiện được bản sắc riêng của Nhà trường và tính liên thông trong các CTĐT.

Theo định kỳ, Nhà trường triển khai việc đánh giá CTĐT, lấy ý kiến giảng viên, người học, cựu người học, các nhà tuyển dụng lao động, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các bên liên quan, tham khảo CTĐT của các cơ sở giáo dục có uy tín trong và ngoài nước để có cơ sở khoa học cho việc triển khai cập nhật các tiến bộ khoa học vào CTĐT phù hợp nhu cầu của người học, thực tiễn sản xuất và thị trường lao động.

Song song với việc đầu tư xây dựng các CTĐT chính quy, Nhà trường đã đầu tư phát triển một số chương trình đào tạo theo hướng gắn kết đào tạo với nhu cầu xã hội.

Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế:

Hoạt động KHCN được triển khai dưới nhiều hình thức đa dạng và phong phú như thực hiện đề tài NCKH, dự án khoa học công nghệ các cấp, tổ chức hội thảo khoa học, viết sách/giáo trình/bài báo....

Nhà trường đã tổ chức các cuộc thi KHCN, NCKH cho học viên, sinh viên, thu hút đông đảo học viên sinh viên tham gia như: “Cuộc thi Sáng tạo Khoa học và Công nghệ”, “Cuộc thi thiết kế Mobile Robot”, “Cuộc thi sáng tạo Robocon năm 2025”; Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên phối hợp với các khoa chuyên môn tổ chức cho học viên, sinh viên tham gia cuộc thi “Công nghệ trí tuệ Student Chie - Tech” do Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Trung tâm Hỗ trợ và Phát triển Sinh viên Việt Nam - Hội sinh viên Việt Nam và Công ty TNHH Canon Việt Nam phối hợp tổ chức vào các năm 2022 và 2023, Hội thi “Olympic tiếng Anh học sinh, sinh viên toàn quốc”, “Hội thi Olympic tin học” “Hội thi Tin học văn phòng”. Phối hợp với Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật tỉnh Phú Thọ tổ chức thành công “Hội thảo chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ”; Phối hợp với Viện Nghiên cứu Da - Giày tổ chức Hội thảo “Ngành da - giày trong xu hướng phát triển bền vững”, năm 2024 phối hợp với 05 trường đại học, cao

đăng trực thuộc Bộ Công Thương tổ chức Hội nghị khoa học quốc gia về Năng lượng, Điện tử và Tự động hoá lần thứ nhất. Hàng năm, Nhà trường đã tổ chức Hội nghị khoa học giảng viên, Hội nghị khoa học học viên, sinh viên. Hoạt động KH&CN đã đạt được các chỉ tiêu trong Chiến lược và Kế hoạch hoạt động KH&CN hàng năm của Nhà trường.

Từ năm 2020 đến nay (4/2025), CBGV Nhà trường đã, đang chủ trì thực hiện và nghiệm thu 20 đề tài/đề án/nhiệm vụ cấp Bộ Công Thương, 2 đề tài cấp Tỉnh Phú Thọ và 156 đề tài cấp Trường. 100% đề tài các cấp được triển khai, nghiệm thu theo đúng kế hoạch. Đã công bố 374 bài báo khoa học trên các tạp chí và kỷ yếu hội thảo trong nước và quốc tế. Trong đó có 198 bài báo được Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước tính điểm công trình và 94 bài báo đăng tạp chí quốc tế. Chất lượng các bài báo và năng lực nghiên cứu của CBGV ngày càng được nâng cao, đảm bảo vừa có tính lý luận, vừa có tính thực tiễn. Nhà trường đã xuất bản 8 số Đặc san Khoa học và Công nghệ để công bố các công trình KH&CN của cán bộ, giảng viên trong và ngoài trường. Ngoài ra, nhiều CBGV Nhà trường còn là thành viên đề tài, dự án, đề án cấp Nhà nước, cấp Bộ, giải pháp hữu ích; phối hợp với các nhà khoa học của các đơn vị khác tham gia thực hiện các đề tài, dự án, công bố báo...

Trường Đại học công nghiệp Việt Trì luôn giữ quan điểm đào tạo để phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, do đó hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và NCKH đang rất được quan tâm. Từ năm 2020 đến nay, đã ký kết biên bản hợp tác ghi nhớ hợp tác và đang triển khai hợp tác với các Viện, trường đại học của nhiều nước trên thế giới như: Đại học Nghiên cứu Công nghệ Quốc gia Kazan, Trường đại học Công nghệ Quốc gia Belarus; Viện Khoa học và Công nghệ tiên tiến Nhật Bản; Đại học tỉnh Fukui – Nhật Bản; Trường Đại học Lâm nghiệp Nam Kinh – Trung Quốc; Học viện Công nghiệp Quảng Tây – Trung Quốc, Đại học Công nghệ quốc gia Cần Ích, Đại học Công nghệ Đài Cương, Đại học Long Hoa (Đài Loan, Trung Quốc). Phát triển các mối quan hệ hợp tác quốc tế, hàng năm Nhà trường đã cử giảng viên tham gia học cao

học, nghiên cứu sinh tại một số trường của Liên bang Nga, Hàn Quốc và Trung Quốc bằng nguồn học bổng hiệp định hoặc học bổng của cơ sở đào tạo nước ngoài.... Hiện nay, có 5 giảng viên đang tham gia học tập tại nước ngoài, trong đó có một số trường mà Nhà trường đã ký kết hợp tác. Ngoài ra, Nhà trường còn đẩy mạnh hợp tác với một số doanh nghiệp của Nhật Bản như: Tập đoàn Advance Holding, Công ty Cổ phần Success, Công ty Cổ phần Morooka, Công ty CP. Anh Gia Hào (Trung Quốc)... để đưa sinh viên sang thực tập hưởng lương theo chương trình thực tập tốt nghiệp Internship.

Phát triển các mối quan hệ hợp tác quốc tế, hàng năm các giảng viên của Nhà trường đã hợp tác nghiên cứu đưa ra nhiều công trình khoa học có chất lượng đăng trên các tạp chí quốc tế nằm trong hệ thống ISI với chỉ số Impact factor cao, tham gia báo cáo tại các hội nghị khoa học, hội thảo quốc tế tổ chức trong nước và nước ngoài.

Kết quả hợp tác quốc tế trong đào tạo và NCKH đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ và chất lượng đào tạo trong Nhà trường. Đồng thời đã góp phần tăng nguồn thu, bổ sung phần mềm, sách, tài liệu học tập phục vụ hoạt động đào tạo của Nhà trường, như: tập đoàn Siemen đã tặng Nhà trường phần mềm Solid Edge; Trường ĐH Nghiên cứu Công nghệ Quốc gia Kazan, Trường ĐH Công nghệ Quốc gia Belarus đã tặng 51 đầu sách cho thư viện của Trường. Đồng thời thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế uy tín của Nhà trường được nâng cao và được các đối tác đánh giá cao, mở ra thêm nhiều cơ hội hợp tác trong đào tạo, NCKH với các trường đại học, các tổ chức trên thế giới.

Cơ sở vật chất và thư viện

Cơ sở vật chất, hệ thống trang thiết bị phục vụ đào tạo được Nhà trường từng bước đầu tư, nâng cấp theo hướng hiện đại, tiên tiến đáp ứng công tác đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ nhằm đạt mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số hiện nay.

Nhà trường có 02 cơ sở đào tạo đặt tại huyện Lâm Thao và thành phố Việt Trì với tổng diện tích đất của Nhà trường đang quản lý và sử dụng là trên 7,9 ha (trong đó,

tại cơ sở Lâm Thao có diện tích hơn 6,9 ha, tại cơ sở Việt Trì có diện tích 1,03 ha). Trường có 106 phòng học lý thuyết (trong đó cơ sở Việt Trì 49 phòng, cơ sở Lâm Thao 57 phòng) và 49 phòng thực hành, thí nghiệm (trong đó cơ sở Việt Trì có 10 phòng, cơ sở Lâm Thao có 39 phòng) với tổng diện tích sử dụng là 18.705 m² được trang bị thiết bị hiện đại, tiên tiến theo thiết kế của các CTĐT.

Trung tâm thư viện của Trường được đặt tại 02 cơ sở: Cơ sở Lâm Thao đặt tại tầng 6 và tầng 7 tòa nhà C3, cơ sở Việt Trì đặt tại tầng 6 tòa nhà N1. Thư viện có tổng số 8.199 đầu sách giấy/giáo trình và tài liệu tham khảo, trong đó tổng số đầu sách, giáo trình và tài liệu tham khảo của 14 CTĐT trình độ đại học và 02 chương trình thạc sỹ là 6.258 đầu tài liệu và có 169 đầu tạp chí chuyên ngành đáp ứng đủ theo yêu cầu trong danh mục tài liệu của các CTĐT. Thư viện điện tử của Nhà trường được trang bị hệ thống máy tính kết nối mạng Internet, cho phép người đọc tiếp cận và sử dụng các tài liệu điện tử và khai thác các nguồn thông tin khác trên mạng Internet. Nguồn tư liệu được số hoá dưới nhiều hình thức gồm 226.847 tài liệu. Nhà trường đã tham gia hệ thống liên thư viện, mua bản quyền khai thác cơ sở dữ liệu trực tuyến ProQuest Central và tham gia mạng lưới thư viện số dùng chung (Trung tâm kết nối tri thức số - Digital Knowledge Hub) đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy và học tập.

Trải qua 69 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường đã đào tạo được trên 100.000 thạc sỹ, kỹ sư, cử nhân, kỹ thuật viên trình độ cao và công nhân lành nghề góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước. Nhà trường luôn là địa chỉ đào tạo chất lượng, có uy tín được các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp sử dụng lao động đánh giá cao.

Với những thành tích đóng góp to lớn cho sự nghiệp GD&ĐT, Nhà trường đã vinh dự nhận nhiều phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước trao tặng:

- Huân chương Độc lập hạng Nhất (năm 2011);
- Huân chương độc lập hạng Nhì (năm 2006);
- Huân chương Độc lập hạng Ba (năm 2002);
- Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 1997);
- Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 1985);

- Huân chương Lao động hạng Ba (các năm 1960; 1964 và 1968);
- Huân chương Chiến công hạng Ba (năm 1990).
- Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 2022).

Ngoài ra, Nhà trường còn nhận được nhiều Bằng khen, Cờ thi đua của Chính phủ, của Bộ Công Thương, Bộ GD&ĐT và của UBND tỉnh Phú Thọ, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam...

Tiếp nối truyền thống vẻ vang trên 69 năm qua, thầy và trò Nhà trường đang phấn đấu xây dựng Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì trở thành Trường đại học đa ngành, định hướng ứng dụng, có uy tín và chất lượng ngang tầm các trường đại học tiên tiến trong nước và khu vực. Đóng góp xứng đáng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

1.2.2. Giới thiệu sơ lược về Khoa Cơ khí - Ô tô

Tiền thân của Khoa Cơ khí - Ô tô là Bộ môn Cơ khí Hóa chất được thành lập từ năm 1962. Qua 60 năm phát triển, Khoa Cơ khí - Ô tô đã đào tạo ra các lớp cán bộ kỹ thuật trên khắp cả nước đã và đang giữ nhiều trọng trách quan trọng. Năm 2011, thành lập trường Đại học Công nghiệp Việt Trì trên cơ sở nâng cấp từ Trường Cao đẳng Hóa chất, Khoa Cơ - Điện được thành lập trên cơ sở hai khoa: Khoa Cơ khí và Khoa Điện. Năm 2013 Khoa Cơ khí được tái lập trên cơ sở tách ra từ Khoa Cơ - Điện. Năm 2020 Khoa Cơ khí được đổi tên thành Khoa Cơ khí - Ô tô. Kể từ khi là một Khoa chuyên môn độc lập trong đào tạo nhân lực ngành CNKT Ô tô và đi vào hoạt động chính thức. Chương trình đào tạo đại học ngành CNKT Ô tô được bắt đầu đào tạo từ năm 2018, trải qua 7 năm đào tạo đã cung cấp vài trăm kỹ sư cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước, Ngành luôn đảm bảo tốt về chính sách chất lượng và hoạt động đảm bảo chất lượng của Trường và Khoa như: Chất lượng đào tạo luôn là vấn đề được ưu tiên và then chốt; các hoạt động rà soát, chỉnh sửa CTĐT theo đúng quy định 2 năm một lần; CTĐT được cập nhật, bổ sung kịp thời khối lượng kiến thức mới, các quy định mới của BGD&ĐT, phù hợp với định hướng phát triển của Nhà trường; Người học tốt nghiệp luôn được khảo sát đánh giá đạt chuẩn đầu ra của CTĐT; Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên

luôn đủ về số lượng và bảo đảm về chất lượng và có tâm huyết với nghề; Cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng. Đặc biệt Nhà trường, Khoa đã hoàn thành và khắc phục tốt các ý kiến về Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục năm 2018. Khoa Cơ khí - Ô tô đã xác định rõ các nội dung định hướng cụ thể sau:

Triết lý giáo dục: Giáo dục phải kết hợp với thực tế sản xuất, lý thuyết phải gắn liền với thực tiễn, học đi đôi với hành, khoa phải gắn liền với doanh nghiệp.

Sứ mệnh: Đào tạo, nghiên cứu dựa theo tiêu chuẩn kiểm định quốc gia, khu vực và quốc tế, trên nền tảng tri thức chuyên sâu về kỹ thuật nói chung và cơ khí nói riêng theo định hướng ứng dụng, góp phần cung cấp nguồn nhân lực công nghệ kỹ thuật cơ khí, công nghệ kỹ thuật ô tô chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của xã hội góp phần vào sự phát triển bền vững của Việt Nam.

Tầm nhìn: Trở thành cơ sở đào tạo, NCKH theo định hướng ứng dụng có uy tín cao về chuyên môn lĩnh vực cơ khí, ô tô trên cả nước vào 2030, có thể cung ứng tốt các dịch vụ chuyển giao công nghệ, sản xuất cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Giá trị cốt lõi: Chất lượng đáp ứng nhu cầu xã hội. Chất lượng lý thuyết gắn liền với chất lượng ứng dụng thực tiễn.

Chức năng: Khoa Cơ khí - Ô tô là đơn vị trực thuộc Trường ĐHCNVN có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng triển khai thực hiện các nội dung công tác: Quản lý chuyên môn về đào tạo ngành CNKT cơ khí, CNKT Ô tô, quản lý hoạt động KHCN, xây dựng nội dung, chương trình, biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy và học tập; quản lý đội ngũ GV trong việc thực hiện nhiệm vụ giảng dạy của ngành CNKT Ô tô, CNKT cơ khí đã được phân công.

Nhiệm vụ:

- Quản lý GV và người học thuộc Khoa Cơ khí - Ô tô theo phân cấp của Hiệu trưởng;

- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục đào tạo theo kế hoạch chung của Trường, bao gồm: Xây dựng CTĐT của ngành, chuyên ngành

theo quy định của Bộ GD&ĐT; tổ chức biên soạn đề cương chi tiết học phần; tổ chức phát triển CTĐT, xây dựng các Đề án, biên soạn tài liệu, giáo trình theo định hướng phát triển của nhà trường; tổ chức nghiên cứu cải tiến PPGD, học tập; xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của SV, bảo đảm CDR của người học theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động;

- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động KHCN, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức KHCN, cơ sở sản xuất, kinh doanh liên quan đến ngành nghề cơ khí, ô tô; huy động sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo của Khoa;

- Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV ngành CNKT cơ khí, CNKT Ô tô và cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo và NCKH, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo;

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho GV, người lao động, người học; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho GV và người lao động khác thuộc khoa;

- Tổ chức đánh giá CBQL, GV, nghiên cứu viên trong khoa và tham gia đánh giá CBQL trong Trường theo quy định của Nhà trường;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng Nhà trường phân công.

Những giá trị khác biệt: Đi đầu trong việc đào tạo theo định hướng ứng dụng, đưa các kết quả đào tạo, NCKH vào thực tiễn giảng dạy và sản xuất;

Về nhân sự, tổng số GV của Khoa Cơ khí - Ô tô tính đến 31/3/2025 là 22 người, trong đó GV có trình độ tiến sĩ là 07 (chiếm 31,8%), số GV có trình độ Thạc sĩ là 15 (trong đó có 03 GV đang làm NCS) (chiếm 68,2%). Đội ngũ thỉnh giảng, hợp tác NCKH, hướng dẫn đồ án tốt nghiệp... tại khoa trong các năm gần đây là 04 người, trong đó 02 PGS, 02 TS. Ngoài ra, Khoa Cơ khí - Ô tô luôn tích cực đẩy mạnh công tác học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ. Hiện tại có 03 GV đi học NCS. Cơ cấu tổ chức của Khoa có 02 Bộ môn là Bộ môn Công nghệ Kỹ thuật

Ô tô, Bộ môn Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí, 01 Trung tâm Cơ khí - Ô tô. Ban chủ nhiệm khoa có 01 người, trong đó có 01 Phó Trưởng khoa phụ trách chung. Ngoài ra còn có đội ngũ các Trưởng, phó bộ môn, trợ lý khoa, tổ trưởng công đoàn, đoàn thanh niên tham gia hỗ trợ quản lý các mặt hoạt động của Khoa.

Về cơ sở vật chất, Khoa Cơ khí - Ô tô hiện có 02 văn phòng làm việc rộng rãi, được thiết kế đầy đủ ánh sáng, trang bị đủ thiết bị, đảm bảo điều kiện làm việc cho 21 GV của khoa. Một văn phòng được bố trí tại phòng 102 tầng 1 tòa nhà N1 tại cơ sở 1 Việt Trì, với tổng diện tích là 40 m². Một văn phòng được bố trí tại phòng 103 tòa nhà N3 tại cơ sở 2 Lâm Thao, với tổng diện tích là 40 m². Ngoài 02 văn phòng làm việc, Khoa Cơ khí - Ô tô được sử dụng hệ thống giảng đường, phòng học, phòng máy tính, khuôn viên vui chơi trong nhà trường. Các phòng học lý thuyết được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết, hiện đại phục vụ tốt cho đào tạo như: Micro, Tivi LCD màn hình lớn hoặc máy chiếu Projector, máy tính PC. Về đào tạo thực hành, Khoa Cơ khí - Ô tô có 1 khu nhà xưởng thực hành 1000 m² cho 8 nhà xưởng (hàn, nguội, CAD/CAM/CNC, cắt gọt, sửa chữa bảo dưỡng, động cơ ô tô, điện ô tô) và 01 phòng Thiết kế trên máy tính. Các phòng thực hành đều được đầu tư trang thiết bị thực hành đồng bộ, hiện đại với các máy phay CNC, tiện CNC, Cắt dây CNC, mài CNC và các máy hàn hiện đại tig, mig, mag... Bên cạnh đó Khoa Cơ khí - Ô tô cũng được sử dụng chung hệ thống 05 phòng Hội thảo của trường với tổng diện tích 600 m² với các trang thiết bị kết nối hiện đại phục vụ các hoạt động tổ chức hội thảo, họp trực tuyến...

Về đào tạo, tính đến 3/2025, Khoa Cơ khí - Ô tô đang đào tạo 02 CTĐT trình độ đại học là ngành CNKT Ô tô (mã ngành 7510201) và ngành CNKT Ô tô (mã ngành 7510205). CTĐT của 2 ngành này đã được điều chỉnh theo quy định của Trường và thống nhất về mặt cấu trúc với CTĐT các ngành kỹ thuật khác. Đặc biệt, sau khi hoàn thành kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục của Trường năm 2018, căn cứ những điểm mạnh và điểm tồn tại được ghi trong Báo cáo tự đánh giá của Trường và các khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài, Hội đồng ĐBCL giáo dục, Khoa Cơ khí - Ô tô dưới sự chỉ đạo của Trường đã rà soát lại CTĐT các

ngành CNKT cơ khí (ngành truyền thống) và ngành CNKT Ô tô (ngành mở mới). Từ năm 2019 chương trình đào tạo ngành CNKT Ô tô được điều chỉnh còn 152 tín chỉ cho hệ kỹ sư, cứ sau hai năm thì lại tiến hành rà soát chỉnh sửa, bổ sung một số học phần cập nhật kiến thức mới, điều chỉnh giảm thời lượng một số học phần cơ bản, bổ trợ; ghép hoặc tăng thời lượng các học phần quan trọng. Khi rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành CNKT Ô tô và xây dựng, thẩm định mở mới CTĐT ngành CNKT Ô tô, Khoa Cơ khí - Ô tô đã chủ động lấy ý kiến đóng góp của các đối tượng như chuyên gia, nhà tuyển dụng, CBQL, GV, SV và cựu SV nhằm xây dựng được các bộ CTĐT có tính linh hoạt, cập nhật, phù hợp với nhu cầu xã hội. Hiện tại, với cả 2 ngành đào tạo, tổng số tín chỉ toàn khóa là 152 tín chỉ (với khoảng 70 học phần), trong đó số tín chỉ của nhóm học phần đại cương là 36 tín chỉ (chiếm tỷ lệ 23,6%), số tín chỉ của nhóm học phần cơ sở ngành, chuyên ngành (bao gồm cả thực hành, thực tập, ĐATN) là 116 tín chỉ (chiếm tỷ lệ 76,4%). Tổng quy mô SV hiện tại của Khoa Cơ khí - Ô tô khoảng 468 SV.

Về NCKH, chuyển giao công nghệ, trong giai đoạn 2020 - 2025, Khoa Cơ khí - Ô tô đã chủ trì và tham gia thực hiện 02 Thông tư: Xây dựng Chuẩn đầu ra nghề Sửa chữa thiết bị hóa chất, Xây dựng danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu cho nghề Sửa chữa thiết bị hóa chất, 01 đề tài NCKH cấp bộ, 28 đề tài NCKH cấp cơ sở, 02 đề tài NCKH đang thực hiện và đã công bố 28 bài báo quốc tế, 27 bài báo đăng trong các tạp chí, kỷ yếu hội nghị trong nước, 15 bài đăng tạp chí KH&CN của Nhà trường, xuất bản 47 giáo trình nội bộ. Đặc biệt, khoa đã thực hiện một số hoạt động gia công, sản xuất, giảng dạy, chuyển giao công nghệ với các DN, đơn vị sản xuất trên địa bàn. Bên cạnh đó GV của khoa đã hướng dẫn rất nhiều SV ngành CNKT Ô tô thực hiện 28 đề tài NCKH của SV và 08 đề tài đang trong quá trình thực hiện, rất nhiều sản phẩm NCKH được ứng dụng vào trong thực tiễn giảng dạy (Mô hình Hệ thống điều hòa không khí ô tô hai vùng độc lập, mô hình điện ô tô, mô hình phanh ô tô, mô hình động cơ ô tô, mô hình lái ảo, mô hình hệ thống gạt mưa tự động, mô hình hệ thống lái trợ lực điện xe ô tô, mô hình hệ thống chiếu sáng và tín hiệu xe ô tô, mô hình hệ thống báo rẽ tự động xe ô tô...).

Về hợp tác quốc tế, quan hệ doanh nghiệp: Khoa Cơ khí - Ô tô có rất nhiều các hoạt động tích cực. Khoa và Nhà trường đã kí kết với 02 Công ty của Nhật để sinh viên đi thực tập sinh và làm việc tại Nhật... Ngoài ra, Khoa Cơ khí - Ô tô cũng tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, công ty trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH như: Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh Vinfast, Công ty Honda Việt Nam, Auto Nam Hà, Gara ô tô Vĩnh Phúc, Garage ô tô Hòa Hiệp, Garage ô tô Việt Hùng, Garage ô tô Tiến Thành, Garage ô tô Nam Cường, Công ty TNHH một thành viên cơ khí chính xác 29, Công ty cổ phần Lilama 693, Công ty cổ phần Lilama 691, Công ty TNHH Công nghệ Cosmos, Công ty cổ phần Hóa chất Việt Trì, Tổng công ty giấy Việt Nam, Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm thao, Công ty TNHH Nam Thành Đạt, Công ty cổ phần công nghệ xi mạ HTA Vĩnh Phúc, Công ty cổ phần và thương mại FUNICO, Công ty cổ phần kỹ thuật công nghiệp Brothers Việt Nam, Công ty TNHH Ô tô và thương mại Tân Lộ Việt.... Đặc biệt, Khoa Cơ khí - Ô tô cũng là khoa đầu tiên trong Nhà trường thực hiện chương trình thí điểm hợp tác đào tạo thực hành, thực tập với Doanh nghiệp (Công ty TNHH Công nghệ Cosmos, Công ty CP Lilama 693, Công ty CP Lilama 691) ngay từ giai đoạn thực tập cơ bản. Chương trình này giúp tăng cường chất lượng đào tạo các kỹ năng thực hành chuyên môn, thực hành nghề nghiệp cho SV, thúc đẩy mối quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa Khoa / Nhà trường với Doanh nghiệp, từ đó mở thêm cơ hội việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp.

Trải qua chặng đường hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển, Khoa Cơ khí - Ô tô đã đạt được nhiều thành tựu trong giảng dạy, NCKH, chuyển giao công nghệ và lao động sản xuất như: đào tạo hàng nghìn kỹ sư cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước; đã thiết kế, chế tạo, cải tiến hàng chục máy sản xuất cho doanh nghiệp và xưởng thực hành; đã chuyển giao công nghệ và thực hiện quy trình sửa chữa, bảo dưỡng tại xưởng sản xuất thuốc nổ TNT của Công ty TNHH một thành viên cơ khí hóa chất 13, quy trình sửa chữa, bảo dưỡng nồi hơi của Nhà máy sản xuất Amon Nitrat Thái Bình, các nhà máy sản xuất xi măng, sản xuất hóa chất; đã hoàn

thiện các đề án Công nghiệp hỗ trợ, xây dựng chuẩn đầu ra và định mức thiết bị tối thiểu cho nghề sửa chữa thiết bị hóa chất.... Đến nay, tập thể Khoa Cơ khí - Ô tô đã được tặng nhiều Bằng khen của UBND tỉnh Phú Thọ (năm học 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022; 2022-2024); Bằng khen có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và tổ chức Công đoàn vững mạnh (2020 - 2021, 2023 - 2024)...Ngoài ra, có nhiều cá nhân được tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp trường, cấp bộ trong các năm.

Trong thời gian tới, định hướng phát triển của Khoa Cơ khí - Ô tô là hướng tới mục tiêu phát triển công tác đào tạo cán bộ, nhân lực kỹ thuật có trình độ, chất lượng cao phù hợp với xu thế của thực tiễn xã hội. Để đạt được mục tiêu trên, Khoa Cơ khí - Ô tô hướng tới tập trung vào các mục tiêu đổi mới trọng tâm có tính định hướng dài hạn, đó là: cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trong ngành, nghề ô tô; phát triển năng lực học tập, tự học, tự nghiên cứu của SV; đào tạo các cử nhân, kỹ sư kỹ thuật có nền tảng khoa học, có trình độ lý luận cơ bản, có kiến thức chuyên môn về ô tô vững vàng, có những kỹ năng thực hành cơ bản và kỹ năng làm việc nhóm, có năng lực giải quyết được những vấn đề liên quan đến ngành đào tạo: thiết kế kỹ thuật, thiết kế mô phỏng ô tô, lập trình vận hành CNC, chế tạo các cơ cấu, máy, thiết bị, dây chuyền, hệ thống ô tô, vận hành, điều khiển trong quá trình chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng các hệ thống ô tô, có khả năng áp dụng các công nghệ tiên tiến của khu vực và thế giới trong thực tiễn sản xuất đáp ứng được các yêu cầu phát triển của xã hội.

Về hoạt động ĐBCL giáo dục: Sau khi hoàn thành kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục của Trường năm 2018, căn cứ vào những điểm mạnh, điểm tồn tại được ghi trong Báo cáo tự đánh giá của Trường và các khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài, Hội đồng ĐBCL giáo dục, Khoa Cơ khí - Ô tô dưới sự chỉ đạo của Nhà trường đã rà soát lại CTĐT ngành CNKT Ô tô. Theo đó, CTĐT ngành CNKT Ô tô tăng từ 133 lên thành 152 tín chỉ, trong đó có điều chỉnh một số học phần không phù hợp, ghép các học phần tích hợp với nhau, tăng thời lượng các học phần. Khoa Cơ khí - Ô tô chú trọng tới việc hợp tác đào tạo thực hành, thực tập tại doanh

nghiệp từ các học phần cơ sở ngành đến chuyên ngành. Các doanh nghiệp thường xuyên phối hợp trong công tác đào tạo với Khoa như: Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh Vinfast, Công ty Honda Việt Nam, các Trung tâm kiểm định trong và ngoài tỉnh Phú Thọ, Auto Nam Hà, Gara ô tô Vĩnh Phúc, Garage ô tô Hòa Hiệp, Garage ô tô Việt Hùng, Garage ô tô Tiến Thành, Garage ô tô Nam Cường, Công ty TNHH một thành viên Ô tô chính xác 29, Công ty cổ phần Lilama 693, Công ty cổ phần Lilama 691, Công ty TNHH Công nghệ Cosmos, Công ty cổ phần Hóa chất Việt Trì, Tổng công ty giấy Việt Nam, Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm thao, Công ty TNHH Nam Thành Đạt, Công ty cổ phần công nghệ xi mạ HTA Vĩnh Phúc, Công ty cổ phần và thương mại FUNICO,...

Trong thời kỳ hội nhập, đứng trước những triển vọng to lớn nhưng cũng đầy khó khăn và thách thức, tập thể Khoa Cơ khí - Ô tô sẽ tiếp tục phát huy truyền thống và nỗ lực học tập, NCKH, rèn luyện phẩm chất đạo đức tác phong nhà giáo quyết tâm để xây dựng ngày càng vững mạnh về chuyên môn, vững vàng về bản chất chính trị, góp phần vào sự nghiệp phát triển chung của Trường ĐHCNVТ. Mục tiêu hướng tới của Khoa Cơ khí - Ô tô trong thời gian tới:

- Đẩy mạnh hoạt động khoa học và công nghệ, đặc biệt nghiên cứu khoa học trong sinh viên;
- Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về công tác đào tạo và hoạt động NCKH;
- Đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp về đào tạo, tạo cơ hội thực tập và việc làm cho SV;
- Bổ sung và phát triển đội ngũ GV, KTV có trình độ đáp ứng yêu cầu xã hội trong giai đoạn hội nhập và cách mạng công nghiệp lần thứ 4;

Đây cũng chính là động lực để Khoa Cơ khí - Ô tô quyết tâm hoàn thành báo cáo tự đánh giá CTĐT của ngành CNKT Ô tô. Qua quá trình nghiên cứu văn bản hướng dẫn, thu thập và xử lý minh chứng, viết bản thảo, nghe ý kiến tư vấn của các chuyên gia, thảo luận và chỉnh sửa, Khoa Cơ khí - Ô tô đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá CTĐT của ngành CNKT Ô tô. Báo cáo tự đánh giá ngành CNKT Ô tô đã mô tả rõ ràng và đầy đủ các hoạt động của CTĐT, trong đó đã chỉ ra những điểm

mạnh, điểm tồn tại, khó khăn cùng với kế hoạch (dự kiến) khắc phục các tồn tại. Sau quá trình đánh giá ngoài của Trung tâm KĐCLGD, trực thuộc Hiệp hội Các trường ĐH, CĐ Việt Nam, các kết quả và báo cáo đánh giá ngoài sẽ là cơ sở để Khoa Cơ khí - Ô tô tiến hành các hoạt động cải tiến chất lượng có hiệu quả.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu:

Mục tiêu, CDR của CTĐT ngành CNKT Ô tô được xây dựng rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn mà Nhà trường đã công bố theo từng giai đoạn phát triển và xu thế hội nhập quốc tế; Các nội dung xây dựng trong mục tiêu, CDR của CTĐT đã bao quát được các yêu cầu cần đạt của CTĐT, từ đó nhận được sự đồng thuận và nhất trí cao của đội ngũ GV trong khoa; phản ánh được yêu cầu của xã hội, đặc biệt là các nhà sử dụng lao động. Mục tiêu, CDR của CTĐT sau khi được xây dựng đã được công bố công khai tới mọi đối tượng bằng các hình thức, phương tiện khác nhau.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả

CTĐT ngành CNKT Ô tô đã được ban hành theo Quyết định ban hành CTĐT hệ Đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ [H1.01.01.01]. Mục tiêu của CTĐT ngành CNKT Ô tô được thể hiện rõ ràng trong phần “Mục tiêu đào tạo” của quyền CTĐT ngành CNKT Ô tô ban hành vào các năm 2021, 2023 và bản dự thảo CTĐT năm 2025 của Trường ĐHCNVT [H1.01.01.02]. Ở phiên bản ban hành năm 2021, mục tiêu đào tạo được xác định là *“Chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô (CNKTOT) đào tạo kỹ sư công nghệ kỹ thuật ô tô có sức khỏe thể chất và tinh thần, phẩm chất đạo đức tốt; có kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở kỹ thuật cơ khí - điện - nhiệt, chuyên ngành công nghệ kỹ thuật ô tô tốt; có kỹ năng quản lý, thực hành chuyên ngành tốt, tư duy khoa học, tổng hợp tiếp cận công nghệ mới và phương pháp nghiên cứu khoa học, triển khai dự án độc lập, sáng tạo thích ứng cao với môi trường kinh tế - xã hội toàn cầu và hội nhập quốc tế... để đảm nhiệm được các công việc tính toán, thiết kế, chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, sản xuất kinh doanh và nghiên cứu các máy, thiết bị ngành ô tô”*. Ở lần ban hành

CTĐT năm 2023 và bản dự thảo CTĐT năm 2025, Khoa Cơ khí - Ô tô đã rà soát, chỉnh sửa mục tiêu của CTĐT để thể hiện rõ hơn về yêu cầu sức khỏe, đạo đức, kiến thức, kỹ năng, thái độ. Mặt khác thông qua các ý kiến giảng viên về mục tiêu CTĐT là: “phải bao quát đầy đủ các yêu cầu đạt được của người học về: sức khỏe, đạo đức, kiến thức, kỹ năng, thái độ”; đặc biệt là ý kiến từ doanh nghiệp sử dụng lao động thì đa số là: “cần đảm bảo kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành và kỹ năng nghề nghiệp”. Từ đó Khoa Cơ khí - Ô tô đã rà soát, chỉnh sửa mục tiêu của CTĐT 2023 và bản dự thảo CTĐT năm 2025 là: *“Chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô (CNKTOT) định hướng ứng dụng, đào tạo Kỹ sư công nghệ Kỹ thuật Ô tô có kiến thức về toán, khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị, pháp luật, cơ sở ngành và chuyên ngành công nghệ kỹ thuật Ô tô, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp vững chắc, kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp thông tin và kỹ năng giao tiếp, ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ; có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc ngành đào tạo và có khả năng giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ; có đủ năng lực tự học, đổi mới sáng tạo trong công việc để thích nghi với môi trường làm việc; có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt để phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế”*.

Mục tiêu của CTĐT ngành CNKT Ô tô phù hợp với sứ mạng đã công bố của Trường ĐHCNVT, được thể hiện trong các bản Chiến lược phát triển Trường ĐHCNVT giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn 2030. Đó là: *“Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng, các dịch vụ giáo dục và sản phẩm khoa học công nghệ đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế”* [H1.01.01.03]. Mục tiêu của CTĐT ngành CNKT Ô tô cũng hướng đến đạt được tầm nhìn chiến lược của Trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn 2030 là *“Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì sẽ trở thành trường đại học đa ngành, định hướng ứng dụng, có uy tín và chất lượng ngang tầm các trường đại học tiên tiến trong nước và khu vực”*. Khi điều chỉnh lại

mục tiêu của CTĐT năm 2021, 2023 và bản dự thảo CTĐT năm 2025 cũng đã hướng đến tầm nhìn 2030 *“là trường đại học đa ngành, định hướng ứng dụng, có uy tín và chất lượng ngang tầm với các trường đại học tiên tiến trong nước và khu vực. Nhà trường tổ chức đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ và cung ứng dịch vụ về lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật có chất lượng, uy tín trong và ngoài nước”* [H1.01.01.04]. Mục tiêu của CTĐT ngành CNKT Ô tô đã xây dựng dựa trên mục tiêu cụ thể của Nhà trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn 2030 là:

1. Xây dựng nội dung chương trình đào tạo phù hợp với sự phát triển của khoa học và công nghệ, tiếp cận trình độ tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới, đồng thời đáp ứng với nguồn nhân lực có trình độ Đại học và sau Đại học.

2. Xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, đủ về số lượng, chuẩn về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và hội nhập.

3. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hiện đại hóa các trang thiết bị đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập và thực hành thực tập.

4. Mở rộng hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học với các trường, viện nghiên cứu và cơ sở sản xuất ở cả trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

5. Cung cấp các cơ hội học tập tốt, đa dạng, đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội ở bậc Đại học và sau Đại học [H1.01.01.05].

Bên cạnh đó, mục tiêu của CTĐT ngành CNKT Ô tô cũng hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của Luật Giáo dục đại học 2012 (quy định tại Điều 5). Đó là: *“đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH và công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển KT - XH, đảm bảo quốc phòng an ninh và hợp tác quốc tế; đào tạo người học có phẩm chất chính trị và đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng nghiên cứu KHCN tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có*

ý thức phục vụ nhân dân” [H1.01.01.06].

Mục tiêu của CTĐT ngành CNKT Ô tô đã phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động khi đối chiếu với nội dung trong các biên bản tổng hợp ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng và các bên liên quan khác [H1.01.01.07]. Sau đó CTĐT được xây dựng trên cơ sở mục tiêu của CTĐT và biên bản họp lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT [H1.01.01.8]. Đặc biệt, các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp thể hiện thông qua ma trận các kỹ năng trong CTĐT ngành CNKT Ô tô là hoàn toàn phù hợp với mong muốn của thị trường lao động [H1.01.01.9]. Mục tiêu của CTĐT ngành CNKT Ô tô được thông tin đầy đủ trên website của Trường¹ [H1.01.01.10] cũng như được đăng trên website của Khoa Cơ khí - Ô tô² [H1.01.01.11]. Do đó không chỉ CBGV, SV của Trường biết mà còn là thông tin mở để những người quan tâm như phụ huynh học sinh và các em học sinh phổ thông tiếp cận.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành CNKT Ô tô luôn được điều chỉnh rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của trường ĐHCNVT giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn 2030. Mục tiêu của CTĐT ngành CNKT Ô tô đã xác định rõ ràng các mục tiêu chung, mục tiêu riêng và nhấn mạnh chất lượng đào tạo đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực sản xuất chế tạo các sản phẩm công nghiệp phụ trợ cho ngành công nghiệp sản xuất ô tô. Mục tiêu của CTĐT ngành CNKT Ô tô được rà soát, điều chỉnh ngày càng phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học được quy định tại Luật giáo dục đại học và Khung trình độ quốc gia. Ngoài ra, mục tiêu của CTĐT cũng được rà soát, xây dựng dựa trên các khảo sát đánh giá và lấy ý kiến của các bên liên quan, nhất là của đơn vị sử dụng lao động nên rất gắn với thực tế yêu cầu của xã hội. Đặc biệt đã được bổ sung rõ ràng các kiến thức,

¹ <https://vui.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao>

² <https://cokhi.vui.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao>

kỹ năng mới và thái độ người học phù hợp với sự phát triển của kinh tế, khoa học kỹ thuật và con người.

3. Điểm tồn tại

Mục tiêu của CTĐT ngành CNKT Ô tô chưa được đối sánh nhiều với CTĐT của các trường đại học nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

Trong tháng năm học 2025 - 2026, Khoa Cơ khí - Ô tô sẽ tăng cường đối sánh các mục tiêu của CTĐT với các trường đại học ở nước ngoài để rà soát và điều chỉnh các mục tiêu của CTĐT.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả

CDR trong CTĐT ngành CNKT Ô tô năm 2021 được thể hiện lồng ghép trong mục “Mục tiêu đào tạo” trong đó thể hiện rõ nội dung yêu cầu về kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và thái độ của người học là:

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
A	Kiến thức	
PLO1	<i>Tổng hợp được các kiến thức cơ sở, chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô</i>	5
PLO1.1	Tổng hợp được quá trình động học, động lực học, biến dạng các cơ cấu máy, chi tiết máy trong quá trình làm việc	5
PLO1.2	Tổng hợp được quy trình công nghệ gia công, lắp ráp, sửa chữa, bảo dưỡng sản phẩm ô tô	5
PLO1.3	Tổng hợp được quy trình tính toán, thiết kế, chế tạo ô tô	5
PLO2	<i>Áp dụng được các kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô</i>	3
PLO2.1	Áp dụng được kiến thức toán, khoa học tự nhiên, tin học để học tập kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành, nghiên cứu khoa học và làm việc	3

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
PLO2.2	Áp dụng được kiến thức giáo dục thể chất, quốc phòng - an ninh để đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	3
PLO2.3	Áp dụng được kiến thức triết học Mác – Lênin, chính trị, xã hội để có lý luận và thực tiễn trong công việc, cuộc sống	3
PLO2.4	Áp dụng được kiến thức kinh tế, quản trị, pháp luật và môi trường để có lý luận và thực tiễn trong đời sống, sản xuất, kinh doanh	3
PLO2.5	Áp dụng được kiến thức cơ sở ngành để học tập chuyên ngành và thực hiện công việc tính toán, vẽ, thiết kế ô tô	3
PLO2.6	Áp dụng được kiến thức chuyên ngành để thực hiện quy trình gia công, lắp ráp, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô	3
PLO3	<i>Trình bày được các kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô</i>	3
PLO3.1	Trình bày được bản vẽ kỹ thuật, vật liệu và các thông số dung sai lắp ghép	3
PLO3.2	Trình bày được các phương trình, bài toán cơ học	3
PLO3.3	Trình bày được các kỹ thuật cơ bản về cấu tạo, nguyên lý, đấu nối, lắp ráp điện - điện tử	3
PLO3.4	Trình bày được kết cấu, nguyên lý hoạt động của chi tiết máy, máy động lực	3
PLO3.5	Trình bày được các bước tính toán, thiết kế kết cấu, bộ phận ô tô	3
PLO3.6	Trình bày được các bước thiết kế quy trình công nghệ gia công, lắp ráp, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô	3
PLO3.7	Mô tả được cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các chi tiết máy, máy động lực	3
PLO3.8	Mô tả được các bước thực hiện quy trình tính toán, thiết kế chi tiết máy, máy động lực	3
PLO3.9	Mô tả được các bước gia công, lắp ráp các kết cấu, bộ phận ô tô	3
PLO3.10	Mô tả được các quy trình sửa chữa, bảo dưỡng các kết cấu, bộ phận ô tô	3
PLO4	<i>Giải thích được kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí</i>	4
PLO4.1	Giải thích được các bản vẽ kỹ thuật, vật liệu, dung sai lắp ghép	4
PLO4.2	Giải thích được quá trình động học, động lực học, phá hỏng các chi tiết máy, máy động lực trong quá trình làm việc	4

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
PLO4.3	Giải thích được quá trình tính toán, thiết kế chi tiết máy, máy động lực	4
PLO4.4	Giải thích được quá trình hoạt động và điều khiển cơ - điện của các kết cấu, bộ phận ô tô	4
PLO4.5	Giải thích được sự phù hợp khi chọn các kết cấu, bộ phận ô tô	4
PLO4.6	Giải thích được quy trình gia công, lắp ráp, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô	4
PLO5	<i>Phân tích được kiến thức chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí</i>	4
PLO5.1	Phân tích được quá trình động học, động lực học, phá hỏng các chi tiết máy, cơ cấu máy, máy trong quá trình làm việc	4
PLO5.2	Phân tích được các sai số đo và các sai số trong quá trình gia công, lắp ráp	4
PLO5.3	Phân tích được quá trình tính toán, thiết kế các chi tiết máy, cơ cấu máy động lực	4
PLO5.4	Phân tích được sự phù hợp khi các kết cấu chi tiết máy, cơ cấu máy động lực	4
PLO5.5	Phân tích được quy trình gia công, lắp ráp, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô	4
B	Kỹ năng	
PLO6	<i>Thành thạo kỹ năng chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí</i>	4
PLO6.1	Vận hành thành thạo các thiết bị đo kiểm thước kẹp, panme, đường. đồng hồ đo, đồng hồ so...	3
PLO6.2	Vận hành thành thạo các máy gia công, lắp ráp, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô	3
PLO6.3	Thao tác thành thạo các lệnh vẽ, thiết kế, tính toán trên các phần mềm thông dụng	4
PLO6.4	Lựa chọn được các thông số kỹ thuật máy, chi tiết máy để đạt hiệu quả và năng suất	4
PLO6.5	Lựa chọn được các phương án tính toán, thiết kế, gia công, lắp ráp, sửa chữa, bảo dưỡng chi tiết máy, máy động lực, hệ thống điện ô tô hiệu quả và năng suất	4
PLO6.6	Dịch được tiếng anh chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô cơ bản.	3
PLO7	<i>Phản biện được các vấn đề về chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí</i>	4
PLO7.1	Phản biện được các sự cố, sai, hỏng của các chi tiết máy, cơ cấu máy động lực khi làm việc	4

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
PLO7.2	Phản biện được phương án tính toán, thiết kế các chi tiết máy, máy động lực	4
PLO7.3	Phản biện được phương án cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất của các chi tiết máy, máy động lực	4
PLO7.4	Phản biện được phương án lập quy trình công nghệ gia công, lắp ráp, sửa chữa, bảo dưỡng các chi tiết máy, máy động lực, hệ thống điện ô tô	4
PLO7.5	Phản biện được phương án lựa chọn các chi tiết máy, máy động lực, hệ thống điện ô tô	4
PLO8	Thành thạo kỹ năng đánh giá chất lượng công việc trong tính toán, thiết kế, gia công, sản xuất và sửa chữa, bảo dưỡng	4
PLO8.1	Đánh giá được chất lượng công việc của nhóm	4
PLO8.2	Đánh giá được kết quả hoạt động của các thành viên trong nhóm	4
PLO9	Thành thạo kỹ năng truyền đạt vấn đề, giao tiếp	4
PLO9.1	Truyền đạt được, rõ ràng các vấn đề kỹ thuật bằng văn bản (viết tiểu luận, đồ án, khóa luận, các đề tài nghiên cứu khoa học...)	4
PLO9.2	Truyền đạt được các vấn đề kỹ thuật bằng lời nói (thuyết trình, hướng dẫn, làm mẫu...)	4
PLO10	Đạt trình độ ngoại ngữ B1 hoặc tương đương	3
PLO11	Đạt trình độ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương	3
C	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO12	Xác định bối cảnh xã hội, văn hóa doanh nghiệp liên quan đến ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật ô tô để làm việc làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả trong những điều kiện khác nhau	4
PLO12.1	Làm việc độc lập, học tập và rèn luyện suốt đời	4
PLO12.2	Làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi và chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với	4
PLO12.3	Xác định và thích ứng được bối cảnh, văn hóa doanh nghiệp để tham gia làm việc, hợp tác đa ngành và đa văn hóa.	3
PLO13	Hướng dẫn người khác thực hiện các công việc liên quan đến việc giám sát, triển khai hoạt động của ngành, nghề ô tô	4
PLO14	Tự định hướng, đưa ra các kết luận chuyên môn, đáp ứng các chuẩn mực	4

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
	<i>nghề nghiệp trong ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô và bảo vệ quan điểm cá nhân</i>	
PLO14.1	Có đạo đức nghề nghiệp, tác phong công nghiệp và ý thức tổ chức kỷ luật, có trách nhiệm với công việc, thích ứng với môi trường lao động trong bối cảnh hội nhập quốc tế	4
PLO14.2	Chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường ở nơi làm việc, chịu trách nhiệm về ô nhiễm môi trường do cá nhân gây ra	3
PLO14.3	Chấp hành tốt các nội qui, qui định tại nơi làm việc về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh công nghiệp	3
PLO14.4	Chủ động lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công việc	4
PLO15	<i>Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hoạt động được giao trách nhiệm.</i>	4
PLO15.1	Chủ động lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công việc	4
PLO15.2	Phân tích yêu cầu và thực trạng hoạt động để xác định nguồn lực cần thiết và các nội dung cần thực hiện (bài tập nhóm, tiểu luận, bài thực hành nhóm, đồ án, khóa luận...)	4
PLO15.3	Thực hiện việc điều phối, quản lý các nguồn lực để hoàn thành yêu cầu, mục tiêu đề ra và/hoặc đánh giá, cải thiện hoạt động được giao (bài tập nhóm, tiểu luận, bài thực hành nhóm, đồ án, khóa luận...)	4

[H1.01.02.01]. Nội dung của CĐR năm 2021 đã phản ánh được mục tiêu của CTĐT là “*Chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô (CNKTOT) đào tạo kỹ sư công nghệ kỹ thuật ô tô có sức khỏe thể chất và tinh thần, phẩm chất đạo đức tốt; có kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở kỹ thuật cơ khí - điện - nhiệt, chuyên ngành công nghệ kỹ thuật ô tô tốt; có kỹ năng quản lý, thực hành chuyên ngành tốt, tư duy khoa học, tổng hợp tiếp cận công nghệ mới và phương pháp nghiên cứu khoa học, triển khai dự án độc lập, sáng tạo thích ứng cao với môi trường kinh tế - xã hội toàn cầu và hội nhập quốc tế... để đảm nhiệm được các công việc tính toán, thiết kế, chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, sản xuất kinh doanh và nghiên cứu các máy, thiết bị ngành ô tô*” [H1.01.02.02]. Ở phiên bản điều chỉnh CTĐT năm 2023 và bản dự thảo CTĐT năm 2025 CĐR đã được cập nhật mới, xây dựng rõ ràng trong một mục riêng, trong đó bao gồm các nội dung về kiến thức (lý luận chính trị, khoa học cơ bản...), về kỹ năng (kỹ năng cứng, kỹ

năng mềm, ngoại ngữ, tin học...), về thái độ và vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng trong văn bản Chiến lược phát triển trường ĐHCNVТ tầm nhìn đến năm 2030 [H1.01.02.03], [H1.01.02.04]. Với nội dung được điều chỉnh cụ thể như trên, CĐR đã phản ánh chính xác các mục tiêu của bộ CTĐT năm 2023 và bản dự thảo CTĐT năm 2025, đó là: *“Có kiến thức cơ bản về khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, sức khỏe thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh... để đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Có kiến thức cơ bản về toán, khoa học tự nhiên, quản trị doanh nghiệp, pháp luật và môi trường để đáp ứng việc học tập kiến thức chuyên ngành, nghiên cứu khoa học, công việc kỹ sư sau khi tốt nghiệp, học tập nâng cao trình độ,...; Có đầy đủ kiến thức về cơ sở và chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô để làm việc, cải tiến, sáng tạo trong tính toán, thiết kế, chế tạo, sửa chữa và bảo dưỡng sản phẩm thuộc lĩnh vực ngành CNKTOT đáp ứng các nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội. Có kỹ năng vận dụng các lý thuyết khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh trong công việc, cuộc sống để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Ứng dụng các lý thuyết toán, khoa học tự nhiên, quản trị doanh nghiệp, pháp luật và môi trường để đáp ứng việc học tập kiến thức chuyên ngành, nghiên cứu khoa học, công việc sau khi tốt nghiệp...; Tính toán, thiết kế, chế tạo, lắp ráp các hệ thống trong ô tô và các thiết bị động lực khác; Khai thác, chuyển giao công nghệ, kiểm tra, chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng các hệ thống trong ô tô và các thiết bị động lực khác. Có thái độ nhận thức được tầm quan trọng ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô trong xã hội, làm việc nghiêm túc, có trách nhiệm nghề nghiệp và tác phong công nghiệp; Chấp hành pháp luật Nhà nước, kỷ luật lao động và nội quy của doanh nghiệp; Tích cực nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào giải quyết công việc chuyên môn; Chủ động, sáng tạo trong công việc, có phẩm chất đạo đức tốt, tư duy khoa học.c”* [H1.01.02.05].

Nội dung mô tả CĐR của CTĐT ngành CNKT Ô tô phiên bản 2021 chỉ xác định rõ yêu cầu về kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp. Tuy nhiên CĐR khi điều chỉnh năm 2023 và bản dự thảo CTĐT năm 2025 đã nêu bật được kiến thức, kỹ năng, thái độ (bao gồm mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học sau khi tốt nghiệp) cũng như các triển vọng vị trí việc làm trong tương lai và khả năng học tập nâng cao trình độ [H1.01.02.06]:

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
A	Kiến thức	
PLO1	<i>Trình bày được các kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô</i>	3
PLO1.1	Trình bày được kiến thức khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh làm cơ sở vận dụng để hình thành và phát triển toàn diện về thế giới quan, nhân sinh quan, phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm	3
PLO1.2	Trình bày được kiến thức giáo dục thể chất, quốc phòng - an ninh làm cơ sở cho việc rèn luyện sức khỏe, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	3
PLO1.3	Trình bày được kiến thức về quản trị, tin học, ngoại ngữ, pháp luật, môi trường, toán và khoa học tự nhiên làm cơ sở cho việc vận dụng để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, nghiên cứu khoa học và làm việc	3
PLO1.4	Trình bày được bản vẽ kỹ thuật, kí hiệu vật liệu, thông số dung sai	3
PLO1.5	Trình bày được bài toán cơ học, động học, động lực học	3
PLO1.6	Mô tả được các kỹ thuật cơ bản về kết cấu, nguyên lý, đấu nối, lắp ráp điện - điện tử	3
PLO1.7	Trình bày được các quy trình chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô	3
PLO2	<i>Phân tích, giải thích và tổng hợp được kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô</i>	4
PLO2.1	Phân tích được các thông số kỹ thuật trên bản vẽ thiết kế	4
PLO2.2	Phân tích được quá trình động học, động lực học và nguyên nhân hư hỏng của các hệ thống trên ô tô khi làm việc	4
PLO2.3	Giải thích được các phương án tính toán, thiết kế các hệ thống trên ô tô	4
PLO2.4	Giải thích được nguyên lý hoạt động và phương pháp điều khiển các hệ thống cơ, điện và điện tử trên ô tô	4
PLO2.5	Giải thích được quy trình chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô	4
PLO3	<i>Đánh giá được quy trình chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô</i>	5
PLO3.1	Đánh giá được quy trình chẩn đoán, sửa chữa, bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô	5

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
PLO3.2	Đánh giá được các thông số kỹ thuật, chất lượng của các chi tiết và thiết bị trên ô tô	5
B	Kỹ năng	
PLO4	<i>Vận dụng được các kiến thức giáo dục đại cương để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, nghiên cứu khoa học và làm việc</i>	3
PLO4.1	Vận dụng được kiến thức khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh để hình thành và phát triển toàn diện về thế giới quan, nhân sinh quan, phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm	3
PLO4.2	Vận dụng được kiến thức giáo dục thể chất để rèn luyện sức khỏe, kiến thức quốc phòng - an ninh để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	3
PLO4.3	Vận dụng được kiến thức về quản trị doanh nghiệp, tin học, ngoại ngữ, pháp luật, môi trường, toán và khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và nghiên cứu khoa học	3
PLO5	<i>Thuần thục kỹ năng chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô</i>	3
PLO5.1	Sử dụng thuần thục các thiết bị chẩn đoán, sửa chữa, bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô.	3
PLO5.2	Sử dụng thuần thục phần mềm thiết kế, mô phỏng, tính toán các hệ thống trên ô tô.	3
PLO5.3	Giao tiếp, dịch được tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô cơ bản.	3
PLO6	<i>Phân tích được các vấn đề về chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô</i>	4
PLO6.1	Phân tích được các sự cố, sai, hỏng của ô tô, máy động lực khi làm việc	4
PLO6.2	Phân tích được phương án tính toán, thiết kế, cải tiến các thiết bị trên ô tô	4
PLO6.3	Phân tích được phương án lập quy trình công nghệ gia công, lắp ráp, sửa chữa bảo dưỡng các chi tiết, thiết bị trên ô tô	4
PLO7	<i>Tạo ra được các sản phẩm trong ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô</i>	6
PLO7.1	Tính toán, thiết kế, chế tạo và lập quy trình gia công, sửa chữa, bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô	6
PLO7.2	Lắp ráp, cải tiến nâng cấp được các hệ thống trên ô tô	6

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
PLO8	<i>Thành thạo kỹ năng đánh giá chất lượng công việc trong tính toán, thiết kế, gia công, sản xuất và sửa chữa, bảo dưỡng ô tô</i>	5
PLO8.1	Đánh giá được chất lượng công việc trong tính toán, thiết kế, chế tạo, lắp ráp các hệ thống trên ô tô	5
PLO8.2	Đánh giá được chất lượng công việc trong chẩn đoán, sửa chữa, bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô	5
PLO9	<i>Thành thạo kỹ năng truyền đạt vấn đề, giao tiếp</i>	4
PLO9.1	Truyền đạt được, rõ ràng các vấn đề kỹ thuật bằng văn bản (viết tiểu luận, đồ án, khóa luận, các đề tài nghiên cứu khoa học...)	4
PLO9.2	Truyền đạt được các vấn đề kỹ thuật bằng lời nói (thuyết trình, hướng dẫn, làm mẫu...)	4
C	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO10	<i>Xác định bối cảnh xã hội, văn hóa doanh nghiệp liên quan đến ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô để làm việc làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả trong những điều kiện khác nhau</i>	4
PLO11	<i>Hướng dẫn thực hiện các công việc liên quan đến việc giám sát, lập kế hoạch, đánh giá, quản lý và triển khai các hoạt động trong ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô</i>	5
PLO12	<i>Tự định hướng, đưa ra các kết luận chuyên môn, đáp ứng các chuẩn mực nghề nghiệp trong ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô và bảo vệ quan điểm cá nhân</i>	4
D	Trình độ ngoại ngữ, tin học	3
PLO13	<i>Đạt trình độ Tiếng Anh B1 hoặc tương đương</i>	3
PLO14	<i>Đạt trình độ tin học MOS</i>	3

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo [H1.01.02.07] được thiết kế theo thang năng lực Bloom cho sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt được các yêu cầu về năng lực theo các cấp độ (1: ghi nhớ; 2: hiểu; 3: áp dụng; 4: phân tích; 5: đánh giá) như sau:

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
A	Kiến thức	
PLO1	<i>Trình bày được các kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành,</i>	3

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
	<i>chuyên ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô</i>	
PLO1.1	Trình bày được kiến thức khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh làm cơ sở vận dụng để hình thành và phát triển toàn diện về thế giới quan, nhân sinh quan, phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm	3
PLO1.2	Trình bày được kiến thức giáo dục thể chất, quốc phòng - an ninh làm cơ sở cho việc rèn luyện sức khỏe, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	3
PLO1.3	Trình bày được kiến thức về quản trị, tin học, ngoại ngữ, pháp luật, môi trường, toán và khoa học tự nhiên làm cơ sở cho việc vận dụng để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, nghiên cứu khoa học và làm việc	3
PLO1.4	Trình bày được bản vẽ kỹ thuật, kí hiệu vật liệu, thông số dung sai	3
PLO1.5	Trình bày được bài toán cơ học, động học, động lực học	3
PLO1.6	Mô tả được các kỹ thuật cơ bản về kết cấu, nguyên lý, đấu nối, lắp ráp điện - điện tử	3
PLO1.7	Trình bày được các quy trình chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô	3
<i>PLO2</i>	<i>Phân tích, giải thích và tổng hợp được kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô</i>	<i>4</i>
PLO2.1	Phân tích được các thông số kỹ thuật trên bản vẽ thiết kế	4
PLO2.2	Phân tích được quá trình động học, động lực học và nguyên nhân hư hỏng của các hệ thống trên ô tô khi làm việc	4
PLO2.3	Giải thích được các phương án tính toán, thiết kế các hệ thống trên ô tô	4
PLO2.4	Giải thích được nguyên lý hoạt động và phương pháp điều khiển các hệ thống cơ, điện và điện tử trên ô tô	4
PLO2.5	Giải thích được quy trình chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô	4

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
PLO3	<i>Đánh giá được quy trình chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô</i>	5
PLO3.1	Đánh giá được quy trình chẩn đoán, sửa chữa, bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô	5
PLO3.2	Đánh giá được các thông số kỹ thuật, chất lượng của các chi tiết và thiết bị trên ô tô	5
B	Kỹ năng	
PLO4	<i>Vận dụng được các kiến thức giáo dục đại cương để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, nghiên cứu khoa học và làm việc</i>	3
PLO4.1	Vận dụng được kiến thức khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh để hình thành và phát triển toàn diện về thế giới quan, nhân sinh quan, phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm	3
PLO4.2	Vận dụng được kiến thức giáo dục thể chất để rèn luyện sức khỏe, kiến thức quốc phòng - an ninh để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	3
PLO4.3	Vận dụng được kiến thức về quản trị doanh nghiệp, tin học, ngoại ngữ, pháp luật, môi trường, toán và khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và nghiên cứu khoa học	3
PLO5	<i>Thuần thục kỹ năng chuyên ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô</i>	3
PLO5.1	Sử dụng thuần thục các thiết bị chẩn đoán, sửa chữa, bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô.	3
PLO5.2	Sử dụng thuần thục phần mềm thiết kế, mô phỏng, tính toán các hệ thống trên ô tô.	3
PLO5.3	Giao tiếp, dịch được tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô cơ bản.	3
PLO6	<i>Phân tích được các vấn đề về chuyên ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô</i>	4
PLO6.1	Phân tích được các sự cố, sai, hỏng của ô tô, máy động lực khi làm việc	4

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
PLO6.2	Phân tích được phương án tính toán, thiết kế, cải tiến các thiết bị trên ô tô	4
PLO6.3	Phân tích được phương án lập quy trình công nghệ gia công, lắp ráp, sửa chữa bảo dưỡng các chi tiết, thiết bị trên ô tô	4
PLO7	<i>Tạo ra được các sản phẩm trong ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô</i>	6
PLO7.1	Tính toán, thiết kế, chế tạo và lập quy trình gia công, sửa chữa, bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô	6
PLO7.2	Lắp ráp, cải tiến nâng cấp được các hệ thống trên ô tô	6
PLO8	<i>Thành thạo kỹ năng đánh giá chất lượng công việc trong tính toán, thiết kế, gia công, sản xuất và sửa chữa, bảo dưỡng ô tô</i>	5
PLO8.1	Đánh giá được chất lượng công việc trong tính toán, thiết kế, chế tạo, lắp ráp các hệ thống trên ô tô	5
PLO8.2	Đánh giá được chất lượng công việc trong chẩn đoán, sửa chữa, bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô	5
PLO9	<i>Thành thạo kỹ năng truyền đạt vấn đề, giao tiếp</i>	4
PLO9.1	Truyền đạt được, rõ ràng các vấn đề kỹ thuật bằng văn bản (viết tiểu luận, đồ án, khóa luận, các đề tài nghiên cứu khoa học...)	4
PLO9.2	Truyền đạt được các vấn đề kỹ thuật bằng lời nói (thuyết trình, hướng dẫn, làm mẫu...)	4
C	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO10	<i>Xác định bối cảnh xã hội, văn hóa doanh nghiệp liên quan đến ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô để làm việc làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả trong những điều kiện khác nhau</i>	4
PLO11	<i>Hướng dẫn thực hiện các công việc liên quan đến việc giám sát, lập kế hoạch, đánh giá, quản lý và triển khai các hoạt động trong ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô</i>	5
PLO12	<i>Tự định hướng, đưa ra các kết luận chuyên môn, đáp ứng các chuẩn mực nghề nghiệp trong ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô</i>	4

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
	<i>và bảo vệ quan điểm cá nhân</i>	
D	Trình độ ngoại ngữ, tin học	3
PLO13	Đạt trình độ Tiếng Anh B1 hoặc tương đương	3
PLO14	Đạt trình độ tin học MOS	3

Về vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp [H1.01.02.08]:

- + Kỹ sư thiết kế ở các cơ sở nghiên cứu, chế tạo các sản phẩm ô tô...
- + Kỹ sư quản lý, cung cấp dịch vụ và phát triển sản phẩm ô tô; các công ty tư vấn giải pháp và kinh doanh các dịch vụ thuộc ngành ô tô trong và ngoài nước...
- + Kỹ sư quản lý kỹ thuật, chỉ đạo thiết kế sản phẩm, cải tạo nâng cấp ô tô.
- + Kỹ sư ở phòng, tổ vận hành, thử nghiệm, kiểm tra trong các nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh ô tô.
- + Kỹ sư thiết kế, gia công, chế tạo các sản phẩm ô tô trong các nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh ô tô.
- + Nghiên cứu viên và kỹ sư chuyển giao công nghệ cho các viện nghiên cứu thuộc ngành, nghề ô tô.
- + Giảng viên giảng dạy các trường Đại học, cao đẳng...

Về khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường:

- + Người học có khả năng tiếp thu kiến thức mới, học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn.
- + Có thể tiếp tục học tập ở các chương trình đào tạo sau đại học như thạc sĩ, tiến sĩ.

CĐR của CTĐT ngành CNKT Ô tô được xây dựng dựa trên Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 và Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 6), xác nhận trình độ đào tạo của người học có kiến thức thực tế vững chắc; kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về ngành đào tạo; có đầy đủ các kỹ năng nghề nghiệp, giao tiếp, làm việc, phản biện, phân tích, tổng hợp...; đảm bảo cơ chế liên thông giữa các trình độ đào tạo và học tập suốt đời. CĐR đã thể hiện mối liên hệ tương quan giữa mức kiến thức, kỹ năng đầu ra cần có của từng học phần (cũng là CĐR của học phần) với mức kiến thức, kỹ năng đầu ra cần có sau toàn khóa học; hay nói một cách

khác, CĐR của mỗi học phần đóng góp trực tiếp vào CĐR của CTĐT. Mỗi liên hệ tương quan này được xác lập và đánh giá dựa trên bản mô tả CTĐT ngành CNKT Ô tô và bộ ĐCCT các học phần kèm theo [H1.01.02.09]. CĐR của toàn CTĐT được đo lường bởi số lượng CĐR tất cả các nhóm học phần có trong CTĐT đó. Cụ thể: khối kiến thức đại cương gồm 36 tín chỉ, chiếm 23.7 % thời lượng (đối với kỹ sư), trang bị cho SV các kiến thức khoa học nền tảng về toán, vật lý, lý luận chính trị, xã hội, thể chất, quốc phòng và tiếng Anh, các kỹ năng về soạn thảo, trình chiếu, làm việc nhóm; khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 116 tín chỉ, chiếm 76.3 % thời lượng (đối với kỹ sư), được thiết kế thành các khối kiến thức nhỏ hơn: kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành. Khối kiến thức này trang bị cho SV các kiến thức chuyên ngành từ cơ bản như: vẽ kỹ thuật, cơ học kỹ thuật, kết cấu máy, chi tiết máy; đến kiến thức chuyên sâu về trang bị điện ô tô, Tính toán thiết kế ô tô, các quá trình sản xuất Ô tô, Sửa chữa bảo dưỡng ô tô, lập trình, thiết lập quy trình công nghệ gia công sản phẩm... và các kỹ năng tính toán, thiết kế, lập trình, mô phỏng, gia công, nghiên cứu độc lập, kỹ năng phản biện, kỹ năng tổng hợp. Cuối khóa học, để đạt CĐR toàn khóa thì có học phần Đồ án tốt nghiệp (hoặc được thay thế bằng 02 học phần lý thuyết thay thế Đồ án tốt nghiệp) (10 tín chỉ, chiếm 6,6 %) giúp SV hoàn thiện kiến thức, các kỹ năng cần thiết để đạt được CĐR cũng như hệ thống được các kiến thức mà mình đã học được từ các học phần riêng biệt. Trong khi đó, CĐR của từng học phần riêng lẻ lại được đánh giá bởi các hệ thống kiểm tra, đánh giá (điểm hệ số 1, hệ số 2, điểm chuyên cần...) quy định trong ĐCCT của học phần đó. Hệ thống toàn bộ các yêu cầu của CĐR về kiến thức và kỹ năng được thể hiện trong bảng ma trận kỹ năng [H1.01.02.10]. Ý kiến của các bên liên quan như giảng viên, sinh viên, cựu SV, các đơn vị sử dụng lao động, các tổ chức xã hội nghề nghiệp đã được tổng hợp và điều chỉnh trong CĐR của CTĐT ngành CNKT Ô tô [H1.01.02.11]. Sau đó thông tin về CĐR được gửi lại các bên liên quan và có thể dễ dàng nắm bắt, xác định số lượng, đánh giá mức độ và yêu cầu của từng dạng kiến thức, mức kỹ năng cần có về CĐR và CTĐT trên website của khoa và Nhà trường [H1.01.02.12]. Từ đó CTĐT được xây dựng bám sát vào CĐR, biên bản tổng hợp ý

kiến của các bên liên quan và đối sánh với báo cáo kết quả KĐCLGD, kết quả khảo sát giảng viên, người học [H1.01.02.13].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành CNKT Ô tô được phát triển theo đúng quy trình phát triển CTĐT và xác định cụ thể mức năng lực mà sinh viên tốt nghiệp cần đạt được. Những thành quả mà người học đạt được được viết theo cách để có thể quan sát đo lường được và đánh giá được qua từng học phần, nhóm học phần và khối kiến thức.

3. Điểm tồn tại

Việc thực hiện tổ chức lấy dữ liệu đối sánh để đánh giá mức độ đạt CĐR ngành CNKT Ô tô đối với các cơ sở đào tạo quốc tế và khảo sát ý kiến với các doanh nghiệp có vốn nước ngoài (FDI) còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Bắt đầu từ năm học 2025-2026, Khoa Cơ khí - Ô tô sẽ phối hợp với Phòng CTSV, Phòng Quản lý chất lượng, Đoàn thanh niên để tiến hành lập kế hoạch và tổ chức khảo sát lấy ý kiến đánh giá về mức độ đạt CĐR của người học tốt nghiệp đối với các doanh nghiệp có vốn nước ngoài; đồng thời tìm kiếm CĐR ngành CNKT Ô tô của các cơ sở đào tạo quốc tế thông qua các nghiên cứu sinh đang học tập ở các nước. Thời điểm khảo sát dự kiến trong khoảng tháng 6-7 hàng năm. Dữ liệu khảo sát làm cơ sở điều chỉnh CĐR đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả

CĐR của CTĐT ngành CNKT Ô tô được rà soát chỉnh sửa trong các năm 2021, 2023, 2025 [H1.01.03.01]. Nhà trường đã quy định về việc xây dựng và điều chỉnh CĐR như sau: cấu trúc CĐR bao gồm chuẩn kiến thức, chuẩn kỹ năng, năng lực tự chủ và thái độ, trách nhiệm; nội dung CĐR; nguyên tắc xây dựng CĐR; lấy

ý kiến khảo sát CĐR; thực hiện xây dựng, cải tiến CĐR. CĐR có sự điều chỉnh với sự tham gia đóng góp ý kiến của các chuyên gia đến từ các hiệp hội (Hiệp hội Cơ học vật rắn, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Phú Thọ) [H1.01.03.02], doanh nghiệp sử dụng lao động (Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh Vinfast Hải Phòng, Công ty Honda Việt Nam Phúc Yên, Auto Nam Hà, Gara ô tô Vĩnh Phúc, các Trung tâm kiểm định trong và ngoài tỉnh Phú Thọ,...) [H1.01.03.03], GS, TS đầu ngành (GS. TSKH. Nguyễn Đông Anh, PGS.TS. Lê Văn Quỳnh, TS. Nguyễn Thành Chung, TS. Phạm Ngọc Anh, TS. Lê Quang Vinh, TS. Vũ Đức Bình, TS. Vũ Quốc Hiến, TS. Phạm Ngọc Thành, TS. Nguyễn Đắc Nam...) [H1.01.03.04]...

Ý kiến khảo sát của cán bộ GV, nhà tuyển dụng, cựu SV, SV đang theo học về CĐR của CTĐT ngành CNKT Ô tô được tổng hợp trong các biên bản để làm cơ sở rà soát, chỉnh sửa CĐR [H1.01.03.05], [H1.01.03.06], [H1.01.03.07], [H1.01.03.08]. Từ đó Khoa Cơ khí - Ô tô đã hợp thống nhất các nội dung điều chỉnh vào các năm 2021, 2023 và 2025 [H1.01.03.09]. Ở phiên bản điều chỉnh CĐR năm 2023 và bản dự thảo CTĐT năm 2025, CĐR đã được cập nhật mới, xây dựng rõ ràng trong một mục riêng, trong đó bao gồm các nội dung về kiến thức (lý luận chính trị, khoa học cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành), về kỹ năng (kỹ năng nghề, kỹ năng mềm, ngoại ngữ), về thái độ và vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Chi tiết các nội dung điều chỉnh được thể hiện trong bảng so sánh CĐR năm 2023, 2025 [H1.01.03.10]. Đặc biệt, từ năm 2019, Nhà trường đã ban hành quy định về việc xây dựng và điều chỉnh CĐR trong đó đã quy định cụ thể điều kiện và yêu cầu của việc rà soát và điều chỉnh CĐR của CTĐT [H1.01.03.11].

Bảng so sánh chuẩn đầu ra	
Chuẩn đầu ra 2021	Chuẩn đầu ra 2023
Kiến thức	
Tổng hợp được các kiến thức cơ sở, chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô	Tổng hợp được các kiến thức cơ sở, chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô
Tổng hợp được quá trình động học, động lực học, biến dạng các cơ cấu máy, chi tiết máy trong quá trình làm việc	Tổng hợp được quy trình tính toán, thiết kế, chế tạo sản phẩm ô tô

Tổng hợp được quy trình công nghệ gia công, lắp ráp, sửa chữa, bảo dưỡng sản phẩm ô tô	Tổng hợp được quy trình công nghệ kiểm định, chẩn đoán, sửa chữa, bảo dưỡng sản phẩm ô tô
Tổng hợp được quy trình tính toán, thiết kế, chế tạo ô tô	
Áp dụng được các kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô	Trình bày được các kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành công nghệ kỹ thuật ô tô
Áp dụng được kiến thức toán, khoa học tự nhiên, tin học để học tập kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành, nghiên cứu khoa học và làm việc	Trình bày được kiến thức khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh làm cơ sở vận dụng để hình thành và phát triển toàn diện về thế giới quan, nhân sinh quan, phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm
Áp dụng được kiến thức giáo dục thể chất, quốc phòng - an ninh để đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	Trình bày được kiến thức giáo dục thể chất, quốc phòng - an ninh làm cơ sở cho việc rèn luyện sức khỏe, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
Áp dụng được kiến thức khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, kinh tế, quản trị, pháp luật và môi trường để phục vụ công việc, cuộc sống	Trình bày được kiến thức về quản trị, tin học, ngoại ngữ, pháp luật, môi trường, toán và khoa học tự nhiên làm cơ sở cho việc vận dụng để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, nghiên cứu khoa học và làm việc
Áp dụng được kiến thức cơ sở ngành để học tập chuyên ngành và thực hiện công việc tính toán, vẽ, thiết kế ô tô	
Áp dụng được kiến thức chuyên ngành để thực hiện quy trình gia công, lắp ráp, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô	
Trình bày được các kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô	
Trình bày được bản vẽ kỹ thuật, vật liệu và các thông số dung sai lắp ghép của các hệ thống trên ô tô.	Trình bày được bản vẽ kỹ thuật, vật liệu và các thông số dung sai lắp ghép của các hệ thống trên ô tô.
Trình bày được các phương trình, bài toán cơ học	Trình bày được bài toán cơ học, động học, động lực học và các phương án tính toán, thiết

	kế các hệ thống trên ô tô
Mô tả được các kỹ thuật cơ bản về cấu tạo, nguyên lý, đấu nối, lắp ráp điện - điện tử	Mô tả được các kỹ thuật cơ bản về cấu tạo, nguyên lý hoạt động, đấu nối, lắp ráp cơ - điện tử các hệ thống trên ô tô
Mô tả được kết cấu, nguyên lý hoạt động của chi tiết máy, máy động lực	
Trình bày được các bước tính toán, thiết kế kết cấu, bộ phận ô tô	
Trình bày được các bước thiết kế quy trình công nghệ gia công, lắp ráp, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô	Trình bày được các quy trình chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô.
Mô tả được các bước thực hiện quy trình tính toán, thiết kế máy động lực	
Mô tả được các quy trình sửa chữa, bảo dưỡng các kết cấu, bộ phận ô tô	
Giải thích được kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô	Giải thích, phân tích được kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô
Giải thích được các bản vẽ kỹ thuật, vật liệu, dung sai lắp ghép	Phân tích được các bản vẽ kỹ thuật, vật liệu, dung sai lắp ghép của các hệ thống trên ô tô.
Giải thích được quá trình động học, động lực học, phá hỏng các chi tiết máy, máy động lực trong quá trình làm việc	Phân tích được quá trình động học, động lực học các cơ cấu máy, máy và nguyên nhân phá hỏng các chi tiết của các hệ thống trên ô tô khi làm việc
Giải thích được quá trình tính toán, thiết kế chi tiết máy, máy động lực	Giải thích được các phương án tính toán, thiết kế các hệ thống trên ô tô.
Giải thích được quá trình hoạt động và điều khiển cơ - điện của các kết cấu, bộ phận ô tô	Giải thích được nguyên lý hoạt động và phương pháp điều khiển mạch cơ - điện của các hệ thống trên ô tô.
Giải thích được các hiện tượng sai hỏng và nguyên nhân sai hỏng các chi tiết, kết cấu, hệ thống điện trên ô tô	Giải thích được quy trình chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô.
Giải thích được quy trình gia công, lắp ráp, sửa	

chữa, bảo dưỡng ô tô	
Phân tích được kiến thức chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô	
Phân tích được quá trình động học, động lực học, phá hỏng các chi tiết máy, cơ cấu máy, máy trong quá trình làm việc	
Phân tích được các phần tử kết cấu điện tử, cảm biến và hệ thống điện trên ô tô	
Phân tích được quá trình tính toán, thiết kế các chi tiết máy, cơ cấu máy động lực, hệ thống điện – điện tử, cảm biến của ô tô	
Phân tích được các lỗi, hiện tượng sai hỏng các chi tiết máy, cơ cấu máy động lực, hệ thống điện – điện tử, cảm biến của ô tô	
Phân tích được quy trình gia công, lắp ráp, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô	
	Đánh giá được các hệ thống trên ô tô và quy trình chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô
	Kiểm tra được quy trình công nghệ chế tạo, lắp ráp, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô
	Kiểm tra được các thông số kỹ thuật của các hệ thống trên ô tô
	Kiểm tra được các lỗi cơ bản của các hệ thống trên ô tô
	Đánh giá được chất lượng sản phẩm ô tô
Kỹ năng	
	Vận dụng được các kiến thức giáo dục đại cương để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, nghiên cứu khoa học và làm việc
	Vận dụng được kiến thức khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh để hình thành và phát triển toàn diện về thế giới quan, nhân sinh quan, phẩm chất chính trị, đạo đức, trách

	nhiệm Vận dụng được kiến thức giáo dục thể chất để rèn luyện sức khỏe, kiến thức quốc phòng - an ninh để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Vận dụng được kiến thức về quản trị, tin học, ngoại ngữ, pháp luật, môi trường, toán và khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, nghiên cứu khoa học và làm việc
Thành thạo kỹ năng chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô	Thành thạo kỹ năng chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô
Sử dụng thành thạo các thiết bị đo kiểm thước kẹp, panme, dưỡng, đồng hồ đo, đồng hồ so...	Sử dụng thành thạo các thiết bị chẩn đoán, sửa chữa, bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô.
Vận hành thành thạo các máy gia công, lắp ráp, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô	
Thao tác thành thạo các lệnh vẽ, thiết kế, mô phỏng, tính toán ô tô trên các phần mềm thông dụng	Sử dụng thành thạo phần mềm thiết kế, mô phỏng, tính toán các hệ thống trên ô tô.
Thành thạo các kỹ năng tháo, lắp các chi tiết và hệ thống điện – điện tử, cảm biến ô tô	
Lựa chọn được các phương án tính toán, thiết kế, gia công, lắp ráp, sửa chữa, bảo dưỡng chi tiết máy, máy động lực, hệ thống điện – điện tử ô tô đạt hiệu quả và năng suất	Lựa chọn được các phương án tính toán, thiết kế, chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô.
Giao tiếp, dịch được tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí cơ bản.	Giao tiếp, dịch được tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô cơ bản.
Phản biện được các vấn đề về chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô	Phản biện được các vấn đề về chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô
Phản biện được các sự cố, sai, hỏng của các chi tiết máy, cơ cấu máy động lực hệ thống điện – điện tử, cảm biến khi làm việc	Phản biện được các phương án kiểm định, chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô.
Phản biện được phương án tính toán, thiết kế các chi tiết máy, máy động lực, hệ thống điện – điện tử ô tô	Phản biện được phương án tính toán, thiết kế các kết cấu của các hệ thống cơ – điện trên ô tô.

Phản biện được phương án cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất của các chi tiết máy, máy động lực, hệ thống điện – điện tử ô tô	Phản biện được phương án cải tiến kỹ thuật để nâng cao khả năng làm việc của hệ thống cơ – điện trên ô tô.
Phản biện được phương án thiết kế, gia công, lắp ráp các chi tiết máy, máy động lực, hệ thống điện – điện tử ô tô	
Phản biện được phương án lựa chọn các chi tiết máy, máy động lực, hệ thống điện – điện tử ô tô	
Thành thạo kỹ năng đánh giá chất lượng công việc trong tính toán, thiết kế, gia công, sản xuất và sửa chữa, bảo dưỡng ô tô	Thành thạo kỹ năng đánh giá chất lượng công việc trong tính toán, thiết kế, chẩn đoán và sửa chữa, bảo dưỡng ô tô
Đánh giá được chất lượng công việc trong tính toán, thiết kế, gia công, sản xuất ô tô	Đánh giá được chất lượng công việc trong tính toán, thiết kế, chế tạo, lắp ráp các hệ thống trên ô tô
Đánh giá được chất lượng công việc trong sửa chữa, bảo dưỡng ô tô	Đánh giá được chất lượng công việc trong chẩn đoán, sửa chữa, bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô
Đánh giá được chất lượng công việc của nhóm	
Đánh giá được kết quả hoạt động của các thành viên trong nhóm	
Thành thạo kỹ năng truyền đạt vấn đề, giao tiếp	Thành thạo kỹ năng truyền đạt vấn đề, giao tiếp
Truyền đạt được, rõ ràng các vấn đề kỹ thuật bằng văn bản (viết tiểu luận, đề án, khóa luận, các đề tài nghiên cứu khoa học...)	Truyền đạt được, rõ ràng các vấn đề kỹ thuật bằng văn bản (viết tiểu luận, đề án, khóa luận, các đề tài nghiên cứu khoa học...)
Truyền đạt được các vấn đề kỹ thuật bằng lời nói (thuyết trình, hướng dẫn, làm mẫu...)	Truyền đạt được các vấn đề kỹ thuật bằng lời nói (thuyết trình, hướng dẫn, làm mẫu...)
	Tạo ra được các sản phẩm của các hệ thống trên ô tô
	Tính toán, thiết kế, lập quy trình lắp ráp được các hệ thống trên ô tô
	Chế tạo, chẩn đoán, sửa chữa, bảo dưỡng được

	các hệ thống trên ô tô
	Trình độ ngoại ngữ, tin học
Đạt trình độ ngoại ngữ B1 hoặc tương đương	Đạt trình độ Tiếng Anh B1 hoặc tương đương
Đạt trình độ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương	Đạt trình độ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
Xác định bối cảnh xã hội, văn hóa doanh nghiệp liên quan đến ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật ô tô để làm việc làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả trong những điều kiện khác nhau	Xác định bối cảnh xã hội, văn hóa doanh nghiệp liên quan đến ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật ô tô để làm việc làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả trong những điều kiện khác nhau
Làm việc độc lập, học tập và rèn luyện suốt đời	
Làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi và chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với	
Xác định và thích ứng được bối cảnh, văn hóa doanh nghiệp để tham gia làm việc, hợp tác đa ngành và đa văn hóa.	
Hướng dẫn người khác thực hiện các công việc liên quan đến việc giám sát, triển khai hoạt động của ngành, nghề ô tô	Hướng dẫn người khác thực hiện các công việc liên quan đến việc giám sát, triển khai hoạt động của ngành, nghề ô tô
Tự định hướng, đưa ra các kết luận chuyên môn, đáp ứng các chuẩn mực nghề nghiệp trong ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô và bảo vệ quan điểm cá nhân	Tự định hướng, đưa ra các kết luận chuyên môn, đáp ứng các chuẩn mực nghề nghiệp trong ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô và bảo vệ quan điểm cá nhân
Có đạo đức nghề nghiệp, tác phong công nghiệp và ý thức tổ chức kỷ luật, có trách nhiệm với công việc, thích ứng với môi trường lao động trong bối cảnh hội nhập quốc tế	
Chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường ở nơi làm việc, chịu trách nhiệm về ô nhiễm môi trường do cá nhân gây ra	

Chấp hành tốt các nội qui, qui định tại nơi làm việc về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh công nghiệp	
Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hoạt động được giao trách nhiệm.	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hoạt động được giao trách nhiệm.
Chủ động lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công việc	
Phân tích yêu cầu và thực trạng hoạt động để xác định nguồn lực cần thiết và các nội dung cần thực hiện (bài tập nhóm, tiểu luận, bài thực hành nhóm, đồ án, khóa luận...)	
Thực hiện việc điều phối, quản lý các nguồn lực để hoàn thành yêu cầu, mục tiêu đề ra và/hoặc đánh giá, cải thiện hoạt động được giao (bài tập nhóm, tiểu luận, bài thực hành nhóm, đồ án, khóa luận...)	

Bảng so sánh chuẩn đầu ra	
Chuẩn đầu ra 2023	Chuẩn đầu ra 2025 (bản dự thảo)
Kiến thức	
Trình bày được các kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành công nghệ kỹ thuật ô tô	Trình bày được các kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô
Trình bày được kiến thức khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh làm cơ sở vận dụng để hình thành và phát triển toàn diện về thế giới quan, nhân sinh quan, phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm	Trình bày được kiến thức khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh làm cơ sở vận dụng để hình thành và phát triển toàn diện về thế giới quan, nhân sinh quan, phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm
Trình bày được kiến thức giáo dục thể chất, quốc phòng - an ninh làm cơ sở cho việc rèn luyện sức khỏe, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	Trình bày được kiến thức giáo dục thể chất, quốc phòng - an ninh làm cơ sở cho việc rèn luyện sức khỏe, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
Trình bày được kiến thức về quản trị, tin học, ngoại ngữ, pháp luật, môi trường, toán và khoa	Trình bày được kiến thức về quản trị, tin học, ngoại ngữ, pháp luật, môi trường, toán và khoa

Bảng so sánh chuẩn đầu ra	
Chuẩn đầu ra 2023	Chuẩn đầu ra 2025 (bản dự thảo)
học tự nhiên làm cơ sở cho việc vận dụng để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, nghiên cứu khoa học và làm việc	học tự nhiên làm cơ sở cho việc vận dụng để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, nghiên cứu khoa học và làm việc
Trình bày được bản vẽ kỹ thuật, vật liệu và các thông số dung sai lắp ghép của các hệ thống trên ô tô.	Trình bày được bản vẽ kỹ thuật, kí hiệu vật liệu, thông số dung sai
Trình bày được bài toán cơ học, động học, động lực học và các phương án tính toán, thiết kế các hệ thống trên ô tô	Trình bày được bài toán cơ học, động học, động lực học
Mô tả được các kỹ thuật cơ bản về cấu tạo, nguyên lý hoạt động, đầu nối, lắp ráp cơ - điện tử các hệ thống trên ô tô	Mô tả được các kỹ thuật cơ bản về kết cấu, nguyên lý, đầu nối, lắp ráp điện - điện tử
Trình bày được các quy trình chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô.	Trình bày được các quy trình chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô
Giải thích, phân tích được kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô	Phân tích, giải thích và tổng hợp được kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô
Phân tích được các bản vẽ kỹ thuật, vật liệu, dung sai lắp ghép của các hệ thống trên ô tô.	Phân tích được các thông số kỹ thuật trên bản vẽ thiết kế
Phân tích được quá trình động học, động lực học các cơ cấu máy, máy và nguyên nhân phá hỏng các chi tiết của các hệ thống trên ô tô khi làm việc	Phân tích được quá trình động học, động lực học và nguyên nhân hư hỏng của các hệ thống trên ô tô khi làm việc
Giải thích được các phương án tính toán, thiết kế các hệ thống trên ô tô.	Giải thích được các phương án tính toán, thiết kế các hệ thống trên ô tô
Giải thích được nguyên lý hoạt động và phương pháp điều khiển mạch cơ - điện của các hệ thống trên ô tô.	Giải thích được nguyên lý hoạt động và phương pháp điều khiển các hệ thống cơ, điện và điện tử trên ô tô
Giải thích được quy trình chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô.	Giải thích được quy trình chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô
Đánh giá được các hệ thống trên ô tô và quy	Đánh giá được quy trình chẩn đoán, sửa

Bảng so sánh chuẩn đầu ra	
Chuẩn đầu ra 2023	Chuẩn đầu ra 2025 (bản dự thảo)
trình chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô	chữa và bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô
Kiểm tra được quy trình công nghệ chế tạo, lắp ráp, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô	Đánh giá được quy trình chẩn đoán, sửa chữa, bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô
Kiểm tra được các thông số kỹ thuật của các hệ thống trên ô tô	
Kiểm tra được các lỗi cơ bản của các hệ thống trên ô tô	
Đánh giá được chất lượng sản phẩm ô tô	Đánh giá được các thông số kỹ thuật, chất lượng của các chi tiết và thiết bị trên ô tô
Tổng hợp được các kiến thức cơ sở, chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô	
Tổng hợp được quy trình tính toán, thiết kế, chế tạo sản phẩm ô tô	
Tổng hợp được quy trình công nghệ kiểm định, chẩn đoán, sửa chữa, bảo dưỡng sản phẩm ô tô	
Kỹ năng	
Vận dụng được các kiến thức giáo dục đại cương để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, nghiên cứu khoa học và làm việc	Vận dụng được các kiến thức giáo dục đại cương để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, nghiên cứu khoa học và làm việc
Vận dụng được kiến thức khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh để hình thành và phát triển toàn diện về thế giới quan, nhân sinh quan, phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm	Vận dụng được kiến thức khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh để hình thành và phát triển toàn diện về thế giới quan, nhân sinh quan, phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm
Vận dụng được kiến thức giáo dục thể chất để rèn luyện sức khỏe, kiến thức quốc phòng - an ninh để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	Vận dụng được kiến thức giáo dục thể chất để rèn luyện sức khỏe, kiến thức quốc phòng - an ninh để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
Vận dụng được kiến thức về quản trị, tin học, ngoại ngữ, pháp luật, môi trường, toán và khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục	Vận dụng được kiến thức về quản trị doanh nghiệp, tin học, ngoại ngữ, pháp luật, môi trường, toán và khoa học tự nhiên để tiếp thu

Bảng so sánh chuẩn đầu ra	
Chuẩn đầu ra 2023	Chuẩn đầu ra 2025 (bản dự thảo)
chuyên nghiệp, nghiên cứu khoa học và làm việc	kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và nghiên cứu khoa học
<i>Thành thạo kỹ năng chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô</i>	Thuần thục kỹ năng chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô
Sử dụng thành thạo các thiết bị chẩn đoán, sửa chữa, bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô.	Sử dụng thuần thục các thiết bị chẩn đoán, sửa chữa, bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô.
Sử dụng thành thạo phần mềm thiết kế, mô phỏng, tính toán các hệ thống trên ô tô.	Sử dụng thuần thục phần mềm thiết kế, mô phỏng, tính toán các hệ thống trên ô tô.
Lựa chọn được các phương án tính toán, thiết kế, chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô.	
Giao tiếp, dịch được tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô cơ bản.	Giao tiếp, dịch được tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô cơ bản.
Phản biện được các vấn đề về chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô	Phân tích được các vấn đề về chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô
Phản biện được các phương án kiểm định, chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô.	Phân tích được các sự cố, sai, hỏng của ô tô, máy động lực khi làm việc
Phản biện được phương án tính toán, thiết kế các kết cấu của các hệ thống cơ – điện trên ô tô.	Phân tích được phương án tính toán, thiết kế, cải tiến các thiết bị trên ô tô
Phản biện được phương án cải tiến kỹ thuật để nâng cao khả năng làm việc của hệ thống cơ – điện trên ô tô.	Phân tích được phương án lập quy trình công nghệ gia công, lắp ráp, sửa chữa bảo dưỡng các chi tiết, thiết bị trên ô tô
Tạo ra được các sản phẩm của các hệ thống trên ô tô	Tạo ra được các sản phẩm trong ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô
Tính toán, thiết kế, lập quy trình lắp ráp được các hệ thống trên ô tô	Tính toán, thiết kế, chế tạo và lập quy trình gia công, sửa chữa, bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô
Chế tạo, chẩn đoán, sửa chữa, bảo dưỡng được các hệ thống trên ô tô	Lắp ráp, cải tiến nâng cấp được các hệ thống trên ô tô

Bảng so sánh chuẩn đầu ra	
Chuẩn đầu ra 2023	Chuẩn đầu ra 2025 (bản dự thảo)
Thành thạo kỹ năng đánh giá chất lượng công việc trong tính toán, thiết kế, chẩn đoán và sửa chữa, bảo dưỡng ô tô	Thành thạo kỹ năng đánh giá chất lượng công việc trong tính toán, thiết kế, gia công, sản xuất và sửa chữa, bảo dưỡng ô tô
Đánh giá được chất lượng công việc trong tính toán, thiết kế, chế tạo, lắp ráp các hệ thống trên ô tô	Đánh giá được chất lượng công việc trong tính toán, thiết kế, chế tạo, lắp ráp các hệ thống trên ô tô
Đánh giá được chất lượng công việc trong chẩn đoán, sửa chữa, bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô	Đánh giá được chất lượng công việc trong chẩn đoán, sửa chữa, bảo dưỡng các hệ thống trên ô tô
Thành thạo kỹ năng truyền đạt vấn đề, giao tiếp	Thành thạo kỹ năng truyền đạt vấn đề, giao tiếp
Truyền đạt được, rõ ràng các vấn đề kỹ thuật bằng văn bản (viết tiểu luận, đồ án, khóa luận, các đề tài nghiên cứu khoa học...)	Truyền đạt được, rõ ràng các vấn đề kỹ thuật bằng văn bản (viết tiểu luận, đồ án, khóa luận, các đề tài nghiên cứu khoa học...)
Truyền đạt được các vấn đề kỹ thuật bằng lời nói (thuyết trình, hướng dẫn, làm mẫu...)	Truyền đạt được các vấn đề kỹ thuật bằng lời nói (thuyết trình, hướng dẫn, làm mẫu...)
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
Xác định bối cảnh xã hội, văn hóa doanh nghiệp liên quan đến ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật ô tô để làm việc làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả trong những điều kiện khác nhau	Xác định bối cảnh xã hội, văn hóa doanh nghiệp liên quan đến ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô để làm việc làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả trong những điều kiện khác nhau
Hướng dẫn người khác thực hiện các công việc liên quan đến việc giám sát, triển khai hoạt động của ngành, nghề ô tô	Hướng dẫn thực hiện các công việc liên quan đến việc giám sát, lập kế hoạch, đánh giá, quản lý và triển khai các hoạt động trong ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô
Tự định hướng, đưa ra các kết luận chuyên môn, đáp ứng các chuẩn mực nghề nghiệp trong ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô và bảo vệ quan điểm cá nhân	Tự định hướng, đưa ra các kết luận chuyên môn, đáp ứng các chuẩn mực nghề nghiệp trong ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô và bảo vệ quan điểm cá nhân
Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hoạt động được giao	

Bảng so sánh chuẩn đầu ra	
Chuẩn đầu ra 2023	Chuẩn đầu ra 2025 (bản dự thảo)
trách nhiệm.	
Trình độ ngoại ngữ, tin học	Trình độ ngoại ngữ, tin học
Đạt trình độ Tiếng Anh B1 hoặc tương đương	Đạt trình độ Tiếng Anh B1 hoặc tương đương
Đạt trình độ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương	Đạt trình độ tin học MOS

CĐR của CTĐT ngành CNKT Ô tô năm 2023 và bản dự thảo năm 2025 đã có những thay đổi phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan như: sinh viên cần tổng hợp được kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để thực hiện được các đồ án, đề án; sinh viên cần phân tích, phản biện các vấn đề kỹ thuật về chuyên ngành CNKT Ô tô; sinh viên cần có ý thức tốt về chủ động, sáng tạo trong công việc. CĐR ngành CNKT Ô tô được công bố trong các Quyết định ban hành CTĐT, CĐR của Nhà trường vào các năm 2021, 2023 [H1.01.03.12] và được công khai trên website của Nhà trường [H1.01.03.13], trong các quyết định ban hành CTĐT gửi về các đơn vị trong Trường [H1.01.03.14].

2. Điểm mạnh:

Theo định kỳ khoảng 2 năm một lần, CĐR của Chương trình CNKT Ô tô được tiến hành rà soát, điều chỉnh cùng với CTĐT. Việc điều chỉnh CĐR có sự tham khảo, tiếp thu các góp ý từ các bên liên quan và đảm bảo phù hợp với các văn bản quy định như Luật giáo dục đại học, Khung trình độ Quốc gia. Vì vậy, CĐR của Chương trình CNKT Ô tô đã phản ánh được yêu cầu của nhiều đối tượng liên quan như: Các cán bộ GV, SV và cựu SV, các chuyên gia đầu ngành, các hiệp hội, các doanh nghiệp sử dụng lao động... và được công khai tới toàn thể GV, SV và nhân dân.

3. Điểm tồn tại:

Chưa đa dạng, phong phú hình thức công bố CĐR của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2025-2026, Khoa Cơ khí - Ô tô phối hợp với Phòng Quản lý Đào

tạo xây dựng kế hoạch chi tiết phổ biến rộng rãi CĐR của CTĐT bằng nhiều hình thức và có lộ trình cụ thể như: gửi Email đến các SV, cán bộ GV, các đơn vị liên quan trong Trường; đăng công khai trên Website Nhà Trường, trên các phương tiện thông tin đại chúng, các báo in, báo điện tử...

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 1:

Mục tiêu của CTĐT ngành CNKT Ô tô đã được xác định rõ ràng, phù hợp với luật giáo dục đại học. Mục tiêu của CTĐT khi được điều chỉnh luôn phù hợp với sứ mạng đã công bố của Trường ĐHCNV, được thể hiện trong các bản Chiến lược phát triển Trường ĐHCNV giai đoạn 2015-2020, định hướng 2025 và tầm nhìn 2030 và Nghị quyết số 03/NQ-HĐT của Hội đồng trường ngày 07 tháng 01 năm 2025 về ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2035. Đặc biệt đã được bổ sung rõ ràng các kiến thức, kỹ năng mới và thái độ người học phù hợp với sự phát triển của kinh tế, khoa học kỹ thuật và con người.

CĐR của CTĐT ngành CNKT Ô tô được phát triển theo đúng quy trình phát triển CTĐT và xác định cụ thể mức năng lực mà sinh viên tốt nghiệp cần đạt được, Những thành quả mà người học đạt được được viết theo cách để có thể quan sát đo lường được và đánh giá được qua từng học phần, nhóm học phần và khối kiến thức.

CĐR CTĐT ngành CNKT Ô tô khi xây dựng có sự tham gia góp ý của nhiều đối tượng liên quan như: Các cán bộ GV, SV và cựu SV, các chuyên gia đầu ngành, các hiệp hội, các doanh nghiệp sử dụng lao động...

Một số hạn chế trong mục tiêu, CĐR của CTĐT ngành CNKT Ô tô được xác định: việc thực hiện tổ chức lấy dữ liệu đối sánh để đánh giá mức độ đạt CĐR ngành CNKT Ô tô đối với các cơ sở đào tạo quốc tế và khảo sát ý kiến với các doanh nghiệp có vốn nước ngoài (FDI) còn chưa nhiều.

Tiêu chuẩn 01 có 03 tiêu chí, cả 03 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT

Mở đầu:

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần của ngành CNKT Ô tô được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ GD&ĐT ban hành, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa, được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu xã hội về ngành CNKT Ô tô. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần ngành CNKT Ô tô cung cấp đầy đủ thông tin về CTĐT của ngành, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, CĐR của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần. Đồng thời đây cũng là nguồn thông tin quan trọng, chính thống giúp người học, nhà tuyển dụng lao động và xã hội nắm bắt các thông tin cần thiết, đặc biệt là các khối kiến thức và kỹ năng mềm được trang bị thông qua chương trình. Bản mô tả CTĐT cũng là cơ sở để các nhà khoa học, các GV nghiên cứu về chương trình hiện hành, giúp Nhà trường đảm bảo các CĐR và đồng thời chứng minh khả năng đảm bảo đạt được CĐR đó. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần ngành CNKT Ô tô đã được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, từ đó giúp cho các bên liên quan có thể dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Từ năm 2021, Nhà trường đã ký Quyết định ban hành Bản mô tả CTĐT ngành CNKT Ô tô [H2.02.01.01] với các nội dung như đã có trong bản CTĐT ngành CNKT Ô tô trước đây, ngoài ra có bổ sung thêm nội dung: ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR của chương trình [H2.02.01.02], PPGD các khối kiến thức, kỹ năng cụ thể khác nhau, thông tin cơ hội triển vọng việc làm và định hướng đào tạo theo hướng ứng dụng.

Bản mô tả CTĐT ngành CNKT Ô tô được ban hành năm 2021, 2023 và bản dự thảo CTĐT năm 2025 đã có đầy đủ các thông tin, bao gồm:

- Tên CSGD: Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì, Khoa Cơ khí - Ô tô
- Chứng nhận kiểm định CLGD của trường ĐHCNVТ: được cấp bởi Trung tâm KĐCLGD trực thuộc Hiệp hội các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam [H2.02.01.03].

- Tên gọi của văn bằng: Kỹ sư CNKT Ô tô
- Tên CTĐT: CTĐT ngành CNKT Ô tô
- Thời gian đào tạo: 4,5 năm
- Mục tiêu của CTĐT [H2.02.01.04]
- CĐR của CTĐT [H2.02.01.05]
- Tiêu chí tuyển sinh hay các yêu cầu đầu vào của CTĐT [H2.02.01.06]
- Các nội dung đối sánh hoặc tham chiếu nội bộ và với trường ĐH Công nghiệp TP Hồ Chí Minh, ĐH Công nghiệp Hà Nội, ĐH Vinh và ĐH Bharath University Ấn Độ được sử dụng để cung cấp thêm thông tin về CĐR của CTĐT [H2.02.01.07], [H2.02.01.8], [H2.02.01.9].

- Cấu trúc CTDH [H2.02.01.10]
- Ma trận kỹ năng thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR của chương trình và bản mô tả (ĐCCT) của các học phần và các yêu cầu bao gồm trình độ đào tạo, học phần, số tín chỉ... [H2.02.01.11]

- Đề cương chi tiết của các học phần mô tả đầy đủ các thông tin: nội dung, phương pháp giảng dạy, hình thức đánh giá, tài liệu...

- Thời điểm thiết kế bản mô tả CTĐT: năm 2021, 2023 và bản dự thảo CTĐT năm 2025

Đặc biệt, bản mô tả CTĐT của ngành CNKT Ô tô có thêm nội dung cụ thể về PPGD các khối kiến thức, kỹ năng cụ thể khác nhau, cơ hội triển vọng việc làm và định hướng đào tạo theo hướng ứng dụng. Đây cũng là định hướng mới giúp SV vừa có kiến thức vừa có tay nghề, tiếp cận nhanh với thị trường lao động.

Trước năm 2021, bản mô tả CTĐT, các thông tin về CTĐT được thể hiện trong các phiên bản CTĐT ngành CNKT Ô tô do Nhà trường ban hành còn chú trọng vào chương trình khung. Tuy nhiên, các nội dung cơ bản, quan trọng như:

CĐR của CTĐT, cấu trúc CTDH, tiêu chí tuyển sinh hay các yêu cầu đầu vào của CTĐT... đã luôn được định kì cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan ở các lần điều chỉnh và công bố CTĐT ngành CNKT Ô tô [H2.02.01.12]. Để có được các nội dung cập nhật, Nhà trường phối hợp cùng Khoa Cơ khí - Ô tô đã tổ chức khảo sát các bên liên quan (SV đang học, SV năm cuối, cựu SV, nhà sử dụng lao động, tổ chức nghề nghiệp, chuyên gia, GV, CBQL) - về CTĐT [H2.02.01.13] và tiến hành tổng hợp ý kiến [H2.02.01.14], tổ chức các cuộc họp chuyên môn để cập nhật, điều chỉnh CTĐT qua các năm [H2.02.01.15]. Các Bản mô tả CTĐT năm 2021, 2023 và bản dự thảo CTĐT năm 2025, Nhà trường và Khoa Cơ khí - Ô tô đã bám sát các văn bản hướng dẫn, quyết định mới nhất [H2.02.01.16] và ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H2.02.01.17]. Vì vậy, Bản mô tả CTĐT ngành CNKT Ô tô năm 2021, 2023 và bản dự thảo CTĐT năm 2025 cơ bản đã cập nhật được những nội dung mới về ngành đào tạo CNKT Ô tô. Bản mô tả CTĐT được phổ biến công khai tới các đối tượng liên quan thông qua các kênh truyền thông, website và dự kiến sẽ được cập nhật tiếp những vấn đề mới nhất trong năm 2025.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT của ngành CNKT Ô tô đầy đủ các nội dung cần thiết như tóm tắt mục tiêu đào tạo; CĐR; cấu trúc khoá học; nội dung, phương pháp và hoạt động đào tạo; các bản mô tả (ĐCCT) học phần, PPGD các khối kiến thức, kỹ năng cụ thể khác nhau, thông tin cơ hội triển vọng việc làm và định hướng đào tạo theo hướng ứng dụng. Đặc biệt luôn được điều chỉnh đảm bảo tính hiện đại và phù hợp với nhu cầu người học, người sử dụng lao động.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT của ngành CNKT Ô tô luôn được điều chỉnh đảm bảo tính hiện đại và phù hợp với nhu cầu người học, người sử dụng lao động. Nhưng việc lấy ý kiến của các bên liên quan chưa được đa dạng, chủ yếu thông qua phiếu khảo sát; vì vậy cần có các ý kiến trực tiếp của các bên liên quan để bản mô tả CTĐT của ngành CNKT Ô tô đầy đủ và phù hợp nhất.

4. Kế hoạch hành động

Bắt đầu từ năm học 2025-2026 Khoa Cơ khí - Ô tô cùng với Phòng Quản lý đào tạo, phòng Quản lý chất lượng sẽ xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh bản mô tả CTĐT thông qua việc tổ chức khảo sát trực tiếp từ các bên liên quan (SV đang học, SV năm cuối, cựu SV, nhà sử dụng lao động, tổ chức XH nghề nghiệp, chuyên gia, GV, CBQL) về bản mô tả CTĐT đã xây dựng.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Bộ CTĐT ngành CNKT Ô tô hiện nay có 83 học phần với 152 tín chỉ [H2.02.02.01]. Căn cứ hệ thống văn bản hướng dẫn, biểu mẫu, quy định về xây dựng ĐCCT học phần [H2.02.02.02], Khoa Cơ khí - Ô tô đã biên soạn các ĐCCT do khoa quản lý và đề xuất các khoa liên quan biên soạn ĐCCT các học phần còn lại đảm bảo đủ 83/83 ĐCCT các học phần có trong CTĐT [H2.02.02.03]. Theo quy định về xây dựng ĐCCT học phần của Nhà trường: ĐCCT học phần được giao cho GV hoặc nhóm GV biên soạn; sau đó được thông qua bộ môn, khoa và Ban xây dựng, chỉnh sửa CTĐT độc lập theo từng bước. Sau đó ĐCCT học phần được lấy ý kiến đánh giá của các bên liên quan (SV đang học, SV năm cuối, cựu SV, nhà sử dụng lao động, tổ chức xã hội nghề nghiệp, chuyên gia, GV) về nội dung đề cương chi tiết học phần và tiếp tục chỉnh sửa thông qua. Cuối cùng được trình lên Hội đồng khoa học và đào tạo Nhà trường phê duyệt. Các bước xây dựng ĐCCT học phần thực tế thực hiện đúng theo hướng dẫn và quy định của Nhà trường. Đề cương chi tiết các học phần thể hiện đầy đủ các thông tin cần có và được chuẩn hóa theo quy định của trường, bao gồm:

- Tên đơn vị: Khoa Cơ khí - Ô tô; tên bộ môn phụ trách học phần;
- Thông tin về học phần: mã học phần, tên học phần, số tín chỉ, loại học phần (bắt buộc hay tự chọn), khối kiến thức, điều kiện thực hiện học phần (tiên quyết, song hành, học trước), phân bố số giờ học lý thuyết và số giờ thảo luận, thực hành, tự học;
- Giảng viên giảng dạy: thể hiện đầy đủ thông tin tên, học hàm, học vị, địa chỉ

liên lạc;

- Mô tả học phần: cung cấp tóm tắt nội dung của môn học;
- Mục tiêu học phần: thể hiện đầy đủ ba mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ để đạt được yêu cầu nào trong CDR của CTĐT [H2.02.02.04];
- Chuẩn đầu ra học phần: cung cấp chuẩn đầu ra của từng nội dung môn học đáp ứng kiến thức, kỹ năng, thái độ để đạt được yêu cầu nào trong CDR của học phần và CTĐT [H2.02.02.05];
- Cấu trúc, nội dung học phần: thể hiện cấu trúc chương, nội dung đề mục chi tiết trong từng chương; đi kèm với ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR của học phần [H2.02.02.06];
- Phương pháp dạy và học: cụ thể theo từng loại học phần mà phương pháp dạy và học có thể là thuyết trình, chất vấn, phân tích, dạy theo nhóm, đóng vai, mô phỏng, giải quyết vấn đề... (đối với học phần lý thuyết) hay có thể là dạy theo nhóm, thao tác mẫu (đối với học phần thực hành)...; [H2.02.02.07].
- Phương thức kiểm tra/đánh giá: quy định rõ số đầu điểm, hệ số và phương thức thực hiện đánh giá quá trình (thường xuyên, định kỳ), tùy theo yêu cầu của học phần mà phần đánh giá kết thúc có thể ở dạng tự luận hay trắc nghiệm trên máy tính. Riêng đối với các học phần đồ án, đánh giá kết thúc học phần sử dụng phương thức hỏi bảo vệ trực tiếp; Tỷ lệ đánh giá giữa điểm trung bình quá trình với điểm kết thúc học phần (điểm thi) được quy định là 5/5; [H2.02.02.08].
- Tài liệu chính, tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy cho học phần [H2.02.02.09].
- Kế hoạch tư vấn học phần; sinh viên phải được tư vấn về mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần, nội dung học phần, cách thức đánh giá, phương pháp tìm đọc và nghiên cứu tài liệu tại thư viện [H2.02.02.10].
- Điều kiện dạy và học: Phòng học đủ chỗ ngồi, ánh sáng và các điều kiện khác đảm bảo hiệu quả dạy và học.
- Quy định đối với sinh viên: về các điều kiện học tập học phần
- Hướng dẫn thực hiện học phần

Đề cương các học phần trong CTĐT ngành CNKT Ô tô được định kỳ rà soát, điều chỉnh và cập nhật (vào các năm 2023 và 2025) theo quy định [H2.02.02.11], theo yêu cầu phát triển của ngành CNKT Ô tô, phù hợp với người học và nhu cầu của xã hội. Ở đợt cập nhật năm 2023, 2025 CTĐT đã được bổ sung nội dung ĐCCT cho các học phần mới như: Công nghệ xe lai và xe điện, Kỹ năng mềm 1, AutoCAD, Xử lý tín hiệu số, Kỹ thuật số, Trí tuệ nhân tạo trong điều khiển, Hệ truyền động Servo, Điều khiển logic,... (tổng số tín chỉ trong CTĐT 2023, 2025 vẫn để 152 tín chỉ) [H2.02.02.12]. Đến năm 2025, các ĐCCT học phần được cập nhật lại cả danh mục tài liệu chính và tài liệu tham khảo và bổ sung, ghép các học phần như: điều chỉnh lại các học phần Toán cao cấp 1-2 tín chỉ LT: 43, TL: 6 thành LT: 24, TL: 12; Vẽ kỹ thuật 2-3 tín chỉ LT: 24, TL: 12, TH: 30 còn 2 tín chỉ LT: 12, TL: 6, TH: 30; Lý thuyết điều khiển tự động tăng thêm 1 tín chỉ, Lý thuyết động cơ đốt trong giảm 1 tín chỉ, Trang bị điện và hệ thống điều khiển ô tô giảm 1 tín chỉ, Công nghệ lắp ráp ô tô giảm 1 tín chỉ thực hành, Kỹ thuật lái ô tô từ 1 tín chỉ lý thuyết, 1 tín chỉ thực hành trở thành 2 tín chỉ thực hành để sinh viên có kiến thức thực tế sản xuất nhiều hơn. Trong lần điều chỉnh, cập nhật gần nhất (năm 2025), số học phần tăng từ 79 học phần (152 tín chỉ) thành 83 học phần (152 tín chỉ)...nhằm đáp ứng CĐR: cấu trúc lại học phần, PPGD, phương pháp đánh giá làm tăng hiệu quả của quá trình dạy và học, rà soát danh mục tài liệu học tập chính và tài liệu tham khảo [H2.02.02.13].

Trước mỗi đợt điều chỉnh Khoa đều lấy ý kiến đánh giá của các bên liên quan (SV đang học, SV năm cuối, cựu SV, nhà sử dụng lao động, tổ chức xã hội nghề nghiệp, chuyên gia, GV) về nội dung đề cương chi tiết học phần làm căn cứ điều chỉnh [H2.02.02.14], [H2.02.02.15], [H2.02.02.16]. ĐCCT học phần được so sánh nội dung trong các phiên bản [H2.02.02.17], được tiếp thu và cập nhật từ đề cương học phần có trong CTĐT ngành CNKT Ô tô của một số trường đại học uy tín trong nước (ĐH Công nghiệp Thành Phố Hồ Chí Minh, Đại học Vinh, ĐH Công nghiệp Hà Nội... và quốc tế ĐH Bharath Ấn Độ), có sự chọn lọc phù hợp với điều kiện đào tạo cụ thể của nhà trường [H2.02.02.18].

2. Điểm mạnh

ĐCCT của học phần được thiết kế đầy đủ các thông tin, đặc biệt các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành luôn được rà soát, điều chỉnh và cập nhật các ý kiến của người học, doanh nghiệp sử dụng lao động, các chuyên gia và có tham chiếu, tiếp thu và cập nhật từ ĐCCT của một số trường đại học uy tín trong nước và thế giới.

3. Điểm tồn tại

Đề cương của các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành có bổ sung thêm khối lượng thực hành, thực tế (đặc biệt là từ ý kiến các doanh nghiệp), chương trình và đề cương chi tiết được đối sánh với đề cương của một số trường đại học uy tín trong nước và quốc tế. Tuy nhiên trong quá trình cập nhật, đối sánh, tham khảo đề cương chi tiết của các trường nước ngoài chưa được đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

Bắt đầu từ năm học 2025-2026, Khoa Cơ khí - Ô tô phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo sẽ lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá chất lượng đào tạo kiến thức thực hành, thực tế các khối kiến thức chuyên ngành trong CTĐT ngành CNKT Ô tô, dự kiến năm học 2025-2026 có thể kết luận từ công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng đào tạo, ý kiến doanh nghiệp, chuyên gia để đánh giá, cập nhật, điều chỉnh, tham khảo đề cương chi tiết của các trường nước ngoài ở kỳ tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT ngành CNKT Ô tô được xây dựng dựa trên bộ CTĐT ban hành năm 2021, 2023, 2025 [H2.02.03.01]. Bản mô tả CTĐT sau khi hoàn thành được Nhà trường ban hành [H2.02.03.02]; được công bố công khai trên Website của Trường và của Khoa Cơ khí - Ô tô [H2.02.03.03]; được đóng quyển để lưu tại Phòng Quản lý đào tạo, thư viện, văn phòng khoa giúp cho GV, SV và những người quan tâm dễ dàng tiếp cận và tra cứu [H2.02.03.04]. Bên cạnh đó, thông qua

các hội thảo hàng năm, Khoa Cơ khí - Ô tô đã công khai bản mô tả CTĐT tới các chuyên gia, nhà sử dụng lao động, cựu SV [H2.02.03.05]. Trong các chiến dịch tuyển sinh hàng năm, bản mô tả CTĐT ngành CNKT Ô tô được công bố công khai trên website tuyển sinh của Nhà trường [H2.02.03.06], đồng thời cũng được truyền tải trong các buổi nói chuyện, phát các tờ rơi, giới thiệu các ngành đào tạo của Nhà trường, trong đó có ngành CNKT Ô tô đến các phụ huynh và học sinh THPT trong khu vực miền Bắc để các em có thêm thông tin đăng ký ngành học phù hợp với bản thân [H2.02.03.07].

Bộ CTĐT ngành CNKT Ô tô các năm 2021, năm 2023 và bản dự thảo CTĐT năm 2025, trong đó có bao gồm các ĐCCT học phần được công bố công khai thông qua các quyết định ban hành chính thức của Nhà trường [H2.02.03.08]. Toàn bộ đề cương các học phần của các lần điều chỉnh CTĐT đều được in trong quyển CTĐT, niên giám CTĐT và được lưu giữ trong hồ sơ Phòng Quản lý đào tạo, thư viện của Nhà trường; đồng thời cũng được in ra đặt tại văn phòng khoa [H2.02.03.09] và công khai trên Website của Khoa Cơ khí - Ô tô [H2.02.03.10] giúp GV, SV có thể dễ dàng tra cứu khi cần thông tin, đảm bảo tính chủ động học tập của SV. Đối với mỗi học phần khi lên lớp, GV giảng dạy đều cung cấp ĐCCT cho SV đồng thời dành thời gian hướng dẫn các thông tin ghi trong đề cương để SV nắm bắt được (vị trí học phần, cấu trúc học phần, phương pháp tổ chức giảng dạy, đánh giá kết quả của GV, tài liệu tham khảo...). Bên cạnh đó, thông qua hệ thống CVHT, SV được tư vấn, hỗ trợ tra cứu CSDL học phần, ĐCCT học phần trên phần mềm quản lý đào tạo để có thể chủ động kế hoạch đăng ký học tập đầu mỗi học kỳ.

Việc công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần ngành CNKT Ô tô bằng nhiều hình thức khác nhau đã giúp cho các đối tượng liên quan (cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, người học, cựu người học...) dễ dàng tiếp cận. Nhờ có các kênh thông tin như website Trường, website Khoa Cơ khí - Ô tô, các hồ sơ/ bản in lưu tại thư viện, văn phòng khoa, hệ thống phần mềm quản lý đào tạo và các tài khoản cá nhân, đội ngũ GV, CVHT và SV hoàn toàn có thể chủ động nắm được

kế hoạch, tiến độ giảng dạy, học tập. Các nhà sử dụng lao động cũng dễ dàng tiếp cận thông tin về CTĐT, ĐCCT học phần khi truy cập các website của Trường, Khoa và tham dự các hội thảo chuyên môn do Khoa Cơ khí - Ô tô tổ chức hàng năm, qua đó có thể đánh giá, lựa chọn nguồn nhân lực phù hợp thông qua các thông tin cụ thể về CĐR, kết quả học tập toàn khóa của SV ngành CNKT Ô tô. Theo định kỳ, Khoa Cơ khí - Ô tô tổ chức lấy ý kiến hàng năm về ĐCCT và chỉnh sửa theo CTĐT phê duyệt [H2.02.03.11].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành CNKT Ô tô được công khai bằng nhiều hình thức khác nhau giúp tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Nhà trường và Doanh nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần của ngành CNKT Ô tô chưa được giới thiệu rộng rãi tới các đối tượng THPT trong cả nước do mới chỉ được triển khai ở khu vực miền Bắc là chủ yếu. Mặt khác việc hướng dẫn tìm kiếm các thông tin này trong các tài liệu tuyển sinh còn chưa rõ nét.

4. Kế hoạch hành động

Bắt đầu từ năm học 2025-2026, Khoa Cơ khí - Ô tô sẽ kết hợp với Phòng Công tác sinh viên, Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông lập kế hoạch, tổ chức giới thiệu thông tin tuyển sinh, ngành nghề, trong đó kết hợp công bố bản mô tả CTĐT, ĐCCT các học phần tới các trường THPT trong cả nước, đặc biệt cho các đối tượng học sinh ở miền Trung và miền Nam.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 2:

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành CNKT Ô tô được công bố rõ ràng, đầy đủ và tường minh. Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới trên thế giới về lĩnh vực ô tô. Đề cương của các học phần được chuẩn hóa theo quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHCNVT. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến học phần,

cấu trúc, nội dung, phương pháp KTĐG... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa; được công bố công khai và dễ dàng tiếp cận.

Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại như sau: Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần của ngành CNKT Ô tô chưa được giới thiệu rộng rãi tới các đối tượng THPT trong cả nước do mới chỉ được triển khai ở khu vực miền Bắc là chủ yếu; việc tham khảo, đối sánh với đề cương của một số trường đại học uy tín quốc tế còn khó khăn; Ngoài ra, do bản mô tả CTĐT của ngành CNKT Ô tô mới sẽ được ban hành vào khoảng 6/2025 nên cần có thời gian để khảo sát ý kiến của các bên liên quan làm cơ sở để rà soát, điều chỉnh và cập nhật lại cho phù hợp với thực tiễn.

Tiêu chuẩn 02 có 03 tiêu chí, cả 03 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu:

CTDH ngành CNKT Ô tô là phần trọng tâm trong CTĐT, được thiết kế phù hợp cho việc triển khai đạt được CĐR của CTĐT. CTDH có cấu trúc, trình tự logic theo trật tự từ khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành đến chuyên ngành. Các học phần trong CTDH đảm bảo sự gắn kết giữa các khối kiến thức, đảm bảo chương trình là một khối thống nhất; các học phần tiên quyết làm nền tảng cho các học phần tự chọn. Các khối kiến thức được thiết kế có tính tích hợp, mỗi học phần đều có vai trò quyết định trong việc đạt được CĐR.

Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

CTDH ngành CNKT Ô tô được thiết kế và đưa vào sử dụng dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ (bao gồm mức tự chủ và trách nhiệm, ý thức nghề nghiệp) [H3.03.01.01], [H3.03.01.02]. CTDH ngành CNKT Ô tô cũng được thiết kế với 152 tín chỉ/83 học phần, bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương (tính cả giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng), khối kiến thức giáo dục cơ sở ngành, chuyên ngành và khối kiến thức thực hành, thực tập, đồ án. Cụ thể, khối kiến thức giáo dục đại cương được thiết kế 36 tín chỉ (tương ứng 17 học phần) nhằm hướng tới đạt được yêu cầu của CĐR về kiến thức đại cương toán cao cấp, vật lý, hóa học, pháp luật, lý luận chính trị, ngoại ngữ..., chưa kể GDTC, GDQP và chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ, chuẩn đầu ra ngành); Trong khi đó, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được thiết kế với 116 tín chỉ, chia làm 2 nhóm: Kiến thức cơ sở ngành và Kiến thức ngành. Khối lượng nhóm Kiến thức cơ sở ngành là 41 tín chỉ (tương ứng 18 học phần) bố trí dựa trên yêu cầu của CĐR về kiến thức nền tảng ngành CNKT Ô tô (Vẽ kỹ thuật, Cơ học lý thuyết, kỹ thuật nhiệt, Nguyên lý máy, Sức bền vật liệu, Vật liệu học, Chi tiết máy...), khối lượng nhóm Kiến thức ngành là 55 tín chỉ (tương ứng 27 học phần) đáp ứng yêu cầu CĐR về kiến thức chuyên sâu của ngành CNKT Ô tô (Lý thuyết ô tô, Cấu tạo ô tô, Kết cấu và tính toán ô tô, Hệ thống nhiên liệu và khí xả, Kiểm định và chẩn đoán kỹ thuật ô

tô, Kỹ thuật lái ô tô, Cơ điện tử ô tô...thực tập tốt nghiệp gồm 10 tín chỉ và 10 tín chỉ đồ án tốt nghiệp được bố trí riêng. Ngoài kiến thức, các yêu cầu của CĐR về kỹ năng mềm cho SV ngành CNKT Ô tô (khả năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý, lãnh đạo, thuyết trình, khả năng ngoại ngữ, tin học ứng dụng các phần mềm chuyên ngành như NX, AutoCAD, Solidworks, Inventor, Catia và phần mềm văn phòng Word, Excel, Powerpoint) được bố trí riêng hoặc tích hợp trong hơn 20 tín chỉ. Riêng yêu cầu CĐR cần đạt về thái độ của người học được thiết kế trong hầu hết yêu cầu CĐR của từng học phần trong CTDH (được đề cập trong ĐCCT mỗi học phần về mức độ chuyên cần, ý thức, thái độ học tập, rèn luyện...) [H3.03.01.03]. Đặc biệt, các yêu cầu về mức tự chủ, ý thức nghề nghiệp được chú trọng trang bị trong các học phần như pháp luật, lý luận chính trị, quản trị doanh nghiệp, đồ án, khóa luận tốt nghiệp...

CTDH ngành CNKT Ô tô được tổ chức thực hiện với đa dạng hình thức/tổ hợp các phương pháp về giảng dạy, học tập cũng như kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học [H3.03.01.04], [H3.03.01.05]. Đối với các học phần lý thuyết chung và cơ sở ngành, các PPGD kiểu thuyết trình, phân tích, dạy theo nhóm, đóng vai, mô phỏng, giải quyết vấn đề được áp dụng để từng bước trang bị cho người học các kiến thức nền tảng về lý luận chính trị Mác - Lênin, kiến thức toán, vật lý, kiến thức cơ bản về cơ học, sức bền vật liệu hay nguyên lý, cơ cấu máy... Đối với các học phần chuyên ngành sâu hoặc thực hành, thực tập nghề nghiệp (hệ thống truyền lực, động cơ ô tô, chẩn đoán, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô...), các PPGD như dạy theo nhóm, thao tác mẫu, liên hệ thực tế... được triển khai để người học chủ động tiếp cận, làm theo các bước thao tác, từ đó nắm vững được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng chuyên môn theo CĐR. Trong quá trình giảng dạy, CTDH yêu cầu chú trọng lấy người học làm trung tâm, GV có vai trò định hướng, khuyến khích người học trao đổi, tự vấn, tự tìm hiểu nâng cao kiến thức, kỹ năng [H3.03.01.06].

Phương pháp đánh giá kết quả học tập nhằm đạt CĐR từng học phần theo CTDH được thực hiện bằng nhiều hình thức như tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, báo

cáo và thực hành gia công sản phẩm (học phần thực hành)... [H3.03.01.07], [H3.03.01.08]. Trong CTDH, các học phần lý thuyết chung, cơ sở ngành (Chi tiết máy, Nguyên lý cắt - dụng cụ cắt, Sức bền vật liệu,...) thường sử dụng phương pháp trắc nghiệm để đánh giá việc đạt kiến thức theo CĐR học phần bởi phương pháp trắc nghiệm có thể đánh giá việc nắm bắt kiến thức trên diện rộng, bao quát. Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm bao quát hết các kiến thức trong học phần, phân loại mức độ khó, trung bình, dễ và quy định số lượng các câu hỏi nhằm đánh giá được khách quan kết quả học tập của người học [H3.03.01.09]. Đối với các học phần lý thuyết chuyên ngành, chuyên sâu (Lý thuyết ô tô, Cấu tạo ô tô, Kết cấu và tính toán ô tô, Hệ thống nhiên liệu và khí xả, Kiểm định và chẩn đoán kỹ thuật ô tô, Kỹ thuật lái ô tô, Cơ điện tử ô tô,...), cần đánh giá kiến thức cụ thể, trực tiếp vào lĩnh vực nghề nghiệp, phương pháp đánh giá được lựa chọn thường là tự luận với 2 - 4 câu hỏi/bài tập trong một bài kiểm tra thường xuyên hay đề thi kết thúc học phần [H3.03.01.10]. Riêng với các học phần thực hành, thực tập (TH hệ thống truyền lực, TH động cơ ô tô, TH chẩn đoán, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô...), việc đánh giá kết quả người học được thực hiện thông qua đánh giá kỹ năng tay nghề trực tiếp và chất lượng sản phẩm làm ra (về thao tác thực hiện, về hình dạng hình học, độ chính xác kích thước, độ nhẵn bóng bề mặt của sản phẩm, về kỹ thuật lập trình...) [H3.03.01.11]. Cuối khóa học trong CTDH ngành CNKT Ô tô, hình thức đánh giá dạng tổ chức hội đồng hỏi vấn đáp người học làm Đồ án tốt nghiệp được thực hiện để đánh giá tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và ý thức trách nhiệm của người học trong quá trình thực hiện Đồ án tốt nghiệp [H3.03.01.12]. Như vậy CTDH ngành CNKT Ô tô đã được thực hiện đầy đủ theo các bước để đạt CĐR của chương trình: Lập kế hoạch thực hiện [H3.03.01.13]; Khảo sát các bên liên quan [H3.03.01.14]; Thực hiện chỉnh sửa, rà soát [H3.03.01.15]; Thực hiện công tác giảng dạy [H3.03.01.16]; Kiểm tra công tác giảng dạy [H3.03.01.17], [H3.03.01.18].

2. Điểm mạnh

CTDH ngành CNKT Ô tô được tổ chức thực hiện với đa dạng hình thức/tổ

hợp các phương pháp về giảng dạy, học tập cũng như kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học nhằm đạt được CĐR. Trong đó nổi bật có phương pháp đánh giá kỹ năng thực hành nghề nghiệp thông qua quá trình thực hành và chất lượng sản phẩm đạt được, giúp dễ dàng nắm bắt và điều chỉnh PPGD nhằm đạt CĐR theo yêu cầu tốt nhất.

3. Điểm tồn tại

Việc tham khảo, đối sánh CTDH với các trường quốc tế chưa được đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025-2026, Khoa Cơ khí - Ô tô sẽ tìm kiếm thêm nhiều CTDH của các trường đại học quốc tế, tổ chức Seminar phân tích, đánh giá, đối sánh.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Mô tả

Mỗi học phần được thiết kế với tỷ lệ kiến thức lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành cân đối, logic và chặt chẽ [H3.03.02.01], [H3.03.02.02]. Mỗi học phần đóng một vai trò nhất định, rõ ràng trong khối kiến thức mà người học tiếp nhận, phản ánh vai trò của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR của ngành CNKT Ô tô. Tất cả các học phần trong CTĐT ngành CNKT Ô tô đều được xây dựng CĐR cho học phần và mỗi học phần lại đáp ứng được các tiêu chí CĐR của CTĐT, các CĐR của học phần đều đảm bảo sự phù hợp với mục tiêu của học phần. Ví dụ các học phần “Thực tập tốt nghiệp” và “Đồ án tốt nghiệp” thì đảm bảo đầy đủ các CĐR của CTĐT; còn các học phần “Đồ án chuyên ngành” và thực hành của chuyên ngành thì đảm bảo từ 80% - 90% các CĐR của CTĐT, điều này được thể hiện rõ trong bảng ma trận kỹ năng [H3.03.02.03].

Bảng ma trận chuẩn đầu ra CTĐT ngành CNKT Ô tô

TT	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra (PLO)													
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

1	23CT70013	Triết học Mác - Lênin	x				x						x			
2	23CT70022	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x				x						x			
3	23CT70032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x				x						x			
4	23CT70042	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	x				x						x			
5	23CT70052	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x				x						x			
6	23CB70012	Toán cao cấp 1	x	x			x									
7	23CB70023	Toán cao cấp 2	x	x			x									
8	23CB70032	Toán cao cấp 3	x	x			x									
9	23CB70342	Vật lý đại cương 1	x	x			x									
10	23KT70022	Pháp luật đại cương	x				x						x			
11	23HM70012	Hóa học đại cương 1	x				x									
12	23NN70012	Tiếng Anh cơ bản	x				x	x								
13	23KT70402	Kỹ năng mềm 1	x				x					x	x	x	X	x
14	23CB70352	Vật lý đại cương 2	x	x			x									
15	23KT70062	Quản trị doanh nghiệp	x				x						x			x
16	23TT71532	Tin học đại cương	x				x									
17	23CB70362	Vật lý đại cương 3	x	x			x									
18	23CB70042	Xác suất - Thống kê	x	x			x									
19	23KT70352	Kinh tế đại cương	x				x						x			
20	23HM70022	Hóa học đại cương 2	x				x				x					
21	23CO70013	Vẽ kỹ thuật 1	x	x			x			x	x		x			
22	23CO70022	Vẽ kỹ thuật 2	x	x			x			x	x		x			
23	23CO70032	Cơ học lý thuyết	x	x			x			x	x		x			
24	23CO70043	Sức bền vật liệu	x	x			x			x	x		x			
25	23CO70052	Nguyên lý máy	x	x			x			x	x		x			
26	23CO70063	Chi tiết máy	x	x			x			x	x		x			
27	23CO70071	Đồ án chi tiết máy	x	x		X	x	x	x		x	x	x			
28	23CO70083	Dung sai - Kỹ thuật đo	x	x			x	x					x			
29	23CO70113	Thực hành cơ khí cơ bản	x		x	X		x		x	x		x			
30	23CO70482	Auto CAD	x	x			x	x		x			x			
31	23CO70182	Ma sát học	x	x			x						x			
32	23CO70222	Nguyên lý cắt và dụng cụ cắt	x	x			x						x			
33	23CO70092	Vật liệu học	x	x			x						x			
34	23ĐT71013	Kỹ thuật điện - điện tử	x	x			x						x			
35	23CO70102	Tính toán, thiết kế trên máy tính	x	x			x	x					x			
36	23CO70132	Kỹ thuật nhiệt	x	x			x						x			
37	21CO70222	Công nghệ chế tạo máy	x	x			x	x					x			
38	23HM71102	Môi trường đại cương	x				x						x			
39	23ĐT71042	Lý thuyết điều khiển tự động	x	x			x		x				x			
40	23ĐT71032	Kỹ thuật số	x	x			x		x				x			
41	23CO70142	Công nghệ chế tạo phôi	x	x			x						x			
42	23CO70172	Máy nâng chuyển	x	x			x						x			
43	23CO70492	Lý thuyết động cơ đốt trong	x	x			x		x	x			x			
44	23CO70523	Lý thuyết ô tô	x	x			x		x	x			x			
45	23CO70532	Cấu tạo ô tô	x	x			x		x				x			
46	23CO70553	Kết cấu và tính toán ô tô	x	x			x		x	x			x			
47	23CO70561	Đồ án Kết cấu và tính toán ô tô	x	x		X	x	x	x		x	x	x			
48	23CO71092	Trang bị điện và hệ thống điều khiển ô tô	x	x			x		x				x			
49	23CO71102	Thực hành Trang bị điện và	x		x			x	x	x	x		x			

[illegible]

- Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương gồm: lý luận chính trị, ngoại ngữ, pháp luật, tin học đại cương, toán, lý, hóa... có mục tiêu đáp ứng được CĐR của ngành CNKT Ô tô.

- Các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành có mục tiêu đáp ứng được CĐR của ngành CNKT Ô tô.

Tổng số 83/83 học phần trong CTĐT ngành CNKT Ô tô xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG theo PPGD và học tập tích hợp. Các học phần bài tập, bài tập lớn, thực hành được tích hợp với các học phần lý thuyết giúp người học có đầy đủ các kỹ năng về chuyên môn và thực hành nhằm đảm bảo CĐR của mỗi học phần [H3.03.02.04]. Để đánh giá người học, bên cạnh điểm thi kết thúc học phần, kết quả học tập còn được đánh giá qua điểm quá trình được xác định từ điểm đánh giá thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm chuyên cần, điểm thi giữa học phần, điểm bài tập lớn [H3.03.02.05].

Từ năm 2024 - 2025 Nhà trường tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan về phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá nội dung giảng dạy của GV trong đó có đánh giá về nội dung các học phần [H3.03.02.06], [H3.03.02.07], [H3.03.02.08], [H3.03.02.09]. Cụ thể, ở thời điểm kết thúc năm học, Nhà trường triển khai lấy ý kiến góp ý của đội ngũ GV, CBQL và các bên liên quan về nội dung học phần nhằm đảm bảo đạt được CĐR của ngành CNKT Ô tô. Các nội dung khảo sát của Nhà trường đối với nhà tuyển dụng, doanh nghiệp và các tổ chức liên quan chủ yếu thể hiện đánh giá về chất lượng đào tạo, mức độ đáp ứng của từng học phần trong CTĐT đối với nhu cầu xã hội [H3.03.02.10]. Kết quả khảo sát cho thấy: đối với các nhà sử dụng lao động thì người học tốt nghiệp đi làm đáp ứng tốt với điểm mạnh là các kỹ năng nghề nghiệp. Trên cơ sở kết quả khảo sát, Khoa tổ chức tiến hành đánh giá, điều chỉnh CTDH nhằm đạt được CĐR, trong đó 100% đề cương chi tiết các học phần của CTĐT ngành CNKT Ô tô đều được rà soát, điều chỉnh trong giai đoạn đánh giá [H3.03.02.11], [H3.03.02.12], [H3.03.02.13], [H3.03.02.14].

2. Điểm mạnh

Tất cả các học phần trong CTĐT ngành CNKT Ô tô đều được xây dựng CĐR cho học phần và mỗi học phần lại đáp ứng được các tiêu chí CĐR của CTĐT, các CĐR của học phần đều đảm bảo sự phù hợp với mục tiêu của học phần. Các học phần có khối lượng kiến thức, kỹ năng và thái độ đạt chuẩn đầu ra là rõ ràng trong CTDH; phương pháp dạy và học, kiểm tra, đánh giá được điều chỉnh, thiết kế phù hợp với từng môn học qua thực tế và ý kiến phản hồi của các bên liên quan để đạt CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến đóng góp của các doanh nghiệp có vốn nước ngoài đối với nội dung các học phần nhằm đảm bảo đạt được CĐR của ngành CNKT Ô tô là còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Học kỳ II năm học 2025 - 2026, Khoa Cơ khí - Ô tô tiếp tục triển khai kế hoạch xin ý kiến góp ý của các bên liên quan, đặc biệt đa dạng hơn đối với nhà tuyển dụng, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội nghề nghiệp về nội dung các học phần, làm cơ sở để xây dựng điều chỉnh nội dung chương trình các học phần đáp ứng CĐR của CTĐT ngành CNKT Ô tô.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự lô gic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả

CTDH ngành CNKT Ô tô ban hành năm 2023 và bản dự thảo CTĐT năm 2025 gồm có 152 tín chỉ (tương ứng với 83 học phần) và được bố trí trong 9 học kỳ [H3.03.03.01]. Các học phần trong CTDH được cấu trúc nhằm đảm bảo sự liên mạch và kế thừa giữa các học phần thuộc khối kiến thức cơ bản, cơ sở ngành, chuyên môn chuyên ngành. Cụ thể: trong tổng số 152 tín chỉ toàn khóa, các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương (36 tín chỉ) được bố trí trong 03 học kỳ đầu, các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành (116 tín chỉ) được thiết kế trong

06 học kỳ tiếp theo, xen lẫn là các học phần đồ án - thực hành thực tập (106 tín chỉ). Đồ án tốt nghiệp (hoặc các học phần thay thế đồ án tốt nghiệp) (10 tín chỉ) được cấu trúc trong học kỳ cuối của khóa học giúp SV áp dụng kiến thức một cách tổng hợp và bước đầu làm quen với thực tế sản xuất, tích hợp với kỹ năng làm việc nhóm, viết báo cáo thuyết trình [H3.03.03.02]. Bên cạnh đó, CTDH có các học phần tự chọn được thiết kế nhằm mục đích hướng SV vào các hướng chuyên sâu theo chuyên ngành và mở rộng kiến thức bằng cách chọn các học phần trong một chương trình gần với chuyên sâu, chuyên ngành lựa chọn. Khối lượng và tỷ lệ cấu trúc các nhóm học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành [H3.03.03.03] cấu trúc phù hợp với quy định khối lượng kiến thức của bộ GD&ĐT, phù hợp với các hướng dẫn, thiết kế CTDH [H3.03.03.04]. Điều này giúp CTDH ngành CNKT Ô tô có sự logic, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất, từ đó giúp SV có thể tiếp cận một cách có hệ thống để hoàn thiện kiến thức và kỹ năng của ngành đào tạo. Đây cũng là nội dung được kết luận trong biên bản tổng hợp ý kiến của chuyên gia về nội dung CTDH [H3.03.03.05].

83/83 học phần trong CTDH ngành CNKT Ô tô được bố trí hợp lý, liên kết chặt chẽ với nhau theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ lý thuyết đến thực hành và đảm bảo đủ thời lượng cho mỗi học phần để học tập trên giảng đường, thời gian thực hành tại phòng thực hành và thời gian thực tập thực tế. Các học phần kết thúc ở học kỳ trước làm nền tảng cho các học phần tiếp theo. Cụ thể: các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương (36 tín chỉ - chiếm tỷ lệ 23,7%) là các học phần điều kiện tiên quyết cho các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành sau này, trang bị kiến thức đại cương (toán, vật lý, ngoại ngữ, tin học, lý luận chính trị...) cho SV trong 03 học kỳ đầu. Các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành (116 tín chỉ - chiếm tỷ lệ 76,3%) được thiết kế trong 6 học kỳ tiếp theo, trong đó các học phần cơ sở ngành (Vật liệu học, Vẽ kỹ thuật, Cơ học, Sức bền vật liệu, Nguyên lý máy, Dung sai - kỹ thuật đo, Chi tiết máy...) thường là các học phần tiên quyết hoặc song hành cho các học phần chuyên ngành, được thiết kế tập trung vào hai học kỳ 3 và 4 năm thứ 2 và học kỳ 5 năm thứ 3, các học phần chuyên

ngành (Lý thuyết ô tô, Cấu tạo ô tô, Kết cấu và tính toán ô tô, Kiểm định và chẩn đoán ô tô...) được bố trí vào hai học kỳ 5 và 6 năm thứ 3 và học kỳ 7 và 8 năm thứ 4. Các học phần thực tập, đồ án tốt nghiệp (20 tín chỉ - chiếm tỷ lệ 13,2%) được thiết kế phân bổ vào học kỳ 9 giúp lần lượt trang bị cho SV các kỹ năng toàn khóa học [H3.03.03.06]. Đánh giá 83 học phần trong CTDH ngành CNKT Ô tô đã được cấu trúc, bố trí hợp lý là nội dung được kết luận trong biên bản tổng hợp ý kiến của chuyên gia về nội dung CTDH [H3.03.03.07].

Từ năm 2021, CTDH tiếp tục được điều chỉnh theo tinh thần của thông tư 07/2015/TT-BGD&ĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp và dựa trên ý kiến của các bên liên quan (người học, SV năm cuối, cựu SV, nhà sử dụng lao động, chuyên gia, GV, CBQL) [H3.03.03.08], [H3.03.03.09], [H3.03.03.10]. CTDH ngành CNKT Ô tô được cập nhật mới danh mục tài liệu học tập, tham khảo vào ĐCCT các học phần sau mỗi lần rà soát, điều chỉnh. Ở lần điều chỉnh, cập nhật năm 2023 và 2025, trên cơ sở điều chỉnh CDR của CTĐT [H3.03.03.11], bản mô tả CTĐT cũng được cập nhập bổ sung [H3.03.03.12], hoàn thiện đề cương các học phần theo mẫu mới [H3.03.03.13], CTDH ngành CNKT Ô tô với 152 tín chỉ (83 học phần) trong đó tập trung vào một số học phần mới như Công nghệ ô tô lai điện và ô tô điện, phần mềm tính toán - thiết kế, đồ án, thực hành...cho một số học phần chuyên ngành sâu quan trọng (Kết cấu và tính toán ô tô, Kiểm định và chẩn đoán ô tô, Công nghệ lắp ráp ô tô...) [H3.03.03.14], [H3.03.03.15], [H3.03.03.16].

Khi điều chỉnh CTDH ngành CNKT Ô tô đều có sự so sánh đối chiếu với các trường uy tín trong nước như trường đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, ĐH Công nghiệp Hà Nội, ĐH Vinh [H3.03.03.17]; với các trường quốc tế như trường ĐH Bharath Ấn Độ [H3.03.03.18], cũng như so sánh CTDH các phiên bản giữa các năm 2021, 2023, 2025 [H3.03.03.19]. Thông qua việc đối sánh với các cơ sở giáo dục có uy tín trong nước và trên thế giới, ý kiến từ doanh nghiệp và chuyên gia, trong đợt điều chỉnh năm 2021 và 2025, CTDH, ĐCCT học phần ngành CNKT Ô tô đã bổ sung thêm một số học phần có nội dung cập nhật mới,

hiện đại như Thiết kế, mô phỏng ô tô, Công nghệ ô tô lai điện và ô tô điện (sử dụng phần mềm Ansys, NX,...), Tính toán, thiết kế trên máy tính, Cơ điện tử ô tô... giống như các trường tiên tiến, đồng thời bổ sung được nhiều học phần tự chọn có nội dung cập nhật với thực tế, đảm bảo tính linh hoạt của CTDH. Qua đó khoa đã lập kế hoạch, xây dựng CTDH định kỳ theo quy định và đáp ứng kế hoạch đào tạo của CTĐT [H3.03.03.20], [H3.03.03.21], [H3.03.03.22].

2. Điểm mạnh

Năm 2023, CTDH ngành CNKT Ô tô đã bổ sung một số học phần có nội dung cập nhật mới, hiện đại.

3. Điểm tồn tại:

Trong giai đoạn 2020 - 2025, việc lấy ý kiến góp ý về CTDH từ các doanh nghiệp có vốn nước ngoài (FDI) chưa được thực hiện nhiều và hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

Trong đợt rà soát điều chỉnh CTDH tiếp theo, Khoa Cơ khí - Ô tô sẽ phối hợp với Phòng Quản lý chất lượng, Phòng Công tác SV lập danh sách các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các công ty Ô tô liên doanh, công ty có vốn nước ngoài cần lấy ý kiến khảo sát; đề xuất nội dung, kế hoạch khảo sát cụ thể để triển khai hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 3:

CTDH của Khoa Cơ khí - Ô tô được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các CDR của CTĐT; chú trọng tới tính logic và tính tích hợp của các học phần trong CTDH, nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ khối lĩnh vực rộng đến kiến thức ngành hẹp. Nội dung của các học phần cơ sở và học phần chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau.

Tuy nhiên, CTDH ngành CNKT Ô tô còn một số tồn tại: việc lấy ý kiến góp ý về CTDH từ các doanh nghiệp có vốn nước ngoài; việc tham khảo, đối sánh CTDH với các trường quốc tế chưa được thực hiện nhiều và hiệu quả.

Tiêu chuẩn 03 có 03 tiêu chí, trong đó 03 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Trong đào tạo đại học, phương pháp tiếp cận có vai trò quan trọng. Khoa Cơ khí - Ô tô, cũng như nhiều khoa khác trong trường ĐHCNVT chọn cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động ngoại khóa nhằm đạt được CĐR đã tuyên bố trong CTĐT, sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho SV. Để làm được điều này, CTĐT xác định rõ mục tiêu đào tạo và CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Cách tiếp cận này được cụ thể hóa ở việc thiết kế chương trình với các học phần kế tiếp nhau một cách logic, học phần cơ sở là cơ sở cho những học phần chuyên sâu, các hoạt động dạy và học đều phải cùng hướng đến CĐR. Thông điệp về cách tiếp cận, các hoạt động dạy học và CĐR của chương trình cần được mỗi GV và người học hiểu rõ để thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ của mình. CTĐT ngành CNTT đã chú trọng hơn đến PPDH phát triển năng lực SV, nhấn mạnh các CĐR với 5 cấp độ: (1) biết/nhớ; (2) hiểu; (3) vận dụng; (4) phân tích/tổng hợp; (5) đánh giá.

Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả

Mục tiêu giáo dục của Nhà Trường được tuyên bố rõ ràng trong Nghị quyết số 03/NQ-HĐT, ngày 26 tháng 4 năm 2022 Về việc Ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 và Nghị quyết số 03/NQ-HĐT, ngày 07 tháng 1 năm 2025 Về việc Ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2035.

Theo đó, mục tiêu chung xác định “Giữ vững, nâng cao chất lượng đào tạo và các điều kiện phục vụ; xây dựng Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì trở thành trường đại học đạt chuẩn các tiêu chí hội nhập khu vực” với Triết lý giáo dục là “*Học tập chủ động, làm việc sáng tạo*” và Giá trị cốt lõi “*Nhân văn - đoàn kết* -

chất lượng - đổi mới”. Các mục tiêu cụ thể cũng đã được nêu rõ trong Tuyên bố tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu của trường Đại học Công nghiệp Việt Trì [H4.04.01.01]. Trong tiến trình phát triển của xã hội và của nhà trường, trong Quyết định số 372 ngày 10 tháng 7 năm 2017 ban hành mục tiêu chất lượng của Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì *“Tiếp tục đổi mới nâng cao hiệu quả quản lý nhất là đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đào tạo. Tăng cường phân cấp nhằm phát huy tính chủ động sáng tạo và tự chịu trách nhiệm; Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực, lấy người học làm trung tâm, phát huy tính chủ động, khả năng tư duy của HSSV. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và học tập, đầu tư trang thiết bị phục vụ giảng dạy; Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập...”* [H4.04.01.02].

Trên cơ sở hiểu rõ mục tiêu giáo dục của Nhà Trường, Khoa Cơ khí - Ô tô đã xác định mục tiêu và áp dụng triển khai CTĐT hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ với mục tiêu *“Chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô (CNKTOT) định hướng ứng dụng, đào tạo Kỹ sư Công nghệ Kỹ thuật Ô tô có kiến thức về toán, khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị, pháp luật, cơ sở ngành và chuyên ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp vững chắc, kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp thông tin và kỹ năng giao tiếp, ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ; có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc ngành đào tạo và có khả năng giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ; có đủ năng lực tự học, đổi mới sáng tạo trong công việc để thích nghi với môi trường làm việc; có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt để phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế”*. [H4.04.01.03]. Năm 2025 khi Nhà Trường triển khai rà soát, điều chỉnh lại CTĐT, mục tiêu giáo dục của các ngành được làm rõ hơn và được nêu trong bản mô tả đề cương CTĐT các học phần. Trong đề cương chi tiết từng học phần cũng nêu rõ mục tiêu của từng học phần, sự đóng góp của từng học phần; CDR, mục tiêu của ngành cũng được nêu rõ trong bộ CTĐT theo ngành [H4.04.01.04].

Mục tiêu giáo dục của Nhà Trường được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ, giảng viên trong các Hội nghị tổng kết năm học và cũng được phổ biến cho sinh viên trong các tuần sinh hoạt chính trị đầu năm cũng như trong các đề án tuyển sinh hàng năm, trong công tác xây dựng, chỉnh sửa CTĐT [H4.04.01.05]. Từ đó giúp mọi người hiểu rõ và thực hiện tốt mục tiêu giáo dục của Nhà Trường nói chung và Khoa Cơ khí - Ô tô nói riêng trong công tác, đặc biệt là công tác xây dựng CTĐT: “*Xây dựng nội dung chương trình đào tạo phù hợp với sự phát triển của khoa học và công nghệ, tiếp cận trình độ tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới, đồng thời đáp ứng với nguồn nhân lực có trình độ đại học và sau đại học*”. Để đưa ra được mục tiêu giáo dục phù hợp, Nhà Trường đã có thông báo về kế hoạch cũng như triển khai khảo sát tới các bên liên quan [H4.04.01.06]. Qua kết quả khảo sát (với đối tượng là người học, giảng viên và các bên liên quan) đã cho thấy trên 80% số người được hỏi cho biết: đã biết về mục tiêu giáo dục của Khoa Cơ khí - Ô tô, ngành CNKT Ô tô và mục tiêu của Nhà Trường. Từ đó giảng viên đã thực hiện công tác giảng dạy và người học thực hiện công tác học tập của CTĐT đã đáp ứng tốt được mục tiêu giáo dục của Nhà trường [H4.04.01.07], [H4.04.01.08].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu giáo dục của Nhà Trường được tuyên bố rõ ràng trong các văn bản, trang thông tin điện tử của Nhà Trường và các bên liên quan. Trên cơ sở đó, cán bộ Khoa Cơ khí - Ô tô nói riêng cùng SV của Khoa và các bên liên quan đã hiểu rõ và triển khai thực hiện nghiêm túc để đạt được tốt nhất các mục tiêu mà Nhà Trường đã đề ra.

3. Điểm tồn tại

Việc giới thiệu, phổ biến mục tiêu giáo dục của Nhà trường tới các doanh nghiệp FDI còn chưa được rộng khắp và có chiều sâu.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025-2026, Khoa Cơ khí - Ô tô lập danh sách các doanh nghiệp sử dụng lao động FDI có liên hệ với Khoa Cơ khí - Ô tô để phối hợp cùng

với Phong Công tác sinh viên tổ chức giới thiệu các mục tiêu giáo dục, ngành nghề đào tạo tới các doanh nghiệp đó trong các đợt tuyển dụng việc làm.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 6/7

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

Khoa Cơ khí - Ô tô xây dựng tổ hợp công nghệ dạy học và PPGD đa dạng được thực hiện như: Thuyết trình, phân tích, mô phỏng, tương tác thực tế, video, thực hành tại xưởng và thực tập tại doanh nghiệp được mô tả trong CTĐT, ĐCCTHP [H4.04.02.01]. Tất cả các giảng viên đều tổ hợp công nghệ dạy học/phương pháp dạy học rất hiệu quả trong các hoạt động dạy học để đạt được CĐR được đánh giá trong biên bản dự giờ, hội giảng [H4.04.02.02]. Quy trình thiết kế phương pháp giảng dạy và hoạt động học tập được Khoa xây dựng thông qua các buổi dự giờ, hội giảng của học phần. Từ đó bộ môn hợp để thống nhất đưa ra phương pháp giảng dạy và hoạt động học tập của từng bài, chương, học phần để đạt CĐR của CTĐT. Chính vì vậy tất cả các PPGD đang được áp dụng đều hướng tới đạt CĐR của chương trình đào tạo của ngành.

Nhà trường có quyết định giao nhiệm vụ cho giảng viên, giảng viên làm cố vấn học tập có trách nhiệm hướng dẫn SV sử dụng tổ hợp các phương pháp nghiên cứu, học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức thông qua giờ giảng, hướng dẫn tự học, tìm hiểu thực tế...[H4.04.02.03]. Đối với các học phần lý thuyết GV đóng vai trò là người tổ chức, hướng dẫn SV phương pháp học tập, nghiên cứu, tự học, tìm hiểu thực tế để hiểu được kiến thức cơ bản về ngành CNKT Ô tô, đáp ứng yêu cầu về kiến thức chuyên môn trong CĐR. Đối với các học phần thực hành GV phải trải qua 2 giai đoạn là hướng dẫn cơ bản và nâng cao, sau khi được hướng dẫn cơ bản SV trực tiếp thực hành để đạt được kỹ năng cứng trong CĐR như tính toán, thiết kế được quy trình công nghệ chế tạo, lắp ráp các sản phẩm trong ngành ô tô và các thiết bị động lực khác; thiết lập được quy trình kiểm tra, chẩn đoán, bảo dưỡng và sửa chữa các loại ô tô và các thiết bị động lực khác, sau

đó SV phát triển kiến thức nâng cao như phân tích, giải thích và phản biện các vấn đề kỹ thuật thực tế sản xuất tại doanh nghiệp [H4.04.02.04], [H4.04.02.05], [H4.04.02.06]. Trong các giờ học, GV thường xen kẽ các hoạt động để kích lệ tinh thần cố gắng và hoàn thiện bản thân cho SV như khả năng làm việc nhóm, tự học, tự tìm tòi nghiên cứu để SV chủ động tiếp thu kiến thức. Ngoài ra, Nhà trường còn cấp cho mỗi sinh viên một tài khoản để học trực tuyến qua ứng dụng MS Teams. Đặc biệt, trong thời gian dịch bệnh Covid-19 có diễn biến phức tạp, Nhà trường đã có các quy định, hướng dẫn giảng dạy và thi trực tuyến để GV và SV thực hiện, trong năm học 2023-2024 nhà trường tổ chức Hội giảng Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giảng dạy, năm học 2024-2025 tổ chức Hội giảng Chuyển đổi số trong giảng dạy và từng bước xây dựng các CTĐT theo hình thức kết hợp và đào tạo từ xa (Blended Learning) [H4.04.02.07]. Phương pháp giảng dạy và hoạt động học tập của từng bài, chương, học phần luôn được đánh giá và điều chỉnh qua các hoạt động dự giờ, hội giảng, sinh hoạt chuyên môn và cũng được cải tiến phù hợp với công nghệ hiện đại.

Qua kết quả khảo sát (với đối tượng là người học, giảng viên) đã cho thấy trên 90% GV Khoa Cơ khí - Ô tô hài lòng với tổ hợp công nghệ dạy học được sử dụng trong CTĐT (kết quả khảo sát hàng năm dành cho GV về phương pháp dạy học), 96.6% SV hài lòng với PPGD và học tập của Khoa Cơ khí - Ô tô [H4.04.02.08]. Tỷ lệ hài lòng cao và ổn định trong các năm gần đây cho thấy các phương pháp, cách thức tiếp cận và tổ chức giảng dạy của GV Khoa Cơ khí - Ô tô là phù hợp.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học đều được thiết kế, xây dựng thông qua công tác giảng dạy thực tế, ý kiến tập thể chuyên môn, chuyên gia và các bên liên quan; đặc biệt việc hướng dẫn SV sử dụng các phương pháp học tập hiệu quả thông qua các giảng viên là cố vấn học tập đã đáp ứng tốt yêu cầu chuyên môn trong CDR.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù GV đã hướng dẫn SV chủ động học tập, tìm tòi kiến thức mới và luôn tạo điều kiện cho SV sáng tạo để đạt tốt các yêu cầu của CĐR. Nhưng vẫn còn một số ít SV mức độ chủ động tiếp thu lĩnh hội kiến thức còn chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Bắt đầu từ năm học 2025-2026, Khoa Cơ khí - Ô tô tổ chức các chuyên đề cho SV được chủ động tìm hiểu kiến thức như “Phương pháp NCKH”, tự nghiên cứu, thuyết trình và giải quyết vấn đề. Kế hoạch này giúp SV có thái độ chủ động tiếp cận kiến thức và tự tin hơn.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 6/7

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Mô tả

Từ sau khi được điều chỉnh CTĐT năm 2023, 100% đề cương chi tiết (ĐCCT) học phần có trong CTĐT ngành CNKT Ô tô đều có mô tả rõ tổ hợp các PPGD/học tập áp dụng cho các học phần. Cụ thể, theo từng loại học phần mà PPGD/học tập có thể là thuyết trình, phân tích, dạy theo nhóm, đóng vai, mô phỏng, giải quyết vấn đề,... (đối với học phần lý thuyết) hay có thể là dạy theo nhóm, thao tác mẫu (đối với học phần thực hành)... ĐCCT mỗi học phần đều yêu cầu rõ việc sử dụng hiệu quả tổ hợp các PPGD/học tập nhằm mục đích rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Ví dụ, tổ hợp PPGD theo nhóm nhỏ, hướng dẫn mẫu từng bước yêu cầu trong học phần Đồ án Chi tiết máy và Đồ án chuyên ngành: Kết cấu và tính toán ô tô, sẽ giúp SV không chỉ đạt được kiến thức chuyên ngành mà còn được rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình và tính tỉ mỉ, cẩn thận [H4.04.03.01], [H4.04.03.02].

Trong ĐCCT của các học phần đều có nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu/tự học của người học thông qua các yêu cầu về chuẩn bị bài, thảo luận nhóm, sử dụng các tài liệu học tập và tài liệu tham khảo [H4.04.03.03]. Ngoài ra, ĐCCT một số học phần chuyên ngành đặc thù (Thực tập tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp) còn yêu cầu người học hoàn toàn chủ động tự tìm hiểu cơ cấu, tổ chức nhà máy/doanh

nghiệp thực tập, quy trình hoạt động, lắp đặt, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các hệ thống máy sản xuất; quy trình công nghệ (tính toán, thiết kế, gia công) các máy, chi tiết máy, bộ phận máy trong ô tô... Kết quả đạt được từ các yêu cầu trong ĐCCT các học phần này giúp cho người học có các kỹ năng cần thiết để nâng cao khả năng tìm hiểu, học tập độc lập, qua đó hướng đến mục tiêu học tập suốt đời cho người học [H4.04.03.04], [H4.04.03.05], [H4.04.03.06].

Nhằm đảm bảo hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời, Khoa Cơ khí - Ô tô định kỳ thực hiện các hoạt động đảm bảo GV sử dụng hiệu quả tổ hợp các PPGD/học tập quy định trong ĐCCT học phần, tổ chức dự giờ, hội giảng [H4.04.03.07], [H4.04.03.08]. Khoa Cơ khí - Ô tô đã định kỳ hàng năm tổ chức lấy ý kiến của sinh viên đã tốt nghiệp, nhà sử dụng lao động về khả năng tự nghiên cứu tiếp cận với công nghệ mới và được đánh giá là tốt [H4.04.03.09].

Hàng tuần, GVCN và CVHT tổ chức họp để trao đổi với SV về các hoạt động dạy và học để kịp thời nhắc nhở sinh viên trong công tác học tập, rèn luyện [H4.04.03.10]. Trong các buổi sinh hoạt, GVCN và CVHT luôn động viên, giới thiệu và hướng dẫn sinh viên tham gia công tác nghiên cứu khoa học; đặc biệt là các sinh viên sau khi học xong kiến thức cơ sở ngành, CTĐT luôn có các hoạt động dạy và học để tạo các điều kiện hình thành các ý tưởng nghiên cứu ứng dụng cho các máy phục vụ sản xuất, sinh hoạt. Mặt khác trong CTĐT luôn có hoạt động trải nghiệm, thực tế tại các đơn vị sản xuất để sinh viên có nhận biết về thực tế sản xuất. Từ đó hình thành các kiến thức, kỹ năng học tập, nghiên cứu chuyên ngành dễ dàng hơn [H4.04.03.11].

2. Điểm mạnh

Khoa Cơ khí - Ô tô có nhiều hoạt động đảm bảo cho GV sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các PPGD nhằm hỗ trợ người học rèn luyện kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Sinh viên chưa tích cực tham gia hoạt động NCKH.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025 - 2026 Khoa Cơ khí - Ô tô phối hợp với phòng KHCN và HTQT tích cực, chủ động, đa dạng các đề tài NCKH để khuyến khích SV tích cực tham gia hoạt động NCKH.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 6/7

Kết luận về tiêu chuẩn 4:

Nhìn chung, phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT đúng đắn, mục tiêu được diễn đạt rõ ràng và được công bố công khai, rộng rãi. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt, giúp người học đạt CDR. Các hoạt động học tập đa dạng như NCKH, tự học, thảo luận, thuyết trình, thực tập, thực hành, các khóa học nâng cao kỹ năng mềm còn giúp SV có khả năng và tinh thần học suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy và người học. Môi trường học cởi mở và thân thiện, tôn trọng và giúp đỡ người học.

Bên cạnh đó, vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục: việc giới thiệu, phổ biến mục tiêu giáo dục của nhà trường tới các doanh nghiệp FDI sử dụng lao động còn chưa được rộng khắp và có chiều sâu; Các đề tài NCKH thúc đẩy hoạt động dạy và học vẫn còn khiêm tốn.

Tiêu chuẩn 03 các tiêu chí đều đạt 6/7 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Việc đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện thường xuyên trong suốt quá trình SV theo học tại Khoa Cơ khí - Ô tô, Trường ĐHCN Việt Trì nhằm xác định mức độ kiến thức và năng lực người học đạt được so với mục tiêu của học phần và khóa học. Việc đánh giá này được thực hiện khách quan, phù hợp với mức độ đạt CĐR trong mọi thời điểm của toàn bộ quá trình học, trong đó chú trọng đánh giá thái độ, kiến thức, năng lực thông qua các phương pháp kiểm tra đa dạng, đảm bảo độ giá trị, tin cậy, sự công bằng. Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất của giáo dục đại học bởi điều này ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và hoạch định kế hoạch nghề nghiệp của người học. Do đó, người học được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời kết quả học tập, tiếp cận dễ dàng với các quy trình phúc khảo để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Trong thời gian trước đến tháng 4 năm 2025, Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản về Quy chế đào tạo trong đó có quy định quy trình đánh giá kết quả học tập của SV nhằm đạt được CĐR của chương trình đào tạo [H5.05.01.01], [H5.05.01.02], [H5.05.01.03].

Đối với kết quả đánh giá đầu vào của Nhà trường được quy định rõ trong đề án tuyển sinh hàng năm: thường bằng hai hình thức là xét tuyển theo kết quả điểm thi THPT, xét tuyển theo kết quả học bạ THPT, hoặc theo kết quả đánh giá năng lực. Sau khi sinh viên nhập học, Nhà trường ban hành kế hoạch đào tạo toàn khóa và hàng năm có công bố kế hoạch thi công khai và rộng rãi đến GV thông qua email; SV thông qua trang cá nhân của mỗi SV hoặc thông qua sinh hoạt đầu khóa; các bên liên quan (GV, GVCN, CVHT, SV, cựu SV, chuyên gia, doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, ...) thông qua website của Trường

[H5.05.01.04]

Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về thi kết thúc học phần, tài liệu hướng dẫn về thiết kế câu hỏi, đề thi và ngân hàng đề thi [H5.05.01.05]. Quy trình tổ chức thi đánh giá người học [H5.05.01.06]. Tất cả các học phần của CTĐT ngành CNKT Ô tô đều có ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề thi. Các ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề thi được xây dựng tích hợp lý thuyết với bài tập hoặc thực hành hoặc đồ án trên cơ sở từ trình bày, ứng dụng, phân tích và tổng hợp đề xuất. Trước khi kết thúc các học phần Nhà trường đều ban hành sớm lịch thi cụ thể [H5.05.01.07]. Để thống nhất giữa các giảng viên về các nội dung cần đánh giá người học, Khoa Cơ khí - Ô tô đã xây dựng phiếu đánh giá kết quả thực hành, thực tập, đồ án, bài tập lớn [H5.05.01.08]. Ngoài ra, trong các ĐCCT học phần cũng đưa ra phương pháp KTĐG người học. Từ đó việc đánh giá kết quả học tập của người học có hiệu quả cao trong việc đạt CĐR của CTĐT [H5.05.01.09] trong quá trình học tập.

Theo quy định của Trường, tùy theo đặc điểm của từng học phần trong CTĐT ngành CNKT Ô tô sẽ có 05 phương pháp đánh giá cơ bản là: (1) nhóm các học phần kiểm tra theo hình thức thi tự luận như học phần khối kiến thức khoa học tự nhiên, Cơ lý thuyết, Sức bền vật liệu, Nguyên lý máy, Dung sai - kỹ thuật đo,...; (2) nhóm các học phần kiểm tra theo hình thức thi trắc nghiệm như học phần khối kiến thức chính trị, pháp luật, Nguyên lý và dụng cụ cắt, Chi tiết máy, ...; (3) nhóm các học phần kiểm tra theo hình thức thi vấn đáp như học phần đồ án Chi tiết máy, học phần đồ án chuyên ngành như đồ án Kết cấu và tính toán ô tô,...; (4) nhóm các học phần thi kiểm tra tay nghề, trực tiếp gia công, vận hành các máy, thiết bị thực hành như học phần thực hành cơ khí cơ bản, Thực hành động cơ ô tô, Thực hành thân vỏ ô tô, Thực hành sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, Thực hành Trang bị điện và hệ thống điện điều khiển ô tô; (5) riêng với học phần Đồ án tốt nghiệp thì hình thức kiểm tra là SV sẽ phải bảo vệ đề tài nghiên cứu của mình trước hội đồng chuyên môn do bộ môn và lãnh đạo khoa. Phương pháp đánh giá của từng học phần đều được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết và được GV chủ động thông báo ngay khi bắt đầu học phần để

người học nắm được [H5.05.01.10]. Các tiêu chí đánh giá của các phương pháp đánh giá được quy định rõ ràng về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đạt CDR của CTĐT; điều này được thể hiện rõ trong các đáp án đề thi và ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm.

2. Điểm mạnh

Có đa dạng các phương pháp KTĐG kết quả học tập của người học (05 phương pháp), phù hợp để đo lường mức độ đạt được CDR.

3. Điểm tồn tại

Một số học phần có hình thức kiểm tra đánh giá chưa thực sự phù hợp với thời điểm hiện tại khi AI được sử dụng trong quá trình học tập của SV.

4. Kế hoạch hành động

Từ học kỳ 2 năm học 2025 - 2026, Khoa Cơ khí - Ô tô đề xuất thay đổi hình thức đánh giá so với hình thức công bố trong đề cương học phần, nhằm thích ứng với tình hình hiện nay.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 6/7

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả

Nhà trường đã xây dựng một hệ thống văn bản hoàn thiện để hướng dẫn, quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi từ tuyển sinh đầu vào đến xét tốt nghiệp cho SV. Cụ thể, các quy định về phương thức đánh giá học phần lý thuyết, học phần tích hợp, học phần thực hành, thực tập, đồ án; quy định số lượng điểm thành phần, công thức tính điểm quá trình, trọng số của điểm quá trình, điểm thi được nêu rõ trong qui chế đào tạo đại học chính qui theo hệ thống tín chỉ ban hành năm 2013 và được Nhà trường điều chỉnh, sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn vào năm 2020, 2021, 2023 [H5.05.02.01], [H5.05.02.02]. Đối với các học phần lý thuyết, kết quả học tập của người học được đánh giá qua điểm quá trình và điểm

thi. Điểm quá trình bao gồm điểm thi giữa kỳ tính hệ số 3, tổng các điểm kiểm tra thường xuyên hệ số 1, điểm chuyên cần theo thời gian đi học trên lớp của SV, ý thức tự học của sinh viên tính hệ số 1. Đối với các học phần thực hành, điểm quá trình có trọng số 50%, điểm thi kết thúc học phần có trọng số 50% bằng hình thức kiểm tra tay nghề, trực tiếp vận hành các máy, thiết bị thực hành như học phần thực hành cơ khí cơ bản, Thực hành động cơ ô tô, thực hành khung gầm ô tô, thực hành sửa chữa và bảo dưỡng ô tô,... Đối với học phần đồ án, điểm đánh giá học phần là điểm trung bình của các loại điểm đánh giá bộ phận bao gồm điểm đánh giá quá trình thực hiện đồ án do CBHD chấm và điểm bảo vệ đồ án dưới hình thức thi vấn đáp do Hội đồng chấm đồ án của khoa thực hiện. Đối với đồ án tốt nghiệp, điểm đánh giá của SV bao gồm: Điểm đánh giá quá trình thực hiện ĐATN do CBHD chấm có trọng số 0,25, điểm chấm của giáo viên phản biện trọng số 0,25 và điểm chấm ĐATN do hội đồng đánh giá ĐATN chấm có trọng số 0,5. Các sinh viên học các học phần tương đương tốt nghiệp bao gồm học phần Kiến thức cơ sở ngành và học phần Kiến thức ngành thì hình thức đánh giá tương tự như các học phần thi tự luận chỉ khác ở chỗ điểm thi kết thúc học phần phải ≥ 5 điểm mới đạt yêu cầu. Việc phối hợp giữa các khoa chuyên môn, các Phòng, Trung tâm để tổ chức kỳ thi kết thúc học phần được quy định rõ trong qui chế thi kết thúc học phần và được điều chỉnh, cập nhật trong qui chế thi kết thúc học phần năm 2020, 2021, 2023 [H5.05.02.03], [H5.05.02.04]. Nhà trường đã ban hành Quy định về thực tập tốt nghiệp, theo đó có quy định về thời gian thực tập, nội dung thực tập và các chế độ báo cáo tiến độ thực tập [H5.05.02.05]. Nhà trường cũng đã có các văn bản quy định về tiêu chí lựa chọn SV được làm đồ án tốt nghiệp, qui định về hình thức đồ án tốt nghiệp, phương thức đánh giá đồ án tốt nghiệp [H5.05.02.06]. Danh sách SV được làm đồ án tốt nghiệp cùng với danh sách cán bộ hướng dẫn và kế hoạch hướng dẫn đồ án tốt nghiệp được nêu rõ trong quyết định giao nhiệm vụ hướng dẫn đồ án tốt nghiệp hàng năm [H5.05.02.07]. Danh mục các học phần thay thế dành cho các SV không làm đồ án tốt nghiệp cũng được Khoa xác định rõ trong CTĐT công bố cho SV từ đầu khóa học [H5.05.02.08].

Hệ thống văn bản của Nhà trường qui định về biểu mẫu đánh giá kết quả học tập của người học được thông báo công khai đến người học thông qua nhiều phương thức như tổ chức hướng dẫn trực tiếp cho SV, thông báo cho SV thông qua đội ngũ CVHT [H5.05.02.09], [H5.05.02.10], [H5.05.02.11] và thông qua website đào tạo của Nhà trường. Đầu khóa học, SV được giới thiệu về CTĐT của ngành học; được tập huấn các qui chế đào tạo tín chỉ, được hướng dẫn cách đăng nhập vào trang thông tin điện tử của Nhà trường, cách đăng nhập trang cá nhân để kiểm tra thông tin về học tập, học phí, học bổng [H5.05.02.12]. Qui chế đào tạo tín chỉ, qui trình đăng ký học tập. Qua đó, SV của Khoa Cơ khí - Ô tô được hướng dẫn đầy đủ về qui chế đào tạo tín chỉ, phương pháp đánh giá điểm chuyên cần, phương pháp đánh giá kết quả các học phần lý thuyết, thực hành, đồ án, cơ chế phản hồi và nội dung liên quan trong các kỳ thi.

Trước mỗi kỳ thi Nhà trường đều có thông báo cụ thể hướng dẫn về quy trình thi, xử lý lịch thi bị trùng, qui trình đăng ký phúc khảo, đăng ký thi lại [H5.05.02.13]. Các thông báo này được gửi đến phòng Quản lý Đào tạo, phòng QLCL, các Khoa chuyên môn, CVHT, GVCN và được đăng tải trên website đào tạo của Nhà trường [H5.05.02.14]. Kết quả đánh giá khóa luận tốt nghiệp cũng được công bố công khai cho SV và cán bộ hướng dẫn.

2. Điểm mạnh

Trong chu kỳ đánh giá, Nhà trường đã điều chỉnh, cập nhật lại các qui chế đào tạo tín chỉ, qui định về việc tổ chức thi kết thúc học phần để phù hợp với tình hình thực tiễn.

3. Điểm tồn tại

Việc phân tích kết quả thi kết thúc học phần của sinh viên để cải tiến chất lượng dạy học đôi khi còn chưa kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026, khoa sẽ chỉ đạo các bộ môn hợp phân tích, đánh giá kết quả thi của các học phần sau mỗi học kỳ làm cơ sở giúp cho việc cải tiến chất lượng giảng dạy và học tập của các học phần do bộ môn quản lý.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 6/7

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả

Theo quy chế đào tạo đại học chính qui theo tín chỉ [H5.05.03.01] tùy theo đặc điểm của từng học phần mà GV sẽ sử dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác nhau đối với kết quả học tập của SV ngành CNKT Ô tô như: thi trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, làm bài tập lớn, kiểm tra thực hành trên máy tính, kiểm tra thực hành trên các mô hình thực tế. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi tự luận (chiếm khoảng 60%) như khối kiến thức khoa học tự nhiên, học phần Cơ học lý thuyết, Nguyên lý máy, Sức bền vật liệu, Dung sai kỹ thuật đo,... hoặc thi trắc nghiệm (chiếm khoảng 30%) như khối kiến thức chính trị, pháp luật, học phần Chi tiết máy, Nguyên lý cắt và dụng cụ cắt,... hoặc vấn đáp (chiếm khoảng 10%) như các học phần đồ án,...số lần kiểm tra và hình thức thi được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết từng học phần [H5.05.03.02], [H5.05.03.03]. Các tiêu chí kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học mà Nhà trường ban hành cũng phân định rõ ràng mức độ đạt/không đạt. Đối với các học phần lý thuyết cũng như thực hành và đồ án, để có thể thi đạt được học phần này thì đầu tiên SV phải có tổng số buổi nghỉ học nhỏ hơn 20% . Nếu SV có tổng số buổi nghỉ học nhiều hơn 20% tổng số buổi học của học phần nào thì SV sẽ bị cấm thi và phải học lại học phần đó. Điều kiện thứ hai là SV phải có điểm trung bình chung của học phần đó (bao gồm điểm thi kết thúc học phần và điểm quá trình) đạt điểm D trở lên (thang điểm 4) [H5.05.03.04].

Tổ hợp các phương pháp KTĐG kết quả học tập của người học được thiết kế khoa học với đầy đủ các bước quy định có nội dung rõ ràng, giúp GV dễ dàng thực hiện. Tổ hợp các phương pháp KTĐG này cũng được tiến hành lấy khảo sát từ các đối tượng SV đang học, SV năm cuối, cựu SV, nhà sử dụng lao động nhằm kiểm chứng tính khách quan, công bằng, từ đó làm nền tảng cải tiến tốt hơn nữa phương pháp đánh giá kiểm tra năng lực của SV cũng như phương pháp dạy học của GV

[H5.05.03.05], [H5.05.03.06], [H5.05.03.07]. Kết thúc mỗi học kỳ, năm học, Khoa Cơ khí - Ô tô tổ chức họp phân tích các kết quả của các học phần, từ đó đề xuất với Nhà trường các hình thức thi cho phù hợp với các học phần và điều kiện học tập của sinh viên [H5.05.03.08], [H5.05.03.9]. Ngoài ra, sau khi kết thúc học phần, SV thực hiện đánh giá giảng viên qua phiếu khảo sát của Nhà trường trong đó có tiêu chí: Phương pháp, quy trình KTĐG đa dạng, nghiêm túc, khách quan, chính xác và được thông báo kịp thời. SV hài lòng với các hình thức KTĐG của GV [H5.05.03.10]. Tất cả các học phần của CTĐT ngành CNKT Ô tô đều có ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề thi và được kiểm soát, phê duyệt thông qua bộ môn. Các ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề thi được xây dựng, chỉnh sửa thường xuyên và tích hợp lý thuyết với bài tập hoặc thực hành hoặc đồ án trên cơ sở kiến thức từ trình bày, ứng dụng, phân tích và tổng hợp đề xuất. Đối với các học phần lý thuyết cơ sở ngành thì phương pháp đánh giá tự luận là chính để đảm bảo khối lượng kiến thức về trình bày, phân tích và tổng hợp của CDR chương trình. Đối với các học phần chuyên ngành thì phương pháp đánh giá được thiết kế phù hợp với từng học phần như là trắc nghiệm, vấn đáp hoặc tự luận đảm bảo khối lượng kiến thức, kỹ năng về ứng dụng, phân tích và tổng hợp.

Bài thi, công tác chấm thi, lưu trữ kết quả thi, quy trình phúc khảo đều được thực hiện độc lập do bộ phận Khảo thí thuộc Phòng Quản lý đào tạo (nay là phòng Quản lý chất lượng) quản lý. Trong những năm gần đây, các học phần thuộc CTĐT ngành CNKT Ô tô là không có sinh viên phúc khảo; điều này khẳng định tính khách quan, độ giá trị, độ tin cậy và công bằng cho phương pháp và kết quả đánh giá năng lực người học. Mặt khác Khoa đã phân tích khoảng 30 học phần để lựa chọn phương pháp đánh giá đảm bảo tính khách quan, độ tin cậy và công bằng. Phương pháp phân tích là dựa trên nội dung, khối lượng kiến thức môn học, phương pháp đánh giá và kết quả môn học trước đây; từ đó bộ môn họp và cho ý kiến để lựa chọn phương pháp đánh giá hợp lý. Kết quả các học phần được thay đổi phương pháp đánh giá được GV và SV thực hiện có kết quả tốt hơn về cả kiến thức, kỹ năng và năng lực người học; qua khảo sát cũng cho thấy tính khách quan,

độ giá trị, độ tin cậy và công bằng hơn [H5.05.03.11].

2. Điểm mạnh

Các phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, thiết kế khoa học và được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định ban hành đảm bảo độ chính xác, tin cậy, khách quan và công bằng.

3. Điểm tồn tại

Số học phần kiểm tra đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026, Khoa Cơ khí - Ô tô sẽ rà soát, lập kế hoạch phân công giảng viên biên soạn ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm khách quan cho một số học phần.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 6/7

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả

Nhà trường có đầy đủ các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá kết quả của người học được thể hiện qua trong quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.04.01], trong quy chế tổ chức thi kết thúc học phần [H5.05.04.02], và trong quy định về hướng dẫn và đánh giá đồ án tốt nghiệp [H5.05.04.03]. Cụ thể, sau khi thi xong đúng một tuần bộ phận Khảo thí phải đọc phách và hai GV chấm thi phải chấm xong và hoàn thiện điểm gửi lại Khảo thí; Khảo thí có trách nhiệm vào điểm, hoàn thiện điểm gửi về thư kí khoa và GVCN, CVHT để cung cấp điểm cho SV trong tuần tiếp theo. Khi nhận được phiếu báo điểm, trong hai tuần SV có quyền làm đơn phúc khảo gửi về bộ phận Khảo thí và tổ chức chấm lại như chấm lần 1. Như vậy quy định này hoàn toàn phù hợp với quy định chung của Bộ GD&ĐT. Công tác phản hồi kết quả đánh giá của người học trong tổ chức thi kết thúc học phần và đánh giá đồ án tốt nghiệp luôn được rà soát, điều chỉnh theo quy chế của Bộ GD&ĐT và điều kiện, hoàn cảnh cụ thể: ví

dự trong khoảng thời gian xét tốt nghiệp, xét tiến độ, cải thiện điểm luôn được phản hồi kết quả đánh giá của người học một cách nhanh nhất ở tất cả các bộ phận.

Mọi thông tin liên quan đến vấn đề học tập và rèn luyện tại trường người học đều dễ dàng nắm bắt, theo dõi tại mọi nơi, mọi thời điểm thông qua tài khoản cá nhân trên trang quản lý đào tạo của Nhà trường. Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai bằng nhiều hình thức (qua trang cá nhân của SV, website phòng Quản lý đào tạo, thông báo đến CVHT,...) [H5.05.04.04]. Kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của SV và cựu SV cho thấy hầu hết SV và cựu SV hài lòng về tiếp nhận các quy định và 100% SV, 100% cựu SV hài lòng về cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập [H5.05.04.05].

Kết quả đánh giá được phản hồi đúng thời gian quy định đến sinh viên để có kế hoạch điều chỉnh việc đăng ký học tập cho phù hợp. Sinh viên Khoa Cơ khí - Ô tô hài lòng về việc công bố, phản hồi kết quả học tập của Khoa và Nhà trường thể hiện qua các Biên bản họp lớp, chưa có thắc mắc và nhận xét nào về vấn đề công bố, phản hồi kết quả học tập [H5.05.04.06]. Qua bảng tổng hợp hàng năm về việc lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV [H5.05.04.07], kết quả khảo sát hàng năm của SV năm cuối [H5.05.04.08] cho thấy 100% người học hài lòng về việc công bố, phản hồi kết quả học tập.

Kết quả học tập của SV được công bố công khai trên trang thông tin cá nhân của SV kịp thời để SV có thể phản hồi về kết quả đánh giá, từ đó cải thiện việc học tập. Hàng tháng CVHT tiến hành họp lớp [H5.05.04.09] để tổng kết, nhận xét, nhận ý kiến phản hồi của SV và hướng dẫn SV trong việc cải thiện kết quả học tập trong các học kỳ sắp tới. Trong các cuộc họp giao ban, Nhà trường và các khoa chuyên môn cũng có các thảo luận, trao đổi, đánh giá kết quả học tập của SV thông qua dữ liệu tổng hợp, từ đó làm căn cứ để đưa ra các biện pháp điều chỉnh thích hợp [H5.05.04.10]. Nhà trường, Khoa luôn kiểm tra, giám sát việc thực hiện phản hồi kết quả đánh giá đến người học; giảng viên, nhân viên không thực hiện phản hồi đúng thời gian theo quy định, vi phạm quy chế đều bị hạ kết quả thi đua tháng. Do kết quả phản hồi kết quả đánh giá của người học kịp thời, đúng quy chế, quy

định nên tất cả các SV đều nắm được và có kế hoạch cải thiện điểm cho mình, cụ thể: số sinh viên, số học phần cải thiện đầy đủ theo học kì và năm học; mặt khác số SV cảnh báo ít, số SV tốt nghiệp đúng hạn cao [H5.05.04.11].

2. Điểm mạnh

Kết quả học tập của SV được công bố công khai dưới nhiều hình thức khác nhau đến SV và GV, giúp SV cải thiện việc học tập.

3. Điểm tồn tại

Còn một số SV chưa cung cấp chính xác các thông tin liên lạc với gia đình nên Khoa chưa liên lạc, trao đổi được với phụ huynh SV trong việc thông báo kết quả học tập.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026, Khoa sẽ chỉ đạo đội ngũ CVHT, GVCN lớp phối hợp với phòng Công tác sinh viên tăng cường công tác liên lạc, trao đổi với phụ huynh sinh viên để kịp thời thông báo kết quả học tập của sinh viên tới gia đình.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 6/7

Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Nhà trường có đầy đủ các quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập (KQHT) và được công bố công khai. Theo đó, Quy trình thực hiện phúc khảo bài thi, thời gian tiếp nhận phúc khảo bài thi, thời gian công bố điểm phúc khảo cũng được quy định rõ ràng [H5.05.05.01], Quy trình phúc khảo bài thi được Nhà trường và các CVHT hướng dẫn cho SV trong "tuần sinh hoạt công dân HSSV" và trong các buổi họp lớp [H5.05.05.02], [H5.05.05.03]. Cụ thể, khi nhận được kết quả điểm thi, trong hai tuần SV có quyền làm đơn phúc khảo gửi về bộ phận Khảo thí và tổ chức chấm lại, báo cáo kết quả phúc khảo như chấm lần 1. Như vậy quy định này hoàn toàn phù hợp với quy định chung của Bộ GD&ĐT

Việc đánh giá chính xác, khách quan và công bằng kết quả học tập của sinh viên đã tạo cho sinh viên một tâm lý yên tâm, tin tưởng tuyệt đối vào kết quả bài

thi của mình.

2. Điểm mạnh

Quy trình khiếu nại về kết quả học tập được phổ biến rộng rãi trên nhiều kênh thông tin giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận

3. Điểm tồn tại

Việc khiếu nại của một số sinh viên ngành CNKT Ô tô về kết quả học tập đôi khi còn chậm so với thời gian qui định.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026, Khoa sẽ chỉ đạo đội ngũ GVCN, CVHT tăng cường phổ biến quy trình khiếu nại về kết quả học tập cho sinh viên sau mỗi kỳ thi.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 6/7

Kết luận về tiêu chuẩn 5:

Mặc dù còn một số tồn tại như đã nêu, tuy nhiên nhìn chung việc đánh giá kết quả học tập của người học ở Khoa Cơ khí - Ô tô được thực hiện một cách chuyên nghiệp, bám sát các hướng dẫn của Bộ GD và ĐT và Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì để đảm bảo tính rõ ràng, công khai của quy trình. Khoa Cơ khí - Ô tô luôn tập trung đánh giá kiến thức, kỹ năng của người học thông qua các kì thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được CDR, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, phản hồi đến người học để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

Tiêu chuẩn 05 có 05 tiêu chí, trong đó 05 tiêu chí đạt 6/7 điểm.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Trường Đại học công nghiệp Việt Trì xác định: đội ngũ giảng viên là lực lượng nòng cốt giữ vai trò quyết định trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục đào tạo, vì vậy Nhà trường luôn chú trọng đến việc xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên cho các chuyên ngành đào tạo, đảm bảo đủ số lượng và chất lượng và cơ cấu để truyền đạt kiến thức trong chương trình đào tạo học một cách đầy đủ và hiệu quả.

Phát triển đội ngũ GV là nhiệm vụ quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của CTĐT Công nghệ Kỹ thuật Ô tô cũng như đáp ứng chiến lược phát triển Trường Đại học công nghiệp Việt Trì, hoàn thành Sứ mạng và mục tiêu phát triển của Nhà trường. Khoa Cơ khí - Ô tô luôn chú trọng đến công tác quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo và nâng cao chất lượng đội ngũ GV.

Đội ngũ GV của Khoa Cơ khí - Ô tô được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ GV của Khoa có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia vào các loại hình NCKH khác nhau và xã hội hóa kết quả nghiên cứu. Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Công tác phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV trong khoa. Ngoài ra, phương thức quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Ngành CNKT Ô tô với đội ngũ GV có phẩm chất đạo đức, có năng lực chuyên môn và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định và có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, NCKH.

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì luôn xác định: công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên, quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý là nhiệm vụ trọng tâm, có tác động trực tiếp đến việc hoàn thành sứ mạng, mục tiêu phát triển của Trường. Do vậy việc quy hoạch và phát triển đội ngũ cán bộ luôn được Nhà trường và Khoa Cơ khí - Ô tô quan tâm.

Chiến lược phát triển Trường ĐHCNVТ giai đoạn 2015-2020, định hướng 2025 và tầm nhìn 2030, Nghị quyết số 03/NQ-HĐT của Hội đồng trường ngày 07 tháng 01 năm 2025 về ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2035. [H6.06.01.01], đã quy hoạch việc tuyển dụng GV được thực hiện theo định hướng ngành học nào thiếu, học phần nào thiếu. Chú trọng thu hút tuyển dụng các cán bộ có trình độ cao, trải qua thực tiễn làm việc tại các doanh nghiệp hoặc sinh viên, học viên tốt nghiệp thạc sĩ và tiến sĩ ở trong và ngoài nước [H6.06.01.02], Hội đồng trường đã ban hành danh mục vị trí việc làm và cơ cấu vị trí việc làm của Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì theo Nghị quyết số: 07/NQ-HĐT ngày 01 tháng 4 năm 2025 [H6.06.01.03], [H6.06.01.04]. Theo đó chỉ tiêu phát triển đội ngũ GV của Trường đến năm 2025 tổng số GV là 204 người, trong đó có 02 Phó Giáo sư, 45 tiến sĩ, 154 thạc sĩ đảm bảo 100% giảng viên giảng dạy chuyên môn của trường có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, PGS.TS. Ngoài ra, còn có 13 PGS, TS có kinh nghiệm của các trường đại học, các viện và doanh nghiệp tham gia thỉnh giảng. Đến năm 2030 phó giáo sư 06 người, tiến sĩ có 100 người [H6.06.01.05]. Trên cơ sở chiến lược của Trường, Khoa Cơ khí - Ô tô đã xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ GV của mình định hướng phát triển 2030 của Khoa [H6.06.01.06]. Tính đến thời điểm 31/03/2025 tổng số GV của Khoa Cơ khí - Ô tô là 22 người. Số GV có trình độ tiến sĩ là 07 chiếm

31,8%, số GV có trình độ Thạc sỹ là 15 (trong đó có 03 GV đang làm NCS) chiếm 68,2%. Việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ của GV được thực hiện theo quy định của Nhà nước [H6.06.01.07]. Việc chấm dứt, gia hạn hợp đồng hoặc nghỉ hưu của cán bộ giảng viên được thực hiện theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 và Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Từ năm 2020 đến 2025 Khoa Cơ khí - Ô tô có 01 cán bộ viên chức chuyển công tác, không có trường hợp nào thôi việc hoặc kéo dài thời gian công tác. Nhà trường đã tuyển dụng cho Khoa Cơ khí - Ô tô 02 giảng viên, bổ nhiệm 01 P.Trưởng khoa (phụ trách). Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn trong việc tuyển mới nhưng Nhà trường và Khoa Cơ khí - Ô tô luôn quan tâm đến kế hoạch đào tạo tại chỗ cho GV để nâng cao chất lượng đội ngũ, trong 5 năm qua (2020 - 2025) Khoa Cơ khí - Ô tô đã cử 06 CB, GV đi nghiên cứu sinh. Năm 2022 có 02 CB, GV đã hoàn thành Luận án Tiến sĩ. Các chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng các chính sách hiện hành [H6.06.01.08]. Để đáp ứng được nhu cầu phát triển của nhà trường đảm bảo công tác đào tạo và quản lý, nhà trường đã xây dựng bản quy hoạch 5 năm dựa trên danh sách cán bộ hiện tại của nhà trường [H6.06.01.09], [H6.06.01.10].

2. Điểm mạnh

Trong giai đoạn 2020 - 2025 quy trình tiêu chí tuyển dụng GV của Trường được điều chỉnh phù hợp với định hướng phát triển của Nhà Trường về đào tạo và NCKH, với chính sách thu hút GV có trình độ học hàm học vị cao, được chi tiết hóa trong các văn bản liên quan tuyển dụng và được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và được cụ thể hóa riêng cho Khoa Cơ khí - Ô tô để đáp ứng theo yêu cầu đào tạo của Khoa.

3. Điểm tồn tại

Số lượng giảng viên tuyển dụng mới còn hạn chế. Do địa điểm của Trường cách xa trung tâm Hà Nội nên việc thu hút giảng viên có trình độ cao về Trường giảng dạy còn gặp nhiều khó khăn, nhất là GV có trình độ cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần ban hành chính sách hỗ trợ phù hợp để có thể thu hút, tuyển dụng, GV có đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu của CTĐT.	Trường ĐHCNVT	Từ năm học 2025- 2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy thực hiện bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn cho giảng viên.	Trường ĐHCNVT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Tính đến 22/04/2025 tổng số giảng viên của Khoa Cơ khí - Ô tô là 22 giảng viên cơ hữu trong đó 16 GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy. Trong đó tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên của Khoa thực hiện CTĐT là 22, trong đó GV có trình độ tiến sĩ là 07 chiếm 31,8%, số GV có trình độ Thạc sĩ là 15 (trong đó có 03 GV đang làm NCS) chiếm 68,2% [H6.06.02.01]. Như vậy số lượng giảng viên quy đổi của CTĐT ngành CNKT Ô tô là 12,6 GV. Qui mô SV hệ đại học chính qui ngành CNKT Ô tô là tính đến 31/3/2025 là 278 SV, số tín chỉ của nhóm học phần cơ sở ngành, chuyên ngành là 116/152 tín chỉ (chiếm tỷ lệ 76,3%), như vậy tỉ lệ SV trên GV quy đổi của CTĐT ngành CNKT Ô tô 12,6 SV/GV [H6.06.02.02]. Tỷ lệ thấp hơn quy định của bộ GD&ĐT đối với CTĐT ngành CNKT Ô tô. Nhà trường, Khoa luôn có cơ chế giám sát tỉ lệ giảng

viên/người học; đặc biệt là xác định chỉ tiêu trong đề án tuyển sinh hàng năm. Trong khoảng 10 năm gần đây tỉ lệ này luôn ở mức thấp hơn nhiều so với quy định của bộ GD&ĐT.

Nhà trường có Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên cụ thể, nên khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên của Khoa được quy đổi theo giờ chuẩn và đo lường được [H6.06.02.03] và quy chế chỉ tiêu nội bộ đã xác định rõ khối lượng công việc của GV theo từng vị trí chức danh, phó giáo sư, giáo sư. Cụ thể theo chế độ công tác GV ban hành năm 2023 định mức giờ chuẩn về các nhiệm vụ của GV, giáo viên là: GV 587 giờ/1 năm.

Nhà trường luôn cập nhật văn bản về chế độ công tác của GV để phù hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT, hàng năm các quy chế chỉ tiêu nội bộ cũng đã điều chỉnh về định mức giờ chuẩn và việc quy đổi các hoạt động chuyên môn, quản lý và các hoạt động khác ra số giờ chuẩn giảng dạy và NCKH phù hợp các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT [H6.06.02.04], đồng thời các văn bản trên cũng quy định tỷ lệ quy đổi của các đề tài, bài báo, nhiệm vụ CVHT, lý thuyết, thực hành... các hoạt động chuyên môn, quản lý khác. Số giờ chuẩn này đã được định lượng đo lường rõ ràng để đánh giá mức độ hoàn thành của GV cuối năm học [H6.06.02.05].

Số giờ giảng và khối lượng công việc được quy định cho từng chức danh, ngạch bậc. Theo đó GV trung bình một năm phải giảng dạy 300 giờ chuẩn, NCKH 200 giờ chuẩn, hoạt động chuyên môn và các hoạt động khác 87 giờ chuẩn. Như vậy định mức chung của GV của Trường là 587 giờ chuẩn/năm, GV chính và phó giáo sư 630 giờ/năm, giáo sư và GV cao cấp 704 giờ/năm. Tuy nhiên trong trường hợp khối lượng Giảng dạy và NCKH của GV vượt mức 500 giờ chuẩn, GV được phép chuyển phần khối lượng vượt định mức sang năm học sau [H6.06.02.06].

Khối lượng công việc của các giảng viên trong khoa được phân công rõ ràng từ đầu năm học và có điều chỉnh phù hợp với thực tế hoạt động giảng dạy [H6.06.02.07]. Khối lượng giảng dạy của giảng viên vượt quá tiêu chuẩn không chuyển giờ về năm học sau được nhà trường chi trả tiền thừa giờ theo quy chế chỉ tiêu nội bộ [H6.06.02.08]. Chất lượng công việc của GV được quy định cụ thể

theo từng nhiệm vụ GV. Về công tác giảng dạy, Nhà trường quy định mỗi học phần sau khi kết thúc giảng SV sẽ phản hồi đánh giá chất lượng giảng thông qua phiếu khảo sát đánh giá của sinh viên. Về hoạt động NCKH, Nhà trường quy định hàng năm mỗi GV phải tham gia các đề tài NCKH các cấp, viết tài liệu học tập, hội thảo khoa học và các hoạt động khác.... [H6.06.02.09]. Song song với các hoạt động giảng dạy và NCKH, việc xem xét đánh giá GV cũng xét tới việc tham gia phục vụ cộng đồng trong các hoạt động của Đảng, Công đoàn [H6.06.02.10], [H6.06.02.11]. Việc đánh giá công tác hoạt động của giảng viên được thực hiện hàng tháng và hàng năm [H6.06.02.12], [H6.06.02.13], [H6.06.02.14], [H6.06.02.15], [H6.06.02.16]. Hệ thống văn bản Nhà trường thường xuyên cải tiến để nâng cao hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng như: chia năm học thành 2 kì 4 giai đoạn để SV có thể tập trung tiếp cận kiến thức tốt trong một giai đoạn, GV có thể tập trung giảng dạy trong một giai đoạn; từ đó tập trung được nhiều thời gian cho nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H6.06.02.17]. Qua khảo sát 100% GV hài lòng về khối lượng, chất lượng công việc được giao cũng như kết quả đánh giá các công việc đã thực hiện thông qua đánh giá hàng tháng và năm công tác của Khoa và Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Khối lượng của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được quy định chi tiết và cập nhật kịp thời các quy định của Bộ GD&ĐT; được hướng dẫn chi tiết về tỷ lệ quy đổi các hoạt động chuyên môn sang số giờ chuẩn đảm bảo đo lường minh bạch công khai.

3. Điểm tồn tại

Số lượng đề tài NCKH, số bài báo đăng trên các tạp chí trong nước đặc biệt là nước ngoài còn chưa đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025 -2026, khoa sẽ tạo mọi điều kiện và định hướng cho GV nâng cao trình độ chuyên môn và tham gia đề tài NCKH các cấp, động viên,

khuyến khích và hỗ trợ GV trẻ tham gia tích cực hơn trong các hoạt động NCKH, tích cực viết bài báo, tạp chí, tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Căn cứ theo quy định tuyển chọn GV của Nhà nước. Nhà trường đã đưa ra yêu cầu cụ thể cho từng vị trí tuyển dụng trong thông báo [H6.06.03.01]. Bên cạnh đó, trong quy chế hoạt động của Nhà trường [H6.06.03.02] cũng đã nêu rõ những yêu cầu về tiêu chí tuyển dụng với GV và điều kiện tuyển dụng cả về đạo đức và năng lực [H6.06.03.03]. Ngoài ra, trong thông báo tuyển dụng hàng năm của trường cũng ghi chi tiết về tiêu chuẩn đối với các ứng viên bao gồm tuổi đời, hình thức, trình độ chuyên môn (tốt nghiệp đại học chính quy, ưu tiên trình độ thạc sĩ, tiến sĩ vv...) trình độ tin học, ngoại ngữ. Kết quả tuyển dụng được hội đồng tuyển dụng thống nhất và đưa ra thông báo [H6.06.03.04]. Việc áp dụng tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên cho chương trình đào tạo của Khoa Cơ khí - Ô tô đều căn cứ theo các tiêu chí quy định của Nhà nước và Nhà trường, cụ thể như tiêu chí về phẩm chất đạo đức, lý lịch, ngoại hình, sức khỏe để đảm nhận công việc, trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm và chuyên ngành đăng ký dự tuyển, đặc biệt là luôn ưu tiên những người có học hàm, học vị cao như GS, PGS, TS hoặc tốt nghiệp Thạc sĩ ở các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước... về Trường giảng dạy. Các tiêu chí lựa chọn này được thể hiện cụ thể, rõ ràng trong thông báo tuyển dụng và được đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường. Việc điều chuyển, bổ nhiệm cán bộ, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp cho giảng viên vào các ngạch bậc giảng viên chính, giảng viên cao cấp... được thực hiện công khai về tiêu chuẩn theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường, Luật GD, Quy định của Chính phủ như: bổ nhiệm đồng chí P.Trưởng khoa (Phụ trách) năm 2025 cần xác định tiêu chí là tiến sĩ, trình độ Trung cấp chính trị trở lên, có năng

lực quản lý, có uy tín về chuyên môn...[H6.06.03.05]. Hiện tại tất cả đội ngũ giảng viên của khoa còn trẻ, cán bộ quản lý thì mới bổ nhiệm lại, nên trong thời gian tới khoa chưa có kế hoạch bổ sung, thay thế cho cán bộ nghỉ hưu và quản lý.

Các văn bản quy định về tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn giảng viên, bổ nhiệm, điều chuyển cán bộ, đánh giá năng lực GV đều được Nhà trường gửi email đến tất cả GV, CBCNV, NLD,... cho các đơn vị trong toàn trường để lấy ý kiến phản hồi thì đều được sự đồng tình 100% của GV [H6.06.03.06].

2. Điểm mạnh

Các văn bản đánh giá đặc biệt về bổ nhiệm, tuyển dụng đều được dân chủ thảo luận tại các đơn vị trong Trường, được công bố công khai.

3. Điểm tồn tại

Chưa thu hút được nhiều ứng viên có học hàm, học vị cao (GS, PGS, TS) tham gia ứng tuyển vào làm GV cơ hữu của Khoa và Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025 - 2026, Khoa phối hợp với các đơn vị chức năng tuyên truyền vận động, phổ biến các thông tin rộng rãi để thu hút các ứng viên có học hàm, học vị cao về làm GV cơ hữu.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Năng lực của đội ngũ giảng viên đã nêu rõ trong Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 01/4/2025 Ban hành danh mục vị trí việc làm và cơ cấu vị trí việc làm của Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì cũng đã thể hiện các tiêu chí tuyển dụng, năng lực công tác ứng với từng vị trí công việc: GV phải đáp ứng các năng lực về ngoại ngữ và CNTT theo quy định của Bộ Nội vụ, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm và các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn phù hợp với chuyên ngành và phù hợp với yêu cầu từng vị trí công việc của GV, trưởng/phó khoa, trưởng/phó các bộ môn của ngành CNKT Ô tô [H6.06.04.01].

Hiện nay đội ngũ giảng viên tham gia thực hiện chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô đều đáp ứng các tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn đào tạo, năng lực sư phạm, năng lực NCKH, khả năng sử dụng ngoại ngữ và tin học đáp ứng yêu cầu công việc, cụ thể: 100% giảng viên tham gia thực hiện chương trình đào tạo đều có trình độ thạc sĩ trở lên; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm giảng dạy đại học; đạt trình độ tin học, ngoại ngữ (70% có bằng đại học Ngôn ngữ Anh); được dự giờ giảng dạy và đánh giá đảm bảo nội dung kiến thức, kỹ năng, phương pháp giảng dạy phù hợp; tham gia nghiên cứu khoa học; phục vụ cộng đồng; ...

Khối lượng giảng dạy của GV trong khoa trung bình khoảng hơn 400 giờ tiêu chuẩn/năm; chất lượng giảng dạy được đánh giá trong công tác dự giờ đạt loại giỏi 40%, khá 60%; kết quả công bố khoa học được Khoa thống kê trong bảng sau:

Bảng số lượng bài báo, đề tài nghiên cứu khoa học các cấp

STT	Phân loại đề tài	2020	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng
1	Bài báo	06	07	05	2	19	6	45
2	Đề tài cấp Bộ	01						01
3	Đề tài cấp trường	03	05	07	4	7	2	28
	Tổng	10	12	12	6	26	8	74

Năng lực của giảng viên, cán bộ, kỹ thuật viên được đánh giá trong qui chế thi đua khen thưởng của Trường ĐHCNVN và văn bản hướng dẫn đánh giá xếp loại Đảng viên, công đoàn viên hàng năm, Trường cũng có quy định rất rõ về quy trình đánh giá năng lực của GV thông qua việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo từng vị trí và được thực hiện hàng tháng và cả năm học [H6.06.04.02], [H6.06.04.03], [H6.06.04.04], [H6.06.04.05]... Trong quá trình đánh giá Khoa Cơ khí - Ô tô đã thực hiện theo các biểu mẫu đánh giá mức độ hoàn thành công việc của giảng viên, nhân viên, kỹ thuật viên mà Nhà trường đã quy định để đảm bảo tính minh bạch và khách quan [H6.06.04.06]. Ngoài ra, đối với GV tập sự tại khoa, GV giảng dạy các học phần mới, Khoa đều thực hiện đánh giá năng lực giảng dạy thông qua dự giờ, hội giảng, đánh giá hồ sơ giáo án lên lớp [H4.06.04.07]. Đồng

thời, hàng năm Khoa cũng tổ chức hội giảng để đánh giá năng lực của GV [H4.06.04.08]. Hàng năm, phòng Quản lý chất lượng gửi hướng dẫn về quy trình và thủ tục đánh giá phân loại GV. Trong giai đoạn từ năm 2020-2025, kết quả bình xét thu đua hàng năm, 100% GV hoàn thành nhiệm vụ được giao [H6.06.04.09]; với kết quả đánh giá năng lực của GV Khoa Cơ khí - Ô tô hoàn toàn đáp ứng mục tiêu chiến lược của Khoa và Nhà trường. Tập thể Khoa Cơ khí - Ô tô đã được tặng Bằng khen của Bộ Công Thương; nhiều năm được công nhận là Tập thể Lao động xuất sắc. Trong đó, 5 GV được khen thưởng danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 02 GV được nhận bằng khen Bộ Công Thương. Về NCKH, kết quả từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2024-2025, Khoa Cơ khí - Ô tô đã tham gia 01 đề tài cấp Bộ, năm 2025 thực hiện 02 đề án cấp Bộ, thực hiện 28 đề tài cấp cơ sở [H6.06.04.10], [H6.06.04.11]. Hướng dẫn 28 đề tài NCKH của SV các đề tài đã nghiệm thu và được hội đồng nghiệm thu đánh giá có đóng góp mới cho khoa học, có giá trị thực tiễn, đặc biệt phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập trong Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Khoa có nhiều phương thức đánh giá năng lực giảng dạy và nghiên cứu của GV như thông qua khối lượng giờ dạy, thông qua đề tài NCKH hay các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước hay ngoài nước, các báo cáo hội thảo khoa học, các đề tài hướng dẫn SV NCKH hoặc đề tài tốt nghiệp của SV, đánh giá thông qua khảo sát ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV, dự giờ, hội giảng, đánh giá cuối năm...

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn tỷ lệ nhất định GV chưa hoàn thành nhiệm vụ NCKH do một số GV mới chưa có kinh nghiệm nghiên cứu.

4. Kế hoạch hành động

Để khắc phục tình trạng GV chưa hoàn thành NCKH, Hội đồng Khoa học Khoa Cơ khí - Ô tô xây dựng quy định yêu cầu GV nhiều kinh nghiệm kết hợp với GV trẻ cùng thực hiện một đề tài NCKH.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, Trường ĐHCNVТ nói chung và Khoa Cơ khí - Ô tô nói riêng luôn xác định việc xây dựng và phát triển đội ngũ GV là một trong những nhiệm vụ vô cùng quan trọng, đồng thời là nhân tố có ảnh hưởng lớn đến việc hoàn thành sứ mạng và mục tiêu phát triển của nhà trường. Hàng năm, GV có nhu cầu đi học nâng cao trình độ (học tập dài hạn như học thạc sỹ, làm NCS) thì chủ động làm đơn gửi Khoa; Sau đó, Khoa sẽ tập hợp danh sách gửi lên Phòng TCHC để Nhà trường xem xét cử cán bộ đi học dài hạn [H6.06.05.01]. Đối với các khóa bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn nghiệp vụ của ngành CNKT Ô tô, hàng năm các tổ bộ môn sẽ thảo luận và đề xuất các chuyên đề, hội thảo các nội dung cần bồi dưỡng để cập nhật về kiến thức kỹ năng liên quan đến ngành CNKT Ô tô nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo đặt ra [H6.06.05.02]. Ngoài ra khoa còn xây dựng kế hoạch đi thực tế tại các nhà máy và cơ sở sản xuất [H4.06.05.03]. Sau đó, khoa tập hợp ý kiến của các tổ bộ môn, lập danh sách các khóa bồi dưỡng ngắn hạn, các nội dung bồi dưỡng ngắn hạn cho các GV trong khoa gửi về Phòng TCHC để Nhà trường lập kế hoạch bồi dưỡng kèm theo dự kiến kinh phí thực hiện [H6.06.05.04].

Tùy theo từng năm học và tùy theo nội dung đào tạo, Trường sẽ mở lớp bồi dưỡng tại trường hoặc liên kết với các cơ sở đào tạo khác để bồi dưỡng cho GV [H6.06.05.05]. Trong thời gian qua, những hoạt động đào tạo đã được nhà trường triển khai và thu hút sự tham gia đông đảo đội ngũ GV của Khoa Cơ khí - Ô tô như: Các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, các khóa học bồi dưỡng GVC, các khóa học Ngoại Ngữ, các khóa học đào tạo Trung cấp lý luận chính trị, các khóa học chuyển giao công nghệ và các khóa học bồi dưỡng an ninh quốc phòng,... [H6.06.05.06].

Chiến lược phát triển Trường ĐHCNVN giai đoạn 2015-2020, định hướng 2025 và tầm nhìn 2030 và Nghị quyết số 03/NQ-HĐT của Hội đồng trường ngày 07 tháng 01 năm 2025 về ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2035 đã xác định mục tiêu đào tạo bồi dưỡng đội ngũ GV đảm bảo chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu đào tạo chất lượng cao của nhà trường. Theo đó, chiến lược đã hoạch định kế hoạch trung hạn và dài hạn về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV. Trong đó, Nhà trường sẽ khai thác mọi nguồn lực để có điều kiện bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học cho GV. Đào tạo nâng cao học vị (Thạc sĩ, tiến sĩ) của GV thông qua việc liên kết với các trường, học viện [H6.06.05.07]. Đặc biệt, chiến lược đã xác định tập trung bồi dưỡng đội ngũ đầu ngành. Mỗi bộ môn có ít nhất một đầu ngành. Mỗi ngành có ít nhất 03 chuyên gia trở lên bằng cả hai hình thức đào tạo trong nước và nước ngoài,... Dựa trên cơ sở chiến lược phát triển đội ngũ GV của Nhà trường, Khoa Cơ khí - Ô tô đã xây dựng chiến lược phát triển của Khoa và đã được Nhà trường phê duyệt.

Trong giai đoạn 2020-2025, Trường đã triển khai các kế hoạch đào tạo dài hạn và bồi dưỡng ngắn hạn cho các GV. Trong đó, Khoa Cơ khí - Ô tô đã có 06 cán bộ GV được cử đi học đào tạo tiến sĩ tại các cơ sở đào tạo có uy tín: Trường Đại Học Bách Khoa HN, Đại học Thái Nguyên, Đại Học Quốc gia Kazan Liên bang Nga, Trường Đại học Đông Nam Trung Quốc (chiếm 30% tổng số GV của Khoa); 02 tiến sĩ nhận bằng năm 2022; 5 GV được cử đi học NCS. Trong 05 năm vừa qua từ năm 2020 - 2025, 100% số cán bộ GV của Khoa Cơ khí - Ô tô đã được cử đi đào tạo ngắn hạn và dài hạn [H6.06.05.08]

Bảng thống kê số lượt CBGV của Khoa được Nhà trường cử đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

Năm	CCCT	TCCT	Cao học	NCS	VB2	Bồi dưỡng, tập huấn	Học tập kinh nghiệm, hội nghị, hội thảo	Tổng cộng
2020				01		11	03	15

2021		04				12	05	21
2022						10	06	16
2023					02	8	05	15
2024				04	02	12	04	22
2025			04	04	02	2	02	14
Tổng số		04	04	09	06	55	25	103

Về kế hoạch phát triển đội ngũ đào tạo và bồi dưỡng cán bộ cho các vị trí phù hợp với từng thời điểm và bối cảnh thực tế. Nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch mở các lớp bồi dưỡng giảng viên [H6.06.05.09]. Căn cứ và quy định của nhà nước về chuẩn giảng viên [H6.06.05.10], Nhà trường chủ động cử cán bộ giảng viên đi học tập nâng cao trình độ [H6.06.05.11]. Ngoài việc cử giảng viên đi học dài hạn nhà trường còn cử các cán bộ giảng viên nhân viên cán bộ lãnh đạo tham gia các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn và thi nâng bậc giảng viên [H6.06.05.12]. Các giảng viên Tham gia học tập nâng cao trình độ được nhà trường tạo điều kiện về thời gian và kinh phí học tập [H6.06.05.13]. Trường đã ban hành quy định về tuyển dụng, đồng thời trong thông báo tuyển dụng hàng năm của Trường đã ghi chi tiết tiêu chuẩn các ứng viên, bao gồm tuổi đời, hình thức, trình độ chuyên môn [H6.06.05.14], [H6.06.05.15], các thông tin tuyển dụng đều được công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường dán trên bản tin.... [H6.06.05.16], Việc bổ nhiệm GV các ngạch bậc (GV chính, cao cấp...) được thực hiện theo quy chế bổ nhiệm của Trường [H6.06.05.17] và được thực hiện theo các bước: Trường thông báo điều kiện và tiêu chuẩn cho từng ngạch bậc của GV, các cá nhân đăng ký trên cơ sở tiêu chuẩn quy định tự đối chiếu và nộp hồ sơ đăng ký thi tuyển vào các ngạch bậc nộp cho Khoa, Khoa tổng hợp các hồ sơ của GV trong khoa để gửi lên Phòng TCHC, Trường thành lập hội đồng để rà soát các hồ sơ, lập danh sách các GV đủ hồ sơ tiêu chuẩn gửi về Bộ Công Thương. Tất cả các CBGV trong Khoa đều hài lòng về chế độ, chính sách công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của Nhà trường [H6.06.05.18].

2. Điểm mạnh

Trong 05 năm vừa qua từ năm 2020-2025, Khoa Cơ khí - Ô tô đã có chiến lược, kế hoạch chi tiết rõ ràng để xây dựng đội ngũ cán bộ GV phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường. Trong đó 100% số cán bộ GV của Khoa Cơ khí - Ô tô đã được cử đi đào tạo ngắn hạn và dài hạn, đặc biệt việc thực hiện các kế hoạch đào tạo ngắn hạn đạt 100% kế hoạch.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số GV chưa thực sự quyết tâm trong việc đi học tiếp Tiến sĩ với lý do sức khỏe và điều kiện kinh tế.

4. Kế hoạch hành động

Hàng năm, Ban lãnh đạo khoa phối hợp với công đoàn bộ phận trao đổi tuyên truyền, tâm sự, động viên, tạo điều kiện về công việc, kinh tế để GV nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong việc học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Trong đề án vị trí việc làm [H6.06.06.01], các văn bản quy định về các tiêu chuẩn của GV [H6.06.05.02], quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.05.03], quy định hướng dẫn về phân loại đánh giá GV hàng năm của Trường [H6.06.05.04], quy chế thi đua khen thưởng của Trường đã quy định rõ ràng chi tiết khối lượng giờ chuẩn giảng dạy, giờ chuẩn NCKH, giờ chuẩn các hoạt động chuyên môn và các hoạt động khác theo từng vị trí chức danh ngạch bậc của GV. Đây là cơ sở để nhà trường quản trị mức độ hoàn thành công việc của GV hàng năm và được đánh giá bằng các biểu mẫu trong các quy định trên [H6.06.05.05].

Nhà trường đã ban hành quy trình, tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên hàng tháng trong công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trong các hoạt động phục vụ cộng đồng. Từ đó mỗi cán bộ, giảng viên,

nhà nghiên cứu viên Khoa Cơ khí - Ô tô đều có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công việc hàng tháng phân công theo quy định; cuối tháng Bộ môn, Khoa tổ chức họp đánh giá 01 lần mức độ hoàn thành công việc của mỗi cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên [H6.06.05.06]. Việc đánh giá được thực hiện công khai minh bạch, kết quả đánh giá công tác tháng được thông báo công khai [H6.06.05.07]. Ngoài ra, để đánh giá mức độ hoàn thành công việc của các GV, hàng năm Khoa Cơ khí - Ô tô cũng lên kế hoạch dự giờ và tổ chức dự giờ, tổ chức dự giờ thao giảng thường xuyên theo các học kỳ với các đối tượng cụ thể, bao gồm: GV tập sự; GV có thâm niên dưới 5 năm; GV dạy các học phần mới. Các kế hoạch trên được công khai cho toàn bộ GV biết trước mỗi học kỳ để thực hiện [H6.06.05.08]. Theo đó, những GV đã hoàn thành đề tài NCKH các cấp hoặc căn cứ vào số các bài báo được công bố cũng như mức độ hoàn thành công việc mà được xét tặng thưởng danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp. Cụ thể những GV hoàn thành định mức giảng dạy có chủ trì đề tài NCKH cấp cơ sở hoặc thành viên đề tài cấp Bộ, Tỉnh, Nhà nước, không vi phạm quy chế làm việc thì GV sẽ được đề nghị xét duyệt chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. GV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hai năm liên tiếp thì được đề nghị xét duyệt Bằng khen cấp Bộ và GV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở ba năm liên tiếp thì được đề nghị xét duyệt chiến sĩ thi đua cấp Bộ [H6.06.05.09].

Bảng thành tích thi đua và khen thưởng của giảng viên Khoa Cơ khí - Ô tô

[H6.06.05.10]

Năm học	Giấy khen Hiệu trưởng	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Bằng khen cấp tỉnh	Bằng khen cấp bộ	Nâng lương trước thời hạn
2019-2020	3	2			
2020-2021	5	1		1	1
2021 - 2022	2	3			
2022- 2023	1	3		1	
2023- 2024	3	1	1	1	1

Nhà trường có hệ thống quản lý chất lượng giảng dạy, chất lượng nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được vận hành thông qua Phòng Quản lý chất lượng và Phòng Quản lý đào tạo. Hàng năm, Khoa Cơ khí - Ô tô đều xây dựng kế hoạch năm học cụ thể [H6.06.05.11]. Trong đó, chi tiết hóa các kế hoạch giảng dạy của các GV trong khoa thông qua: Lịch phân công giảng dạy hàng năm của các GV Khoa Cơ khí - Ô tô [H6.06.05.12] và các hoạt động liên quan khác như kế hoạch hội nghị và hội thảo với khung thời gian và nhân sự cụ thể (thời gian hội nghị hội thảo, trách nhiệm của các Tổ bộ môn), kế hoạch viết tài liệu học tập và ngân hàng đề thi [H6.06.05.13] [H6.06.05.14], kế hoạch thực hiện các đề tài [H6.06.05.15] gửi về hệ thống quản lý chất lượng của Nhà trường. Căn cứ trên lịch cụ thể của khoa, từng GV trong Khoa Cơ khí - Ô tô đều có lịch giảng dạy riêng và kế hoạch thực hiện số giờ NCKH của mình thông qua việc thực hiện các đề tài NCKH hoặc kế hoạch viết báo, kế hoạch tham gia hội nghị hội thảo khoa học, kế hoạch viết tài liệu học tập, biên soạn ngân hàng đề thi.

Mặt khác, để ban hành được các quy định và chính sách phù hợp nhất, tất cả các văn bản trên khi xây dựng đều được thông báo trong toàn Trường để lấy ý kiến của GV. Các văn bản trên được đăng công khai trên trang web Trường và được gửi email tới tất cả GV trong Trường [H6.06.05.16]. Ngoài ra, khi các văn bản trên chuẩn bị ban hành sẽ được quán triệt trong các cuộc họp giao ban của các đơn vị để từ đó lấy ý kiến đóng góp của các GV. Sau đó, các ý kiến đóng góp của GV sẽ được Khoa tổng hợp và gửi về Phòng TCHC tập hợp để xem xét điều chỉnh các quy định trên cho phù hợp.

Hàng năm, sau khi kết quả đánh giá được công bố, Khoa và tổ bộ môn sẽ họp để lắng nghe ý kiến phản hồi của các GV trong Khoa. Kết quả phản hồi của các GV trong Khoa trong 05 năm qua đều nhất trí với kết quả thi đua khen thưởng hàng năm. Điều này cho thấy tất cả các GV Khoa Cơ khí - Ô tô (100% GV) đều hài lòng về kết quả thi đua khen thưởng hàng năm [H6.06.05.17]

2. Điểm mạnh

Tất cả các GV (100% GV) đều hài lòng về kết quả thi đua khen thưởng hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Việc quản trị đánh giá hiệu quả công việc của GV chỉ dừng ở mức đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ theo khối lượng công việc. Để nâng cao hiệu quả của hoạt động này Nhà trường cần phải xây dựng bộ chỉ số đo lường hiệu suất, hiệu quả, chất lượng công việc của mỗi cá nhân (KPI).

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Cải tiến quy định đánh giá chất lượng đội ngũ	Xây dựng bộ chỉ số đo lường hiệu suất, hiệu quả, chất lượng công việc của mỗi cá nhân (KPI).	Các đơn vị trong toàn trường.	Bắt đầu từ tháng 1/2026	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Quy định về hoạt động Khoa học - Công nghệ của Nhà trường được năm 2023 đã xác định các hoạt động NCKH GV là: *“Nâng cao chất lượng các sản phẩm NCKH, đẩy mạnh hoạt động CGCN kết quả NCKH. Tạo điều kiện hình thành các nhóm nghiên cứu, tăng cường công tác phối hợp nghiên cứu liên ngành trong toàn Trường; chú trọng đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học học viên, sinh viên, tạo điều kiện cho các em hình thành và phát triển năng lực nghiên cứu khoa học phục vụ việc học tập và định hướng nghề nghiệp; Nâng cao chất lượng các giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo được giao biên soạn phục vụ công tác đào tạo của Nhà trường. Chú trọng nâng cao chất lượng Đặc san Khoa học và Công nghệ trường*

Đại học Công nghiệp Việt Trì; Thu hút các công bố có chất lượng từ các nhà khoa học trong và ngoài Nhà trường; Tạo tiền đề cho việc phát triển Đặc san Khoa học và Công nghệ thành Tạp chí khoa học được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm. Tăng cường phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước trong việc tổ chức các hội nghị, hội thảo, seminar chuyên đề, diễn đàn, trao đổi thông tin khoa học...; Khuyến khích cán bộ, giảng viên tham dự và báo cáo tại các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế. Nhà trường hỗ trợ kinh phí cho cán bộ, giảng viên có báo cáo được công bố trong kỷ yếu hội thảo quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus..... ”

[H6.06.07.01]. Quy định khối lượng công tác giảng viên của Nhà trường [H6.06.07.02] đã xác định rõ định mức khối lượng NCKH mà GV cần phải thực hiện theo mỗi vị trí chức danh nghề nghiệp và học hàm, học vị, ví dụ: GV phải thực hiện khối lượng NCKH là 200 giờ chuẩn NCKH/năm học, trong đó các nhiệm vụ NCKH cũng được quy đổi chi tiết cụ thể như: 01 đề tài NCKH cấp cơ sở hoàn thành được quy đổi thành 200 giờ chuẩn NCKH.

Đầu năm học, căn cứ theo kế hoạch, thông báo chung của Nhà trường [H6.06.07.03], Khoa Cơ khí - Ô tô thông báo và triển khai tới toàn bộ GV đăng ký số lượng đề tài, bài báo chuyên ngành, bài Hội thảo/hội nghị khoa học... để đảm bảo khối lượng NCKH theo đúng quy trình, quy định của Nhà trường. Quy trình thực hiện gồm: đối với các đề tài cấp cơ sở được xét duyệt từ Khoa Cơ khí - Ô tô đảm bảo đúng chuyên ngành, số thành viên tham gia thực hiện, sau đó hồ sơ xét duyệt của Khoa gửi về phòng Khoa học công nghệ và đảm bảo chất lượng giáo dục trình Hội đồng Khoa học & Đào tạo Nhà trường gửi đến phản biện kín để xác định về yêu cầu chuyên môn cũng như nguồn lực, tổ chức thực hiện đề tài, từ đó xác định được các đề tài đủ điều kiện trình Nhà trường ra quyết định giao nhiệm vụ công khai vào đầu năm [H6.06.07.04]. Đối với các đề tài cấp cao (Nhà nước, Bộ, Sở và tương đương) thì căn cứ công văn hằng năm gửi về Trường, Phòng KHCN&HTQT thông báo tới Khoa Cơ khí - Ô tô để các GV đăng ký nhiệm vụ gửi về phòng Phòng KHCN&HTQT trình thường trực Hội đồng Khoa học & Đào tạo Nhà trường xem xét tổng hợp đề xuất cơ quan chủ quản đề tài [H6.06.07.05].

Kết quả từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025 Khoa Cơ khí - Ô tô đã tham gia 01 đề tài cấp Bộ thực hiện 28 đề tài cấp cơ sở [H6.06.07.06]. Hướng dẫn 28 đề tài NCKH của SV [H6.06.07.07]. Các đề tài đã nghiệm thu và được hội đồng nghiệm thu đánh giá có đóng góp mới cho khoa học, có giá trị thực tiễn, đặc biệt phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập trong Nhà trường. Nhà trường và Khoa đã có những kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng yêu cầu số lượng, chất lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, nghiên cứu viên theo định kỳ rà soát, đối sánh hàng năm và thường xuyên được nhắc nhở trong các cuộc họp Khoa, Nhà trường. Từ đó đã có sự cải thiện về số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH như: số lượng đề tài tăng theo hàng năm, các đề tài đã có tính ứng dụng cao hơn vào thực tế sản xuất và doanh nghiệp được minh chứng trong các bảng số liệu sau.

Bảng Số liệu kinh phí Nhà trường đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Khoa Cơ khí - Ô tô

Năm	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Kinh phí Nhà trường	46.876.000	51.711.000	10.600.000	46.876.000	52.659.000	25.040.000

Bảng số lượng bài báo, đề tài nghiên cứu khoa học các cấp

STT	Phân loại đề tài	2020	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng
1	Bài báo	06	07	05	4	19	6	47
2	Đề tài cấp Bộ	01						01
3	Đề tài cấp trường	03	05	07	4	7	2	28
	Tổng	10	12	12	6	26	8	76

2. Điểm mạnh

Số lượng đề tài khoa học của Khoa Cơ khí - Ô tô tăng trong những năm gần đây.

3. Điểm tồn tại

Số lượng bài báo đăng trên tạp chí KH và CN của khoa còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Khoa Cơ khí - Ô tô phối hợp với phòng Phòng KHCN&HTQT, Tạp chí Đặc san Khoa học & Công nghệ của Nhà trường tổ chức các buổi thảo luận, hội thảo, chuyên đề về triển khai hướng dẫn giới thiệu các Tạp chí chuyên ngành Kỹ thuật để các GV viết bài báo đăng trên Tạp chí Đặc san Khoa học & Công nghệ, đồng thời Khoa giao nhiệm vụ cho các Bộ môn và các GV thực hiện nghiêm túc việc viết bài báo chuyên ngành để đảm bảo quy đổi giờ NCKH theo đúng quy định, đảm bảo thực hiện đầy đủ khối lượng NCKH hàng năm của GV.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 6:

Đội ngũ GV của Khoa có trình độ chuyên môn cao, có năng lực ngoại ngữ. GV được tuyển dụng theo đúng quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường đã được công bố công khai. Trường ĐHCNVN, Khoa Cơ khí - Ô tô luôn đề cao công tác NCKH để giúp GV bồi dưỡng, nâng cao công tác chuyên môn. Do vậy, công tác giảng dạy và NCKH của Khoa đã đạt được những thành tích đáng khích lệ.

Trong giảng dạy, đội ngũ GV của Khoa hoàn thành vượt mức số giờ giảng theo quy định và đa số GV có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức cao. Trong NCKH, đội ngũ GV của Khoa đã chủ trì nhiều đề tài và tham gia nhiều loại hình nghiên cứu, hoàn thành vượt mức số giờ NCKH theo quy định, nhiều GV được khen thưởng về thành tích NCKH. Do đó, về cơ bản chất lượng đội ngũ GV Khoa Cơ khí - Ô tô hiện nay đảm bảo đảm đương được nhiệm vụ giảng dạy, NCKH mà Khoa, Nhà trường giao.

Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ GV của Khoa và Nhà trường rất cụ thể, đáp ứng được nhu cầu của GV, phù hợp với chiến lược phát triển đại học theo hướng nghiên cứu của nhà trường.

Tiêu chuẩn 06 có 07 tiêu chí, trong đó 7 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Chất lượng đào tạo phần lớn phụ thuộc vào mối quan hệ, tương tác giữa GV và người học. Tuy nhiên, người học khó có kết quả học tập tốt nếu thiếu chất lượng dịch vụ hỗ trợ của đội ngũ cán bộ hỗ trợ. Đội ngũ cán bộ này là những người làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành phòng máy tính và hỗ trợ người học. Nhà trường và Khoa Cơ khí - Ô tô chủ trương đưa ra các chính sách cũng như phương pháp để thực thi, phát triển hệ thống cán bộ hỗ trợ nhằm đạt được chất lượng phục vụ tốt nhất. Để kiểm soát và nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ, nhà trường và Khoa thường xuyên tiến hành kiểm tra các hệ thống dịch vụ khảo sát mức độ hài lòng của GV và người học khi sử dụng dịch vụ để có hướng khắc phục và phát triển hiệu quả hơn.

Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Chiến lược phát triển Trường ĐHCNVT chia làm 02 giai đoạn. Giai đoạn 01 bắt đầu từ năm 2020 đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030. Giai đoạn 01 tính từ năm 2021 đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030. Trong chiến lược phát triển này, Nhà Trường đã phân tích chỉ rõ các yêu cầu về đội ngũ nhân viên hỗ trợ (NVHT) phải có đủ năng lực chuyên môn, đạo đức và lương tâm nghề nghiệp để đáp ứng yêu cầu đào tạo [H7.07.01.01]. Trong nội dung chiến lược cũng đã dự báo cần phải bổ sung mới đội ngũ nhân viên để đáp ứng yêu cầu thực tế về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.02], cũng đã được bổ sung trong danh mục vị trí việc làm [H7.07.01.03]. Ngoài ra, việc phân tích về nhu cầu bổ sung đội ngũ nhân viên phục vụ, hỗ trợ cho công tác đào tạo, giảng dạy của riêng Khoa Cơ khí - Ô tô cũng được thể hiện trong các Biên bản của khoa về việc đề xuất nhu cầu tuyển

dụng KTV, nhân viên [H7.07.01.04].

Để thu hút và tuyển dụng được đội ngũ nhân viên hỗ trợ đáp ứng được yêu cầu công việc, Nhà trường đã đưa ra những chính sách ưu đãi cho đội ngũ này. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ được hưởng các chính sách về lương và các chế độ khác như cán bộ GV gồm: phụ cấp ưu đãi ngành, phụ cấp thâm niên nhà giáo, phụ cấp thâm niên vượt khung,... được quy định trong các văn bản chế độ công tác giảng viên năm 2020- 2025 và quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020- 2025 [H6.07.01.05]. Đây là tiền đề thu hút các ứng viên tâm huyết có trình độ cao tham gia vào tuyển dụng hàng năm của Nhà trường. Trong Chiến lược phát triển nguồn nhân lực ĐHCNVT giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng năm 2030, Nhà trường cũng đưa ra chính sách thù lao theo năng lực và kết quả thực hiện công việc đối với nhân viên, nhằm nâng cao thu nhập, tạo động lực thu hút cán bộ, nhân viên giỏi từ nơi khác về trường.

Trên cơ sở phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên, trong chiến lược phát triển của Nhà Trường đã quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ phải được chuẩn hóa, ĐBCL, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu. Ngoài ra cần nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất, lối sống, lương tâm nghề nghiệp, chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH chất lượng cao của Nhà Trường [H7.07.01.06].

Tính đến 31/03/2025 tổng số nhân viên hỗ trợ làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành và các dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động đào tạo là 75 người. Số nhân viên, chuyên viên này có nhiệm vụ hỗ trợ chung cho tất cả các hoạt động đào tạo của Trường [H6.07.01.07]. Trong giai đoạn 2020 - 2025 do tình hình tuyển sinh của Nhà trường không nhiều; số lượng nhân viên, chuyên viên hỗ trợ chương trình đào tạo ngành CNKH Ô tô nghỉ hưu không có nên số nhân viên, chuyên viên được tuyển dụng, thu hút cũng không có. Về trình độ của đội ngũ nhân viên tính đến thời điểm tháng 3/2025 như sau:

Bảng thống kê số lượng và trình độ
của nhân viên hỗ trợ chung toàn Trường năm 2025

TT	Đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật viên	Trình độ						Tổng số
		Khác	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	
1	Nhân viên Trung tâm Thông tin - thư viện				1	5		6
2	Chuyên viên, nhân viên phòng Tổ chức - Hành chính			2	1	4		07
3	Chuyên viên, nhân viên phòng Quản lý Đào tạo					3	3	6
4	Chuyên viên, nhân viên phòng Tài chính - Kế toán				3	2		5
5	Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông					09	01	10
6	Nhân viên phòng Quản trị	5	3	2		2		12
7	Phòng Quản lý chất lượng					6	1	7
8	Phòng KHCN và Hợp tác quốc tế				1		3	4
9	Phòng Công tác sinh viên				2	4		6
10	Kỹ thuật viên				1	4		5
11	Cán bộ trợ lý khoa					9		9
	Tổng cộng							75

Bên cạnh đó, để đảm bảo nhu cầu về đào tạo đặc biệt hướng dẫn thực hành thực tập chuyên sâu của ngành CNKT Ô tô, hiện nay bên cạnh đội ngũ nhân viên hỗ trợ chung toàn trường thì Khoa Cơ khí - Ô tô cũng có 05 GV kiêm nhiệm là kỹ thuật viên phụ trách các xưởng thực hành của Khoa Cơ khí - Ô tô [H7.07.01.08]. Trong đội ngũ GV kiêm nhiệm là kỹ thuật viên phụ trách các xưởng thực hành của Khoa Cơ khí - Ô tô hiện là 05 thạc sĩ. Do đó, đây cũng là một đội ngũ kỹ thuật viên tốt đảm bảo về chất lượng nhằm đáp ứng được nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Bên cạnh đó Khoa Cơ khí - Ô tô cũng có đội ngũ cố vấn học tập và giáo viên chủ nhiệm của các lớp thuộc CTĐT ngành CNKT Ô tô nhằm tư vấn hỗ trợ và định hướng cho sinh viên trong suốt quá trình học tập.

Bảng thống kê số lượng GVCN, CVHT Khoa Cơ khí - Ô tô

TT	Đội ngũ GVCN, CVHT của Khoa	Trình độ			Tổng số
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	
1	Giáo viên chủ nhiệm	0	8	02	10
2	Cố vấn học tập	0	8	2	10

Ngoài ra, để đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu của đội ngũ cán bộ hỗ trợ thì hàng năm Nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến đánh giá hoạt động của đội ngũ hỗ trợ từ GV và người học. Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của cán bộ GV và SV Khoa Cơ khí - Ô tô đối với sự hỗ trợ của đội ngũ nhân viên [H7.07.01.09] cụ thể qua bảng dưới đây:

Bảng tổng hợp kết quả khảo sát mức độ hài lòng của cán bộ GV và SV Khoa Cơ khí - Ô tô đối với sự hỗ trợ của đội ngũ nhân viên

STT	Đối tượng khảo sát	Số lượng khảo sát	Kết quả khảo sát			Tỷ lệ đánh giá tốt (%)
			Tốt	Trung bình	Kém	
1	Giảng viên	14	13	1	0	93%
2	Sinh viên	420	399	21	0	95%

Như vậy, qua kết quả khảo sát trên nhận thấy tỷ lệ hài lòng của SV Khoa Cơ khí - Ô tô đối với sự hỗ trợ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ trong Nhà trường là chưa đạt 100%.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chính sách ưu tiên đội ngũ nhân viên hỗ trợ học tập nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

3. Điểm tồn tại

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng còn chưa chuyên sâu.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025- 2026, Khoa Cơ khí - Ô tô phối hợp với Phòng TCHC thảo luận việc phân công nhân viên hỗ trợ chuyên trách nhằm tăng cường hơn nữa chất

lượng phục vụ cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được quy định trong Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, người lao động Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì năm 2025 [H7.07.02.01]; [H7.07.02.02]; [H7.07.02.03]. Quy chế Tổ chức hoạt động nhà trường quy định về tiêu chuẩn (đạo đức, năng lực nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học ...), nhiệm vụ, quyền của đội ngũ nhân viên là cơ sở để tuyển dụng và lựa chọn nhân viên. Đồng thời căn cứ nhu cầu tuyển dụng nhân viên hằng năm, Hội đồng tuyển dụng có điều chỉnh tiêu chuẩn/tiêu chí tuyển dụng đối với từng vị trí việc làm phù hợp sự phát triển của Khoa và Nhà trường [H7.07.02.04], [H7.07.02.05]. Quy chế tuyển dụng, ký hợp đồng làm việc, tập sự và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức quy định rõ nội dung, hình thức tuyển dụng nhân viên đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch như: văn bằng, trình độ chuyên môn phải đúng với vị trí việc làm; đảm bảo điều kiện về sức khỏe thể chất; ứng viên dự thi tuyển viên chức phải trải qua 2 vòng thi: vòng 1 thi kiến thức chung, ngoại ngữ và tin học (nếu cần), vòng 2 thi thực hành tay nghề đánh giá năng lực, kỹ năng của ứng viên theo từng yêu cầu của vị trí việc làm và tiếp theo ứng viên phải trả lời phỏng vấn trực tiếp của Hội đồng thi tuyển viên chức để đánh giá kỹ năng giao tiếp, diễn đạt, ứng xử, xử lý tình huống của ứng viên. Sau khi trúng tuyển, nhân viên phải thực hiện chế độ tập sự được quy định trong hợp đồng làm việc xác định thời hạn; Trường và Khoa phân công người hướng dẫn trực tiếp cho nhân viên mới. Sau khi hết thời gian tập sự, Trường và Khoa tổ chức đánh giá kết quả thực thi nhiệm vụ của nhân viên, nếu hoàn thành nhiệm vụ, đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn và tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, nhân viên mới được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp ngạch nhân viên theo quy định.

Căn cứ các quy định liên quan trên về các tiêu chí/tiêu chuẩn tuyển dụng nhân

viên nói chung và nhu cầu của các khoa, phòng ban được xác định cho từng vị trí cần tuyển, hàng năm, Hội đồng tuyển dụng viên chức đều thực hiện điều chỉnh các tiêu chí về: năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề, kinh nghiệm làm việc... để đăng tin thông báo tuyển dụng nhân viên phù hợp với nhu cầu của khoa, phòng ban và sự phát triển của Nhà trường [H7.07.02.06]. Năm 2023, Nhà trường đã có công văn xây dựng Đề án vị trí việc làm [H7.07.02.07], Hội đồng trường đã ban hành danh mục vị trí việc làm và cơ cấu vị trí việc làm của Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì năm 2025. Trong đó, Đề án đã xác định các yêu cầu, nhiệm vụ, tiêu chuẩn đối với từng vị trí việc làm của nhân viên [H7.07.02.08]. Đề án được xây dựng, rà soát điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí phù hợp để lựa chọn nhân viên có năng lực chuyên môn tốt đáp ứng được các yêu cầu của công việc, nhằm nâng cao hiệu quả công tác.

Các quy định, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được lấy ý kiến đầy đủ, dán công khai ở bảng tin của Trường tại các cơ sở, gửi thông báo về các khoa, phòng ban qua Email, được đăng tải trên hệ thống phần mềm của trường, công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường được các bên liên quan tiếp cận rõ ràng, minh bạch. Qua khảo sát các bên liên quan đều cho thấy sự hài lòng về khả năng tiếp cận với các quy định, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên [H7.07.02.9].

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí tuyển dụng nhân viên được Hội đồng tuyển dụng viên chức điều chỉnh hàng năm căn cứ vào nhu cầu của khoa, phòng ban, phù hợp với định hướng phát triển của Trường.

3. Điểm tồn tại

Một số vị trí việc làm của nhân viên chưa được điều chỉnh, bổ sung kịp thời về năng lực, kỹ năng làm việc để đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc, nâng cao hiệu quả công tác của các Khoa, Phòng ban và Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Trong quý 4/2025, phòng TCHC phối hợp với các khoa, phòng ban tổ chức

việc rà soát các yêu cầu, tiêu chuẩn, năng lực từng vị trí việc làm của nhân viên, tiếp tục hoàn thành việc chỉnh sửa Đề án vị trí việc làm căn cứ cho việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên, đáp ứng tốt nhu cầu của Khoa, phòng ban và định hướng phát triển của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Chất lượng đào tạo của Nhà trường liên quan đến nhiều yếu tố, một trong những yếu tố hỗ trợ quan trọng là đội ngũ nhân viên. Đội ngũ nhân viên được tuyển dụng theo đúng quy định của Nhà trường, có tiêu chí rõ ràng, có công cụ đánh giá năng lực của nhân viên. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá theo các tiêu chuẩn quy định của Nhà trường dựa trên các tiêu chí như trình độ chuyên môn, Tiếng Anh, kỹ năng nghề nghiệp, công nghệ thông tin, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ. Đối với đội ngũ nhân viên, cán bộ hỗ trợ CTĐT ngành CNKT Ô tô, ngoài các tiêu chí chung của Nhà trường thì phải nắm được quy trình, chương trình đào tạo ngành CNKT Ô tô, hệ thống phục vụ đào tạo như xưởng, phòng thực hành - thí nghiệm, công tác tuyển sinh, công tác tốt nghiệp, công tác văn bản và lưu trữ...[H7.07.03.01]. Nhà trường có những quy định về quy trình phương pháp công cụ đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên khác nhau theo thâm niên (nhân viên mới tuyển dụng, nhân viên tập sự và nhân viên đã có thâm niên làm việc) [H7.07.03.02]. Hàng năm nhà trường đánh giá 02 lần. Lần thứ nhất, Nhà trường thực hiện đánh giá và xếp loại viên chức nói chung và đội ngũ nhân viên nói riêng vào cuối năm dương lịch (sau khi kết thúc học kỳ 01). Lần thứ 02, Nhà trường thực hiện việc tổng kết và bình bầu các danh hiệu thi đua khen thưởng vào cuối năm học (tháng 06 hàng năm). Nhà trường sẽ thực hiện đánh giá theo đúng các văn bản đã ban hành quy định về quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên với các tiêu chí cụ thể như có đạo đức nghề nghiệp, hoàn thành nhiệm vụ theo vị trí việc làm. [H7.07.03.03]. Đầu tiên, phòng

TCHC sẽ gửi thông báo có hướng dẫn về các bước, phương pháp và biểu mẫu đánh giá trong đó quy định rõ các tiêu chí đánh giá [H7.07.03.04]. Quy trình đánh giá bao gồm: Cá nhân tự đánh giá, tập thể khoa đánh giá, Hội đồng thi đua khen thưởng Nhà trường đánh giá [H7.07.03.05], [H7.07.03.06]. Theo đó, tất cả các nhân viên có thời gian công tác trên 10 tháng sẽ được bình xét các danh hiệu thi đua cá nhân, tập thể. Trưởng các đơn vị tổ chức họp bình xét đảm bảo dân chủ, công khai và chính xác. Tất cả các nhân viên đủ tiêu chuẩn để bình xét danh hiệu chiến sĩ thi đua sẽ được giới thiệu để tập thể đơn vị bình xét. Kết quả sẽ trình Hội đồng thi đua khen thưởng Nhà trường xét duyệt [H7.07.03.07]. Riêng đối với nhân viên là quản lý thì việc đánh giá phải thông qua ý kiến của cấp Ủy Đảng. Hiệu trưởng Nhà trường sẽ tham khảo các ý kiến tại hội nghị viên chức của đơn vị, sau đó sẽ đưa ra quyết định đánh giá phân loại.

Kết quả đánh giá 02 lần/năm học tại Khoa và Trường đã phân loại được năng lực của đội ngũ nhân viên theo các mức độ: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Kết quả đánh giá trong 04 năm qua (2020- 2024) cho thấy đội ngũ nhân viên kỹ thuật viên có 15% đạt loại xuất sắc; 83,5% đạt loại tốt; 1,5% đạt loại hoàn thành; 0% đạt loại không hoàn thành (100% nhân viên hoàn thành nhiệm vụ; 12% đạt chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, 4% đạt chiến sỹ thi đua cấp Bộ và Bằng khen cấp Bộ). Ngoài ra, để đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên, Khoa Cơ khí - Ô tô cũng đã thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của SV và GV trong khoa đối với đội ngũ nhân viên trong 05 năm qua. Kết quả cho thấy, mức độ hài lòng của SV đối với năng lực làm việc và sự hỗ trợ của đội ngũ nhân viên là 95%. Trong khi, mức độ hài lòng của GV và CBQL Khoa Cơ khí - Ô tô đối với năng lực và sự hỗ trợ của đội ngũ nhân viên là cao (đạt 93%)[H7.07.03.08].

Như đã mô tả ở trên, mỗi năm học Khoa và Nhà trường đều có 02 lần thực hiện đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên. Quá trình đánh giá đều được thực hiện theo các bước: Cá nhân tự đánh giá; Tập thể Khoa và lãnh đạo Khoa đánh giá; Hội đồng thi đua khen thưởng Trường đánh giá [H7.07.03.09]. Đồng thời, hàng năm Khoa Cơ khí - Ô tô đều thực hiện khảo sát về mức độ hài lòng của GV và SV Khoa Cơ khí - Ô tô đối với đội ngũ nhân viên [H7.07.03.10]. Kết quả đánh giá cho

thấy, trong 5 năm vừa qua (2020-2025), đội ngũ nhân viên hỗ trợ đều thực hiện công việc đạt kết quả tốt, hàng năm đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, trung bình chung 100% nhân viên đều hoàn thành nhiệm vụ [H6.07.03.11].

2. Điểm mạnh

Trung bình chung tỷ lệ nhân viên hoàn thành nhiệm vụ đạt 100%. Tỷ lệ GV hài lòng đối với năng lực làm việc và sự hỗ trợ của đội ngũ nhân viên là cao.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số ít SV chưa hài lòng với sự hỗ trợ của đội ngũ nhân viên..

4. Kế hoạch hành động

Trong quý 4 năm 2025, Khoa Cơ khí - Ô tô tổ chức chương trình đối thoại cho sinh viên cùng các đơn vị chức năng liên quan để tìm hiểu nguyên nhân và đề ra các biện pháp tăng cường chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ nhằm hướng tới sự hài lòng hơn nữa của SV và cán bộ GV.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Hàng năm, phòng TCHC có gửi thông báo tới các đơn vị về việc xác định nhu cầu học tập, bồi dưỡng của CBVC trong toàn Trường [H7.07.04.01]. Đối với học tập bồi dưỡng ngắn hạn, căn cứ vào thông báo của phòng TCHC gửi về, các đơn vị triển khai tới các nhân viên để nhân viên đăng ký bồi dưỡng ngắn hạn (tin học, ngoại ngữ, chứng chỉ nghiệp vụ...). Đặc biệt, đối với các GV kiêm nhiệm vụ là kỹ thuật viên của Khoa Cơ khí - Ô tô, hàng năm, Khoa Cơ khí - Ô tô thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các kỹ thuật viên về nhu cầu được đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ [H7.07.04.02]. Trên cơ sở đó, căn cứ vào yêu cầu của chuyên ngành đào tạo theo từng thời kỳ theo từng năm học, hàng năm trong báo cáo tổng kết năm học, Khoa sẽ xác định các khóa đào tạo ngắn hạn cho GV kiêm nhiệm vụ là kỹ thuật viên ở các phòng thực hành của Khoa [H7.07.04.03]. Sau đó, các đơn vị

sẽ tổng hợp danh sách nhân viên có nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn gửi về phòng TCHC [H7.07.04.04]. Đối với học tập dài hạn nâng cao trình độ như thạc sĩ hoặc tiến sĩ thì nhân viên nào có nhu cầu sẽ viết đơn, sau đó xin ý kiến phê duyệt của Trưởng đơn vị và nộp về phòng TCHC để Nhà trường xem xét ra quyết định cử đi học [H7.07.04.05].

Trên cơ sở kết quả xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên trong từng đơn vị gửi về phòng TCHC, phòng TCHC sẽ tổng hợp và xây dựng kế hoạch mở các lớp đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn và kế hoạch cử nhân viên đi học tập dài hạn để trình lên Ban giám hiệu Nhà trường duyệt [H7.07.04.06].

Trong 05 năm qua (2020-2025), Trường đã thực hiện được 103 lượt nhân viên đi học các khóa đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn gồm ngoại ngữ, tin học,... [H7.07.04.07]. Đặc biệt, hoạt động đào tạo ngắn hạn của đội ngũ nhân viên hỗ trợ trong Trường trong 05 năm qua đã đạt 100% kế hoạch đề ra [H7.07.04.08]. Đồng thời, Trường cũng đã thực hiện được 27 lượt nhân viên đi học tập dài hạn bao gồm các khóa đào tạo thạc sĩ, đào tạo tiến sĩ cho đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên hỗ trợ trong Trường [H7.07.04.09]. Tuy nhiên, hoạt động đào tạo dài hạn của đội ngũ nhân viên hỗ trợ trong Trường chỉ đạt 89% kế hoạch [H7.07.04.10]. Vẫn còn một số nhân viên tham gia học tập dài hạn chưa thực hiện theo đúng tiến độ đăng ký. Nguyên nhân là do các nhân viên đó có điều kiện kinh tế khó khăn, sức khỏe không tốt nên chưa đáp ứng được điều kiện tiếp tục tham gia khóa học.

Bảng thống kê số lượt nhân viên của Khoa được Nhà trường cử đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ

Năm	Cao học	VB2	Tin học	Ngoại ngữ	Tổng cộng
2020		5		03	08
2021				01	01
2022					
2023					
2024					
2025	05	06		06	17

Tổng số	05	11		10	26
----------------	-----------	-----------	--	-----------	-----------

Trong 5 năm qua, ngân sách Nhà trường chi cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ đối với đội ngũ nhân viên toàn trường là 1.825.836.000 đồng [H7.07.04.11].

2. Điểm mạnh

Hoạt động đào tạo ngắn hạn của đội ngũ nhân viên kỹ thuật viên trong Trường trong 05 năm qua đã đạt 100% kế hoạch đề ra.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số nhân viên tham gia học tập dài hạn chưa thực hiện theo đúng tiến độ đăng ký do hoàn cảnh gia đình khó khăn về vật chất, sức khỏe không tốt chưa thể tiếp tục theo học.

4. Kế hoạch hành động

Trong quý 1 năm 2026, Công đoàn trường phối hợp với các tổ Công đoàn của các đơn vị lập kế hoạch tìm hiểu hoàn cảnh gia đình của các nhân viên nhằm đề đưa ra các chính sách động viên, khích lệ và hỗ trợ cả về tinh thần và vật chất kịp thời nhằm giúp các nhân viên vượt qua khó khăn, chủ động trong học tập dài hạn, hoàn thành theo đúng tiến độ đã đăng ký.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Trong đề án vị trí việc làm [H7.07.05.01], qui chế hoạt động của Trường Đại học CNVT [H7.07.04.02], cũng như qui chế hoạt động của các phòng thực hành và xưởng thực hành trực thuộc Khoa Cơ khí - Ô tô, hợp đồng làm việc đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ [H7.07.04.03], bảng phân công công việc của các đơn vị đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ [H7.07.04.04] đều quy định cụ thể chi tiết về công việc và thời gian thực hiện cũng như yêu cầu kết quả công việc cho từng vị trí việc làm, đồng thời xác định người trực tiếp quản lý và giám sát công việc của nhân viên,

chuyên viên trong từng đơn vị như tổ trưởng, tổ phó, trưởng phòng, phó phòng... Ngoài ra, Nhà trường cũng đã ban hành qui chế thi đua khen thưởng và các văn bản hướng dẫn bình xét thi đua, trong đó quy định rõ các tiêu chí để làm căn cứ thực hiện bình xét thi đua đối với từng nhân viên [H7.07.04.05]. Cụ thể, đối với nhân viên hoàn thành nhiệm vụ có đề tài NCKH hoặc sáng kiến cải tiến và không vi phạm quy chế làm việc thì được đề xuất xét công nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. Nhân viên đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hai năm liên tiếp thì được xét tặng Bằng khen cấp Bộ và nhân viên đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở ba năm liên tiếp thì được xét chiến sĩ thi đua cấp Bộ...

Căn cứ vào các qui định trên, hàng ngày các đơn vị đều thực hiện chấm công, theo dõi, giám sát công việc của các nhân viên [H7.07.04.06]. Ngoài ra, đối với các GV kiêm nhiệm kỹ thuật viên tại các phòng thực hành và Trung tâm cơ khí - ô tô thuộc Khoa Cơ khí - Ô tô, việc kiểm tra giám sát hoạt động trong quá trình giảng dạy còn được thực hiện bằng việc kiểm tra đột xuất của Phòng Quản lý đào tạo theo lịch dạy hàng ngày, hàng tuần [H7.07.04.07]. Trên cơ sở này, căn cứ vào qui chế hoạt động của Trường, qui chế thi đua khen thưởng hàng tháng, Trường và Khoa đều có đánh giá công việc của từng nhân viên. Từ đó, quyết định mức thu nhập tăng thêm hàng tháng theo hiệu quả công việc của từng nhân viên kỹ thuật viên [H7.07.04.08]. Đồng thời, hàng năm, các đơn vị trong Trường và Khoa Cơ khí - Ô tô đều có hai lần thực hiện đánh giá mức độ hoàn thành công việc của từng nhân viên vào cuối học kỳ 1 và cuối học kỳ 2. Đầu tiên, hàng năm, vào tháng 6 các đơn vị trong Trường và Khoa Cơ khí - Ô tô triển khai họp để bình xét thi đua năm học. Sau đó, vào tháng 12 các đơn vị trong Trường và Khoa Cơ khí - Ô tô họp để triển khai đánh giá viên chức của từng nhân viên kỹ thuật viên theo kết quả công việc đã thực hiện trong năm [H7.07.04.09]. Đặc biệt, đối với nhân viên là Đảng viên sẽ được đánh giá vào tháng 12 hàng năm theo các mức độ: Hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt, hoàn thành, chưa hoàn thành; Đối với công đoàn viên được đánh giá theo các mức độ “Đoàn viên xuất sắc”, “đoàn viên giỏi việc nước đảm việc nhà”, ... Ngoài ra, để việc đánh giá chính xác, khách quan thì Khoa và Nhà trường thực hiện việc đánh giá thi đua khen thưởng

dựa trên các báo cáo/biên bản/ hệ thống thông tin theo dõi, giám sát và đánh giá [H7.07.04.10]. Sau đó, được tập hợp ghi nhớ trong biên bản họp bình xét thi đua của đơn vị [H7.07.04.11]. Kết quả đánh giá, phân loại, bình xét CBVC, nhân viên kỹ thuật viên hàng năm [H7.07.04.12], được gửi về hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường để xét duyệt. Trên cơ sở đó, Nhà trường sẽ đưa ra các quyết định thi đua khen thưởng các cấp đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ của từng đơn vị [H7.07.04.13]. Kết quả đánh giá trong 05 năm (2020-2025) nhận thấy có 100% đội ngũ nhân viên hỗ trợ đều hoàn thành nhiệm vụ.

Tất cả các nhân viên đều có kế hoạch cụ thể trong suốt cả một học kỳ về các nội dung: Tên công việc, vị trí công việc, khối lượng thực hiện và thời gian hoàn thành. Tất cả các kế hoạch công việc ở trên của từng nhân viên đều được công bố công khai trên phần mềm quản lý của trường egov.vui.edu.vn. Các nhân viên, kỹ thuật viên có thể dễ dàng truy cập vào trang web này 24/24h để theo dõi, kiểm tra lịch công tác của mình [H7.07.04.14].

Để đảm bảo tính hiệu quả và khả thi của các văn bản ban hành, hàng năm 100% nhân viên đều được tham gia vào việc đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng các văn bản của Nhà trường quy định các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên hỗ trợ [H7.07.04.15]. Việc lấy ý kiến đóng góp ở trên có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức như: Họp chi bộ, đảng bộ trường, hội nghị CBVC, đại hội công đoàn, hòm thư góp ý hoặc có thể trực tiếp gặp Ban giám hiệu trường,... Tuy nhiên, một tỷ lệ nhỏ nhân viên (5,5%) chưa thực sự tích cực tham gia vào quá trình đóng góp ý kiến xây dựng các văn bản quy định các tiêu chí, quy trình đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên hỗ trợ [H7.07.04.16].

Hàng năm, các đơn vị đều tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm. Kết quả khảo sát cho thấy 100% nhân viên kỹ thuật viên trong trường đều thấy hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc, đặc biệt là việc bình xét thi đua khen thưởng của nhà trường, tính đến nay chưa có bất kỳ trường hợp đơn thư khiếu nại [H7.07.04.17].

2. Điểm mạnh

100% nhân viên kỹ thuật viên trong trường đều thấy hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc bình xét thi đua khen thưởng của nhà trường.

100% nhân viên kỹ thuật viên trong trường đều hoàn thành nhiệm vụ

3. Điểm tồn tại

Một tỷ lệ nhỏ nhân viên (5,5%) chưa thực sự tích cực tham gia vào quá trình đóng góp ý kiến xây dựng các văn bản quy định các tiêu chí, quy trình đánh giá năng lực của nhân viên.

4. Kế hoạch hành động

Bắt đầu từ quý 4/2025, Ban lãnh đạo Khoa Cơ khí - Ô tô, Công đoàn Khoa Cơ khí - Ô tô phối hợp cùng các đơn vị tuyên truyền vận động các nhân viên kỹ thuật viên nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc tham gia vào quá trình đóng góp ý kiến xây dựng các văn bản quy định các tiêu chí, quy trình đánh giá năng lực của nhân viên.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 7:

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa Cơ khí - Ô tô, trường ĐHCNVT đảm bảo về số lượng, chất lượng cũng như về năng lực chuyên môn. Đội ngũ này được tuyển dụng theo đúng quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường đã được công bố công khai. Trường ĐHCNVT nói chung và Khoa Cơ khí - Ô tô nói riêng luôn tạo điều kiện cũng như khuyến khích cán bộ hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao công tác chuyên môn. Việc đánh giá hiệu quả thực hiện công việc của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được Nhà trường và Khoa Cơ khí - Ô tô thực hiện một cách công bằng, nhờ đó có tác dụng khuyến khích, động viên tất cả cán bộ hỗ trợ cố gắng phấn đấu hết mình trong công việc. Vì vậy, chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ hiện nay của Khoa Cơ khí - Ô tô về cơ bản đảm bảo được công tác phục vụ giảng dạy, NCKH của Khoa, Nhà trường. Tuy nhiên các tiêu chí tuyển dụng nhân viên chưa được xác định cụ thể đối với tất cả các vị trí việc làm của nhân viên trong Trường, đặc biệt là nhân viên phục vụ đào tạo ngành CNKT Ô tô.

Tiêu chuẩn 07 có 05 tiêu chí, trong đó: 05 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Người học chính là trung tâm của quá trình đào tạo. Chất lượng người học sẽ quyết định chất lượng đào tạo và NCKH. Hiện nay trường ĐH Công nghiệp Việt Trì đã chuyển đổi hoàn toàn từ hình thức đào tạo theo niên chế sang hình thức đào tạo theo tín chỉ lấy người học làm trung tâm để đáp ứng yêu cầu của Bộ GD&ĐT và xu thế của thời đại. Hình thức đào tạo này đã thể hiện rõ ưu điểm giúp người học tăng cường ý thức trách nhiệm đối với việc đào tạo của bản thân mình. Trong đó, người học tham gia vào tất cả các khâu trong tiến trình đào tạo, từ việc cơ cấu các môn học dựa trên hệ thống tự chọn, đến việc quy hoạch lộ trình thực hiện tiến trình đào tạo đó tùy theo điều kiện và năng lực về tài chính về quỹ thời gian của mình. Để giúp người học trong quá trình học tập tại ngành CNKT Ô tô, thì Nhà trường, Khoa Cơ khí – ô tô đã tạo môi trường và những điều kiện thuận lợi nhất nhằm hỗ trợ, giúp đỡ người học như phát triển đội ngũ CVHT, cộng tác viên, thư kí khoa, cán bộ phụ trách công tác sinh viên, đoàn thanh niên, hội sinh viên...; định kỳ tổ chức các buổi gặp gỡ, giao lưu, đi thực tế giữa SV với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo khoa, nâng cấp phần mềm quản lý SV ...

Trong 5 năm qua, Khoa Cơ khí – ô tô đã tư vấn Nhà trường xây dựng một chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; phương pháp xét tuyển công khai, cải thiện hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học một cách minh bạch; tổ chức các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học thường xuyên, kịp thời; từ đó nâng cao chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nói chung.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả

Nhà trường có chính sách/quy định về tuyển sinh rõ ràng, đầy đủ, chi tiết. Nhà trường đã ban hành đề án tuyển sinh và quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ hệ chính

quy, trong đó quy định rõ hai hình thức xét tuyển đó là xét tuyển bằng kết quả thi THPT quốc gia và xét tuyển bằng kết quả học bạ THPT, cụ thể: Từ năm 2020 đến nay, Nhà trường quy định chỉ tiêu tuyển sinh được xác định để xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia (phương thức xét tuyển 1) và chỉ tiêu tuyển sinh được xác định để xét tuyển kết quả học bạ THPT (phương thức xét tuyển 2) từ đó xây dựng Đề án tuyển sinh [H8.08.01.01] và đăng thông tin tuyển sinh trên Website của trường [H8.08.01.02]. Trong đó, Nhà trường quy định tổ hợp xét tuyển của ngành CNKT Ô tô là A00; A01; B00; A21;.... Về ngưỡng ĐBCL đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT, thí sinh đăng ký xét tuyển bằng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. Thí sinh đăng ký xét tuyển bằng kết quả học bạ THPT thì điểm xét tuyển (ĐXT) $\geq$ 18 điểm. Thí sinh thuộc diện tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thì Nhà trường quy định làm hồ sơ xét tuyển theo đúng các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT [H8.08.01.03];

Hàng năm, đề án tuyển sinh sau khi đã tham khảo ý kiến của các đơn vị trong nhà trường về chính sách tuyển sinh [H8.08.01.04]. Sau đó đề án tuyển sinh sẽ được công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ GD&ĐT và website của Trường [H8.08.01.02]. Ngoài ra, các thông tin về chính sách tuyển sinh của Nhà trường như đối tượng thi tuyển/xét tuyển, đối tượng ưu tiên,... cũng được thể hiện rõ trên các tài liệu tờ rơi, ấn phẩm phục vụ công tác truyền thông tuyển sinh và được chuyển trực tiếp tới các thí sinh lớp 12 trong thời gian triển khai công tác truyền thông tuyển sinh tại các trường THPT [H8.08.01.06]. Số lượng người học của chương trình đào tạo được tuyển chọn trong giai đoạn 2020 – 2025 cụ thể như sau: Khóa tuyển sinh năm 2020 – 2021: 878 sinh viên trong đó số sinh viên theo học ngành CNKT ô tô là 72 sinh viên; Khóa tuyển sinh năm 2021 – 2022: 1271 sinh viên trong đó số sinh viên theo học ngành CNKT ô tô là 121 sinh viên; Khóa tuyển sinh năm 2022 – 2023: 1060 sinh viên trong đó số sinh viên theo học ngành CNKT ô tô là 87 sinh viên; khóa tuyển sinh năm 2023 – 2024: 1153 sinh viên trong đó số sinh viên theo học ngành CNKT ô tô là 112 sinh viên, khóa tuyển sinh

năm 2024 – 2025: 1252 sinh viên trong đó số sinh viên theo học ngành CNKT ô tô là 131 sinh viên [H8.08.01.05] [H8.08.01.07]. Như vậy trong những năm gần đây SV ngành CNKT Ô tô có xu thế tăng đã được Khoa phân tích nguyên nhân là do ngành ô tô đang cần rất nhiều nguồn nhân lực cho các công ty, doanh nghiệp sản xuất ô tô, công nghiệp phụ trợ ô tô và xuất khẩu lao động cho các nước Nhật Bản, Hàn Quốc,... đang khan hiếm nguồn nhân lực về CNKT ô tô dẫn đến SV theo xu thế xã hội đã đăng kí theo học ngành CNKT Ô tô nhiều; tuy nhiên, cùng với xu thế đó ngành CNKT Ô tô của các trường khác trong những năm gần đây tuyển sinh cũng tăng mạnh mẽ. Từ đó Khoa đã đưa ra các giải pháp tuyên truyền tuyển sinh sâu hơn về chuyên ngành CNKT Ô tô và các cơ hội việc làm nhiều hơn; thực hiện công tác liên kết doanh nghiệp trong công tác thực hành – thực tập có lương, kí kết với các doanh nghiệp, công ty của Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức...để đảm bảo 100% SV ra trường là có việc làm ngay để có sức thu hút cũng như khả năng cạnh tranh với các Trường cùng đào tạo ngành CNKT ô tô.

Hàng năm, Nhà trường đều ban hành, cập nhật đề án tuyển sinh để phù hợp với thực trạng, quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, điều kiện thực tế và xu hướng phát triển của xã hội để đáp ứng được sứ mạng, mục tiêu phát triển của Trường. Chính sách tuyển sinh được xây dựng theo đúng các quy định hiện hành dựa trên cơ sở số liệu khảo sát, góp ý từ Doanh nghiệp, Các tổ chức xã hội, Các chuyên gia, cựu sinh viên. Cụ thể, từ các dữ liệu khảo sát ở trên, Nhà trường sẽ thực hiện phân tích để dự báo về nhu cầu nguồn nhân lực nhóm ngành Ô tô dự báo về nhu cầu nguồn nhân lực nhóm ngành nghề kỹ thuật mới để đưa ra chỉ tiêu tuyển sinh phù hợp hàng năm cho ngành CNKT Ô tô.

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh của Nhà trường luôn được xác định rõ ràng và công khai, có những đãi ngộ, ưu đãi dành cho SV trong quá trình học tập.

3. Điểm tồn tại

Các thông tin về ngành CNKT Ô tô chưa được cung cấp phong phú và hấp dẫn thí sinh, chưa có nhiều các hình thức quảng bá để thu hút thí sinh giỏi.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025 – 2026 Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông liên tục phối hợp với Khoa Cơ khí – ô tô sẽ thực hiện cải tiến phương thức truyền thông, bổ sung các thông tin về ngành CNKT Ô tô, cơ hội việc làm tại các doanh nghiệp lớn về ngành ô tô và các nước phát triển Nhật Bản, Hàn Quốc... với mức lương cao nhằm thu hút thí sinh đăng ký tuyển sinh và thí sinh giỏi.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả

Công tác tuyển chọn người học ngành CNKT Ô tô của trường Đại học Công nghiệp Việt Trì đã thiết lập được một quy trình xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học, thông qua đề án tuyển sinh và quy chế tuyển sinh [H8.08.02.01] cụ thể như sau:

- Căn cứ vào quy chế tuyển sinh và các văn bản hướng dẫn về tuyển sinh của Bộ Giáo dục & đào tạo, căn cứ tình hình thực tiễn tại Trường, Trung tâm Tuyển sinh & truyền thông thông báo và thực hiện lên kế hoạch xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học cho năm học mới [H8.08.02.02].

- Dựa trên kế hoạch chi tiết, Trung tâm Tuyển sinh & truyền thông thực hiện dự thảo đề án tuyển sinh với các thông tin chi tiết dự kiến về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học đối với ngành đào tạo CNKT Ô tô.

- Căn cứ vào kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2020- 2025, định hướng phát triển đến năm 2030 xây dựng bản dự thảo đề án tuyển sinh được gửi tới các đơn vị, cá nhân liên quan trong toàn trường, đặc biệt là các khoa chuyên môn, cán bộ quản lý và giảng viên để lấy ý kiến góp ý về các tiêu chí và phương pháp lựa chọn người học đảm bảo phù hợp với mục tiêu và đặc thù của từng ngành đào tạo.

- Các ý kiến góp ý từ các đơn vị được phòng Trung tâm Tuyển sinh & truyền thông tổng hợp, làm căn cứ hoàn thiện bản đề án tuyển sinh trình Hội đồng tuyển

sinh Nhà trường phê duyệt và ra QĐ triển khai, từ đó xây dựng chiến lược của Nhà trường đề ra hằng năm [H8.08.02.03] [H8.08.02.04]..

Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Nhà trường đã xây dựng được tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học ngành CNKT Ô tô theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, cụ thể:

- Về phương pháp tuyển chọn người học: Trường thực hiện hai phương pháp là: (1) xét kết quả thi tốt nghiệp THPT quốc gia hoặc tương đương. Phương pháp này áp dụng cho các khối thi A00 (bao gồm: Toán, Vật lý, Hóa học), A01 (bao gồm: Toán, Vật lý, Tiếng anh), B00 (bao gồm: Toán, Hóa, Sinh), A21 (bao gồm: Toán, Tin, Công nghệ) đối với khối ngành kỹ thuật, bao gồm CNKT Ô tô; và (2) xét kết quả học tập trong các năm học THPT (xét học bạ). Với cả hai phương pháp trên, Phòng Tuyển sinh & Hợp tác đào tạo tiến hành thông báo tuyển sinh, thu hồ sơ đăng ký và thông báo điểm chuẩn đầu vào của các ngành đào tạo theo quy định trên website: <http://vui.edu.vn>. Sau khi có kết quả xét tuyển, Trung tâm Tuyển sinh & truyền thông, công bố số lượng và danh sách SV trúng tuyển ngành CNKT Ô tô dựa vào điểm trúng tuyển, đồng thời gửi giấy báo để thí sinh chuẩn bị các giấy tờ và đến nhập học theo thời gian quy định [H8.08.01.05]. Số lượng người đăng ký dự tuyển và trúng tuyển ngành CNKT Ô tô của Nhà trường qua các năm được thống kê trong CSDL về tuyển sinh.

- Về tiêu chí tuyển chọn: Người học được xét trúng tuyển ngành CNKT Ô tô nếu có tổng kết quả xét tuyển khối thi (đối với phương pháp xét kết quả thi tốt nghiệp THPT) hoặc có tổng kết quả học tập trung bình trong năm học lớp 12 (đối với phương pháp xét học bạ kết quả học tập trong các năm học THPT tối thiểu bằng điểm chuẩn xét tuyển được công bố của Trường cho từng phương pháp với ngành đào tạo CNKT Ô tô. Ngoài ra, do đặc thù có nhiều cơ sở đào tạo tại Việt Trì và Lâm Thao, Nhà trường linh hoạt cho phép thí sinh được lựa chọn địa điểm đăng ký học tại một trong hai cơ sở là Tiên Kiên, Lâm Thao Phú Thọ hoặc Tiên Cát, Việt Trì, Phú Thọ.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học cũng đã được Khoa Cơ khí –

Ô tô rà soát, đánh giá thường xuyên. Hàng năm, đến thời gian tuyển sinh, Bộ GD&ĐT đều ban hành các văn bản hướng dẫn về quy chế tuyển sinh, cập nhật những thay đổi, điều chỉnh trong công tác tuyển sinh. Căn cứ vào văn bản hướng dẫn và điều kiện thực tế của Trường, Trung tâm Tuyển sinh & truyền thông cùng ban lãnh đạo Khoa Cơ khí – ô tô thực hiện các rà soát để lập kế hoạch tuyển sinh, xác định các chỉ tiêu và phương pháp tuyển sinh phù hợp cho từng đối tượng đối với ngành đào tạo CNKT Ô tô [H8.08.02.05]. Thông qua việc rà soát lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan về xây dựng chính sách tuyển sinh hàng năm và thực tế số lượng cán bộ tham gia giảng dạy cũng như điều kiện cơ sở vật chất chuyên ngành phục vụ đào tạo [H8.08.02.06], các tiêu chí tuyển chọn (điểm chuẩn xét tuyển) và số chỉ tiêu thực tế cho ngành đào tạo CNKT Ô tô theo từng phương pháp tuyển chọn sẽ được điều chỉnh để phù hợp với nhu cầu xã hội và khả năng đào tạo của Trường.

Trong quá trình xây dựng đề án tuyển sinh hàng năm, kế hoạch tuyên truyền tuyển sinh tại các trường THPT [H8.08.02.07], các cá nhân liên quan (khoa chuyên môn, CBQL, GV) đều tham gia đóng góp ý kiến cùng với Trung tâm truyền thông & Tuyển sinh để xác định các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học cho từng ngành đào tạo, ứng với từng đối tượng và cơ sở đào tạo. Tùy theo điều kiện thực tế từng năm, các đối tượng liên quan được lựa chọn nhiều/ít để lấy ý kiến cho quá trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học [H8.08.01.08]. Tuy vậy, việc lấy ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động còn nhiều khó khăn do thời gian thực hiện đề án tuyển sinh thường rất gấp, vì thế số lượng khảo sát lấy ý kiến còn ít.

2. Điểm mạnh

Trường đã linh hoạt bổ sung tiêu chí tuyển chọn người học đối với ngành CNKT Ô tô: điều chỉnh điểm chuẩn xét tuyển, thêm mã tuyển sinh mới để tăng hiệu quả tuyển sinh.

3. Điểm tồn tại

Việc mở rộng lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị sử dụng lao động cho đề án tuyển sinh hàng năm còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025 - 2026 Trung tâm Tuyển sinh & truyền thông phối hợp với Khoa Cơ khí – ô tô lập kế hoạch lấy ý kiến các đơn vị sử dụng lao động có liên quan đến ngành tuyển sinh, trình BGH xem xét, phê duyệt và triển khai thực hiện sớm.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học

1. Mô tả

Theo quy chế tổ chức hoạt động của trường Đại học Công nghiệp Việt Trì, Nhà trường và Khoa Cơ khí – ô tô đã thực hiện phân công các bộ phận/cán bộ chuyên trách thực hiện việc giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, bao gồm: Trung tâm tuyển sinh và truyền thông, Phòng quản lý đào tạo, khoa chuyên môn, CVHT, các GV giảng dạy học phần [H8.08.03.01]. Cụ thể, GV giảng dạy học phần sẽ đánh giá sự tiến bộ trong học tập của từng SV thông qua hệ thống các bài kiểm tra trên lớp; phòng Quản lý đào tạo sẽ lập bảng tổng hợp kết quả học tập của SV theo từng học kỳ trong đó có kết quả học tập theo điểm số, số lượng tín chỉ đã hoàn thành, phân loại kết quả học tập và danh sách những trường hợp SV bị cảnh báo trong học tập số liệu cụ thể như sau:

Năm học 2020 - 2021 có: 23 sinh viên thôi học, 1 sinh viên cảnh báo

Năm học 2021 - 2022 có: 34 sinh viên thôi học, 0 sinh viên cảnh báo

Năm học 2022 – 2023 có: 17 sinh viên thôi học, 6 sinh viên cảnh báo

Năm học 2023 -2024 có: 26 sinh viên thôi học, 5 sinh viên cảnh báo

Năm học 2024 - 2025 có: 10 sinh viên thôi học, 10 sinh viên cảnh báo. Ngoài ra, phòng Quản lý đào tạo công bố số liệu điểm trung bình của sinh viên dưới 2,0 trong giai đoạn 2020 – 2025 cụ thể theo bảng dưới đây:

Năm học	Năm 1 (Số lượng SV/ Tổng SV)	Năm 2 (Số lượng SV/ Tổng SV)	Năm 3 (Số lượng SV/ Tổng SV)	Năm 4 (Số lượng SV/ Tổng SV)
Năm học 2020 - 2021	1/48	2/48	3/48	1/48
Năm học 2021 - 2022	1/85	0/85	0/85	0/85
Năm học 2022 - 2023	7/77	5/77	4/77	6/77
Năm học 2023 - 2024	8/68	3/68	6/68	5/68
Năm học 2024 - 2025	16/104	12/104	11/104	10/104

Trong khi, Phòng Công tác sinh viên sẽ chịu trách nhiệm giám sát sự tiến bộ trong rèn luyện của người học thông qua bảng tổng hợp điểm rèn luyện của SV và theo dõi về tình hình SV vi phạm quy chế thi [H5.08.03.02]. Ngoài ra với mỗi lớp học danh nghĩa, Nhà trường và Khoa đều phân công một CVHT riêng thực hiện việc giám sát KQHT và một GVCN đánh giá điểm rèn luyện của mỗi SV [H5.08.03.03]; Sau mỗi kỳ học, khi xét tiến độ CVHT đều có báo cáo của GVCN về họp xét điểm rèn luyện đối SV lớp mình quản lý số liệu cụ thể như sau: Khóa tuyển sinh năm 2020 – 2021 có: 1 sinh viên xuất sắc, 10 sinh viên tốt, 36 sinh viên khá, 0 sinh viên trung bình, 0 sinh viên yếu, 01 sinh viên kém; Khóa tuyển sinh năm 2021 – 2022 có: 04 sinh viên xuất sắc, 30 sinh viên tốt, 30 sinh viên khá, 0 sinh viên trung bình, 0 sinh viên yếu, 10 sinh viên kém; Khóa tuyển sinh năm 2022 – 2023 có: 05 sinh viên xuất sắc, 15 sinh viên tốt, 27 sinh viên khá, 0 sinh viên trung bình, 0 sinh viên yếu, 05 sinh viên kém; Khóa tuyển sinh năm 2023 – 2024 có: 12 sinh viên xuất sắc, 20 sinh viên tốt, 24 sinh viên khá, 0 sinh viên trung bình, 0 sinh viên yếu, 8 sinh viên kém; Khóa tuyển sinh năm 2024 – 2025 có: 20 sinh viên xuất sắc, 54 sinh viên tốt, 20 sinh viên khá, 0 sinh viên trung bình, 0 sinh viên yếu, 07 sinh viên kém.

Để giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học, trên cơ sở căn cứ vào quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, SV tại các cơ sở GDĐH và trường TCCN hệ chính quy đã ban hành, Nhà trường cũng đã đưa ra một quy trình giám sát rất chặt chẽ. Cụ thể, quy trình giám sát sự tiến bộ trong học

tập, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học được tiến hành tuân tự theo các bước như sau:

- Bước 1: GV giảng dạy đánh giá kết quả học tập của SV thông qua các bài kiểm tra trên lớp, tiến hành nhập điểm trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo UniSoftMain [H8.08.03.04]..

- Bước 2: Căn cứ vào kết quả học tập đã được GV công bố trên phần mềm, Phòng Quản lý đào tạo thông báo đến CVHT yêu cầu SV tự kiểm tra kết quả học tập của mình trên trang cá nhân [H8.08.03.05].

- Bước 3: Cuối mỗi học kỳ, Phòng Đào tạo tổng hợp kết quả học tập của SV theo từng lớp trong từng học kỳ chuyển đến các khoa chuyên môn và CVHT để kiểm tra, rà soát thông tin. Trong bảng tổng hợp kết quả học tập đã thể hiện đầy đủ các thông tin về kết quả học tập mỗi học phần, tổng số tín chỉ, khối lượng học tập đã hoàn thành, mức độ cảnh cáo học vụ nếu có để SV có kế hoạch đăng ký học tập những học phần chưa đạt yêu cầu đồng thời Phòng Quản lý đào tạo gửi thông tin về danh sách SV vi phạm quy chế.

- Bước 4: Sau khi nhận được kế hoạch xét tiến độ và kết quả dự kiến xét tiến độ theo bảng tổng hợp kết quả học tập của Phòng QL Đào tạo, CVHT tiến hành họp lớp, nhận xét đánh giá về kết quả học tập, sự tiến bộ của SV, tiếp nhận những phản hồi, nhắc nhở và đôn đốc những trường hợp SV đang trong diện cảnh báo học tập, trường hợp SV có học lực yếu. CVHT kết hợp với thư kí khoa làm báo cáo xác nhận kết quả xét tiến độ của SV lớp phụ trách gửi về hội đồng xét tiến độ Nhà trường.

- Bước 5: Nhà trường tổ chức cuộc họp để xét tiến độ của SV với sự tham gia của Phòng Quản lý đào tạo, Trung tâm Tuyển sinh & truyền thông và Khoa chuyên môn... trong đó Phòng Quản lý Đào tạo sẽ tiến hành tổng hợp và đưa ra những cảnh báo về những SV còn nợ học phần, SV thuộc diện cảnh cáo, SV thuộc diện bị thôi học.

- Bước 6: Trên cơ sở kết luận của cuộc họp xét tiến độ, căn cứ vào quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ, quy định về khen thưởng kỷ luật SV, Nhà

trường sẽ ban hành các quyết định xử lý kết quả học tập sinh viên, quyết định khen thưởng đối với những SV có kết quả học tập tốt thể hiện sự tiến bộ trong quá trình học tập và rèn luyện [H8.08.03.06]. Kết quả xét tiến độ và thông tin về khen thưởng và cảnh báo học tập của SV sẽ được gửi đến Khoa chuyên môn, các CVHT. Các CVHT sẽ nhắc nhở thông báo về kết quả và tình hình học tập của SV đến gia đình SV để gia đình cùng giám sát tình hình học tập của SV. Tuy nhiên, có những trường hợp do thông tin liên lạc gia đình cung cấp có sự thay đổi mà không có sự thông báo kịp của gia đình nên gia đình không nắm bắt kịp thời kết quả học tập của SV.

Ngoài ra, đối với kết quả rèn luyện của SV thì được giám sát bởi bộ phận chuyên trách của Trung tâm Tuyển sinh & truyền thông, khoa chuyên môn và CVHT theo trình tự như sau:

- Bước 1: Kết thúc mỗi học kỳ, Phòng Công tác SV và Tuyển sinh gửi thông báo về việc đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên.

- Bước 2: SV tự đánh giá điểm rèn luyện theo những quy định trong chế đánh giá điểm rèn luyện mà Nhà trường đã ban hành kết quả thể hiện trên phiếu điểm rèn luyện của sinh viên. GVCN sẽ tiến hành họp lớp, đánh giá, bình xét công khai điểm rèn luyện của từng SV cũng như nhắc nhở ý thức của SV trong quá trình rèn luyện, tu dưỡng đạo đức [H8.08.03.07].

- Bước 3: Trung tâm tuyển sinh và truyền thông sẽ tiến hành xét duyệt Phiếu đánh giá điểm rèn luyện của SV và được tổng hợp trên bảng tổng hợp điểm rèn luyện SV. Kết quả điểm rèn luyện của SV được cập nhật trên phần mềm quản lý SV và được thể hiện trên trang cá nhân của SV để gia đình có thể nắm được về quá trình rèn luyện, tu dưỡng của SV tại trường.

Theo thiết kế của CTDH, khối lượng học tập của người học đối với ngành CNKT Ô tô là 163 tín chỉ và được phân bổ hợp lý vào 9 học kỳ trong 4,5 năm học với thời gian hoàn thành chương trình tối đa là 7 năm. Trong đó, để đảm bảo cho người học có học lực trung bình hoàn thành CTĐT đúng thời hạn, Nhà trường quy định mỗi SV đăng ký tối thiểu 16 tín chỉ/1 học kỳ chính (trừ học kỳ đầu và cuối

khóa học); tối thiểu 12 tín chỉ/1 học kỳ chính (trừ học kỳ đầu và cuối khóa học) đối với những SV có học lực yếu và SV vừa bị cảnh cáo học tập ở học kỳ trước đó. Các học phần đại cương được bố trí giảng dạy trong các năm thứ 1, thứ 2. Các học phần cơ sở ngành được bố trí giảng dạy trong các năm học thứ 2 và thứ 3. Các học phần chuyên ngành được bố trí giảng dạy trong năm học thứ 4. Việc quy định phân bổ khối lượng học tập này giúp cho người học có lực học trung bình có thể hoàn thành chương trình học đúng thời hạn quy định (thời hạn đào tạo thiết kế).

Kết quả học tập và sự tiến bộ của SV Khoa Cơ khí – ô tô được quản lý thống nhất trên phần mềm đào tạo UniSoftMain [H8.08.03.08] [H8.08.03.09].. và được Nhà trường, Khoa Cơ khí – ô tô, GV và SV khai thác thường xuyên. Trong hệ thống phần mềm UniSoftMain, mỗi GV giảng dạy sẽ được cung cấp một tài khoản đăng nhập để theo dõi và cập nhật các dữ liệu về kết quả học tập của SV như điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, điểm chuyên cần... Dữ liệu do từng GV cập nhật sẽ được liên kết vào hệ thống dữ liệu kết quả học tập của toàn trường. Cuối mỗi học kỳ và cuối mỗi năm học, trên cơ sở hệ thống dữ liệu quản lý kết quả học tập sinh viên, phòng Quản lý đào tạo sẽ tiến hành lập báo cáo thống kê về kết quả học tập của sinh viên đến thời điểm hiện tại, thống kê về tỷ lệ chậm tiến độ [H8.08.03.09], tỷ lệ thôi học tỷ lệ tốt nghiệp. Dữ liệu về kết quả rèn luyện của SV được Trung tâm tuyển sinh và truyền thông cập nhật và lưu trữ trên module được phân quyền trong phần mềm UniSoftMain. Do đó, khi đăng nhập vào hệ thống phần mềm UniSoftMain, trang cá nhân của SV trên hệ thống sẽ hiển thị tất cả thông tin về kết quả học tập của SV như kết quả chậm tiến độ hay bị thôi học hoặc đã tốt nghiệp [H8.08.03.10]... Vì vậy, sinh viên có thể dễ dàng tra cứu các thông tin kết quả học tập trên trang cá nhân của mình qua phần mềm đào tạo UniSoftMain, nhờ đó thuận lợi việc xem xét đăng ký học lại trả nợ các học phần hoặc có thể học cải thiện điểm. Đồng thời, trên hệ thống phần đào tạo UniSoftMain và hệ thống website của Nhà trường, CVHT hoặc cán bộ Phòng Đào tạo chuyên trách thực hiện việc giám sát KQHT có thể theo dõi tất cả kết quả học tập SV từng năm từng học kỳ thông qua chức năng tìm kiếm và tổng hợp báo cáo. Bên cạnh đó, hàng năm số

liệu tỷ lệ SV các khóa thi qua lần 1, tỷ lệ SV thôi học được thống kê trong báo cáo tổng kết năm học của Khoa và nhà trường nhằm theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã sử dụng phần mềm quản lý và giám sát tiến bộ của người học nên tạo thuận lợi trong việc thống kê số liệu và đưa ra các bước giám sát nhằm nâng cao chất lượng người học.

3. Điểm tồn tại

Một bộ phận nhỏ SV chưa thực sự tích cực trong việc phối hợp với CVHT, GVCN để thực hiện tốt nhiệm vụ, dẫn tới kết quả và tiến độ học tập chưa tốt.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026, tiếp tục tổ chức các cuộc thi về chuyên môn cho SV, tổ chức các buổi tọa đàm giữa SV với lãnh đạo khoa và các doanh nghiệp nhằm tăng cường sự phối hợp của SV nhiệm vụ của CVHT và GVCN.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả

Theo quy chế về tổ chức hoạt động Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì, các đơn vị như Trung tâm Tuyển sinh & truyền thông, Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Tổ chức - hành chính, Phòng Quản trị, Đoàn Thanh niên, Hội SV là những đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các hoạt động dịch vụ khác.... để cải thiện việc học tập cho SV [H8.08.04.01]. Cụ thể, hoạt động ngoại khóa hàng năm như: hoạt động mùa hè xanh có 10 sinh viên tham gia, hiến máu nhân đạo có 68 sinh viên tham gia, tham gia hội thi cắm hoa SV có 30 sinh viên tham gia, tham gia hội thi nấu ăn SV có 40 sinh viên tham gia, tham gia hội thi nấu bánh trưng SV có 24 sinh viên tham gia, hoạt động sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học có 34 sinh viên tham gia, sinh viên đi thực tế, sinh viên đi

kiến tập nhà máy... do Nhà trường, khoa, Đoàn thanh niên kết hợp với Hội SV tổ chức đều thu hút và nhận được sự quan tâm, tham gia tích cực của người học [H8.08.04.02]. Các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác như thư viện điện tử phục vụ cho SV đọc và trao đổi tài liệu học tập do Trung tâm thông tin thư viện phụ trách; dịch vụ ký túc xá, y tế, coi xe, căng tin do Phòng quản trị phụ trách. Ngoài ra, vào đầu năm học mới Nhà trường ra quyết định phân công CVHT, GVCN đối với SV tuyển mới [H5.08.04.03]. Nhiệm vụ của CVHT, GVCN là tư vấn học tập, hỗ trợ SV trong quá trình học, hỗ trợ các hoạt động ngoại khóa, tư vấn SV tham gia các CLB trong trường phù hợp với năng lực và ngành nghề SV theo học. Tuy nhiên, việc tư vấn hỗ trợ người học thông qua CVHT đối với một số lớp học phần chưa thực sự hiệu quả dẫn đến tình trạng vẫn tồn tại một bộ phận SV nợ các học phần, môn học.

Để thực hiện hoạt động tư vấn và giới thiệu việc làm cho người học, Nhà trường đã thành lập một đơn vị, bộ phận chịu trách nhiệm riêng. Cụ thể, Nhà trường thành lập Trung tâm Tuyển sinh và Tư vấn giới thiệu việc làm. Theo đó, Trung tâm này được giao nhiệm vụ là đơn vị đầu mối triển khai, xây dựng kế hoạch và thực hiện nhiệm vụ công tác tư vấn giới thiệu việc làm cho SV Trung tâm tuyển sinh và truyền thông chịu trách nhiệm.

Nhà trường có quy trình, kế hoạch rất rõ ràng để thực hiện triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của người học. Cụ thể, quy trình triển khai đối với hoạt động tư vấn học tập như sau: Ngay từ khi các SV bắt đầu nhập học, trong tuần sinh hoạt công dân HSSV, Phòng quản lý đào tạo sẽ tổ chức hướng dẫn SV về các quy định, quy chế đào tạo, cách đăng ký và các thủ tục hướng dẫn liên quan trong quá trình đăng ký học tập. Trong quá trình đăng ký học tập, nếu SV có vướng mắc như trùng lịch học, không đăng ký được môn học, phòng đào tạo sẽ có thông báo hướng dẫn SV làm thủ tục lại để được hướng dẫn và tư vấn về lịch học. Ngoài ra, trong các buổi sinh hoạt lớp, CVHT đều có nội dung tư vấn, hướng dẫn SV trong quá trình học tập [H5.08.04.04]. Đối với hoạt động ngoại khóa và các

dịch vụ hỗ trợ khác, Nhà trường đã thành lập câu lạc Nghiên cứu và sáng tạo để giúp SV trong hoạt động sinh hoạt ngoại khóa và giao lưu trao đổi kinh nghiệm trong học tập. Ngoài ra, hàng năm, Nhà trường đều giao cho Đoàn thanh niên kết hợp cùng Hội SV lên kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khóa nhằm tạo điều kiện cho SV nâng cao các kỹ năng mềm, giao lưu trong học tập. Khoa chuyên trách sẽ tổng hợp các hoạt động của người học tham gia vào các câu lạc bộ, các nhóm nghiên cứu, các hoạt động ngoại khóa, cuộc thi,... hàng năm [H8.08.04.10]. Tuy nhiên, các hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi do Nhà trường tổ chức mới chỉ giới hạn trong phạm vi SV trong trường mà chưa có sự tham gia của SV các trường đại học khác.

Các hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học được Nhà trường triển khai dưới rất nhiều hình thức khác nhau như hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạt động ngoại khóa [H8.08.04.05] tổ chức ngày hội việc làm, tổ chức các buổi hội thảo giao lưu giới thiệu nghề nghiệp, tổ chức các khóa đào tạo hỗ trợ kỹ năng mềm, thực hiện chương trình thỏa thuận hợp tác giữa Nhà trường và doanh nghiệp... Trong đó, hình thức tổ chức ngày hội tư vấn giới thiệu việc làm cho SV là một hoạt động điển hình với quy trình được thực hiện cụ thể như sau: Nhà trường ra thông báo tổ chức ngày hội việc làm và gửi giấy mời tới các DN có nhu cầu tuyển dụng về các ngành nghề mà Trường đào tạo, tham gia ngày hội việc làm. Trên cơ sở đó, Ban giám hiệu sẽ giao phòng Công tác sinh viên kiểm tra tổng hợp danh sách các Doanh nghiệp tham gia để trình Ban giám hiệu duyệt. Sau đó, Công tác sinh viên sẽ gửi thông báo cho từng Doanh nghiệp và toàn bộ SV trong trường kế hoạch và ngày giờ tổ chức ngày hội việc làm. Hoạt động này trên thực tế đã thu hút được rất nhiều doanh nghiệp tham gia và tạo điều kiện tốt cho nhiều SV ngành CNKT Ô tô tìm được việc làm phù hợp với ngành nghề sau khi ra trường như trong ngày hội việc làm được Nhà trường tổ chức đã thu hút được hàng trăm doanh nghiệp tham gia và nhiều SV ngành CNKT Ô tô đã được các doanh nghiệp tuyển dụng. Bên cạnh đó, Khoa Cơ khí – ô tô cũng thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo giao lưu giới thiệu nghề nghiệp trong đó có sự tham gia của nhiều doanh nghiệp tuyển dụng

lớn. Đặc biệt, để nâng cao khả năng tiếp cận với thực tế sản xuất và tạo cơ hội việc làm cho SV, Khoa Cơ khí – ô tô là một trong những Khoa đầu tiên của Trường đã thực hiện chương trình thỏa thuận hợp tác giữa Nhà trường và doanh nghiệp [H8.08.04.06]. Trong chương trình trên, SV sẽ được học tập một số học phần thực tập ngay tại doanh nghiệp và từng bước được đào tạo để có thể đảm nhận được một số công việc cụ thể của một người kỹ sư Ô tô trong doanh nghiệp ngay trong quá trình học tập, hoặc sinh viên được đi thực tập tại Nhật bản theo chương trình internship. Đồng thời, doanh nghiệp cam kết với SV tham gia chương trình trên sẽ được doanh nghiệp tuyển dụng ngay sau khi ra trường với mức lương tối thiểu là 10 triệu đồng/tháng tại Việt Nam và tối thiểu 40 triệu đồng/tháng tại Nhật bản [H8.08.04.07].

Việc thực hiện khảo sát sự hài lòng của SV về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Nhà trường được Phòng quản lý chất lượng thực hiện thường xuyên hàng năm [H8.08.04.19]. Kết quả khảo sát cho thấy 90,5% SV và 88,8% cựu SV đánh giá hài lòng về các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học được Nhà trường và Khoa Cơ khí – ô tô thực hiện dưới rất nhiều hình thức khác nhau như tổ chức ngày hội việc làm, tổ chức các buổi hội thảo giao lưu giới thiệu nghề nghiệp, tổ chức các khóa đào tạo hỗ trợ kỹ năng mềm... Đặc biệt, Khoa Cơ khí – ô tô là một trong những Khoa đầu tiên của Trường đã thực hiện chương trình thỏa thuận hợp tác giữa Nhà trường và doanh nghiệp để giúp SV nâng cao khả năng tiếp cận với thực tế sản xuất và đảm bảo SV có việc làm sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Nội dung của các hoạt động ngoại khóa của sinh viên chưa thực sự đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2026, Khoa phối hợp đơn vị chức năng xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khóa đa dạng, phong phú, có sự tham gia của SV các trường đại học khác nhằm tạo cơ hội giao lưu, học hỏi, trao đổi giữa các SV.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả

Hiện nay, Nhà trường có tổng diện tích sàn xây dựng phòng học, giảng đường và phòng thực hành/thí nghiệm phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu là 79.373 m², trong đó đã xây dựng được 50 phòng làm việc, 102 phòng học, 35 phòng chức năng, 08 phòng Hội thảo và Hội trường [H8.08.05.01]. Các giờ học diễn ra tại các phòng học, phòng thực hành của Khoa, GV luôn lấy SV là trung tâm, gần gũi hướng dẫn và tạo cho SV các cơ hội chủ động trong học tập và NCKH. Hơn nữa, để tạo điều kiện thuận lợi và thoải mái trong học tập của SV, từ năm học 2020 - 2021 Nhà trường đã nâng cấp và phủ sóng wifi miễn phí trong phạm vi toàn trường tại cả hai cơ sở Lâm Thao và Việt Trì. Các CVHT thường xuyên trao đổi với SV để lắng nghe nguyện vọng và ý kiến phản hồi, chia sẻ, động viên tinh thần hỗ trợ SV khi gặp những vấn đề về học tập, tâm lý thông qua các buổi họp lớp [H8.08.05.02]. Hàng năm, Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động xã hội và cộng đồng cho SV thông qua việc phát động các chương trình của Đoàn thanh niên và Hội SV nhằm tạo điều kiện cho SV nâng cao các kỹ năng mềm, giao lưu học tập như cuộc thi SV tài năng, rung chuông vàng, hội diễn văn nghệ, cắm trại, các giải thể thao (bóng đá, cầu lông, bóng chuyền,...) [H8.08.05.03]. Tất cả những hoạt động trên GV và SV Khoa Cơ khí – ô tô đều hưởng ứng và tham gia nhiệt tình tạo ra sân chơi bổ ích, môi trường lành mạnh để SV Khoa được sinh hoạt, học tập và rèn luyện nhằm phát huy được khả năng và trí tuệ của mình [H8.08.05.04]. Ngoài ra, Trường có bố trí thư viện ở cả 2 cơ sở với diện tích khoảng 1012 m² và hệ thống phòng đọc, phòng mượn, hệ thống kho với các tài liệu được kết nối với nhau đã trở thành một nguồn tài liệu vô cùng quý giá phục vụ tích

cực hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH cho GV, SV Khoa Cơ khí – ô tô nói riêng và cho toàn trường nói chung. Đồng thời để duy trì môi trường đó, Nhà trường đã ban hành các quyết định về khung xử lý, xử phạt đối với SV trong việc thực hiện nội quy, quy chế tại Khu giảng đường, các phòng học, canteen,... và phối hợp với Khoa chuyên môn để thực hiện [H8.08.05.05]. Đặc biệt, Khoa Cơ khí – ô tô đã phối hợp với một số doanh nghiệp nhằm hỗ trợ SV ngành CNKT Ô tô có cơ hội được thực tập và được học hỏi thêm các kiến thức thực tế, tích lũy thêm kinh nghiệm để hiểu hơn về ngành nghề mình đang theo học [H8.08.05.06].

Khuôn viên trường với sự tách biệt giữa khu hiệu bộ, giảng đường, khu vực văn phòng các khoa chuyên môn, hội trường, thư viện, khu thực hành, thí nghiệm và ký túc xá tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động học tập và NCKH của người học. Khu hiệu bộ ở cả 2 cơ sở Lâm Thao và Việt Trì được bố trí gần với văn phòng Khoa Cơ khí – ô tô và hệ thống giảng đường, ký túc xá, thư viện đã giúp cho Khoa nhận được sự chỉ đạo của Nhà trường một cách nhanh chóng, kịp thời [H8.08.05.07]. Khoa Cơ khí – ô tô hiện có 02 văn phòng làm việc rộng rãi, thoáng mát, sạch sẽ, được trang bị đầy đủ ánh sáng, thiết bị làm việc, đảm bảo điều kiện làm việc cho 22 GV về giảng dạy, NCKH tại khoa. Một văn phòng được bố trí tại tầng 1 dãy nhà 7 tầng C3 tại Tiên Kiên – Lâm Thao – Phú Thọ, được đặt ở vị trí đầy đủ ánh sáng và thân thiện với môi trường cảnh quan tự nhiên bên ngoài; Một văn phòng được bố trí tại phòng 102 tòa nhà N1 tầng tại Tiên Cát – Việt Trì – Phú Thọ, được đặt ở vị trí đầy đủ ánh sáng và thân thiện với môi trường cảnh quan tự nhiên bên ngoài [H8.08.05.08]. Các phòng học lý thuyết được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết, hiện đại phục vụ tốt cho đào tạo như: Micro, Tivi LCD màn hình 70ins hoặc máy chiếu Projector, máy tính PC, máy xách tay, máy tính bảng [H8.08.05.09]. Các phòng thực hành riêng, phân xưởng của Khoa đều được đầu tư trang thiết bị đồng bộ, có sổ bàn giao ca, bàn giao thiết bị và tình trạng thiết bị; sổ theo dõi tình trạng hoạt động của thiết bị và được khai thác sử dụng với tần suất cao phục vụ học tập, NCKH của GV và SV [H8.08.05.10]. Bên cạnh đó Khoa Cơ khí – ô tô được sử dụng chung hệ thống 04 phòng Hội thảo của trường được đầu tư

trang thiết bị kết nối hiện đại được bố trí trong cùng khuôn viên với 02 văn phòng làm việc của Khoa. Điều này đã giúp ban chủ nhiệm khoa chỉ đạo kịp thời tới tập thể GV, SV của Khoa ở 02 cơ sở [H8.08.05.11].

Hàng năm, Khoa Cơ khí – ô tô triển khai thực hiện các qui định của Nhà trường về việc giữ gìn vệ sinh tại khu vực làm việc, khu vực lớp học, hành lang, sân trường,...nhằm đảm bảo môi trường sạch sẽ. Nhà trường thuê người lao động để dọn dẹp vệ sinh phòng học, vệ sinh quang cảnh và các khu vệ sinh. Bên cạnh đó, Khoa Cơ khí – ô tô thực hiện tốt các chỉ đạo của Nhà trường trong việc trang bị các thiết bị PCCC cần thiết ở khu hiệu bộ, hành lang, ... và tham gia tích cực vào các kế hoạch tập huấn công tác PCCC do Nhà trường chỉ đạo [H8.08.05.13]. Đồng thời, Khoa đã quan tâm, sát sao tới vấn đề sức khỏe của GV và SV, thông qua việc tham gia tích cực vào các hoạt động khám sức khỏe định kỳ dưới sự chỉ đạo chung của Nhà trường và phối hợp với cơ quan chức năng để triển khai việc tham gia bảo hiểm toàn diện cho SV, GV trong toàn Khoa [H8.08.05.14]. Ngoài ra, Khoa Cơ khí – ô tô thực hiện đúng các chỉ đạo của Nhà trường trong việc phối hợp làm việc cùng với công an địa phương nhằm đảm bảo môi trường an toàn, thoải mái cho tất cả các đối tượng trong toàn cơ sở giáo dục yên tâm công tác và học tập [H8.08.05.15].

Dưới sự chỉ đạo chung của Nhà trường, Khoa Cơ khí – ô tô đã phối hợp với các phòng chức năng liên quan tổ chức thực hiện khảo sát lấy ý kiến của người học, GV trong toàn khoa thông qua Bộ phiếu xin ý kiến của người học, cựu SV và GV với mục đích nâng cao chất lượng môi trường và cảnh quan của Nhà trường nói chung và Khoa Cơ khí – ô tô nói riêng, kết quả đánh giá cho thấy trên 90% hài lòng. Tuy nhiên việc khảo sát ý kiến này chưa được thường xuyên liên tục.

2. Điểm mạnh

Thực hiện chỉ đạo của Nhà trường, Khoa Cơ khí – ô tô đã xây dựng môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, sạch sẽ và đảm bảo vệ sinh. SV Khoa Cơ khí – ô tô được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần, phát huy tối đa năng lực chủ động của SV.

3. Điểm tồn tại

Cơ sở đào tạo ở Việt Trì chưa có sân bóng đá cho sinh viên tổ chức các giải thi đấu bóng đá hàng năm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025 – 2026, Khoa Cơ khí – ô tô đề xuất với Nhà trường giải pháp hỗ trợ khoa về mặt kinh phí để thuê sân bóng đá cho các giải bóng đá của khoa.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 6/7

Kết luận Tiêu chuẩn 8:

Trong những năm qua, chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học được Khoa Cơ khí – ô tô xác định là một trong những khâu then chốt trong hoạt động đào tạo của Khoa. Chính sách tuyển sinh, phương pháp tuyển chọn người học được công bố công khai, cập nhật thường xuyên và thực hiện đúng theo quy chế tuyển sinh của ĐHCNVТ. Từ khi nhập học đến khi kết thúc quá trình học tập, người học luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời để giải quyết những khó khăn gặp phải, một hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện đã được xây dựng và công bố công khai, khối lượng học tập được phân bổ đồng đều giữa các năm giúp người học không bị quá tải ở một một kỳ. Môi trường học tập tích cực, cảnh quan xung quanh Trường đẹp để phát huy sự sáng tạo và sự thoải mái trong tâm trí của người học.

Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số vấn đề liên quan đến người học và hoạt động hỗ trợ người học. Đó là: quy trình giám sát tiến bộ người học thông qua CVHT còn chưa có quy trình rõ ràng, chưa phát huy được nhiều vai trò của CVHT; bên cạnh đó, hàng năm Khoa Cơ khí – ô tô chưa khảo sát đầy đủ và đánh giá theo ngành đào tạo và tỷ lệ người học hài lòng về chất lượng các hoạt động tư vấn, hỗ trợ người học, các hoạt động dịch vụ khác.

Tiêu chuẩn 08 có 05 tiêu chí, trong đó 04 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm, 01 tiêu chí đạt 6/7 điểm.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Hiện nay, với nguồn lực hiện có, Khoa Cơ khí – ô tô luôn được Nhà trường đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động đào tạo và NCKH nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đề ra. Điều này được thể hiện qua hệ thống cơ sở vật chất các phòng làm việc, phòng học, phòng/xưởng thực hành, hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học chuyên ngành.... hiện có. Hơn nữa, Khoa luôn chủ động xây dựng dự án nâng cấp, đầu tư trang thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH dựa trên các nguồn lực từ NSNN, từ Trường và từ xã hội hóa để đề xuất Nhà trường phê duyệt và triển khai thực hiện.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng chỉ đạo Khoa từng bước tăng cường công tác quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả CSVC hiện có, xây dựng cảnh quan xanh - sạch - đẹp, môi trường văn hóa trong nhà trường. Từ đó, công tác quản lý, sử dụng trang thiết bị giảng dạy, thực hành, thí nghiệm của Khoa Cơ khí – ô tô đã từng bước đi vào nề nếp.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Nhà trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học, các phòng chức năng phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo theo quy định hiện hành thể hiện qua bản vẽ mặt bằng. Trường có tổng số phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng là 187 phòng (50 phòng làm việc, 102 phòng học, 35 phòng chức năng) với tổng diện tích sử dụng là 79.373m²; được bố trí tại cơ sở Việt Trì có 84 phòng (15 phòng làm việc, 46 phòng học, 23 phòng chức năng) với diện tích 10.300 m², trong đó tại cơ sở Lâm Thao có 103 phòng (35 phòng làm việc, 43 phòng học, 25 phòng chức năng) với diện tích 69.373 m². Do đó, Nhà trường có tổng diện tích sàn xây dựng là 23.982 m²; tỷ lệ bình quân diện tích sàn xây dựng đạt 5,4 m²/SV [H9.09.01.01].

Về phòng làm việc, Nhà trường hiện có 50 phòng, với diện tích 1814,2m²; Kích cỡ phòng được chia ra nhiều loại: có 15 phòng ≤ 30 m²; 35 phòng ≤ 60 m², riêng

Khoa Cơ khí – ô tô được sở hữu riêng 02 phòng làm việc rộng rãi, được thiết kế đầy đủ ánh sáng, trang thiết bị, đảm bảo làm việc cho 22 GV của khoa. 01 văn phòng được bố trí tại phòng 103 tòa C3 với tổng diện tích 40 m² tại cơ sở Lâm Thao; 01 văn phòng được bố trí tại phòng 102 tòa nhà N1 ở tầng 1 với tổng diện tích 40 m² tại cơ sở Việt Trì. Hiện Khoa Cơ khí – ô tô tính đến ngày 18/04/2025 là 22 người, trong đó số GV có trình độ Tiến sĩ 07; trình độ Thạc sĩ 15 GV. Tính trung bình 1 người có 3,6 m² sử dụng [H6.09.01.02].

Về phòng học và phòng chức năng Nhà trường có tổng số 137 phòng (102 phòng học, 35 phòng thí nghiệm, thực hành) với tổng diện tích sử dụng là 8642 m². Kích cỡ phòng được chia ra nhiều loại: có 22 phòng < 60 m², 5 phòng < 90 m², 4 phòng < 130 m², 4 phòng ≥ 130 m² [H9.09.01.03]. Khoa Cơ khí – ô tô có 1 khu nhà xưởng thực hành 1000 m² cho 8 phân xưởng (Hàn, nguội, CAD/CAM/CNC, cắt gọt, sửa chữa bảo dưỡng, động cơ ô tô, điện ô tô, sửa chữa bảo dưỡng ô tô) và 01 phòng thiết kế máy tính. Các phòng thực hành đều được đầu tư trang thiết bị thực hành đồng bộ, hiện đại với các bộ mô hình thực ô tô, máy chẩn đoán, máy phay CNC, Tiện CNC, Cắt dây CNC, mài CNC và các máy hàn hiện đại Tig, Mig, Mag..., tỷ lệ bình quân diện tích sử dụng là 1,96 m²/SV 100% phòng học kiên cố [H9.09.01.04].

Các phòng được bố trí hợp lý tại các cơ sở/địa điểm như sau: Tại cơ sở Lâm Thao 35 phòng làm việc (diện tích 1242,1 m²). Tại cơ sở Việt Trì 15 phòng làm việc diện tích 572,1 m²; Toàn trường có 08 phòng Hội thảo và Hội trường với tổng diện tích 1060 m² (03 phòng tại cơ sở Việt Trì, 05 phòng tại cơ sở Lâm Thao) [H9.09.01.05].

Phòng làm việc của Khoa Cơ khí – ô tô được trang bị đầy đủ các trang thiết bị cần thiết để đáp ứng các hoạt động chuyên môn. Khoa Cơ khí – ô tô được Nhà trường trang bị 38 bộ máy tính để phục vụ cho quản lý, đào tạo & nghiên cứu, trong đó, 28 bộ máy được trang bị cho phòng thực hành thiết kế trên máy tính, 07 bộ máy tính đặt tại xưởng CNC & 03 bộ máy tính trang bị tại Văn phòng khoa 2 cơ sở Lâm Thao & Việt Trì cùng với các thiết bị dùng chung khác. Ngoài ra các GV

cũng sử dụng máy tính cá nhân để làm việc; 02 phòng làm việc được trang bị điều hòa không khí, ánh sáng, thông gió đảm bảo môi trường làm việc tốt [H9.09.01.06]. 100% phòng học lý thuyết được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết: Hệ thống âm thanh, Tivi LCD màn hình 70 inches hoặc máy chiếu Projector. Các phòng học, phòng chức năng đều đảm bảo hệ thống ánh sáng, thông gió, vệ sinh và được quản lý theo quy trình, nguyên tắc quy định: Có nội quy phòng học; có sổ bàn giao ca, bàn giao thiết bị và tình trạng thiết bị [H9.09.01.07]; sổ theo dõi tình trạng hoạt động của thiết bị và được khai thác sử dụng với tần suất cao, hiệu quả [H9.09.01.08]. Trong giai đoạn 2020 – 2025, Nhà trường đã đầu tư cho việc xây dựng, sửa chữa, nâng cấp phòng làm việc, phòng học,...để không ngừng nâng cao chất lượng cơ sở vật chất phục vụ trong giảng dạy, học tập của người học, cụ thể như sau: Năm 2020: 8.529.385.000 đồng; Năm 2021: 7.664.459.360 đồng; Năm 2022: 7.365.013.300 đồng; Năm 2023: 9.222.061.000 đồng; Năm 2024: 5.542.261.501 đồng. Mỗi năm, Khoa đều có lập kế hoạch, dự trù kinh phí, xây dựng kế hoạch mua mới và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị [H9.09.01.09], [H9.09.01.10]. Nhà trường cho tổ chức hội nghị thảo luận và quyết định phân bổ kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, các trang thiết bị dành cho Khoa [H9.09.01.11].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có tỷ lệ diện tích sử dụng phòng học/SV đạt tiêu chuẩn quy định (tỷ lệ chung của Nhà trường là 10,41 m²/SV).

3. Điểm tồn tại

Một số phòng học tại địa điểm Tiên Cát – Việt Trì – Phú Thọ thuộc cơ sở Việt Trì được xây dựng đã lâu nên đã xuống cấp một số hạng mục.

4. Kế hoạch hành động

Hàng năm Nhà trường đầu tư kinh phí để nâng cấp và cải tạo những phòng học có các hạng mục bị xuống cấp tại địa điểm Tiên Cát – Việt Trì – Phú Thọ thuộc cơ sở Việt Trì. Phòng Quản trị sẽ thực hiện thuê tư vấn để khảo sát cụ thể các hạng mục xuống cấp cần cải tạo sửa chữa, xây dựng dự toán chi tiết hoàn

thành..., trình Ban giám hiệu xem xét quyết định đầu tư. Sau đó, hoàn thành các hạng mục cải tạo sửa chữa.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 9.2: Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Trung tâm thư viện của Trường được đặt tại 02 cơ sở: Cơ sở Lâm Thao đặt tại tầng 6 và tầng 7 tòa nhà C3, cơ sở Việt Trì đặt tại tầng 6 tòa nhà N1 [H9.09.02.01]. Thư viện có tổng số 8.199 đầu sách giấy/giáo trình và tài liệu tham khảo, trong đó tổng số đầu sách, giáo trình và tài liệu tham khảo của 14 CTĐT trình độ đại học và 02 chương trình thạc sỹ là 6.258 đầu tài liệu và có 169 đầu tạp chí chuyên ngành đáp ứng đủ theo yêu cầu trong danh mục tài liệu của các CTĐT. Thư viện điện tử của Nhà trường được trang bị hệ thống máy tính kết nối mạng Internet, cho phép người đọc tiếp cận và sử dụng các tài liệu điện tử và khai thác các nguồn thông tin khác trên mạng Internet. Nguồn tư liệu được số hoá dưới nhiều hình thức gồm 226.847 tài liệu. Nhà trường đã tham gia hệ thống liên thư viện, mua bản quyền khai thác cơ sở dữ liệu trực tuyến ProQuest Central và tham gia mạng lưới thư viện số dùng chung (Trung tâm kết nối tri thức số - Digital Knowledge Hub) đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy và học tập.

Thư viện cũng đã xây dựng các văn bản quy định cụ thể về tổ chức hoạt động của thư viện như nội quy thư viện, nội quy phòng đọc, nội quy phòng mượn theo Quyết định số 427/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 09 tháng 08 năm 2017 [H9.09.02.02]. Năm 2017 thư viện cũng được trang bị phần mềm quản lý ProQuest để quản lý nguồn học liệu của Cục thông tin KH&CN Quốc Gia [H9.09.02.03]. Tuy nhiên, đến nay các chức năng về biên mục, lưu thông, thống kê báo cáo của phần mềm trên đã cũ.

Thư viện cung cấp giáo trình, tài liệu, sách tham khảo để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, và các luận án, luận văn của cán bộ, [H9.09.02.04] phần

nào giúp SV và GV Khoa Cơ khí – ô tô dễ dàng tiếp cận với các tài liệu học tập .

Các dữ liệu về hoạt động của thư viện được theo dõi thông qua phần mềm quản lý. Hằng năm thư viện đều tổ chức lấy ý kiến bạn đọc về việc phục vụ của thư viện [H9.09.02.05].

2. Điểm mạnh

Thư viện kết nối và được chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin của các Trung tâm Thông tin - Thư viện khác với tư cách là thành viên của Liên chi hội Đại học Khu vực phía Bắc.

3. Điểm tồn tại

Sách giáo trình và sách tham khảo của các tác giả nước ngoài ngành CNKT Ô tô hạn chế. Các tạp chí chuyên ngành CNKT Ô tô chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026 Khoa Cơ khí - Ô tô phối hợp với TTTT Thư viện xây dựng kế hoạch đề xuất Nhà trường mua một số cơ sở dữ liệu, ebooks để phát triển nguồn lực thông tin; tiếp tục số hóa tài liệu, phục vụ khai thác thông tin qua mạng.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Để phục vụ quá trình đào tạo và nghiên cứu, nhà trường đã đầu tư & trang bị cho Khoa Cơ khí – ô tô: 08 xưởng thực hành chuyên sâu (01 xưởng CNC, 01 xưởng thực hành Máy công cụ, 01 xưởng Hàn, 01 xưởng Nguội), 01 phòng thực hành Sửa chữa bảo dưỡng ô tô, 01 phòng thực hành Thiết kế trên máy tính, 01 phòng thực hành Trang bị điện và hệ thống điện điều khiển ô tô, 01 phòng thực hành động cơ ô tô được bố trí tại cơ sở đào tạo Lâm Thao với tổng diện tích khoảng trên 1000 m² [H9.09.03.01]; [H9.09.03.02]. Các máy móc và trang thiết bị tại các xưởng & phòng thực hành đảm bảo yêu cầu về đào tạo và nghiên cứu của SV và GV Khoa Cơ khí – ô tô. Cụ thể, trong một học kỳ, theo yêu cầu về đào tạo

của ngành CNKT Ô tô, trung bình có 04 nhóm SV (mỗi nhóm có 20 SV) học thực hành học phần thực tập thiết kế Ô tô tại phòng thực hành Thiết kế trên máy tính; 04 nhóm SV (mỗi nhóm có 20 SV) học thực hành sửa chữa bảo dưỡng, xưởng CNC, xưởng hàn, xưởng nguội... [H9.09.03.03].

Các xưởng thực hành cơ bản, chuyên sâu và phòng thực hành thiết kế Ô tô được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Phòng Thực hành Thiết kế Ô tô có 28 bộ máy vi tính có cấu hình mạnh & phần mềm thiết kế chuyên dụng NX, 01 máy chiếu. Xưởng thực hành CNC có 01 máy phay CNC, 01 máy tiện CNC, 01 máy cắt dây CNC & 07 bộ máy tính. Xưởng thực hành cắt gọt có 08 máy tiện, 04 máy phay, 01 máy mài phẳng, 02 máy khoan cần... Xưởng Hàn có 05 máy hàn TIG, 06 máy hàn MIG, 01 máy cắt Plasma, 01 máy cắt tôn thủy lực, 15 máy hàn hồ quang... Bên cạnh đó các xưởng và phòng thực hành còn được trang bị đủ các trang thiết bị đi kèm để vận hành như: Bộ dụng cụ gá kẹp 52 chi tiết trên máy phay, bộ dụng cụ tháo lắp trên các máy tiện, bộ collet tiêu chuẩn để gá dao phay ngón, bộ dao chuôi “phay & tiện” tiêu chuẩn, các bộ đồ gá tiêu chuẩn “mâm cặp, ê tô, đầu phân độ đứng, đầu phân độ ngang”.... Ngoài ra còn sử dụng các phòng thực hành: Điện, Điện tử, Trang bị điện, Máy điện, PLC, Hệ thống tự động sản xuất, Cơ – điện... và các phòng thực hành ô tô: Động cơ ô tô, Sửa chữa bảo dưỡng ô tô, Điện ô tô...mới được đầu tư của ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô [H9.09.03.04], [H9.09.03.05], [H9.09.03.06].

Tất cả máy móc, trang thiết bị tại các xưởng và phòng thực hành của Khoa, định kỳ theo từng năm học và từng học kỳ đều được cập nhật, thường xuyên duy tu & bảo dưỡng để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu [H9.09.03.07]. Trong giai đoạn từ 2020 - 2024 nhà trường đã đầu tư thêm cho các xưởng và phòng thực hành các trang thiết bị máy móc mới như: 04 động cơ ô tô, 01 mô hình ô tô, 01 hệ thống phanh, 01 hệ thống lái, 01 hệ thống điện chiếu sáng ô tô, 01 hệ thống cảm biến trên ô tô, 01 máy cắt dây CNC, 01 máy tiện dài, 02 máy phay, 01 máy mài phẳng, ... [H9.09.03.08], [H9.09.03.09]. Việc duy tu, bảo dưỡng được thực hiện bởi các CBQL xưởng và phòng thực hành. Ngoài ra, có thêm sự tham gia & tư vấn của

các chuyên gia bên ngoài [H9.09.03.10].

Để đảm bảo cho việc quản lý và sử dụng hiệu quả các máy móc & trang thiết bị, Ban lãnh đạo Khoa Cơ khí – ô tô đã phân công 07 cán bộ chịu trách nhiệm quản lý tại mỗi xưởng & phòng thực hành [H9.09.03.11]. Tại các xưởng và phòng thực hành đều có sơ đồ bố trí máy móc, các nội quy nhà xưởng và phòng thực hành, nội quy an toàn thiết bị, tên người quản lý xưởng, kế hoạch đào tạo theo từng kỳ học [H9.09.03.12], [H9.09.03.13], [H9.09.03.14]. Hàng ngày, sau mỗi ca thực tập đều có sổ ghi nhật ký bàn giao sử dụng thiết bị. Các trang thiết bị máy móc luôn được thống kê, báo cáo hàng năm trong chu kỳ đánh giá về số lượng và chất lượng. Với diện tích mặt bằng xưởng & phòng thực hành và các trang thiết bị máy móc được đầu tư, Khoa luôn đảm bảo đáp ứng tần suất sử dụng trung bình tại mỗi xưởng & phòng thực hành là: 2 ca thực tập/ngày & 6 ngày/tuần [H9.09.03.15].

Nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo & nghiên cứu, Nhà trường & Khoa có khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV & GV về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của xưởng, phòng thực hành & các trang thiết bị vào cuối mỗi năm học. Cụ thể: Năm 2020-2011 tỷ lệ SV hài lòng trên 95% và tỷ lệ GV hài lòng trên 94,1%; năm 2021-2022 tỷ lệ SV hài lòng 94% và tỷ lệ GV hài lòng trên 94%; năm 2022-2023 tỷ lệ SV hài lòng trên 95% và tỷ lệ GV hài lòng trên 96%; năm 2023-2024 tỷ lệ SV hài lòng trên 96% và tỷ lệ GV hài lòng trên 97%; năm 2024-2025 tỷ lệ SV hài lòng 95,5% và tỷ lệ GV hài lòng trên 96% về mức độ đáp ứng của xưởng, phòng thực hành & các trang thiết bị [H9.09.03.16]. Như vậy, tỉ lệ trung bình trong 5 năm khảo sát có 95% GV và 95% SV hài lòng về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo của phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị.

2. Điểm mạnh

Hệ thống các máy móc & trang thiết bị luôn được nhà trường nâng cấp và bổ sung mới, hiện đại. Quá trình vận hành sử dụng máy móc & các trang thiết bị luôn được duy tu & bảo trì kịp thời, đảm bảo quá trình đào tạo & nghiên cứu được liên tục và xuyên suốt.

3. Điểm tồn tại

Chưa có các phòng thực hành về ô tô xanh phục vụ cho đào tạo ngành CNKT Ô tô.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025 – 2026, Khoa Cơ khí – Ô tô đề xuất nhà trường bổ sung thêm phòng thực hành ô tô xanh, phòng thực hành thiết kế và phát triển sản phẩm.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 6/7.

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy học và NCKH. Hiện nay, Trường có 557 bộ máy vi tính để bàn, trong đó số lượng máy tính phục vụ cho giảng dạy, học tập là 500 bộ, số lượng máy tính phục vụ cho công tác quản lí và điều hành là 57 bộ, tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet; có 85 màn chiếu và 85 Projector, 15 máy photocopy, 57 máy in và các thiết bị phụ trợ khác đảm bảo đủ theo yêu cầu của thiết kế CTĐT/đề án mở ngành của nhà trường [H9.09.04.01]. Nhà trường đầu tư 01 đường truyền internet cáp quang tốc độ 100 Mb/s và có 7 điểm phát sóng wifi phủ sóng toàn bộ khuôn viên nhà trường (trong đó có 4 điểm phát sóng tại cơ sở Lâm Thao, 3 điểm phát sóng tại cơ sở Việt Trì) phục vụ cho cán bộ, giáo viên và sinh viên trong giảng dạy, học tập và NCKH. Tuy nhiên, do nhu cầu sử dụng nhiều nên đôi lúc hệ thống đường truyền internet vẫn còn nghẽn mạng cục bộ.

Hệ thống công nghệ thông tin hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, Nhà trường trang bị hệ thống phần mềm quản lý có bản quyền gồm các phần mềm: Phần mềm quản lý đào tạo UniSoftMain, phần mềm quản lý văn bản, phần mềm chuyên dụng về kế toán để phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH, tài chính, quản lý sinh viên [H9.09.04.03].

Để đảm bảo cho hệ thống CNTT được vận hành liên tục & ổn định, việc duy tu, bảo dưỡng & cập nhật kịp thời đối với hệ thống mạng & phần mềm quản lý đào

tạo UniSoftMain đã được Phòng Đào tạo tiến hành thường xuyên để hỗ trợ các hoạt động đào tạo & nghiên cứu. Cùng với đó, việc duy trì, duy tu, bảo dưỡng & cập nhật kịp thời cho hệ thống máy tính tại khoa, phòng thực hành, xưởng thực hành, phòng thí nghiệm hoạt động ổn định được thực hiện bởi CBQL phòng thực hành, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành cùng với sự hỗ trợ từ kỹ thuật viên của khoa CNTT giúp cho việc quản lý, đào tạo và nghiên cứu được kịp thời, không bị gián đoạn [H9.09.04.05]. Riêng Khoa Cơ khí – ô tô được Nhà trường trang bị 44 bộ máy tính để phục vụ cho quản lý, đào tạo & nghiên cứu. Trong đó, 07 bộ máy tính được trang bị cho phòng thực hành CAD/CAM, 28 bộ máy tính đặt tại phòng thiết kế trên máy tính & 03 bộ máy tính trang bị tại Văn phòng khoa cơ sở Lâm Thao & Việt Trì [H9.09.04.06]. Ngoài ra, mỗi GV đều có máy tính xách tay tự trang bị. Trong quá trình vận hành, Nhà trường đều sử dụng các phần mềm máy tính có bản quyền để phục vụ cho công tác giảng dạy, NCKH và quản lý như: phần mềm TopSolid, phần mềm NX. Song song với đó Nhà trường đang duy trì hệ thống Website trường với các địa chỉ <http://www.vui.edu.vn>; để cung cấp thông tin và truyền thông quảng bá về trường Đại học Công nghiệp Việt Trì. Riêng tại Khoa Cơ khí – ô tô, cũng có một trang thông tin điện tử riêng với địa chỉ <http://khcokhi.vui.edu.vn> [H9.09.04.07].

Cán bộ, giảng viên Nhà trường được truy cập Internet miễn phí thông qua các điểm truy cập wifi hoặc tại các phòng làm việc. Mỗi cán bộ, giáo viên được cấp một tài khoản duy nhất (trùng với mã nhân sự) để truy cập vào các phân hệ theo phân quyền của người quản trị trong các phần mềm và email [H9.09.04.08].

2. Điểm mạnh

Tất cả GV & SV trong toàn trường đều được sử dụng Wifi miễn phí tại tất cả các cơ sở đào tạo của trường, tạo thuận lợi cho việc tìm kiếm tài liệu trên mạng của GV & SV, phục vụ cho quá trình đào tạo và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống Wifi chưa thực sự ổn định, có lúc xuất hiện hiện tượng nghẽn mạng vào những lúc cao điểm trong thời gian đăng ký môn học, thời gian nộp hồ sơ

tuyển sinh online.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025 - 2026, Nhà trường, Phòng QL đào tạo và Khoa Công nghệ Thông tin sẽ lên kế hoạch mua bổ sung thêm máy tính, máy chủ, các modem phát wifi. Bổ sung thêm đường truyền dung lượng cao dành riêng cho phát sóng wifi

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả

Khi xây dựng các quy định tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn, Nhà trường đều dựa trên các quy định hiện hành của các Bộ, ngành liên quan (có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật) như luật an toàn vệ sinh lao động, nghị định số 79/2014/NĐ-CP, luật PCCC [H9.09.05.01]. Trên cơ sở đó, Nhà Trường đã ban hành các nội quy, quy định về công tác an ninh trật tự tại khu giảng đường, ký túc xá, thư viện, nhà xe, CLB, căng tin,... [H9.09.05.02], [H9.09.05.03]. Riêng tại Khoa, ở mỗi xưởng & phòng thực hành đều có treo nội quy an toàn khi sử dụng các máy móc & thiết bị, có đường dẫn, các chú ý dành riêng cho người khuyết tật [H9.09.05.04].

Các quy định/tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn luôn được triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

Thứ nhất, về vấn đề môi trường, Nhà trường đã ký hợp đồng làm sạch vệ sinh [H9.09.05.05]. Việc xây dựng môi trường cảnh quan được SV của Khoa Cơ khí – ô tô tích cực tham gia thông qua các phong trào trồng cây xanh hàng năm do Đoàn thanh niên phát động. Tại các xưởng & phòng thực hành, sau mỗi ca thực tập SV đều phải vệ sinh nơi làm việc của mình theo đúng yêu cầu của nội quy [H9.09.05.06].

Thứ hai, về vấn đề sức khỏe, Hàng năm Nhà trường tổ chức khám định kỳ cho cán bộ, GV và SV nhằm đảm bảo đủ tiêu chuẩn sức khỏe để làm việc và học tập. SV

còn được tham gia đóng bảo hiểm y tế và bảo hiểm thân thể theo đúng quy định [H9.09.05.07]. Tại 2 cơ sở Lâm Thao & Việt Trì đều có nhân viên y tế trực để xử lý các vấn đề liên quan đến sức khỏe của GV & SV. Ngoài ra, Nhà trường còn ký kết với các bệnh viện để thăm khám và điều trị ban đầu theo thẻ BHYT cho GV & SV [H9.09.05.08], [H9.09.05.09]. Nhà trường quy định về các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật [H9.09.05.10]. Để tăng cường rèn luyện sức khỏe, Nhà trường đã đầu tư tổng diện tích phòng tập, sân bãi phục vụ các hoạt động thể dục thể thao là 2680 m². Tại cơ sở Lâm Thao có: 02 sân bóng chuyền da; 01 sân bóng chuyền hơi; 01 sân bóng rổ; 01 sân bóng đá cỏ nhân tạo diện tích; 01 sân tập thể dục ngoài trời; 01 phòng thể dục đa năng và bóng bàn. Tại Việt Trì có 01 sân bóng chuyền; 01 sân rèn luyện thể thao; [H9.09.05.11].

Thứ ba, về vấn đề an toàn, Nhà trường bố trí 02 Tổ Bảo vệ chuyên trách tại hai cơ sở Lâm Thao và Việt Trì trực thuộc phòng Quản trị đủ để đảm trách công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tài sản và con người trong Trường. Ngoài ra, phòng Quản trị, phòng CTSV & bộ phận bảo vệ, đã có liên kết & phối hợp tốt với Công an phường Tiên Cát – Việt Trì và công an xã Tiên Kiên – Lâm Thao trong công tác bảo đảm an ninh trật tự tại khu vực Trường [H9.09.05.12]. Ngoài ra, công tác PCCC của Nhà trường luôn được đảm bảo và thực hiện triệt để. Các tòa nhà, giảng đường đều có bố trí nội quy, bình chữa cháy, thiết bị PCCC. Đặc biệt, nhà trường hàng năm có diễn tập và tập huấn về công tác PCCC & an toàn lao động [H9.09.05.13]. Riêng với Khoa Cơ khí – ô tô, tại các xưởng & phòng thực hành, khi SV xuống thực tập đều được hướng dẫn kỹ về nội quy & kỹ thuật an toàn khi vận hành thiết bị, kỹ thuật an toàn phòng chống & cấp cứu người khi bị điện giật, đảm bảo quá trình học tập được diễn ra một cách liên tục & an toàn [H9.09.05.14], [H9.09.05.15].

Song song với việc triển khai, thực hiện các quy định/tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe & an toàn, hàng năm, Nhà trường & Khoa đều tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của GV & SV về môi trường, sức khỏe và an toàn khu giảng đường, phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm và các công tác đảm bảo an ninh

trật tự, PCCC. Kết quả khảo sát cho thấy, trung bình có 95% tỷ lệ GV hài lòng, trên 95% tỷ lệ SV được đánh giá hài lòng về môi trường, sức khỏe & an toàn [H9.09.05.16].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn quan tâm đến sức khỏe của cán bộ, GV và SV, hàng năm đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ để đảm bảo cho mọi người có đủ sức khỏe trong đào tạo, học tập & nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Diện tích các sân bãi & phòng tập để rèn luyện sức khỏe trên cơ sở Việt Trì còn hạn hẹp cho nên Nhà trường phải đi thuê sân bãi tại công viên và khu thể thao gần trường để phục vụ các phong trào, hoạt động thể dục thể thao.

4. Kế hoạch hành động

Phòng Quản trị sẽ lập kế hoạch chi tiết và dự trù kinh phí để đầu tư xây dựng thêm diện tích sân bãi và bố trí thêm các sân chơi thể thao tại cơ sở Việt Trì trình Ban giám hiệu Nhà trường phê duyệt.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 6/7.

Kết luận tiêu chuẩn 9:

Là một trong những đơn vị đào tạo đang được sự quan tâm của xã hội cũng như thị trường lao động, Khoa Cơ khí – ô tô được Nhà trường quan tâm tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu. Phòng thí nghiệm, thực hành luôn được Nhà trường coi trọng đầu tư trang thiết bị hiện đại đáp ứng tốt cho công tác đào tạo và NCKH, phát huy thế mạnh của đơn vị. Bên cạnh đó, Khoa Cơ khí – ô tô cũng nỗ lực trong việc quản lý, vận hành, cải thiện hệ thống cơ sở vật chất, môi trường làm việc và học tập trong khoa. Cơ sở hạ tầng và hệ thống CNTT hiện đại đáp ứng tốt nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH, quản lý và các công tác khác. Trường có sân bãi, hội trường, nhà văn hóa phục vụ nhu cầu thể dục thể thao, văn nghệ của cán bộ, viên chức, GV và SV. Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai được quan tâm thích đáng đáp ứng tốt nhất nhu cầu của cán bộ, GV và

SV. Do đó, cơ sở vật chất và trang thiết bị của nhà trường về cơ bản đủ đáp ứng cho nhu cầu đào tạo ngành CNKT Ô tô hiện nay. Tuy nhiên, hệ thống cơ sở vật chất của thư viện hiện vẫn còn khiêm tốn (nguồn học liệu dạng số hóa cơ bản đủ đáp ứng khi có sự liên kết với khối các trường đại học uy tín trong nước, tuy nhiên nguồn học liệu dạng bản cứng còn ít, lạc hậu), chưa đáp ứng được với tình hình thực tiễn.

Tiêu chuẩn 09 có 05 tiêu chí, trong đó: 03 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 02 tiêu chí đạt 6/7 điểm.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Nâng cao chất lượng đào tạo được Lãnh đạo Nhà trường xác định là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu quyết định đến sự phát triển của Nhà trường. Đây là quá trình liên tục nỗ lực cải tiến và áp dụng các sáng kiến, các kinh nghiệm tốt trong quản lý, trong giảng dạy. Nâng cao chất lượng trong giáo dục đại học gắn liền với việc cải tiến các yếu tố:

- Kiến thức, kỹ năng và thái độ hoặc năng lực của người học;
- Môi trường và các cơ hội học tập;
- Chất lượng của CSGD hoặc CTĐT.

Sự tin tưởng của người học cũng như các bên liên quan khác đối với CSGD đại học được xây dựng và duy trì thông qua các hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng. Các hoạt động này giúp đảm bảo rằng chương trình được thiết kế tốt, được theo dõi thường xuyên và định kỳ rà soát, qua đó đảm bảo tính cập nhật và phù hợp.

Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (GV, người học, cựu SV, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển CTDH đến việc ĐBCL trong KTĐG, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Mô tả

Theo quy định về quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường, Nhà trường đã giao cho các phòng ban chức năng phối hợp với Khoa chuyên môn thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan về CĐR, về CTĐT, chất lượng các hoạt động đào tạo và nhu cầu nguồn nhân lực [H10.10.01.01]. Các bên liên quan tiến hành thu thập thông tin phản hồi được xác định trong văn bản: “Quy định về công tác lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan” [H10.10.01.02], cụ thể là: phòng

Quản lý chất lượng chủ trì thực hiện công tác lấy ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của GV; lấy ý kiến người học trước khi tốt nghiệp đánh giá khóa học; lấy ý kiến người học, cán bộ viên chức về hoạt động hỗ trợ đào tạo của các đơn vị (khoa, phòng, trung tâm). Phòng Quản lý đào tạo chủ trì thực hiện lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, chuyên gia giáo dục, hội nghề nghiệp về CĐR, về CTĐT, về chất lượng đào tạo). Phòng Công tác sinh viên chủ trì thực hiện công tác khảo sát tình trạng việc làm và thu nhập của SV tốt nghiệp, chất lượng đào tạo đối với SV tốt nghiệp (bao gồm SV tốt nghiệp được 6 tháng và SV tốt nghiệp được 1 năm). Năm 2025 Khoa Cơ khí - Ô tô đã khảo sát với các bên để làm căn cứ thiết kế và phát triển CTDH song song với CTĐT và phù hợp với CĐR. Căn cứ vào kế hoạch và nhu cầu thu thập thông tin từ các bên liên quan, Nhà trường và Khoa Cơ khí - Ô tô đã tiến hành khảo sát thông qua các hình thức phát phiếu, khảo sát online, phỏng vấn qua điện thoại, tọa đàm, ... Cụ thể: đối với chuyên gia, đại diện tổ chức xã hội nghề nghiệp thực hiện khảo sát 1 năm/1 lần bằng hình thức online; đối với CBQL và nhân viên và nhà sử dụng lao động thực hiện khảo sát 100% với tần suất 1 năm/ 1 lần bằng hình thức online; đối với GV trong khoa được lấy ý kiến 100% khi kết thúc các kỳ học bằng hình thức online; đối với SV đang học 100% được lấy ý kiến khi kết thúc học phần bằng hình thức online, thông qua phần mềm quản lý đào tạo; đối với SV năm cuối 100% được khảo sát trước khi tốt nghiệp; đối với SV tốt nghiệp sau 6 tháng, 12 tháng. Kết quả khảo sát qua phân tích số liệu cho thấy các câu hỏi đảm bảo tính khoa học và độ tin cậy [H10.10.01.04], [H10.10.01.05]. Tuy nhiên, qua các đợt khảo sát việc triển khai lấy ý kiến của đối tượng là cựu SV còn chưa hiệu quả, còn gặp nhiều khó khăn, do địa chỉ và số điện thoại liên lạc có nhiều thay đổi so với thời gian theo học tại trường.

Căn cứ vào kết quả khảo sát, khi tiến hành rà soát CTDH Khoa Cơ khí - Ô tô đã có sự thay đổi, điều chỉnh, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan [H10.10.01.06], [H01.10.01.07]. Vì vậy, CTDH phải xây dựng phù hợp với những thay đổi của CTĐT cụ thể là: về phương pháp giảng dạy phải tăng cường thảo luận, làm bài tập nhóm, GV hướng dẫn SV tự nghiên cứu, download tài liệu và cập nhật tài

liệu trên các trang web [H10.10.01.08]. Phương pháp kiểm tra đánh giá cũng được thay đổi theo hướng coi trọng thái độ người học bằng cách tách điểm chuyên cần thành bộ phận độc lập nằm trong trọng số đánh giá điểm quá trình tương ứng với số tín chỉ của môn học [H10.10.01.09].

2. Điểm mạnh

Sự phản hồi tích cực từ các bên liên quan góp phần giúp Nhà trường và Khoa Cơ khí - Ô tô rà soát, điều chỉnh để nâng cao chất lượng của CTDH.

3. Điểm tồn tại

Công tác lấy ý kiến phản hồi với đối tượng là cựu SV còn chưa hiệu quả do cách tiếp cận chưa phù hợp.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025- 2026, thông qua CVHT, GVCN cán bộ lớp và mạng xã hội, Khoa Cơ khí - Ô tô đã thiết lập mạng lưới liên lạc với các cựu SV để cải tiến công tác tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ đối tượng này.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 6/7

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Khoa Cơ khí - Ô tô đã đề xuất Nhà trường xây dựng CTDH theo thông tư hướng dẫn của Bộ giáo dục và Đào tạo [H10.10.02.01] và Nhà trường đã ban hành Quy định về Quy trình xây dựng, rà soát, chỉnh sửa CTĐT, CTDH [H10.10.02.02]. Theo đó, việc thiết kế và phát triển CTDH cho tất cả các chương trình đào tạo và các học phần/môn học có sự đóng góp ý kiến và phản hồi của các bên liên quan; Xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan; đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện trên chuẩn đầu ra; quy trình thiết kế, đánh giá, rà soát CTDH được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan. Quy trình thiết kế và phát triển CTDH được đưa ra trong

biên bản họp về thiết kế CTDH của Khoa Cơ khí - Ô tô [H10.10.02.03], [H10.10.02.04], [H10.10.02.05], [H10.10.02.06].

Trong quy trình thiết kế và phát triển CTDH có quy định yêu cầu về việc thực hiện rà soát, đánh giá việc thiết kế và phát triển CTDH. Nội dung rà soát là toàn bộ các nội dung trong CTDH như: mục tiêu, CĐR, nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng. Đồng thời trong quá trình giảng dạy, khi các GV thấy có sự bất cập trong nội dung đào tạo, thời lượng hay phương pháp đánh giá trong CTDH đã đưa ra đề xuất lên khoa để sửa đổi chương trình thông qua các cuộc họp bộ môn, bằng cách này các GV đều được tham gia vào việc thiết kế và phát triển CTDH [H10.10.02.07].

Từ năm 2023-2024, CTDH của Khoa Cơ khí - Ô tô đã được cải tiến và xây dựng thành một chương trình độc lập, với đầy đủ những nội dung cụ thể như: mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và CĐR đối với ngành học và mỗi học phần; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với ngành học và mỗi học phần [H10.10.02.08]. Để xây dựng quy trình thiết kế và phát triển CTDH, Khoa Cơ khí - Ô tô đề xuất quy trình thiết kế và phát triển CTDH, sau đó gửi bản đề xuất quy trình thiết kế và phát triển CTDH để lấy ý kiến đến toàn bộ các GV trong khoa và các chuyên gia tư vấn thuộc các trường đại học như: ĐH Bách khoa Hà Nội, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên,... Việc lấy ý kiến được thực hiện bằng hình thức online khảo sát tới các bên liên quan về quy trình thiết kế và phát triển CTDH và được tổng hợp trong biên bản tổng hợp ý kiến về quy trình thiết kế và phát triển trong CTDH [H10.10.02.09]. Kết quả khảo sát cho thấy 96% đối tượng được khảo sát cảm thấy hài lòng về quy trình thiết kế và phát triển CTDH mà Nhà trường đang thực hiện [H10.10.02.10]. Mặt khác Khoa cũng đã đối sánh CTDH ngành CNKT Ô tô với CTĐT của các trường đại học trong nước [H10.10.02.10]. Đây là căn cứ giúp nhà trường và Khoa Cơ khí - Ô tô đánh giá, thiết kế và phát triển CTDH cho phù hợp hơn nhằm nâng cao CĐR cho ngành CNKT Ô tô.

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTDH của đã được xây dựng theo đúng quy định của thông tư các thông tư của Bộ GD-ĐT. Trong đó, Khoa Cơ khí - Ô tô đã thực hiện việc rà soát, đánh giá, cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH một cách công khai với các đối tượng có liên quan.

3. Điểm tồn tại

Quá trình rà soát, đánh giá việc thiết kế và phát triển CTDH ngành CNKT Ô tô chưa được đối chiếu so sánh với nhiều chương trình đào tạo tiên tiến của các trường đại học ở nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025- 2026, Nhà trường sẽ tiến hành rà soát đánh giá việc thiết kế và phát triển CTDH định kỳ 2 năm 1 lần và có sự so sánh với các chương trình đào tạo của các trường top đầu trong nước, trong khu vực và một số trường Đại học ở các nước phát triển như Nhật, Mỹ.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 6/7

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

Nhà trường đã ban hành Quyết định về việc ban hành Quy định đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên bao gồm đánh giá dự giờ thao giảng, đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên (thông qua các phiếu giảng viên đánh giá hoạt động giảng dạy; phiếu sinh viên đánh giá hiệu quả môn học [H10.10.03.01]. Theo đó, các năm học Khoa Cơ khí - Ô tô đều xây dựng kế hoạch tổ chức đánh giá việc giảng dạy của GV [H10.10.03.02], [H10.10.03.03]. Việc rà soát đánh giá KQHT được thể hiện theo quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.10.03.04]. Quy định này đã hướng dẫn cụ thể những hoạt động: kiểm tra, thi kết thúc học phần, xét công nhận tốt nghiệp. Ngoài ra, trong ĐCCT học phần có quy định cụ thể các hình thức kiểm tra, đánh giá cũng như trọng số điểm bao gồm điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần

[H10.10.03.05]. Việc rà soát KQHT của SV được thể hiện trong các thông báo về việc kiểm tra điểm tổng kết các học phần, điểm tổng kết học kỳ của SV trong từng học kỳ [H10.10.03.06].

Việc đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá KQHT của SV để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR được thường xuyên rà soát. Trong 5 năm từ 2020- 2025 Khoa Cơ khí - Ô tô đã thực hiện rà soát và điều chỉnh CTĐT, ĐCCT các học phần 3 lần 2021, 2023, 2025 [H10.10.03.07]. Khoa Cơ khí - Ô tô đã tổ chức các buổi họp khoa đánh giá kết quả giảng dạy sau buổi họp xét tiến độ [H10.10.03.08]; lập kế hoạch dự giờ để trao đổi về phương pháp giảng dạy và cách thức đánh giá kết quả học tập của SV cụ thể như sau: hoạt động dự giờ được tiến hành khi GV hết thời gian tập sự, giảng dạy các học phần mới, thường xuyên hoặc đột xuất theo học kì, khi có sự thay đổi điều chỉnh nội dung chương trình [H4.10.03.09]. Việc rà soát đánh giá KQHT được đưa vào trong kế hoạch thanh tra công tác ra đề thi, coi, chấm thi. Bộ phận khảo thí thuộc phòng Quản lý đào tạo là nơi đảm bảo công tác khảo thí được thực hiện nghiêm túc theo các qui trình như giao nhận đề thi, bài thi, phiếu chấm, lên điểm, báo điểm, phúc tra, ... [H10.10.03.10]. Việc rà soát, đánh giá KQHT của SV cũng được thực hiện định kỳ thông qua các buổi họp xét tiến độ học tập và xếp hạng trình độ học lực của sinh viên [H10.10.03.11]. Theo tổng hợp kết quả khảo sát người học, cựu người học, nhà tuyển dụng, GV thì KQHT của SV được GV đánh giá khá chính xác, khách quan và công bằng [H10.10.03.12]. Việc cải tiến về CTDH các học phần như là tổ chức thảo luận nhiều trong quá trình dạy/học, thay đổi hình thức thi, phương pháp đánh giá,...và đã có kết quả tốt cho người học [H10.10.03.13]. Tất cả những ý kiến phản hồi từ các bên liên quan bao gồm người học, cựu người học, GV về quá trình dạy và học, đánh giá KQHT của người học sẽ được tiếp thu và giúp cho Nhà trường xây dựng kế hoạch hành động, cải tiến chất lượng giáo dục.

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá KQHT của người học được Nhà Trường và Khoa Cơ khí - Ô tô thường xuyên rà soát trong từng học kỳ, đánh giá và cập nhật theo từng năm học

để đảm bảo CDR.

3. Điểm tồn tại

KQHT của một số SV năm thứ nhất còn hạn chế do SV chưa thích nghi với việc học tập ở môi trường Trường Đại học.

4. Kế hoạch hành động

Từ kỳ 1 năm học 2025-2026, khoa xây dựng kế hoạch thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp với đối tượng SV nhằm nâng cao KQHT của SV.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 6/7

Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả

Từ tháng 8 năm 2020 đến tháng 4 năm 2025 cán bộ, GV Khoa Cơ khí - Ô tô đã chủ trì thực hiện 01 đề tài cấp bộ, 28 đề tài NCKH cấp trường trong đó các đề tài đều đạt loại khá trở lên, 02 đề tài đang trong quá trình thực hiện [H10.10.04.01]. GV Khoa Cơ khí - Ô tô đã đăng được 28 bài báo ở tạp chí quốc tế, 27 bài đăng tạp chí trong nước, 15 bài đăng tạp chí KH&CN của Nhà trường [H10.10.04.02]. Bên cạnh đó, GV của khoa đã hướng dẫn SV của khoa thực hiện 28 đề tài NCKH của SV, trong đó các đề tài được nghiệm thu đạt loại khá trở lên và 8 đề tài đang trong quá trình thực hiện [H10.10.04.03]. Qua bản thuyết minh của các đề tài đều cho thấy nội dung nghiên cứu đều có liên quan đến việc giảng dạy và học tập của SV.

Các kết quả nghiên cứu của các đề tài cũng như các công bố trong các bài báo khoa học đã góp phần nâng cao trình độ GV và chất lượng bài giảng của các học phần như: Cơ học lý thuyết, Sức bền vật liệu, Rô bốt, Thủy lực - Khí nén, Vật liệu học, Công nghệ chế tạo máy, Nguyên lý máy, Cấu tạo ô tô, Lý thuyết ô tô, Thiết kế trên máy tính... [H10.10.04.04]. Từ đó các hoạt động dạy và học của CTĐT đã được cải tiến qua việc sử dụng các kết quả nghiên cứu khoa học như: các học phần giảng dạy thực hành được thực hiện trên các máy, thiết bị chế tạo từ các đề tài khoa học; các học phần chuyên ngành khi giảng dạy luôn được giới thiệu, mô tả

các kết quả nghiên cứu của các đề tài, qua đó giảng viên và sinh viên có các ý tưởng cải tiến, mở rộng hoặc thiết kế ra được các máy, thiết bị sản xuất và chế tạo mới; các đề tài nghiên cứu khoa học của Khoa đã đem lại hiệu quả cao trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu như tiết kiệm thời gian thực hành, mô phỏng, mô tả, gia công...

Từ tháng 8 năm 2020 đến tháng 4 năm 2025 Khoa Cơ khí - Ô tô đã có 09 đề tài được ứng dụng để cải tiến hoạt động giảng dạy và học tập, cụ thể đề tài *“Nghiên cứu, thiết kế chế tạo mô hình cắt bỏ hộp số ô tô tự động phục vụ giảng dạy và học tập ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô trường đại học công nghiệp Việt Trì”* áp dụng cải tiến trong hoạt động giảng dạy phần thực hành của học phần Thực hành cơ bản, thực hành chuyên ngành, sửa chữa bảo dưỡng động cơ ô tô và ứng dụng đề tài *“Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo mô hình hệ thống chiếu sáng và tín hiệu trên ô tô phục vụ giảng dạy, nghiên cứu tại Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì”* áp dụng cho học phần Trang bị điện và hệ thống điều khiển điện ô tô và đề tài *“Nghiên cứu công nghệ Hybrid trên ô tô ứng dụng vào giảng dạy cho sinh viên ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô trường Đại học Công nghiệp Việt Trì”*, *“Thiết kế hệ thống gạt nước tự động trên ô tô phục vụ đào tạo ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô trường Đại học Công nghiệp Việt Trì”* được áp dụng cải tiến trong hoạt động giảng dạy các học phần Cấu tạo ô tô, Công nghệ sửa chữa bảo dưỡng ô tô”; và các học phần thực hành tại Trung tâm Cơ khí - ô tô. Đề tài *“Nghiên cứu, thiết kế chế tạo máy ta rô ren truyền động khí nén ứng dụng trong giảng dạy thực hành và chế tạo tại Trung tâm Cơ khí - ô tô trường Đại học Công nghiệp Việt Trì”* áp dụng cải tiến trong hoạt động giảng dạy học phần Công nghệ chế tạo máy. Đề tài *“Thiết kế, chế tạo hệ thống tín hiệu tự động báo rẽ trên xe ô tô ứng dụng giảng dạy và nghiên cứu tại Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì”* áp dụng cải tiến trong hoạt động giảng dạy học phần Trang bị điện và hệ thống điều khiển ô tô. Đề tài: *Nghiên cứu thiết kế, chế tạo mô hình phát điện tuabin gió ứng dụng giảng dạy và nghiên cứu tại Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì* áp dụng cải tiến trong hoạt động nghiên cứu khoa học. Đề tài: *Nghiên cứu thiết kế, chế tạo đồ gá tiện mặt cầu cho máy tiện*

ren vít vạt năng ứng dụng giảng dạy và nghiên cứu tại Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì áp dụng cải tiến thiết kế đồ gá để mở rộng khả năng của máy tiện ren vít vạt năng ứng dụng trong giảng dạy học phần Thực hành công nghệ chế tạo. Đề tài: *Nghiên cứu thiết kế chế tạo máy thu gom nông sản hạt rời khi phơi phục vụ giảng dạy và nghiên cứu tại trường Đại học Công nghiệp Việt Trì*” áp dụng cải tiến trong hoạt động nghiên cứu, chế tạo ứng dụng vào sản xuất giảm thiểu tối đa sức lao động mang tính tự động hóa cao. Đề tài: *Nghiên cứu chế tạo mô hình ô tô điện mini ứng dụng trong nghiên cứu và giảng dạy tại Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì* áp dụng cải tiến trong hoạt động nghiên cứu và ứng dụng học tập môn học Công nghệ ô tô điện và ô tô lai điện [H10.10.04.05].

2. Điểm mạnh

Nội dung các đề tài NCKH được triển khai thực hiện đều liên quan chặt chẽ đến hoạt động dạy và học của khoa.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các bài báo khoa học đã công bố của GV Khoa Cơ khí - Ô tô đặc biệt các bài báo quốc tế trong 5 năm qua là chưa nhiều và chỉ tập trung ở một số giảng viên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026, Khoa Cơ khí - Ô tô sẽ đề xuất các chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi để giúp các GV trong khoa đẩy mạnh việc NCKH theo định hướng liên quan mật thiết đến việc dạy của GV cũng như học tập của SV và tích cực công bố các kết quả nghiên cứu của mình trên các tạp chí quốc tế.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 6/7

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ khác được thực hiện theo quy định về

công tác lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan [H10.10.05.01]. Phòng Quản lý chất lượng xây dựng kế hoạch, trong kế hoạch phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng đơn vị khảo sát online đến cán bộ, GV trong đó có các câu hỏi nhằm đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác [H10.10.05.02]. Đối với SV, nhà trường đã ban hành quy định quy trình SV đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ [H10.10.05.03] và trả lời các câu hỏi trực tuyến trong phiếu thu thập thông tin dạy và học [H10.10.05.04].

Nhà trường đã thực hiện việc đánh giá, giám sát tính hiệu quả của các dịch vụ hỗ trợ đối với cán bộ, GV, SV [H10.10.05.05], [H10.10.05.06], [H10.10.05.07], [H10.10.05.08]. Cụ thể, hàng năm thư viện tổ chức lấy ý kiến bạn đọc về việc phục vụ của thư viện. Kết quả khảo sát cho thấy khoảng 88,2% số lượng bạn đọc hài lòng với chất lượng phục vụ. Tuy nhiên, một số SV phản ánh hệ thống tra cứu tại các phòng đọc của thư viện đôi khi còn gặp trục trặc. Ngoài ra, hàng năm Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của GV, SV về mức độ đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của hệ thống CNTT. Kết quả khảo sát cho thấy, trung bình có 92,3% tỷ lệ GV hài lòng và trên 94,6% tỷ lệ SV được đánh giá hài lòng về hạ tầng CNTT của Nhà trường [H10.10.05.09]. Đồng thời, để nâng cao hiệu quả đào tạo và nghiên cứu, Nhà trường & Khoa đã thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV & GV về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của xưởng, phòng thực hành & các trang thiết bị vào cuối mỗi năm học. Cụ thể: năm 2020-2021 tỷ lệ SV hài lòng trên 94% và tỷ lệ GV hài lòng trên 95%; năm 2021-2022 tỷ lệ SV hài lòng trên 95% và tỷ lệ GV hài lòng trên 96%; năm 2022-2023 tỷ lệ SV hài lòng trên 95% và tỷ lệ GV hài lòng trên 97%; năm 2023-2024 tỷ lệ SV hài lòng trên 96% và tỷ lệ GV hài lòng trên 95%; năm 2024-2025 tỷ lệ SV hài lòng trên 95% và tỷ lệ GV hài lòng trên 96% về mức độ đáp ứng của xưởng, phòng thực hành & các trang thiết bị [H10.10.05.10], [H10.10.05.11], [H10.10.05.12]. Bên cạnh đó, các qui định/tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn cũng được Nhà trường và Khoa chú trọng, quan tâm. Hàng năm, Nhà trường và Khoa đều tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của GV & SV về môi trường, sức khỏe và an toàn khu giảng đường, phòng học,

phòng thực hành, thí nghiệm và các công tác đảm bảo an ninh trật tự, PCCC. Qua khảo sát có 94% CBGV hài lòng, 95% SV hài lòng với tiêu chí môi trường, sức khỏe, an toàn của Nhà trường [H10.10.05.13].

Nhằm cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, hàng năm, dựa trên các kết quả khảo sát, Khoa đều có lập dự trù kinh phí, xây dựng kế hoạch mua mới và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị [H10.10.05.14]. Trên cơ sở đó, Nhà trường cho tổ chức hội nghị thảo luận và quyết định phân bổ kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, các trang thiết bị dành cho Khoa [H10.10.05.15]. Trong giai đoạn 2020 - 2025, Nhà trường đã đầu tư cho việc xây dựng, sửa chữa, nâng cấp phòng làm việc, phòng học,... để không ngừng nâng cao chất lượng cơ sở vật chất phục vụ trong giảng dạy, học tập của người học, cụ thể như sau: Năm 2020: 9.222.061.000 đồng; Năm 2021: 5.542.261.501 đồng; năm 2022: 5.425.000 đồng; năm 2023: 5.565.000 đồng; năm 2024: 6.238.000 đồng; năm 2025: 11.058.000 đồng... Bên cạnh đó, để đáp ứng nhu cầu về việc sử dụng hệ thống CNTT của SV và GV trong quá trình đào tạo và nghiên cứu, việc duy tu, bảo dưỡng & cập nhật đối với hệ thống mạng & phần mềm quản lý đào tạo UnisoftMain đã được tiến hành thường xuyên [H10.10.05.16], [H10.10.05.17].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, Nhà trường đã thực hiện việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đối với cán bộ, GV, SV. Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan, Nhà trường đã lập được dự trù kinh phí và xây dựng được kế hoạch mua mới và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ hỗ trợ.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống wifi của Nhà trường đôi lúc vẫn còn chưa ổn định.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025-2026, Nhà trường có kế hoạch nâng cấp hệ thống mạng wifi đảm bảo nâng cao chất lượng truy cập nhằm đáp ứng được nhu cầu truy cập tốt nhất cho bạn đọc, kích hoạt một số dịch vụ tại sảnh Trung tâm TTTV.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 6/7

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

Năm 2025 việc khảo sát phản hồi lấy ý kiến đã được điều chỉnh bổ sung [H10.10.06.01]. Phòng QLCL chủ trì thực hiện công tác lấy ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của GV, lấy ý kiến người học trước khi tốt nghiệp đánh giá khóa học, lấy ý kiến người học, GV về chất lượng các hoạt động hỗ trợ đào tạo của các đơn vị (khoa, phòng, trung tâm), lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, chuyên gia giáo dục, hội nghề nghiệp về mục tiêu, CDR, CTĐT, chất lượng đào tạo; Phòng Quản lý đào tạo chủ trì thực hiện công tác lấy ý kiến người học, GV, CBQL về mức độ đáp ứng của hệ thống thông tin thư viện; Phòng công tác SV chủ trì thực hiện công tác khảo sát cựu SV về tình trạng việc làm và thu nhập của SV tốt nghiệp [H10.10.06.02].

Quy trình tổ chức lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan được quy định cụ thể từ việc xây dựng kế hoạch, thiết kế mẫu phiếu, triển khai lấy ý kiến, tổng hợp và phân tích dữ liệu [H10.10.06.03]. Định kỳ, hàng năm, các hoạt động đánh giá chất lượng thông qua phản hồi từ các bên liên quan đều được Phòng QLCL phối hợp với Khoa thực hiện theo đúng quy định về công tác lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. Cụ thể là: lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với hoạt động giảng dạy của GV được thực hiện khi kết thúc học phần; lấy ý kiến phản hồi của người học trước khi tốt nghiệp đánh giá khóa học, khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của SV tốt nghiệp và lấy ý kiến người học, CBVC về cơ sở vật chất, hệ thống thông tin thư viện được thực hiện định kỳ mỗi năm một lần; lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, chuyên gia giáo dục, hội nghề nghiệp, cựu SV về chất lượng đào tạo định kỳ hai năm một lần hoặc trước khi điều chỉnh CDR và CTĐT [H10.10.06.04]. Các phương pháp được sử dụng để lấy ý kiến đã được cải tiến bao gồm: điều tra trên giấy bằng cách phát phiếu trực tiếp, phỏng vấn trực tiếp hoặc qua điện thoại, trả lời online qua phần mềm quản lý đào tạo, mail, zalo... [H10.10.06.05], [H10.10.06.06]. Kết quả phản hồi của các bên liên quan được sử dụng trong các

hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục CTĐT và làm căn cứ điều chỉnh khối lượng kiến thức các học phần trong chương trình [H10.10.06.07], [H10.10.06.08].

Kế hoạch lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, chuyên gia giáo dục, hội nghề nghiệp về mục tiêu, CDR, CTĐT, chất lượng đào tạo và bổ sung một số nội dung cần khảo sát cho từng đối tượng lấy ý kiến phản hồi như: Trách nhiệm và sự nhiệt tình của GV (lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV), những kiến thức, kỹ năng cần bổ sung của SV sau tốt nghiệp so với yêu cầu của xã hội (khảo sát tình hình thu nhập và việc làm của SV tốt nghiệp, đánh giá chất lượng đào tạo đối với SV tốt nghiệp) nhằm thu thập thông tin theo yêu cầu của các CTĐT. Từ năm 2025, Nhà trường điều chỉnh mẫu phiếu khảo sát ý kiến của GV về CTĐT và chất lượng các hoạt động đào tạo cho phù hợp [H1.10.06.9].

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được thiết lập, có tính hệ thống và đã nhận được các ý kiến đóng góp cho các mặt hoạt động của Nhà trường đặc biệt là về CTĐT, hoạt động giảng dạy của GV Khoa Cơ khí - Ô tô.

Công cụ được Nhà trường sử dụng để lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan rất đa dạng và cải tiến.

3. Điểm tồn tại

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được đánh giá và cải tiến, tuy nhiên việc xây dựng các mẫu phiếu khảo sát đối với chuyên gia giáo dục, hiệp hội nghề nghiệp chưa thực hiện điều chỉnh để đảm bảo các nội dung khảo sát với các đối tượng trên cập nhật được những sự thay đổi của yêu cầu thị trường lao động.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025 - 2026, Phòng Quản lý chất lượng nay là phòng QLCL cùng với Khoa Cơ khí - Ô tô sẽ thực hiện điều chỉnh mẫu phiếu khảo sát đối với chuyên gia giáo dục, hiệp hội nghề nghiệp để đảm bảo các nội dung khảo sát với các đối tượng trên cập nhật được những sự thay đổi của yêu cầu thị trường lao động.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 6/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 10:

Các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo được chú trọng thực hiện thường xuyên, tập trung vào các nội dung: (i) thiết kế CTDH, CTĐT dựa trên cơ sở thông tin phản hồi từ các bên liên quan như nhà tuyển dụng, cựu SV và SV; (ii) việc thiết kế các CTDH, quá trình dạy-học, quá trình đánh giá KQHT của người học được tuân thủ theo các quy trình, hướng dẫn, triển khai theo kế hoạch; (iii) ứng dụng các kết quả NCKH vào cải tiến việc dạy và học; (iv) ĐBCL các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích. Nhìn chung, các nội dung về nâng cao chất lượng của Khoa Cơ khí - Ô tô đều được đảm bảo, đáp ứng được yêu cầu đào tạo và nhu cầu của người học.

Một số tồn tại cần khắc phục trong lộ trình cải tiến chất lượng đào tạo trong thời gian tới như: nâng cấp hệ thống tra cứu tại các phòng đọc của thư viện tại các cơ sở, tốc độ truy cập mạng còn chậm; tổ chức và thực hiện tốt hơn các loại hình hỗ trợ SV như tư vấn tâm lý; giới thiệu việc làm, hành chính một cửa.

Tiêu chuẩn 10 có 06 tiêu chí, trong đó: 06 tiêu chí đều đạt 6/7 điểm.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống ĐBCL của Nhà trường. Hàng năm, Khoa Cơ khí – ô tô đã thực hiện giám sát việc đạt CĐR, tổ chức thống kê tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, thời gian hoàn thành chương trình, tỷ lệ SV thôi học, lượng SV tốt nghiệp xin được việc làm cũng được cập nhật thông qua sự kết nối chặt chẽ với cựu sinh viên.

Các hoạt động NCKH cho SV được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với CĐR của ngành CNKT Ô tô, các hướng nghiên cứu ưu tiên của Nhà trường được lên kế hoạch hàng năm và khuyến khích thực hiện.

Ngoài ra, Nhà trường cũng chỉ đạo Khoa Cơ khí – ô tô phối hợp cùng phòng KHCN&HTQT, phòng CTSV&TS cũng đã xây dựng hệ thống thu thập và phân tích sự hài lòng của các bên liên quan. Đây là cơ sở quan trọng cho việc cải tiến chương trình, nâng cao chất lượng đào tạo. Chính vì vậy, chất lượng đầu ra của CTĐT ngành CNKT Ô tô ngày càng được đảm bảo.

Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Thực hiện quy chế đào tạo, Phòng Quản lý đào tạo, Phòng công tác sinh viên phối hợp với Khoa Cơ khí – ô tô để theo dõi, cập nhật danh sách và tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp của SV ngành CNKT Ô tô thông qua phần mềm quản lý đào tạo UniSoftMain được phân quyền đến các đơn vị, cá nhân theo quy định của Nhà trường [H5.11.01.01].

Sau khi kết thúc học kỳ, Phòng Quản lý đào tạo, Phòng công tác sinh viên, Khoa sử dụng phần mềm quản lý đào tạo UniSoftMain thống kê danh sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp hàng năm nhanh chóng, thuận lợi [H5.11.01.02]. Dưới đây là bảng tổng hợp thống kê số lượng SV tốt nghiệp, thôi học theo năm học giai đoạn từ 2020 – 2025.

Bảng tổng hợp xét tốt nghiệp, cho thôi học ĐHCQ ngành CNKT Ô tô

Năm học	Số SV cuối khóa xét TN	Sinh viên TN					Số SV không TN			Quy mô SV toàn khoa					Tổng số SV TH	Tỷ lệ TH
		Tổng số	SV TN trước hạn	SV TN đúng hạn	SV TN quá hạn	Tỷ lệ TN	Tổng số	Thôi học	Tỷ lệ KTN	Tổng số SV toàn khoa	Số SV thôi học theo thời gian					
			Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4										
2021-2022	11	10	0	10	1	91	1	0	9	291	56	32	3	2	93	32%
2023-2024	39	43	0	39	4	91	4	0	9	396	26	17	0	0	43	10,9
2024-2025	48	30	0	30	18	62,5	18	0	37,5	457	31	10	0	0	41	8,97

(Nguồn: Số liệu thống kê được tổng hợp từ các minh chứng [H5.11.01.01], [H5.11.01.02])

Bảng tổng hợp tình hình sinh viên thôi học ngành CNKT Ô tô

TT	Khóa học	Số SV nhập học	Số SV thôi học toàn khóa		Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	2018-2022	291	93	32	56	19,2	32	10,9	3	1,03	2	0,69
2	2019 - 2024	396	43	10,9	26	6,6	17	4,3	0	0	0	0
3	2020-2025	457	41	8,97	31	6,9	10	2,2	0	0	0	0
	Trung bình		177	51,87	113	32,7	59	17,4	3	1,03	2	0,69

Phòng công tác sinh viên, Khoa chuyên môn, CVHT căn cứ kết quả học tập của SV theo lớp, theo ngành, theo khoa do Phòng Đào tạo tổng hợp từ phần mềm quản lý đào tạo UniSoftMain đã gặp gỡ, trao đổi trực tiếp để tìm hiểu và làm rõ tình trạng SV bỏ học hoặc có nguy cơ thôi học [H5.11.01.03] từ đó tìm ra những nguyên nhân. Trên cơ sở đó, Khoa đã chủ động phối hợp với các đơn vị chức năng trong trường để đề xuất các biện pháp giảm thiểu tỷ lệ SV thôi học: (i) Phòng công tác SV chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân” vào đầu mỗi khóa học, năm học giúp SV xác định đúng đắn động cơ mục đích học tập, biết tự nhận thức về mình, tự xác định thái độ của bản thân yên tâm đối với ngành nghề đã lựa chọn [H5.11.01.04]. (ii) CVHT hướng dẫn SV cách lập kế hoạch sử dụng thời gian: Phân bổ thời gian học tập và sinh hoạt hợp lý. Việc làm này giúp SV làm chủ được quỹ thời gian, không quên các công việc sẽ phải làm và không bị động trước các nhiệm vụ học tập [H5.11.01.05]. (iii) Biện pháp thứ ba: Đối với SV tham gia làm việc bán thời

gian không hoàn thành kế hoạch học tập theo đúng tiến độ, CVHT tư vấn SV đăng ký học tập vào những nhóm lớp có thời gian biểu phù hợp hoặc lựa chọn những công việc có tính chất linh hoạt, hoặc giảm giờ làm để đáp ứng hài hòa các lợi ích của bản thân [H5.11.01.06].

Khoa đã thực hiện đối sánh/ so chuẩn tỷ lệ SV tốt nghiệp qua các năm, kết quả so chuẩn/ đối sánh được thể hiện trong bảng sau:

Bảng tổng hợp tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ĐHCQ ngành CNKT Ô tô

Năm học	Số SV cuối khóa xét TN	Tổng số SV tốt nghiệp	Tỷ lệ SV tốt nghiệp			
			Tỷ lệ TN	Tỷ lệ TN trước hạn (<4 năm)	Tỷ lệ TN đúng hạn (4 năm)	Tỷ lệ TN quá hạn (>4 năm)
2021-2022	11	10	91%	0	10	1
2023-2024	43	39	90,1	0	39	4
2024-2025	48	30	62,5	0	30	18

(Nguồn: Số liệu thống kê được tổng hợp từ các minh chứng [H5.11.01.02])

Số liệu thống kê cho thấy tỷ lệ SV tốt nghiệp qua các năm, tỷ lệ SV thôi học và không tốt nghiệp đã được cải thiện tuy nhiên do những nguyên chủ quan và khách quan tồn tại trong thời gian này nên số lượng sinh viên thôi học vẫn còn nhiều. Nguyên nhân chủ quản là do một tỷ lệ nhỏ SV đi làm thêm nhiều, chưa theo dõi, bám sát kế hoạch học tập của từng học kỳ để đăng ký học lại, học cải thiện kịp thời, một số sinh viên đi du học hoặc xuất khẩu lao động. Tuy nhiên tỷ lệ này so với SV tốt nghiệp cùng ngành thuộc các khối trường kỹ thuật qua các năm là thấp [H5.11.01.07]. Từ báo cáo của CVHT, Phòng Quản lý đào tạo, Phòng CTSV, Khoa xác định một số nguyên nhân giảm tỷ lệ tốt nghiệp [H5.11.01.08]. Từ đó đề xuất các biện pháp khả thi để hỗ trợ người học tốt nghiệp hiệu quả: (i) Bổ sung chức năng “Xem CTĐT” trên Website Trường, khoa nhằm giúp SV có thể dễ dàng tra cứu, đối sánh CTĐT với kế hoạch học tập từng học kỳ hạn chế SV đăng ký học tập sót, dễ dàng nhận biết những học phần đã học – đạt; những học phần đã học – chưa đạt – thi lại; những học phần đã học – chưa đạt – học lại [H5.11.01.9]; (ii) Phòng Đào tạo căn cứ quy chế tổ chức đào tạo, thông qua “Tuần sinh hoạt công dân”

hướng dẫn SV chủ động lựa chọn các học phần có thể đăng ký học lại, học cải thiện trong các học kỳ phụ của mỗi năm học; Khoa, CVHT hỗ trợ đôn đốc nhắc nhở khi tổ chức họp lớp theo định kỳ và cảnh báo đối với những SV có nguy cơ điểm TBTK không đạt yêu cầu, giúp đỡ sinh viên có điều kiện kinh tế khó khăn, sinh viên có lực học yếu, sinh viên dân tộc thiểu số. Phòng CTSV và Quản lý đào tạo thực hiện chức năng cảnh báo công nợ đối với SV trên phần mềm quản lý đào tạo UniSoftMain theo các quyết định. Khoa Ngoại ngữ phân loại năng lực ngoại ngữ sinh viên, mở các lớp bồi dưỡng tiếng Anh ngay từ học kỳ đầu tiên của khóa học phù hợp với trình độ người học giúp SV yếu có thể cải thiện khả năng học ngoại ngữ theo thời gian, tổ chức ôn luyện trước các kỳ thi lại cho SV chưa đạt điều kiện CDR về ngoại ngữ; (v) Tạo môi trường làm việc thân thiện, thuận lợi đảm bảo kết nối giữa SV với Nhà trường dễ dàng.

2. Điểm mạnh

Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý đào tạo chuyên dụng để quản lý quá trình đào tạo, các đơn vị liên quan có thể kết xuất danh sách SV, thống kê tỷ lệ tốt nghiệp, thời học nhanh chóng, kịp thời làm cơ sở cho việc đề ra các biện pháp hỗ trợ người học tốt nghiệp hiệu quả và cải tiến chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ SV thôi học, không tốt nghiệp chưa khắc phục được do nguyên nhân chủ quan của SV chưa yên tâm đối với ngành nghề đã lựa chọn, đi làm thêm nhiều, chưa theo dõi, bám sát kế hoạch học tập của từng học kỳ để đăng ký học lại, học cải thiện kịp thời. Do vậy, việc tiếp cận sinh viên là gặp nhiều khó khăn dẫn đến việc chán nản trong quá trình học diễn ra.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025 – 2026 Phòng Công tác SV phối hợp với Khoa Cơ khí – ô tô cử những GV có kinh nghiệm làm CVHT, GVCN để có thể đảm bảo tư vấn và hỗ trợ SV ổn định tâm lý, yên tâm đối với ngành học đã lựa chọn; giúp đỡ khó khăn về vật chất và kiến thức; có thể theo dõi, giám sát chặt chẽ tình trạng học tập của SV từ đó đôn đốc nhắc nhở đối với những SV có nguy cơ không tốt nghiệp

đúng hạn thực hiện đăng ký học lại, học cải thiện vào học kỳ phụ góp phần hạn chế tỷ lệ SV thôi học, không tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 6/7

Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Trong quy chế tổ chức hoạt động Trường và quy chế đào tạo đại học theo tín chỉ quy định Phòng quản lý đào tạo, Khoa Cơ khí – ô tô có nhiệm vụ phối hợp quản lý theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên [H11.11.02.01]. Việc theo dõi/thống kê được thực hiện thông qua phần mềm quản lý đào tạo UniSoftMain theo quy trình: Nhà Trường phân quyền trên phần mềm quản lý đào tạo theo từng đối tượng chức năng liên quan. Hàng năm sau khi xét tốt nghiệp, dữ liệu kết quả xét tốt nghiệp được phòng quản lý đào tạo cập nhật lên phần mềm, phòng quản lý đào tạo và các GV được phân quyền trong Khoa Cơ khí – ô tô truy cập lấy dữ liệu thống kê để phục vụ các công tác đào tạo [H11.11.02.02].

Theo quy chế quy định đối với ngành CNKT Ô tô SV được tốt nghiệp khi đã hoàn thành 132 tín chỉ đối với cử nhân và 152 tín chỉ đối với kỹ sư. Thời gian đào tạo trong Trường trung bình là 4 năm đối với cử nhân và 4,5 năm đối với kỹ sư, tối thiểu là 3 năm, tối đa là 6 năm [H5.11.02.03]. Hiện nay Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì chưa có SV hoàn thành chương trình học sớm. Khoa Cơ khí – ô tô đã thực hiện thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình từ năm 2020 đến năm 2025, cụ thể thời gian tốt nghiệp trung bình như sau ([H11.11.02.04], [H11.11.02.05]):

Bảng tỷ lệ tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp trung bình CTĐT ngành CNKT Ô tô

TT	Năm nhập học	Tổng số SV nhập học	Tổng số SV thôi học	Tổng số SV tốt nghiệp		SVTN đúng hạn		SVTN năm 5		SVTN năm 6		Thời gian TN trung bình
				Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
1	2022	94	17	11	91%	10	91%	1	8%			
2	2023	94	26	43	90,1	39	90,1%	4	9,9%			
3	2024	114	10	48	62,5	30	62,5%	18	37,5%			

Số liệu theo bảng trên cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành CNKT Ô tô là 4,6 năm so với số năm thiết kế trong CTĐT là 4,5 năm. Như vậy thời gian tốt nghiệp trung bình gần đúng với thời gian thiết kế CTĐT.

Trên cơ sở các số liệu theo dõi thống kê về thời gian tốt nghiệp trung bình của SV, Phòng CTSV và Khoa Cơ khí – ô tô đã cùng với đội ngũ CVHT đã tổ chức tìm hiểu, phân tích nguyên nhân tốt nghiệp muộn của SV thông qua các cuộc họp thường kỳ [H11.11.02.06] và nhận thấy có một số nguyên nhân. Nguyên nhân chủ quan như: chậm học phí, nợ học phần, nợ các chứng chỉ đầu ra (ngoại ngữ, quốc phòng, thể dục). Nguyên nhân khách quan như: Định hướng nghề nghiệp chưa đúng, đầu vào thấp, chưa thích nghi được với phương pháp học tập ở bậc đại học, thay đổi môi trường sống. Sau khi tìm được nguyên nhân tốt nghiệp muộn hoặc nguy cơ tốt nghiệp muộn đối với từng SV Khoa cùng CVHT đưa ra các biện pháp hỗ trợ gồm: tư vấn phương pháp học tập đúng, chia sẻ các kinh nghiệm thích nghi với điều kiện sống tự lập xa nhà, tư vấn lựa chọn thời điểm thích hợp trả nợ học phần, tư vấn làm thêm để học kỹ năng mềm và cải thiện cuộc sống [H5.11.02.07]. Bên cạnh đó, Nhà Trường mở các lớp học kỳ phụ để SV cải thiện điểm các học phần có kết quả thấp hoặc trả nợ các học phần còn nợ nhằm tăng thêm cơ hội tốt nghiệp đúng thời hạn cho SV [H11.11.02.08]. Tuy nhiên không tránh khỏi một bộ phận SV không được tiếp nhận các thông tin hỗ trợ do không tham gia các buổi họp lớp đặc biệt là nhóm đối tượng SV cá biệt lười học. Vì vậy trong các năm qua vẫn tồn tại một số lượng đáng kể SV không tốt nghiệp và tốt nghiệp muộn.

Sau khi tìm hiểu và phân tích nguyên nhân chậm tốt nghiệp cũng như hỗ trợ để giảm thời gian học cho SV, Khoa Cơ khí – ô tô đã tổ chức họp tổng kết rút kinh nghiệm để đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học để rút ngắn thời gian tốt nghiệp thường được lồng ghép vào các buổi họp khoa giữa kỳ và cuối kỳ. Nghe báo cáo của ban chủ nhiệm khoa và CVHT báo cáo về tình hình học tập của SV trong toàn khoa từ đó đánh giá các biện pháp hỗ trợ SV ở các giai đoạn trước và kịp thời đề ra các biện pháp mới nhờ đó đã góp phần giảm được số lượng SV tốt nghiệp chậm trong khoa [H11.11.02.09].

2. Điểm mạnh

Thời gian tốt nghiệp trung bình gần sát với thời gian thiết kế đào tạo.

Có các biện pháp hỗ trợ để SV tốt nghiệp đúng thời hạn hoặc trước hạn.

3. Điểm tồn tại

Qua các năm đào tạo, chưa có SV tốt nghiệp trước hạn; còn một bộ phận SV tốt nghiệp trên 4 năm do SV chưa hoàn thành các điều kiện CDR. Điều này là do nguyên nhân chủ quan của SV không đăng ký học cải thiện kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025 – 2026, Khoa yêu cầu các CVHT đầu năm học phải thống kê được các đối tượng SV có nguy cơ tốt nghiệp không đúng hạn (SV nợ môn, có nhiều điểm kém, hay trốn học..) để tiến hành hỗ trợ kịp thời. Thông qua việc liên lạc trực tiếp với SV hoặc gia đình để đảm bảo yêu cầu SV phải tham gia các buổi họp lớp do CVHT chủ trì tổ chức các biện pháp hỗ trợ.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Nhà trường giao cho Phòng công tác SV theo dõi và liên hệ với các SV đã tốt nghiệp trong đó có SV ngành CNKT Ô tô [H11.11.03.01]. Khoa Cơ khí – ô tô kết hợp với các phòng ban như Trung tâm tuyển sinh và truyền thông thực hiện các khảo sát việc làm của SV sau khi tốt nghiệp hàng năm [H11.11.03.02]. Việc khảo sát này được thực hiện theo đúng qui trình và các mẫu biểu trong văn bản quy định về việc khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp [H11.11.03.03]. Kết quả khảo sát được thu thập, thông kê, xử lý bởi Trung tâm tuyển sinh và truyền thông với các thông tin bao gồm danh sách người học có việc làm, tỷ lệ SV có việc làm, vị trí việc làm, đơn vị công tác, mức thu nhập bình quân. Các dữ liệu này được lưu trữ bằng bản cứng cũng như được đưa lên trang web của nhà trường [H11.11.03.04], [H11.11.03.05].

Với công cụ là phiếu khảo sát bao gồm 02 phần với 06 câu hỏi, hình thức khảo sát phỏng vấn trực tiếp qua điện thoại, gửi phiếu qua email của SV hoặc

phỏng vấn trực tuyến thông qua trang web của nhà trường. Quá trình khảo sát được thực hiện định kỳ 6 tháng và 12 tháng. Số liệu về tỷ lệ người học có việc làm trong vòng 6 tháng và 12 tháng của các năm học được thống kê và thống kê tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp CTĐT ngành CNKT Ô tô như sau:

Bảng tổng hợp việc làm sau khi tốt nghiệp

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2022	2024	-	-	-
1. Tỷ lệ người học có việc làm	10	52	-	-	-
2. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo	05	47			
Sau 6 tháng	09	40	-	-	-
Sau 12 tháng	01	12	-	-	-
3. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo	05	05	-	-	-

Bảng thống kê tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp CTĐT ngành CNKT Ô tô

Khóa học	Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng						Tiếp tục học tập
	Tỷ lệ SV có việc làm	TL việc làm liên quan CTĐT	Nhà nước	Liên doanh	Tư nhân	Tự tạo việc làm	
2022	10/10	5/5	0	05	05	0	0
2024	52/52	47/52	14	15	20	03	0
Trung bình							

Khoa Cơ khí – ô tô tổ chức thực hiện đối sánh tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm giữa các Khoa trong trường cụ thể như sau:

Bảng tổng hợp kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp sau 12 tháng tại các Khoa trong trường

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tỷ lệ có việc làm (%)				
			2020	2021	2022	2023	2024
1	52340301	Kế toán	90,8	71,6	84,3	86,7	90,1
2	52340101	Quản trị kinh doanh	93,2	70,1	92,7	89,6	82,4
3	52510205	CNKT Ô tô	-	-	100	-	100

Qua thống kê cho thấy tỷ lệ việc làm của SV Khoa Cơ khí – ô tô sau khi tốt nghiệp đạt tỷ lệ cao so với các ngành khác trong Trường. Ngoài đối sánh với các Khoa trong trường, các số liệu thống kê này được sử dụng làm cơ sở để đối sánh với các Trường khác như Đại học Công nghiệp Hà Nội, Đại học Bách khoa Hà Nội với cùng nhóm ngành kỹ thuật [H11.11.03.06].

Bảng thống kê tỷ lệ SV ngành CNKT Ô tô có việc làm năm 2022

STT	Trường	Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 1 năm ra trường
1	ĐH BKHN	98,1%
2	ĐH Công nghiệp Hà Nội	94,3%
3	ĐH Công nghiệp Việt Trì	98%

Qua thống kê đối sánh cho thấy, tỷ lệ SV ngành CNKT Ô tô của Trường ĐHCNVT có việc làm sau khi tốt nghiệp 1 năm tương đương so với SV 02 trường đào tạo khác cùng chuyên ngành.

Với các dữ liệu thu thập, Khoa Cơ khí – ô tô tiến hành tổ chức các buổi họp thảo luận phân tích nguyên nhân sinh viên sau khi tốt nghiệp chưa có việc làm hoặc có việc làm không đúng chuyên ngành [H11.11.03.07]. Qua đó đề xuất các biện pháp khắc phục, các phương án hỗ trợ người học như mời các chuyên gia hỗ trợ kỹ thiết kế Ô tô, kỹ năng mềm, điều chỉnh CTĐT phù hợp với xu thế của xã hội [H1.11.03.08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức giám sát và đối sánh nội bộ giữa các Khoa trong Trường và các trường khác có cùng ngành đào tạo từ đó có thể đưa ra các điều chỉnh cũng như các hỗ trợ kịp thời cho SV ngay trong quá trình học tập.

3. Điểm tồn tại

Việc đối sánh tỷ lệ SV có việc làm trong vòng 12 tháng sau tốt nghiệp với các trường đại học nước ngoài còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025- 2026, Nhà trường và Khoa Cơ khí - Ô tô nghiên cứu tìm hiểu, thu thập thông tin về CTĐT, kết quả đào tạo của một số trường Đại học khác trong nước để so sánh.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 6/7

Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020 – 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó có đề cập đến loại hình NCKH của SV là các đề tài khoá luận/đồ án tốt nghiệp của SV hoặc các đề tài gắn với NCKH của GV; Chiến lược phát triển Nhà trường cũng đã xác định giai đoạn từ 2020 đến 2025 có 56 đề tài NCKH của SV [H1.11.04.01]. Trên cơ sở Chiến lược phát triển của Nhà trường, hàng năm Trường đều xây dựng Kế hoạch hoạt động KHCN để triển khai hoạt động NCKH của SV [H6.11.04.02]. Chiến lược phát triển công nghệ này tương thích với mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn và CDR của CTĐT trong CSGD [H1.11.04.03]. Sau đó, Khoa Cơ khí – ô tô và các Bộ môn trực thuộc Khoa Cơ khí – ô tô sẽ tổ chức giới thiệu các nhiệm vụ, các nhóm và các hướng nghiên cứu cho sinh viên có nguyện vọng NCKH, tổ chức cho sinh viên đăng ký nhiệm vụ KHCN.

Phòng KHCN&HTQT được Nhà trường giao nhiệm vụ theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của SV theo đúng chức năng nhiệm vụ của Phòng được quy định (Quyết định số /QĐ ngày //2024) [H6.11.04.04]. Bên cạnh đó, Khoa Cơ khí – ô tô đã cử 01 đồng chí lãnh đạo khoa phụ trách về NCKH của SV. Việc theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của SV được thực hiện theo Quy định về hoạt động KHCN của Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì [H6.11.04.05]. Theo đó, việc tổ chức thực hiện các đề tài NCKH của SV từ khi đăng ký, xét duyệt, đến nghiệm thu, thanh lý, công nhận kết quả được hướng dẫn và tổ chức triển khai đầy đủ, chi tiết theo đúng quy trình, [H6.11.04.06]. Khoa phối hợp với Phòng KHCN&HTQT theo dõi tiến độ thực hiện của đề tài, tổ chức đánh giá sản phẩm nghiên cứu của người

học thông qua hội đồng đảm bảo tính công khai minh bạch. Kết quả NCKH được lưu trữ tại Khoa/Phòng KHCN&HTQT. Ngoài ra, các báo cáo kết quả nghiên cứu giữa kỳ và thông tin cũng như kết quả buổi nghiệm thu các báo cáo đề tài NCKH SV đều được công bố rộng rãi trên các trang thông tin điện tử của Khoa và Nhà trường [H6.11.04.07]. Đặc biệt, Nhà trường cũng đã đưa ra các hình thức khen thưởng đối với những đề tài đạt kết quả cao, từ đó tăng thêm tinh thần, động lực thúc đẩy NCKH trong SV [H6.11.04.08]. Trong giai đoạn từ 2020 – 2025, đã có 98 SV tham gia NCKH thực hiện 28 đề tài và các hoạt động khác, trong đó đề tài được xếp loại xuất sắc là 03 ; Loại tốt: 24; Loại Khá: 01 [H6.11.04.09]. Dưới đây là bảng hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên CTĐT ngành CNKT Ô tô

Bảng hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên CTĐT ngành CNKT Ô tô

TT	Nội dung	Số lượng sinh viên tham gia/giải thưởng					
		2020	2021	2022	2023	2024	Ghi chú
1	Loại hình hoạt động NCKH và số lượng SV tham gia						
	1.1.Đề tài NCKH SV	12	12	15	21	24	
	1.2.Khởi nghiệp	0	2	02	0	0	
	1.3.Olympic	0	0	0	0	0	
	1.4.Robocon	0	0	0	0	12	
	1.5.Khác	0	0	0	0	0	
2	Tổng số sinh viên tham gia các loại hình	12	12	17	21	36	
3	Tỷ lệ SV tham gia NCKH/Tổng số SV						
4	Kinh phí hoạt động TB/năm						

Khoa Cơ khí – ô tô tiến hành thống kê, đối sánh giữa số lượng các loại hình và hoạt động NCKH của SV ngành CNKT Ô tô của Trường với SV Khoa Cơ khí – ô tô các Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Công nghiệp Hà Nội. Kết

quả cho thấy, số lượng đề tài NCKH của SV Khoa Cơ khí – ô tô Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì tuy có số lượng thấp hơn so với 02 Trường so sánh, nhưng mức độ chất lượng của đề tài NC mà SV thực hiện là tương đồng [H6.11.04.10]. Đặc biệt, kết quả thống kê cũng cho thấy số đề tài NCKH của SV ngành CNKT Ô tô của Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì đã tăng lần lượt theo các năm học 2020/2021, 2021/2022, 2022/2023, 2023/2024.

Hàng năm, Khoa Cơ khí – ô tô đều triển khai nhiệm vụ NCKH của SV theo định hướng ưu tiên xét duyệt và có chính sách hỗ trợ các đề tài có tính mới và có thể ứng dụng trong giảng dạy và học tập, các đề tài có gắn liền với thực tế sản xuất [H6.11.04.11]. Cụ thể, trong năm học 2024-2025, Khoa Cơ khí – ô tô là một trong những Khoa đầu tiên của Trường đã thực hiện chương trình thỏa thuận hợp tác giữa Nhà trường và doanh nghiệp [H11.11.04.12]. Trong chương trình trên, SV sẽ được học tập một số học phần thực tập ngay tại doanh nghiệp và từng bước được đào tạo để có thể đảm nhận được một số công việc cụ thể của một người kỹ sư Ô tô trong doanh nghiệp ngay trong quá trình học tập. Đặc biệt, theo biên bản hợp tác, Khoa đã đề xuất với các doanh nghiệp hỗ trợ và tạo điều kiện để đẩy mạnh phong trào NCKH của SV. Đây là nơi để các SV đam mê NCKH của Khoa Cơ khí – ô tô có thể trao đổi và đưa ra các ý tưởng sáng kiến NCKH mới phù hợp với xu thế phát triển của thời đại.

2. Điểm mạnh

Khoa Cơ khí – ô tô phối hợp với Phòng KHCN&HTQT theo dõi tiến độ thực hiện của đề tài, tổ chức đánh giá sản phẩm nghiên cứu của người học thông qua hội đồng đảm bảo tính công khai minh bạch. Kết quả NCKH của SV được lưu trữ tại Khoa/Phòng KHCN&ĐBCL và được công bố rộng rãi trên các trang thông tin điện tử của Khoa, Nhà trường. Điều này giúp thúc đẩy phong trào NCKH trong SV.

3. Điểm tồn tại

Các Doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động NCKH của GV và SV để tạo ra những sản phẩm ứng dụng được cho doanh nghiệp và nhà trường còn khiêm tốn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026, Phòng KHCN&HTQT cùng với Khoa Cơ khí – ô tô sẽ chủ động lập đề án đề xuất các các Doanh nghiệp đầu tư cho NCKH của SV ngành CNKT với những đề tài phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, có tính khả thi, có thể ứng dụng được trong giảng dạy học tập và sản xuất thực tế tại doanh nghiệp. Phòng KHCN&HTQT cùng với Khoa Cơ khí – ô tô sẽ nỗ lực cố gắng hoàn thành bản đề án này để trình lên Ban giám hiệu Nhà trường phê duyệt.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Khoa Cơ khí – ô tô kết hợp với Phòng CTSV, Phòng KHCN&HTQT, Phòng Quản lý đào tạo liên hệ với cán bộ, GV, nghiên cứu viên, người học, người tốt nghiệp, nhà sử dụng lao động, chuyên gia nhằm tiếp nhận các phản hồi từ các bên liên quan. Quy trình, công cụ, phương pháp, đơn vị, cá nhân triển khai/ tiếp nhận được thể hiện rõ trong văn bản ban hành quy định về công tác ý kiến phản hồi từ các bên liên quan (cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên, người học, người tốt nghiệp, nhà sử dụng lao động....) về chất lượng của CTĐT và chất lượng SV tốt nghiệp. Việc khảo sát này được thực hiện khách quan, tin cậy trong việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan thông qua các hình thức phỏng vấn qua điện thoại, gửi phiếu qua email, phát phiếu trực tiếp hoặc thông qua trang web trực tuyến của nhà trường theo quy trình như sau: tạo mẫu phiếu hỏi; lập kế hoạch khảo sát; gửi phiếu khảo sát; tổng hợp khảo sát; phân tích kết quả khảo sát; đưa ra các kiến nghị, đề xuất về chất lượng CTĐT, chất lượng sinh viên tốt nghiệp để cải tiến chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H11.11.05.01].

Phòng Quản lý chất lượng chịu trách nhiệm giám sát việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan [H11.11.05.02]. (Bằng cách giám sát quy trình và quá trình thực hiện hoặc thu thập thông tin của các bên liên quan và sẽ sử dụng công

cụ liên lạc với các bên để kiểm tra ngẫu nhiên.

Việc triển khai các hoạt động để khảo sát, tiếp nhận ý kiến phản hồi từ các bên liên quan được thực hiện tùy thuộc vào đối tượng cần khảo sát. Khoa Cơ khí – ô tô cùng với các Phòng chức năng đã tiến hành 03 đợt khảo sát trong các năm 2020, 2023 và 2024 với cán bộ, GV, người học, người tốt nghiệp, nhà sử dụng lao động. Sau 3 năm, đã có hơn 200 lượt đối tượng được tiến hành lấy khảo sát. Số lượng các phiếu khảo sát cho mỗi loại đối tượng trong các đợt khảo sát phải tối thiểu là 10, số lượng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong phiếu khảo sát tối thiểu là 30, các đối tượng được thực hiện khảo sát trải đều theo lứa tuổi, theo chức năng nhiệm vụ và mức độ liên quan đến CTĐT của Khoa Cơ khí – ô tô [H1.11.05.03], [H1.11.05.04], [H1.11.05.05]. Tuy nhiên, số lượng các bên liên quan được khảo sát còn hạn chế. Chất lượng phản hồi của các bên liên quan nhiều khi còn mang tính định tính, khó xác định.

Với các kết quả thu được sau khi khảo sát, đánh giá, mức độ hài lòng của các bên liên quan được Khoa Cơ khí – ô tô ghi nhận, giám sát từ đó đưa ra các điều chỉnh phù hợp [H1.11.05.06]. Trên cơ sở đó, Nhà trường sẽ đầu tư kinh phí yêu cầu Khoa Cơ khí – ô tô thực hiện các biện pháp nhằm cải tiến chất lượng như điều chỉnh, bổ sung CTĐT năm 2021, 2023 và 2025 nhằm thay đổi thời lượng cũng như nội dung các môn học phù hợp với yêu cầu thực tế của xã hội [H1.11.05.07]. Đẩy mạnh NCKH, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị các phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ người học và giáo viên. Dữ liệu khảo sát cũng được sử dụng làm cơ sở đối sánh với các khoa chuyên môn tương tự ở các cơ sở giáo dục khác nhằm có thêm thông tin, căn cứ để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH phục vụ cộng đồng [H9.11.05.08].

2. Điểm mạnh

Thông tin phản hồi của các bên liên quan được nhà trường áp dụng và cải tiến chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Chất lượng phản hồi của các bên liên quan nhiều khi còn mang tính định tính, khó xác định.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025-2026 Khoa Cơ khí – ô tô sẽ kết hợp với Phòng CTSV, Phòng quản lý đào tạo tổ chức các buổi gặp gỡ trao đổi và lấy ý kiến của các bên liên quan tối thiểu một năm một lần với số lượng các phiếu khảo sát cho mỗi loại đối tượng trong mỗi đợt khảo sát tối thiểu là 50. Đồng thời phòng Quản lý chất lượng sẽ chịu trách nhiệm điều chỉnh các tiêu chí khảo sát ở các mẫu nhằm đảm bảo tính cập nhật.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 11:

Kết quả đầu ra của SV ngành CNKT Ô tô dựa trên các cơ sở tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp... được đảm bảo trong quá trình thực hiện CTĐT. Qua thống kê, SV ngành CNKT Ô tô có tỷ lệ tốt nghiệp tương đối cao, SV khi tốt nghiệp đã nắm vững các kiến thức nghề nghiệp để có thể tự tin tham gia vào thị trường lao động. Kết quả khảo sát cho thấy các nhà tuyển dụng hài lòng về CTĐT, chất lượng sản phẩm đầu ra là người học tốt nghiệp.

Tuy nhiên, hoạt động đào tạo ĐBCL đầu ra của Khoa Cơ khí – ô tô vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục: chưa đưa ra được những biện pháp hiệu quả giúp SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp; chưa xây dựng được hệ thống thông tin liên lạc hiệu quả với người học đã tốt nghiệp và có việc làm; nhiều loại hình và nội dung đề tài NCKH của SV chưa có tính ứng dụng, tính hiệu quả, hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi chưa đánh giá đầy đủ mức độ hài lòng của các bên liên quan...

Tiêu chuẩn 11 có 05 tiêu chí, trong đó: có 02 tiêu chí đạt 6/7 điểm và 03 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Khoa Cơ khí - Ô tô, trường ĐHCNVТ đã tiến hành công tác tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành CNKT Ô tô một cách nghiêm túc, đúng quy định, đảm bảo kết quả tự đánh giá chính xác, phản ánh đúng thực trạng chất lượng CTĐT của ngành đào tạo.

Thông qua việc tự đánh giá CTĐT ngành CNKT Ô tô, Nhà trường và Khoa đã đúc rút đầy đủ những điểm mạnh và điểm tồn tại trong từng mặt hoạt động, trên cơ sở đó lập kế hoạch hành động, tiếp tục phát huy điểm mạnh, nâng cao hiệu quả những mặt đã làm được, khắc phục và cải tiến những mặt còn hạn chế, tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, hướng đến thực hiện đầy đủ những cam kết đào tạo mà Khoa Cơ khí - Ô tô đã công khai với xã hội.

Cụ thể đúc rút những điểm mạnh và những điểm tồn tại trong công tác tự đánh giá CTĐT ngành CNKT Ô tô như sau:

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT ngành CNKT Ô tô

1.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của ngành CNKT Ô tô được xác định một cách rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHCNVТ, phù hợp với mục tiêu của GDDH quy định tại Luật GDDH; Cụ thể hóa mục tiêu đào tạo của ngành chính là CĐR. CĐR của CTĐT ngành CNKT Ô tô được xác định rõ ràng trong đó chỉ rõ những yêu cầu mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT; Đặc biệt đã được bổ sung rõ ràng các kiến thức, kỹ năng mới và thái độ người học phù hợp với sự phát triển của kinh tế, khoa học kỹ thuật và con người; Mục tiêu, CĐR của CTĐT ngành CNKT Ô tô được lấy ý kiến phản hồi và định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai bằng nhiều hình thức và phương tiện khác nhau.

1.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần của ngành CNKT Ô tô đầy đủ thông tin, cập nhật theo quy định, được rà soát và điều chỉnh để phù hợp với CTĐT, CĐR và được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Bản mô tả CTĐT giúp cho người học, nhà tuyển dụng, GV, cựu người học hiểu về CTĐT của ngành cũng như sự đóng góp của các học phần vào CĐR thông qua ma trận tích hợp CĐR của các học phần trong CTĐT.

1.3. Cấu trúc và nội dung CTDH

CTDH được thiết kế dựa trên CĐR với PPGD và đánh giá người học góp phần hỗ trợ cho việc đạt được CĐR. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR của ngành CNKT Ô tô là rõ ràng, mỗi học phần đảm bảo cung cấp một lượng kiến thức nhất định cho người học. CTDH ngành CNKT Ô tô có cấu trúc rõ ràng, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp, cấu trúc CTDH đảm bảo tỷ lệ cân đối giữa khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên môn ngành và khối kiến thức chuyên ngành. Tỷ lệ kiến thức lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành thí nghiệm được thiết kế cân đối, hợp lý, logic và chặt chẽ trong từng học phần.

1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mục tiêu giáo dục của ngành CNKT Ô tô là rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Các hoạt động dạy và học của ngành CNKT Ô tô được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR. PPGD đảm bảo tích hợp được việc giảng dạy các kỹ năng cá nhân, kỹ năng cộng đồng, hình thành thái độ vào việc dạy các kiến thức khoa học kỹ thuật. Việc xác định các tài nguyên, công cụ cần thiết cho các PPGD cũng được quan tâm nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng tư duy, thuyết trình, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Các quy định về đánh giá KQHT của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phân hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học qua website, sổ tay người học... và người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT. Phương pháp đánh giá KQHT là đa dạng, đảm bảo được độ giá trị, độ tin cậy và công bằng và kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học chủ động có kế hoạch cải thiện việc học tập.

1.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Đội ngũ GV ngành CNKT Ô tô ngày càng tăng về số lượng, trẻ hóa về tuổi đời, năng động, sáng tạo, có trình độ ngoại ngữ, tin học tốt, thường xuyên được Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, hỗ trợ về tài chính để bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Đội ngũ này được tuyển dụng theo các tiêu chí rõ ràng, công khai và được bổ nhiệm đúng quy trình, có phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn tốt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của vị trí công tác được phân công. Đây là một lực lượng hùng hậu đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo, NCKH, thể hiện ở tỷ lệ người học/GV đáp ứng tỷ lệ quy định của Bộ GD&ĐT và khối lượng công việc mà mỗi một GV đảm nhận hàng năm.

1.7. Đội ngũ nhân viên (cán bộ hỗ trợ)

Chất lượng của đội ngũ cán bộ hỗ trợ (làm việc tại trung tâm thông tin thư viện, các phòng thí nghiệm, trung tâm CNTT, cán bộ văn phòng Khoa Cơ khí - Ô tô và các dịch vụ hỗ trợ khác) đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng và được tuyển dụng theo quy định của Nhà trường theo các tiêu chí tuyển dụng được phổ biến công khai. Đội ngũ cán bộ hỗ trợ này thường xuyên được Nhà trường, đơn vị quản lý tạo điều kiện để đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nhằm ĐBCL của các hoạt động dịch vụ hỗ trợ.

1.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh đào tạo đại học ngành CNKT Ô tô đáp ứng nhu cầu thực tế. Các thông tin về kế hoạch tuyển sinh của ngành CNKT Ô tô và các hướng chuyên sâu được công bố công khai và được cập nhật. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

Hội nghị NCKH SV của Khoa, Nhà trường được tổ chức hàng năm giúp SV làm quen với hoạt động NCKH. Không ít các đề tài NCKH SV đạt giải cấp Khoa, cấp Trường. Bên cạnh đó, công tác CVHT, thực tập giúp SV học tập tốt hơn, học hỏi kinh nghiệm và rèn luyện kỹ năng thực tế.

Các CLB SV và hoạt động ngoại khóa của SV ngành CNKT Ô tô được duy trì theo kế hoạch của Khoa Cơ khí - Ô tô và Nhà trường giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của SV. Sinh viên tốt nghiệp ngành CNKT Ô tô có khả năng đáp ứng nhu cầu thực tế.

1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Hệ thống cơ sở vật chất, các trang thiết bị máy móc tại các xưởng thực hành được trang bị cơ bản đầy đủ, hiện đại. Phòng làm việc của Khoa Cơ khí - Ô tô, phòng học và các phòng chức năng có liên quan được hỗ trợ đầy đủ các thiết bị phục vụ cho GV làm việc, NCKH, hướng dẫn SV thực hành và cập nhật thông tin đào tạo cho SV. Cán bộ, GV, SV của Khoa được học tập và làm việc trong môi trường an toàn, xanh - sạch - đẹp.

1.10. Nâng cao chất lượng

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập có tính hệ thống. Thông qua các ý kiến đóng góp xây dựng của các bên liên quan làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH ngành CNKT Ô tô. Quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR của ngành CNKT Ô tô. Các kết quả NCKH mang tính ứng dụng được áp dụng cho việc cải tiến hoạt động dạy và học.

1.11. Kết quả đầu ra

Căn cứ quy chế đào tạo của Nhà trường, tỉ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV ngành CNKT Ô tô được thống kê trong báo cáo công tác đào tạo năm học của Khoa Cơ khí - Ô tô giúp cho công tác giám sát hoạt động đào tạo và cải tiến chất lượng đào tạo của ngành CNKT Ô tô có hiệu quả. Ngành CNKT Ô tô có tỷ lệ SV tốt nghiệp ra trường đúng thời gian cao và đa phần SV đi làm ngay khi ra trường ở những đơn vị đúng chuyên ngành được đào tạo. Mức độ hài lòng của người tuyển dụng, của người học, cựu SV, GV được thống kê hàng năm nhằm giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT ngành CNKT Ô tô.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo ngành CNKT Ô tô

2.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu về thái độ học tập của SV ngành CNKT Ô tô trước khi học và thái độ nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp chưa được thể hiện nhiều trong các ý kiến lấy khảo sát và trong mô tả mục tiêu của CTĐT ngành CNKT Ô tô.

Việc thực hiện tổ chức lấy dữ liệu đối sánh để đánh giá mức độ đạt CĐR ngành CNKT Ô tô đối với các cơ sở đào tạo quốc tế và khảo sát ý kiến với các doanh nghiệp có vốn nước ngoài (FDI) còn chưa nhiều, đa dạng.

2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần của ngành CNKT Ô tô mới chỉ được triển khai ở khu vực miền Bắc, chưa được giới thiệu rộng rãi tới tất cả các đối tượng học sinh THPT trong cả nước.

Việc tham khảo, đối sánh với đề cương của một số trường đại học uy tín quốc tế còn khó khăn.

2.3. Cấu trúc và nội dung CTDH

Việc lấy ý kiến góp ý về CTDH từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, việc tham khảo, đối sánh CTDH với các trường quốc tế chưa được thực hiện nhiều.

2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Việc giới thiệu, phổ biến mục tiêu giáo dục của Nhà trường tới các doanh nghiệp sử dụng lao động còn chưa được rộng khắp và có chiều sâu;

Còn một số SV chưa chủ động tiếp thu kiến thức nhằm đạt CĐR.

Các đề tài NCKH thúc đẩy hoạt động dạy và học vẫn còn khiêm tốn.

2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Việc công bố công khai quy trình/kế hoạch/phương pháp đánh giá người học cho các bên liên quan (doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp) còn chưa đa dạng.

Một số qui trình trong các văn bản, qui chế, qui định Nhà trường mới ban hành chưa được chỉ mục hóa và niêm yết riêng nên việc tìm kiếm chưa được nhanh chóng, tối ưu.

Thông báo quy định phản hồi kết quả học tập cho CVHT để truyền đạt tới SV đôi khi còn chậm so với các hình thức khác.

2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Số lượng giảng viên làm NCKH vẫn tập trung ở một số đối tượng. Số lượng các bài báo đăng trên tạp chí, kỷ yếu hội nghị chuyên ngành trong nước và ngoài nước còn hạn chế và chưa đang dạng lĩnh vực nghiên cứu.

Một tỷ lệ nhỏ GV chưa thực sự quan tâm để đóng góp ý kiến xây dựng văn bản liên quan đến các tiêu chí tuyển dụng và đánh giá GV. Một số chưa hoàn thành NCKH hay các nhiệm vụ học tập trong kế hoạch đào tạo dài hạn do sức khỏe hoặc do điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, ốm đau, bệnh tật. Tỷ lệ số GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chưa cao.

2.7. Đội ngũ nhân viên (cán bộ hỗ trợ)

Tỷ lệ hài lòng của SV Khoa Cơ khí - Ô tô đối với sự hỗ trợ của các nhân viên hỗ trợ chưa cao.

Một số vị trí việc làm của nhân viên chưa được điều chỉnh, bổ sung kịp thời về năng lực, kỹ năng làm việc để đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc, nâng cao hiệu quả công tác của các khoa, phòng ban và nhà trường.

Vẫn còn một số nhân viên tham gia học tập dài hạn chưa thực hiện theo đúng tiến độ đăng ký do hoàn cảnh gia đình khó khăn về vật chất, chưa thể tiếp tục theo học.

Một tỷ lệ nhỏ nhân viên (5,5%) chưa thực sự tích cực tham gia vào quá trình đóng góp ý kiến xây dựng các văn bản quy định các tiêu chí, quy trình đánh giá năng lực của nhân viên.

2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Các thông tin về ngành CNKT Ô tô chưa được cung cấp phong phú và hấp dẫn thí sinh, chưa thu hút được nhiều thí sinh có kết quả học tập tốt từ các trường THPT vào học nên chất lượng đầu vào của ngành CNKT Ô tô chưa cao dẫn đến khó khăn trong công tác dạy và học.

Khâu giám sát sự tiến bộ, hỗ trợ SV trong quá trình học tập thông qua CVHT chưa phát huy hiệu quả.

Việc mở rộng lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị sử dụng lao động cho đề án tuyển sinh hàng năm còn hạn chế.

2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Diện tích các sân bãi & phòng tập để rèn luyện sức khỏe ở cơ sở Việt Trì còn hạn hẹp để phục vụ các phong trào, hoạt động thể dục thể thao.

Tài liệu bổ sung đối với ngành CNKT Ô tô chưa nhiều, từ năm 2020 đến nay thư viện mới bổ sung thêm 20 đầu giáo trình do giảng viên của khoa viết.

Xưởng thực hành vẫn còn sử dụng một số máy móc & trang thiết bị cũ để phục vụ quá trình đào tạo.

2.10. Nâng cao chất lượng

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan như GV, SV, cựu người học và doanh nghiệp còn chưa bài bản và hệ thống. Số lượng các bên liên quan được khảo sát còn hạn chế với các doanh nghiệp FDI. Chất lượng phản hồi của các bên liên quan nhiều khi còn mang tính định tính, khó xác định.

Chủ nhiệm các đề tài cấp NCKH chỉ tập trung ở một số GV của khoa, nhiều GV của khoa chưa chủ trì đề tài NCKH.

Một bộ phận SV ngành CNKT Ô tô chưa nhận thức đầy đủ về quyền lợi và trách nhiệm của việc tham gia đóng góp ý kiến để nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo của Nhà trường.

2.11. Kết quả đầu ra

Trong quá trình đào tạo vẫn chưa có SV tốt nghiệp trước hạn; còn một bộ phận SV tốt nghiệp trên 4,5 năm do SV chưa hoàn thành các điều kiện CĐR.

Còn một số ít SV ngành CNKT Ô tô sau khi ra trường chưa tìm được việc làm hoặc làm những công việc trái với chuyên môn đào tạo. Điều đó cho thấy rằng cần phải giám sát, thảo luận để có biện pháp hỗ trợ SV trong quá trình học.

Các Doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động NCKH của GV và SV để tạo ra những sản phẩm ứng dụng được doanh nghiệp và nhà trường còn khiêm tốn.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT

Để khắc phục những tồn tại trên, Khoa Cơ khí - Ô tô và nhà trường đã có kế hoạch từ năm học 2025 - 2026 trở đi như sau:

3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Trong thời gian tới, Khoa Cơ khí - Ô tô sẽ tổ chức hội thảo chuyên đề về mục tiêu đào tạo ngành CNKT Ô tô có sự tham gia của các doanh nghiệp FDI và hiệp hội nghề nghiệp, trong đó sẽ có nội dung thảo luận lấy ý kiến đóng góp về thái độ của người học trước và sau khi tốt nghiệp để làm cơ sở điều chỉnh mục tiêu đào tạo trong lần điều chỉnh tiếp theo. Đồng thời, Khoa Cơ khí - Ô tô sẽ phối hợp với Phòng CTSV, Phòng QLCL, Phòng KHCN và hợp tác quốc tế, Đoàn thanh niên để bổ sung một số câu hỏi vào phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá về mức độ đạt CĐR của người học tốt nghiệp làm dữ liệu thực hiện đối sánh giữa các khóa tốt nghiệp trong chu kỳ 5 năm, từ đó làm cơ sở điều chỉnh CĐR đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. Khoa Cơ khí - Ô tô sẽ phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo xây dựng kế hoạch chi tiết phổ biến rộng rãi CĐR của CTĐT bằng nhiều hình thức và có lộ trình cụ thể như: gửi Email đến các sinh viên, cán bộ giảng viên, các đơn vị liên quan trong Trường; đăng công khai trên Website Nhà Trường, trên các phương tiện thông tin đại chúng, các báo in, báo điện tử...

3.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Bắt đầu từ học kỳ 1 năm học 2025-2026, Khoa Cơ khí - Ô tô cùng với Phòng Quản lý đào tạo, phòng QLCL sẽ xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh bản mô tả CTĐT thông qua việc tổ chức khảo sát các bên liên quan (SV đang học, SV năm cuối, cựu SV, nhà sử dụng lao động, tổ chức XH nghề nghiệp, chuyên gia, giảng viên, CBQL) về bản mô tả CTĐT đã xây dựng. Ngoài ra, Khoa Cơ khí - Ô tô sẽ kết hợp với Phòng CTSV, Trung tâm TS & TT đẩy mạnh hoạt động giới thiệu ngành nghề, công bố rộng rãi bản mô tả CTĐT, ĐCCT các học phần tới các trường THPT trong cả nước, đặc biệt cho các đối tượng học sinh ở miền Trung và miền Nam, bằng cách gửi thông tin các bản mô tả tới các Sở GD&ĐT, các trường THPT ở miền Trung, miền Nam và tổ chức các buổi giới thiệu thông tin tuyển sinh ở khu vực này.

3.3. Cấu trúc và nội dung CTDH

Từ năm 2026, Khoa Cơ khí - Ô tô sẽ phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo tổ chức Seminar về phương pháp đánh giá người học của các học phần, từ đó tổng hợp, phân tích đưa ra được phương pháp đánh giá người học hiệu quả hơn cho các học phần, làm cơ sở áp dụng trong học kỳ II năm học 2025-2026. Đồng thời, Khoa Cơ khí - Ô tô sẽ tiếp tục triển khai kế hoạch xin ý kiến góp ý của các bên liên quan, đặc biệt đối với nhà tuyển dụng, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội nghề nghiệp về nội dung các học phần, làm cơ sở để xây dựng điều chỉnh nội dung chương trình các học phần đáp ứng CDR của CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô. Ngoài ra, đến năm 2027 (trước đợt điều chỉnh CTDH tiếp theo), Khoa Cơ khí - Ô tô sẽ phối hợp với phòng QLCL, phòng CTSV bổ sung thêm danh sách các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các công ty Ô tô liên doanh, có vốn nước ngoài cần lấy ý kiến, đề xuất nội dung, kế hoạch khảo sát cụ thể để triển khai hiệu quả.

3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Bắt đầu từ học kỳ 1 năm học 2025-2026, Khoa Cơ khí - Ô tô cùng với Phòng CTSV thực hiện xây dựng các phiếu khảo sát và danh mục các doanh nghiệp sử dụng lao động có liên hệ với Khoa Cơ khí - Ô tô nhằm giúp việc khảo sát lấy ý kiến của đối tượng doanh nghiệp về mục tiêu giáo dục của Trường, Khoa được rộng khắp và có chiều sâu. Đồng thời, Khoa Cơ khí - Ô tô sẽ tổ chức đôn đốc, giám sát GV giảng dạy tăng cường hướng dẫn SV tự nghiên cứu tài liệu, viết báo cáo, thuyết trình trước lớp, rèn luyện tay nghề nhằm giúp SV chủ động tiếp thu kiến thức, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp để hướng tới đạt CDR một cách hiệu quả. Ngoài ra, Khoa Cơ khí - Ô tô và các bộ môn sẽ tiếp tục thực hiện tổ chức các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học cho các học phần chuyên ngành có kết quả học tập chưa cao, đề xuất biện pháp phát huy hoạt động dạy gắn với doanh nghiệp nhiều hơn nữa.

3.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Bắt đầu từ học kỳ 1 năm học 2025-2026, Khoa Cơ khí - Ô tô sẽ lập kế hoạch tổ chức 01 hội thảo bàn về nâng cao hiệu quả sử dụng phương pháp giảng dạy và

đánh giá kết quả học tập của người học, thông qua đó công bố rộng rãi các nội dung về phương pháp đánh giá kết quả học tập tới các bên liên quan. Đồng thời, Khoa Cơ khí - Ô tô sẽ phối hợp với phòng Quản lý đào tạo rà soát lại các qui trình liên quan đến kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, của người học; xây dựng bảng chỉ mục cho các qui trình, công bố trên website nhà trường để sinh viên tiện tra cứu. Ngoài ra, Khoa Cơ khí - Ô tô sẽ rà soát toàn bộ ngân hàng đề thi, bổ sung thêm số lượng câu hỏi trong ngân hàng đề thi cho phù hợp với thời lượng từng chương của học phần. Bên cạnh đó, Khoa Cơ khí - Ô tô sẽ phối hợp với Phòng CTSV quản lý, giám sát chặt chẽ việc thông báo các quy định phản hồi kết quả học tập tới CVHT và SV đảm bảo nhanh chóng, đúng thời hạn.

3.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Trong năm học 2025-2026, Phòng TCHC phối hợp với các khoa và các đơn vị chức năng liên quan đề xuất BGH có kế hoạch rà soát, bổ sung, xây dựng cơ chế chính sách và các chế độ ưu đãi để thu hút đội ngũ giảng viên có trình độ cao về Trường công tác; Khoa Cơ khí - Ô tô cùng các phòng ban chức năng đề xuất với Nhà trường có kế hoạch cải tiến quy định đánh giá chất lượng đội ngũ và xây dựng các tiêu chí đo lường chỉ số chất lượng công việc đối với đội ngũ cán bộ, viên chức làm cơ sở đánh giá và cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; phòng TCHC phối hợp với các khoa, các đơn vị liên quan nghiên cứu xây dựng, đề xuất Nhà trường xây dựng chế độ đãi ngộ để thu hút các ứng viên có trình độ cao về Nhà trường và khoa giảng dạy. Đồng thời rà soát, bổ sung, xây dựng chính sách để khuyến khích các giảng viên trong khoa học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ; tăng cường liên kết với doanh nghiệp để công tác nghiên cứu khoa học ứng vào thực tế; Khoa đề xuất với Nhà trường có những chính sách hỗ trợ về thời gian cho các GV đang đi học tập dài hạn nâng cao trình độ. Đồng thời, Công đoàn Khoa Cơ khí - Ô tô thảo luận lập kế hoạch đề xuất Công đoàn trường có kế hoạch để hỗ trợ về kinh phí cho các GV gặp khó khăn đặc biệt khi đi học tập dài hạn nâng cao trình độ; Nhà trường cải tiến quy định đánh giá chất lượng đội ngũ, xây dựng tiêu chí đo lường chỉ số chất lượng công việc đối với đội ngũ cán bộ, viên chức.

3.7. Đội ngũ nhân viên (cán bộ hỗ trợ)

Phòng TCHC phối hợp với các khoa và các đơn vị liên quan lập kế hoạch đề xuất Hiệu trưởng xem xét phê duyệt một số cán bộ hỗ trợ, quản lý các phòng thí nghiệm, thực hành chuyên trách không làm công tác kiêm nhiệm; phòng TCHC phối hợp với các khoa, phòng ban tổ chức việc rà soát các yêu cầu, tiêu chuẩn, năng lực từng vị trí việc làm của nhân viên, hoàn thành việc chỉnh sửa đề án vị trí việc làm căn cứ cho việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên, đáp ứng tốt nhu cầu của khoa, phòng ban và định hướng phát triển của Nhà trường; phòng TCHC phối hợp với các khoa, phòng ban chức năng lập kế hoạch đề xuất Nhà trường tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng như: Kỹ năng cố vấn học tập, GVCN cho SV, nghiệp vụ văn phòng cho cán bộ khoa đảm nhận các công việc hỗ trợ cho SV; Công đoàn Trường phối hợp với các tổ Công đoàn của các đơn vị lập kế hoạch tìm hiểu hoàn cảnh gia đình của các nhân viên nhằm để đưa ra các chính sách động viên, khích lệ và hỗ trợ cả về tinh thần và vật chất kịp thời nhằm giúp các nhân viên vượt qua khó khăn, chủ động trong học tập dài hạn, hoàn thành theo đúng tiến độ đã đăng ký; Ban lãnh đạo Khoa Cơ khí - Ô tô, Công đoàn Khoa Cơ khí - Ô tô phối hợp cùng các đơn vị tuyên truyền vận động các nhân viên kỹ thuật viên nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc tham gia vào quá trình đóng góp ý kiến xây dựng các văn bản quy định các tiêu chí, quy trình đánh giá năng lực của nhân viên

3.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Trung tâm TS&TT phối hợp với các khoa và các đơn vị liên quan lập kế hoạch, đề xuất Nhà trường xem xét các giải pháp cải tiến phương thức truyền thông, bổ sung các thông tin về ngành nghề đào tạo nhằm thu hút thí sinh đăng ký tuyển sinh; Khoa phối hợp với Trung tâm TS&TT có kế hoạch bổ sung thêm các bài viết, hình ảnh hoạt động của Khoa, các tổ chức đoàn thể, các CLB học thuật trên trang Web của Nhà Trường, của khoa, trang mạng xã hội của khoa. Đồng thời sẽ thực hiện một Video clip giới thiệu về các ngành đào tạo, các kết quả NCKH và cơ hội việc làm của SV sau khi tốt nghiệp,... để quảng bá rộng rãi đến các em học sinh THPT trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và các tỉnh lân cận thuộc khu vực Tây Bắc, đồng bằng Bắc Bộ, Trung Bộ,...; Khoa Cơ khí - Ô tô có kế hoạch chỉ đạo đội ngũ

GVCN và CVHT giám sát chặt chẽ việc cung cấp thông tin đầy đủ chính xác đến gia đình của sinh viên; Khi tổ chức các cuộc thi, Khoa Cơ khí - Ô tô cùng với Phòng ban lập kế hoạch đề xuất Nhà trường mời sự tham gia của các trường bạn cùng khối ngành đào tạo, để nâng cao khả năng giao lưu học hỏi của sinh viên; Khoa Cơ khí - Ô tô sẽ đề nghị Nhà trường thành lập thêm một số câu lạc bộ về học thuật cho sinh viên, phong phú về nội dung để thu hút đông đảo sinh viên tham gia.

3.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Trong thời gian tới, Nhà trường đầu tư kinh phí để cải tạo một số phòng và xây dựng, mở rộng mặt bằng tại cơ sở Việt Trì. Bổ sung nguồn tài liệu đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành đào tạo ngành CNKT Ô tô, thực hiện phân luồng đăng kí học trực tuyến hợp lí theo khóa để giảm sự cố nghẽn mạng, bổ sung thêm đường truyền dung lượng cao dành riêng cho phát sóng Wifi, tiếp tục yêu cầu nhà cung cấp phần mềm hoàn thiện phần mềm quản lí Nhà trường, Trong năm học 2025-2026, Nhà trường lên kế hoạch đầu tư, xây dựng, sửa chữa các phòng học tại cơ sở Việt Trì để cơ sở vật chất được khang trang, sạch đẹp hơn.

3.10. Nâng cao chất lượng

Trong năm học 2025-2026, Phòng QLCL cùng với Khoa Cơ khí - Ô tô xây dựng kế hoạch triển khai lấy ý kiến phản hồi hàng năm, chỉnh sửa lại phiếu khảo sát đối với nhà tuyển dụng, chuyên gia giáo dục, hội nghề nghiệp về mục tiêu, CDR, CTĐT, chất lượng đào tạo của ngành QTKD; đề xuất với Nhà trường để nâng cấp phần mềm quản lý thư viện, nâng cấp hệ thống mạng wifi đảm bảo nâng cao chất lượng truy cập nhằm đáp ứng được nhu cầu truy cập của SV, mở rộng các website, các trang fanpage, thành lập hội cựu SV theo từng khoá đào tạo để nâng cao hiệu quả công tác lấy ý kiến phản hồi của các cựu SV, lập kế hoạch khảo sát các bên liên quan rộng rãi hơn của các khu khực trong nước để có nhiều ý kiến về thiết kế và phát triển CTDH phù hợp với thực tế.

Bên cạnh đó khoa sẽ xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp với đối tượng SV nhằm nâng cao KQHT của SV, bổ sung các chính sách hỗ trợ để khuyến khích SV tham gia NCKH, Khi xét duyệt đề tài

NCKH của SV, Khoa chuyên môn sẽ ưu tiên các đề tài có nội dung liên quan đến cải tiến hoạt động dạy và học. Mặt khác, Khoa Cơ khí - Ô tô sẽ triển khai việc đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền về quyền lợi và trách nhiệm của người học khi tham gia đóng góp ý kiến để nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo.

3.11. Kết quả đầu ra

Từ năm học 2025 – 2026, Phòng CTSV là đơn vị quản lý phối hợp với Khoa cử những giảng viên có kinh nghiệm quản lý, thâm niên công tác làm CVHT để có thể đảm bảo tư vấn và hỗ trợ SV ổn định tâm lý, yên tâm đối với ngành học đã lựa chọn; có thể theo dõi, giám sát chặt chẽ tình trạng học tập của SV từ đó đôn đốc nhắc nhở đối với những SV có nguy cơ không tốt nghiệp đúng hạn thực hiện đăng ký học lại, học cải thiện vào học kỳ phụ góp phần hạn chế tỷ lệ SV thôi học, không tốt nghiệp. Ngoài ra, bắt đầu từ năm học 2025-2026, Khoa sẽ yêu cầu các CVHT đầu năm học phải thống kê được các đối tượng sinh viên có nguy cơ tốt nghiệp không đúng hạn (sinh viên nợ môn, có nhiều điểm kém, hay trốn học..) để tiến hành hỗ trợ kịp thời. Thông qua việc liên lạc trực tiếp với sinh viên hoặc gia đình để đảm bảo yêu cầu sinh viên phải tham gia các buổi họp lớp do CVHT chủ trì tổ chức các biện pháp hỗ trợ. Bên cạnh đó, Khoa Cơ khí - Ô tô và Nhà trường sẽ tiếp tục duy trì việc khảo sát tình trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp cũng như thu thập thông tin từ các bên liên quan nhằm cải tiến chất lượng đào tạo. Từ các thông tin thu thập tiến hành đổi mới CTĐT, tăng cường thời gian thực hành, thực tập, rèn luyện kỹ năng mềm cho SV nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội. Đặc biệt, đến năm 2025-2026, Nhà trường và Khoa Cơ khí - Ô tô sẽ chủ động lập đề án đề xuất các các Doanh nghiệp đầu tư cho NCKH của sinh viên, GV với những đề tài phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, có tính khả thi, có thể ứng dụng được trong giảng dạy học tập và sản xuất thực tế tại doanh nghiệp. Mặt khác, để nâng cao và cải tiến chất lượng đào tạo, Nhà trường, Khoa Cơ khí - Ô tô cùng các phòng ban sẽ tổ chức các buổi gặp gỡ trao đổi lấy ý kiến của các bên liên quan một cách thường xuyên hơn, với số lượng phiếu nhiều hơn và điều chỉnh các tiêu chí khảo sát ở các mẫu nhằm đảm bảo tính cập nhật.

4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT

Phụ lục 6a: Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

(Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT)

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì

Mã:VUI

Tên CTĐT: Công nghệ Kỹ thuật Ô tô

Mã CTĐT:7510205

Tiêu chuẩn tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chuẩn 1								5.00	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2								5.00	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								5.00	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4								6.00	3	100
Tiêu chí 4.1						6				
Tiêu chí 4.2						6				
Tiêu chí 4.3						6				
Tiêu chuẩn 5								6.00	5	100
Tiêu chí 5.1						6				
Tiêu chí 5.2						6				
Tiêu chí 5.3						6				

Tiêu chí 5.4					6					
Tiêu chí 5.5					6					
Tiêu chuẩn 6										
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
Tiêu chuẩn 7										
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu chuẩn 8										
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5						6				
Tiêu chuẩn 9										
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3						6				
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5						6				
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1						6				
Tiêu chí 10.2						6				
Tiêu chí 10.3						6				
Tiêu chí 10.4						6				

Tiêu chí 10.5						6				
Tiêu chí 10.6						6				
Tiêu chuẩn 11										
Tiêu chí 11.1						6				
Tiêu chí 11.2						5				
Tiêu chí 11.3						6				
Tiêu chí 11.4						5				
Tiêu chí 11.5						5				
Đánh giá chung về CTĐT								5.38	50	100

Ghi chú: Ghi bằng số nguyên mức đánh giá cho từng tiêu chí. Mức đánh giá chung của tiêu chuẩn và CTĐT là trung bình mức đánh giá của các tiêu chí, tính đến 2 số thập phân sau dấu phẩy.

Phú Thọ, ngày 12 tháng 5 năm 2025



Vũ Đức Bình

Phụ lục 6b: Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo
(Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT)

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì

Mã: VUI

Tên CTĐT: Công nghệ Kỹ thuật Ô tô

Mã CTĐT:7510205

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn	
	Đạt	Chưa đạt	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1			3	100
Tiêu chí 1.1	Đ			
Tiêu chí 1.2	Đ			
Tiêu chí 1.3	Đ			
Tiêu chuẩn 2			3	100
Tiêu chí 2.1	Đ			
Tiêu chí 2.2	Đ			
Tiêu chí 2.3	Đ			
Tiêu chuẩn 3			3	100
Tiêu chí 3.1	Đ			
Tiêu chí 3.2	Đ			
Tiêu chí 3.3	Đ			
Tiêu chuẩn 4			3	100
Tiêu chí 4.1	Đ			
Tiêu chí 4.2	Đ			
Tiêu chí 4.3	Đ			
Tiêu chuẩn 5			5	100
Tiêu chí 5.1	Đ			
Tiêu chí 5.2	Đ			
Tiêu chí 5.3	Đ			
Tiêu chí 5.4	Đ			
Tiêu chí 5.5	Đ			
Tiêu chuẩn 6			7	100

Tiêu chí 6.1	Đ			
Tiêu chí 6.2	Đ			
Tiêu chí 6.3	Đ			
Tiêu chí 6.4	Đ			
Tiêu chí 6.5	Đ			
Tiêu chí 6.6	Đ			
Tiêu chí 6.7	Đ			
Tiêu chuẩn 7			5	100
Tiêu chí 7.1	Đ			
Tiêu chí 7.2	Đ			
Tiêu chí 7.3	Đ			
Tiêu chí 7.4	Đ			
Tiêu chí 7.5	Đ			
Tiêu chuẩn 8			5	100
Tiêu chí 8.1	Đ			
Tiêu chí 8.2	Đ			
Tiêu chí 8.3	Đ			
Tiêu chí 8.4	Đ			
Tiêu chí 8.5	Đ			
Tiêu chuẩn 9			5	100
Tiêu chí 9.1	Đ			
Tiêu chí 9.2	Đ			
Tiêu chí 9.3	Đ			
Tiêu chí 9.4	Đ			
Tiêu chí 9.5	Đ			
Tiêu chuẩn 10			6	100
Tiêu chí 10.1	Đ			
Tiêu chí 10.2	Đ			
Tiêu chí 10.3	Đ			
Tiêu chí 10.4	Đ			
Tiêu chí 10.5	Đ			
Tiêu chí 10.6	Đ			
Tiêu chuẩn 11			5	100

Tiêu chí 11.1	Đ			
Tiêu chí 11.2	Đ			
Tiêu chí 11.3	Đ			
Tiêu chí 11.4	Đ			
Tiêu chí 11.5	Đ			
Đánh giá chung CTĐT			50	100

Ghi chú:

- Ghi mức đánh giá: Đ: Đạt; C: Chưa đạt;
- Tỷ lệ số tiêu chí đạt tính đến 2 số thập phân sau dấu phẩy.

Phủ Thọ, ngày 12 tháng 5 năm 2025



Vũ Đức Bình

PHẦN IV: PHỤ LỤC

Phụ lục 7. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 28/4/2025

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì.

Tiếng Anh: Viet Tri University of Industry.

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: CNVT.

Tiếng Anh: VUI

3. Tên trước đây:

- Trường Kỹ thuật Trung cấp II (1956)

- Trường Trung học Hóa chất (1961)

- Trường Cao đẳng Hoá chất (Quyết định số 47/QĐ-TTg ngày 24/01/1997)

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Công thương.

5. Địa chỉ:

Cơ sở Lâm Thao: xã Tiên Kiên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Cơ sở Việt Trì: Số 9, đường Tiên Sơn, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

6. Thông tin liên hệ: (0210)3848 636/ 3829 247; Fax: (0210) 3827 306;

E-mail: cnvt@vui.edu.vn; Website: vui.edu.vn

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập):

Năm 1956 (Được nâng cấp thành Trường Đại học năm 2011 theo quyết định số 126/QĐ/TTg ngày 20/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ)

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I:

- Trình độ Trung cấp chuyên nghiệp: Năm 1956.

- Trình độ Cao đẳng: Năm 1997.

- Trình độ Đại học: Năm 2011.

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I:

- Trình độ Trung cấp chuyên nghiệp: Năm 1958.
- Trình độ Cao đẳng: Năm 2000.
- Trình độ Đại học: Năm 2015

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thực ☐

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ): không

II. Thông tin chung về Khoa thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

- Tiếng Việt: Khoa Cơ khí - Ô tô
- Tiếng Anh: Automotive - mechanical engineering faculty

13. Tên viết tắt của Khoa thực hiện CTĐT:

- Tiếng Việt: Khoa Cơ khí - Ô tô
- Tiếng Anh: Automotive - mechanical engineering faculty

14. Tên trước đây:

Tiếng Việt: Khoa Cơ điện

Tiếng Anh: Không có

15. Mã CTĐT: 7510201; 7510205

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Không có

17. Địa chỉ của Khoa thực hiện CTĐT: Phòng 104 nhà C3, Cơ sở Lâm Thao: xã Tiên Kiên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

18. Số điện thoại liên hệ: Không có Số fax: Không có

E-mail: khcokhi@vui.edu.vn Website: cokhi.vui.edu.vn

19. Năm thành lập Khoa (theo Quyết định thành lập): Năm 2013.

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2018

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2022

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT

Tiền thân của Khoa Cơ khí - Ô tô là Bộ môn Cơ khí Hóa chất được thành lập từ năm 1962. Qua 63 năm phát triển, Khoa Cơ khí - Ô tô đã đào tạo ra các lớp cán bộ kỹ thuật trên khắp cả nước đã và đang giữ nhiều trọng trách quan trọng. Năm 2011, thành lập Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì trên cơ sở nâng cấp từ Trường Cao đẳng Hóa chất, Khoa Cơ - Điện được thành lập trên cơ sở hai khoa: Khoa Cơ khí - Ô tô và Khoa Cơ khí - Ô tô. Năm 2013 Khoa Cơ khí - Ô tô được tái lập trên cơ sở tách ra từ Khoa Cơ - Điện. Năm 2020 Khoa Cơ khí - Ô tô được đổi tên thành Khoa Cơ khí - Ô tô. Địa chỉ văn phòng làm việc và giao dịch của Khoa Cơ khí - Ô tô được đặt tại P.104 nhà C3, Cơ sở Lâm Thao: xã Tiên Kiên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Tổng quy mô SV hiện tại của Khoa Cơ khí - Ô tô là 420 SV.

Về cơ cấu tổ chức của Khoa có 02 Bộ môn là Bộ môn Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí, Bộ môn Công nghệ Kỹ thuật Ô tô, 01 Trung tâm Cơ khí - Ô tô. Ban chủ nhiệm khoa hiện tại chỉ có 01 người giữ chức vụ Phó trưởng khoa(PT) kiêm trưởng bộ môn Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí, 01 Phó GĐ Trung tâm Cơ khí - Ô tô, 01 Phụ trách Bộ môn Công nghệ Kỹ thuật Ô tô, 01 trợ lý khoa, 01 tổ trưởng công đoàn tham gia hỗ trợ quản lý các mặt hoạt động của Khoa.

Khoa Cơ khí - Ô tô hiện có 02 văn phòng làm việc rộng rãi, được thiết kế đầy đủ ánh sáng, trang bị đủ thiết bị, đảm bảo điều kiện làm việc cho 22 GV của khoa. Một văn phòng được bố trí tại phòng 102 tầng 1 tòa nhà N3 tại cơ sở 1 Việt Trì, với tổng diện tích là 40 m². Một văn phòng được bố trí tại phòng 103 tòa nhà N3 tại cơ sở 2 Lâm Thao, với tổng diện tích là 40 m². Ngoài 02 văn phòng làm việc, Khoa Cơ khí - Ô tô còn có 01 Trung tâm Cơ khí - Ô tô ở cơ sở Lâm Thao với đầy đủ hệ thống các phòng TH phục vụ cho đào tạo ngành CNKT Cơ khí và ngành CNKT Ô tô, 01 phòng TH TK trên máy tính và được sử dụng chung giảng đường, phòng học, khuôn viên vui chơi với các Khoa khác trong trường. Các phòng học lý thuyết được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết, hiện đại phục vụ tốt cho đào tạo như: Micro, Tivi LCD màn hình lớn hoặc máy chiếu Projector, máy tính PC. Về đào tạo thực hành, Khoa Cơ khí - Ô tô có 01 khu nhà xưởng thực hành 1000 m²

cho 8 phân xưởng (hàn, nguội, CAD/CAM/CNC, cắt gọt, sửa chữa bảo dưỡng, động cơ ô tô, điện ô tô, sửa chữa bảo dưỡng ô tô) và 01 phòng Thiết kế trên máy tính. Các phòng thực hành đều được đầu tư trang thiết bị thực hành đồng bộ, hiện đại với các máy phay CNC, tiện CNC, Cắt dây CNC, mài CNC và các máy hàn hiện đại tig, mig, mag... Bên cạnh đó Khoa Cơ khí - Ô tô cũng được sử dụng chung hệ thống 05 phòng Hội thảo của trường với tổng diện tích 600 m² với các trang thiết bị kết nối hiện đại phục vụ các hoạt động tổ chức hội thảo, họp trực tuyến...

Tính đến 4/2025, Khoa Cơ khí - Ô tô đang đào tạo 02 CTĐT trình độ đại học là ngành CNKT Ô tô (mã ngành 7510201) và ngành CNKT Ô tô (mã ngành 7510205). CTĐT của 2 ngành này đã được điều chỉnh theo quy định của Trường và thống nhất về mặt cấu trúc với CTĐT các ngành kỹ thuật khác. Với cả 2 ngành đào tạo, tổng số tín chỉ toàn khóa là 152 tín chỉ (tương ứng với 83 học phần). Chương trình đào tạo đại học ngành CNKT Ô tô được bắt đầu đào tạo từ năm 2018, trải qua 07 năm đào tạo đã cung cấp khoảng 400 kỹ sư cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước, Ngành luôn đảm bảo tốt về chính sách chất lượng và hoạt động đảm bảo chất lượng của Trường và Khoa như: Chất lượng đào tạo luôn là vấn đề được ưu tiên và then chốt; các hoạt động rà soát, chỉnh sửa CTĐT theo đúng quy định 2 năm một lần; CTĐT được cập nhật, bổ sung kịp thời khối lượng kiến thức mới, các quy định mới của BGD&ĐT, phù hợp với định hướng phát triển của Nhà trường; Người học tốt nghiệp luôn được khảo sát đánh giá đạt chuẩn đầu ra của CTĐT; Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên luôn đủ về số lượng và bảo đảm về chất lượng và có tâm huyết với nghề; Cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng. Đặc biệt Nhà trường, Khoa đã hoàn thành và khắc phục tốt các ý kiến về Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục năm 2018. (Xem xét: Tại sao Khoa có ngành CNKT Cơ khí đạt chuẩn KĐ lại ko nói đến ở đây)

Khoa Cơ khí - Ô tô có rất nhiều các hoạt động tích cực. Khoa và Nhà trường đã kí kết với nhiều Công ty của Nhật để sinh viên đi thực tập sinh và làm việc tại

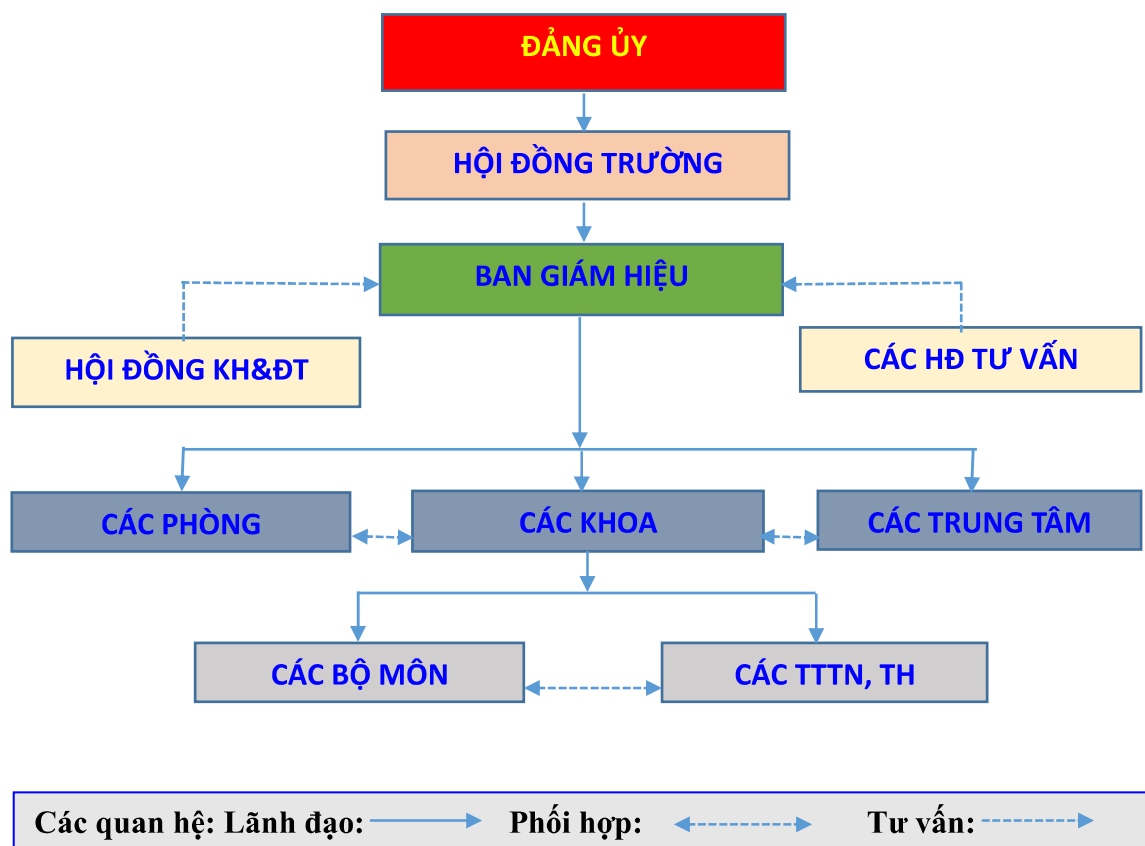
Nhật... Ngoài ra, Khoa Cơ khí - Ô tô cũng tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, công ty trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH như: Công ty TNHH một thành viên cơ khí hóa chất 13, Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21, Công ty TNHH một thành viên cơ khí chính xác 29, Công ty cổ phần Lilama 693, Công ty cổ phần Lilama 691, Công ty TNHH Công nghệ Cosmos, Công ty cổ phần Hóa chất Việt Trì, Tổng công ty giấy Việt Nam, Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm thao, Công ty TNHH Nam Thành Đạt, Công ty cổ phần công nghệ xi mạ HTA Vĩnh Phúc, Công ty cổ phần và thương mại FUNICO, Công ty cổ phần kỹ thuật công nghiệp Brothers Việt Nam, Công ty TNHH cơ khí và thương mại Tân Lộ Việt.... Đặc biệt, Khoa Cơ khí - Ô tô cũng là khoa đầu tiên trong Nhà trường thực hiện chương trình thí điểm hợp tác đào tạo thực hành, thực tập với Doanh nghiệp (Công ty TNHH Công nghệ Cosmos, Công ty CP phần Lilama 693, Công ty CP phần Lilama 691) ngay từ giai đoạn thực tập cơ bản. Chương trình này giúp tăng cường chất lượng đào tạo các kỹ năng thực hành chuyên môn, thực hành nghề nghiệp cho SV, thúc đẩy mối quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa Khoa / Nhà trường với Doanh nghiệp, từ đó mở thêm cơ hội việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp.

Trải qua chặng đường hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển, Khoa Cơ khí - Ô tô đã đạt được nhiều thành tựu trong giảng dạy, NCKH, chuyển giao công nghệ và lao động sản xuất như: đào tạo hàng nghìn kỹ sư cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước; đã thiết kế, chế tạo, cải tiến hàng chục máy sản xuất cho doanh nghiệp và xưởng thực hành; đã chuyển giao công nghệ và thực hiện quy trình sửa chữa, bảo dưỡng tại xưởng sản xuất thuốc nổ TNT của Công ty TNHH một thành viên hóa chất 13, quy trình sửa chữa, bảo dưỡng nồi hơi của Nhà máy sản xuất Amon Nitrat Thái Bình, các nhà máy sản xuất xi măng, sản xuất hóa chất; đã hoàn thiện các đề án Công nghiệp hỗ trợ, xây dựng chuẩn đầu ra và định mức thiết bị tối thiểu cho nghề sửa chữa thiết bị hóa chất.... Đến nay, tập thể Khoa Cơ khí - Ô tô đã được tặng nhiều Bằng khen của UBND tỉnh Phú Thọ (năm học; 2019-2020; 2023 - 2024); Các năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023; Bằng khen có thành

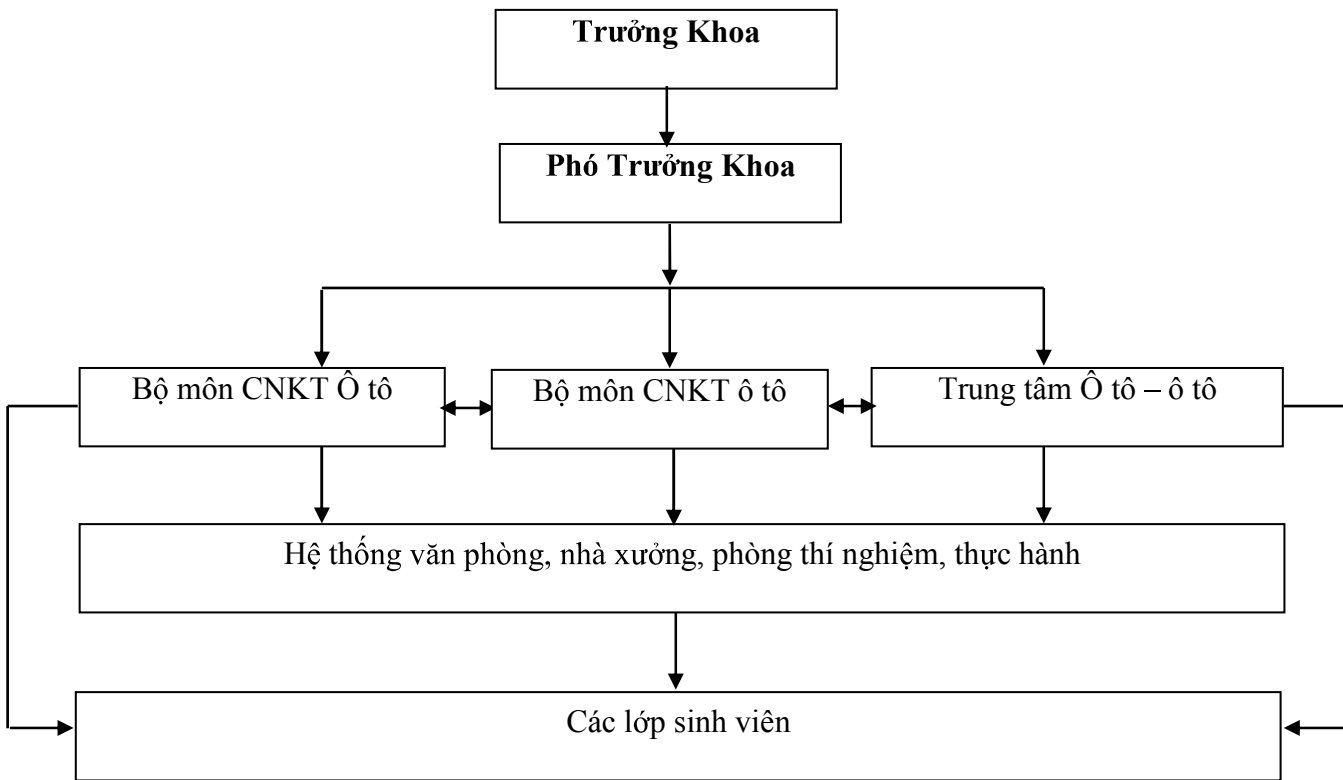
tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và tổ chức Công đoàn vững mạnh (2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023, 2023 - 2024)...Ngoài ra, có nhiều cá nhân được tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp trường, cấp bộ trong các năm.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và Khoa thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

23.1. Cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục



3.2. Cơ cấu tổ chức của Khoa Cơ khí - Ô tô



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Khoa Cơ khí - Ô tô.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
A	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục.					
1	Hiệu trưởng	Vũ Đức Bình	1977	TS, Hiệu trưởng, Giảng viên	0979853814	binhvd@vui.edu.vn
2	Phó Hiệu trưởng	Trần Thị Hằng	1976	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng, Giảng viên	0366115652	hangtt@vui.edu.vn
3	Phó Hiệu trưởng	Vũ Quốc Hiến	1979	Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng, Giảng viên	0912625194	hienvq@vui.edu.vn
B	Đơn vị thực hiện CTĐT					
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1	Phó trưởng Khoa Cơ khí - Ô tô	Lê Quang Vinh	1979	TS, Phó trưởng khoa(PT), Giảng viên	0982243558	vinhlq@vui.edu.vn
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1	Chi bộ	Nguyễn Đắc Nam	1975	Bí thư chi bộ	0904590546	namnd@vui.edu.vn
2	Đoàn thanh niên	Nguyễn Văn Vượng	1988	Bí thư liên chi	0989757900	vuongnv@vui.edu.vn
III.	Các bộ môn					
1	Bộ môn CNKT Ô	Lê Quang Vinh	1979	TS, Trưởng bộ môn,	0982243558	vinhlq@vui.edu.vn

	tô			Giảng viên		
2	Bộ môn CNKT Ô tô	Nguyễn Văn Vượng	1988	NCS, Phụ trách bộ môn, Giảng viên	0989757900	vuongnv@vui.edu.vn
3	Trung tâm Ô tô - ô tô	Phạm Mạnh Thắng	1984	Thạc sỹ, Phụ trách trung tâm, Giảng viên	0962353555	thangpm@vui.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của Khoa thực hiện CTĐT: 02 ngành/03 chuyên ngành (Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí, Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử, Công nghệ Kỹ thuật Ô tô)

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 0

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 02

- Ngành CNKT Cơ khí ; mã ngành: 7510201

- Ngành CNKT Ô tô; mã ngành: 7510205

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): không

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

Có Không

Chính quy ☒ ☐

Không chính quy ☐ ☒

Từ xa ☐ ☒

Liên kết đào tạo với nước ngoài ☐ ☒

Liên kết đào tạo trong nước ☐ ☒

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): không

32. Tổng số các ngành đào tạo: 02

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của Khoa thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ <i>Trong đó:</i>	20	2	22
I.1	Cán bộ trong biên chế	20	2	22
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	0	0	0
	Tổng số	20	2	22

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV			GV	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	thỉnh giảng trong nước	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	2	0	0	0	2	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	9	5	0	2	2	0
5	Thạc sĩ	15	13	0	2	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	26	18	0	4	4	0

Tổng số giảng viên = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 22 người

Tỷ lệ giảng viên trên tổng số cán bộ : 100%.

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 4 Thông tư số 07/2020/TT-BGDĐT ngày 20/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không

có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 35).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV	GV thỉnh giảng	GV quy đổi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Hệ số quy đổi			1,0	0,2	
1	Giáo sư	5,0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	2	0	2	1,2
4	Tiến sĩ	2,0	9	7	2	14,8
5	Thạc sĩ	1,0	15	15	0	15,0
6	Đại học	0,3	0	0	0	0
	Tổng		26	22	4	31

Cách tính: Cột 7 = cột 3*(cột 5 + 0,2*cột 6)

36. Thống kê, phân loại giảng viên theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người)

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0,0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	4	18,2	4	0	0	0	4	0	
5	Thạc sĩ	14	63,6	12	2	0	9	5	0	
6	Đại học	4	18,2	4	0	2	0	2	0	
	Tổng	22	100	20	2	2	9	11	0	0

36.1 Tuổi trung bình của giảng viên : 39 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên của Khoa thực hiện CTĐT: 31,8%

36.3. Tỷ lệ giảng viên có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên của Khoa thực hiện CTĐT: 68,2%

37. Thống kê, phân loại giảng viên theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	0	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	16.8	0
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	39.4	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	43.8	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2020-2021	72	72	1	72	15/30	17.75	0
2021-2022	108	108	1	108	15/30	17.5	0
2022-2023	76	76	1	76	15/30	17,0	0
2023-2024	84	84	1	84	15/30	17.5	0
2024-2025	106	106	1	106	15/30	17,0	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy (Đơn vị: người):

Các tiêu chí	2020	2021	2022	2023	2024
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	
2. Học viên cao học	0	0	0	0	
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	80	141	94	94	114

Các tiêu chí	2020	2021	2022	2023	2024
Hệ không chính quy	0	0	0	0	
4. Sinh viên cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	
Hệ chính quy	0	0	0	0	
Hệ không chính quy	0	0	0	0	
5. Học sinh TCCN Trong đó:	0	0	0	0	
Hệ chính quy	0	0	0	0	
Hệ không chính quy	0	0	0	0	
6. Khác ...	0	0	0	0	

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây: *Đơn vị: người*

	Năm học				
	2020	2021	2022	2023	2024
Số lượng (người)	01	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	1,3	0	0	0	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024	2024- 2025
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)					
2.1. Cho toàn trường	190	230	190	0	0
2.2. Cho ngành CNKT Ô tô	45	40	35	0	0
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)					
3.1. Cho toàn trường	190	230	190	0	0
3.2. Cho ngành CNKT Ô tô	45	40	35	0	0
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	13	10.8	13	0	0

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học (bao gồm: đề tài NCKH, Hội thảo Khoa học, Khóa luận tốt nghiệp, tiểu luận, ...)

	Năm học				
	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024	2024- 2025
Số lượng (người)	18	21	12	54	30
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	22,5	13,6	15,8	100	63,8

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024	2024- 2025
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	0	11	0	39	-
Hệ chính quy (LT)	0	0	0	15	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024	2024- 2025
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	0	11	0	39	35

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	-	100	-	91	73
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	0	91,0	-	90,1	92
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	-	8,2	-	9,0	8
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	-	0,8	-	0,9	0
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
ngành đào tạo (%).					
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.	-	100	-	95	100
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.	-	-	-	100	-
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	-	8	-	6	8
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu).	-	8,6	-	9,8	-
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	-	81,8	-	90	-
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	-	15,9	-	8	-
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	-	2,3	-	2	-

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng						
			2020	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0	0,0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	1	0	0	0	0	0	1,0
3	Đề tài cấp trường	0,5	5	5	7	4	7	2	15
4	Tổng		6	5	7	4	7	2	16

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8 + cột 9)

Tổng số đề tài quy đổi: 16

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ của đơn vị thực hiện CTĐT: 0,73

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ (triệu VNĐ/ người)
1	2020	0	0	0
2	2021	0	0	0
3	2022	0	0	0
4	2023	0	0	0
5	2024	0	0	0

47. Số lượng cán bộ của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	1	8	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	1	8	

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Sách chuyên khảo	2,0						
2	Sách giáo trình	1,5		1				1,5
3	Sách tham khảo	1,0						
4	Sách hướng dẫn	0,5		1				0,5
5	Tổng			2				2,0

Tổng số sách (quy đổi): 2,0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ : 0,1

49. Số lượng cán bộ của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách		4	0	4
Từ 4 đến 6 cuốn sách		0	0	0
Trên 6 cuốn sách		0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia		4	0	4

50. Số lượng bài của các cán bộ của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	3	2	2	15	6	42
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	5	5	6	7	4	27
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	2	3	4	4	2	7,5
	Tổng		10	10	12	26	12	76,5

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 76,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ : 3,47

51. Số lượng cán bộ của Khoa thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	4	8	8
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	4	8	8

52. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ của Khoa thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	2	1	1	2	1	9
2	Hội thảo trong nước	0,5	4	4	4	4	2	10

3	Hội thảo cấp trường	0,25	1	0	0	1	1	0,75
4	Tổng		7	5	5	7	4	19,75

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 19,75

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ (Báo HN): 0,9

53. Số lượng cán bộ của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	5	30	4
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	1	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	6	30	4

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2020-2021	0
2021-2022	0
2022-2023	0
2023-2024	0
2024-2025	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	28	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	

Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	28	

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thông kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	1	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 79.000 m²

57. Tổng diện tích đất sử dụng của Khoa thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 900m²

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 120 m²

- Nơi học: 780m²

- Nơi vui chơi giải trí: 5000m²

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 6.120 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 5,1m²

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 1.226 đầu sách

61. Tổng số máy tính của Khoa thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 2

- Dùng cho người học học tập: 60

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,4

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên (người): 22

Tỷ lệ giảng viên trên tổng số cán bộ (%): 100%

Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 31,8%

Tỷ lệ giảng viên có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 68,2%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 278

Tổng số tín chỉ của CTĐT là 152 tín chỉ, trong đó: Số tín chỉ của các môn chung là 36 tín chỉ (chiếm 23,7%); Số tín chỉ của các môn ngành/chuyên ngành là 116 tín chỉ (chiếm 76,3%)

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 12,6 (278/22)

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 93%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 91,9%

Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 7,6%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 93,6%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 9,1%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 10 triệu đồng.

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 83%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 17%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ : 0,73

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ : 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ : 0,1

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ : 3,47

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ : 0,9

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,4

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 5,1

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 8,8

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo
trình độ đại học ngành CNKT Ô tô**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT TRÌ

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐT, ngày 4/4/2023 của Hội đồng trường Ban hành quy chế về tổ chức và hoạt động của trường Đại học Công nghiệp Việt Trì; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 29/9/2023 của Hội đồng trường sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐT, ngày 4/4/2023 của Hội đồng trường;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành CNKT Ô tô gồm các ông, bà có tên sau: Có danh sách kèm theo.

Thành lập Ban thư ký và các nhóm chuyên trách giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá gồm các ông, bà có tên sau: Có danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá có nhiệm vụ tổ chức triển khai công tác tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành CNKT Ô tô theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và các văn bản hiện hành hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng – Bộ GD&ĐT.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng có nhiệm vụ thực hiện những công việc do Chủ tịch Hội đồng phân công và chịu trách nhiệm về công việc được giao. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.



Điều 4. Các ông, bà Trưởng các đơn vị trong Trường và các thành viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng; Chủ tịch HĐT;
- Các phó Hiệu trưởng;
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, QLCL.



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CNKT Ô TÔ**

(Kèm theo Quyết định số 1137/QĐ-ĐHCNVT, ngày 31 tháng 12 năm 2024)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Vũ Đức Bình	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	Vũ Quốc Hiến	Phó Hiệu trưởng	P. Chủ tịch HĐ
3	Lê Quang Vinh	Phó Trưởng Khoa Cơ khí – Ô tô (PT)	P. Chủ tịch TTHĐ
4	Nguyễn Văn Vượng	Phụ trách Bộ môn. Khoa Cơ khí – Ô tô	Thành viên - Thư ký
5	Nguyễn Hữu Hải	Trưởng phòng Quản lý chất lượng	Thành viên
6	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Trưởng phòng Quản lý Đào tạo	Thành viên
7	Trương Minh Chính	Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính	Thành viên
8	Nguyễn Thị Minh Hằng	Trưởng phòng Tài chính – Kế toán	Thành viên
9	Phạm Thái Hưng	Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông	Thành viên
10	Nguyễn Đức Tuấn	Trưởng phòng Quản trị	Thành viên
11	Đỗ Thị Mai Thanh	Giám đốc Trung tâm Thông tin Thư viện	Thành viên
12	Đào Thị Lan	P. Trưởng phòng Công tác sinh viên (PT)	Thành viên
13	Hoàng Thị Vân An	P. Trưởng phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế (PT)	Thành viên
14	Lê Thành Cương	P. Trưởng Khoa Khoa học Cơ bản	Thành viên
15	Nguyễn Đình Thanh	Giảng viên. Khoa Cơ khí – Ô tô	Thành viên
16	Phạm Mạnh Thắng	Phó Giám đốc Trung tâm (PT). Khoa Cơ khí - Ô tô	Thành viên
17	Triệu Quang Hưng	Sinh viên lớp OT1Đ22	Thành viên

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ			
(Kèm theo Quyết định số 1137/QĐ-ĐHCNVT, ngày 31 tháng 12 năm 2024)			
TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Văn Vượng	Phụ trách Bộ môn. Khoa Cơ khí – Ô tô	Trưởng ban
2	Nguyễn Thị Quỳnh	Giảng viên Khoa Cơ khí - Ô tô	Thành viên
3	Nguyễn Hữu Quân	Giảng viên Khoa Cơ khí - Ô tô	Thành viên
4	Trần Văn Tân	Giảng viên Khoa Cơ khí - Ô tô	Thành viên
5	Chữ Hương Thu	Trợ lý Khoa Cơ khí - Ô tô	Thành viên

DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÁC NHÓM CHUYÊN TRÁCH
(Kèm theo Quyết định số 1137/QĐ-ĐHCNV, ngày 31 tháng 12 năm 2024)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo		
	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo		
	Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học		
	1	Lê Quang Vinh	Phó Trưởng Khoa Cơ khí – Ô tô (PT)
	2	Nguyễn Thị Quỳnh	Giảng viên Khoa Cơ khí - Ô tô
	3	Trần Văn Tân	Giảng viên Khoa Cơ khí - Ô tô
Nhóm 2	4	Nguyễn Hữu Quân	Giảng viên Khoa Cơ khí - Ô tô
	5	Nguyễn Ngọc Tiến Hưng	Giảng viên Khoa Cơ khí - Ô tô
	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học		
	Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học		
	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng		
	1	Nguyễn Văn Vượng	Phụ trách Bộ môn. Khoa Cơ khí – Ô tô
Nhóm 3	2	Trần Văn Tân	Giảng viên Khoa Cơ khí - Ô tô
	3	Cao Đức Thành	Giảng viên Khoa Cơ khí - Ô tô
	4	Lê Anh Đăng	Giảng viên Khoa Cơ khí - Ô tô
	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên		
	Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên		
	1	Nguyễn Đình Thanh	Giảng viên Khoa Cơ khí - Ô tô
Nhóm 4	2	Chữ Hương Thu	Trợ lý Khoa Cơ khí - Ô tô
	3	Hoàng Xuân Hải	Giảng viên Khoa Cơ khí - Ô tô
	4	Cao Đức Thành	Giảng viên Khoa Cơ khí - Ô tô
	Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học		
	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị		
	Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra		
	1	Phạm Mạnh Thắng	Phó Giám đốc Trung tâm . Khoa Cơ khí - Ô tô
	2	Nguyễn Hữu Quân	Giảng viên Khoa Cơ khí - Ô tô
	3	Bùi Hữu Hùng	Giảng viên Khoa Cơ khí - Ô tô
	4	Trần Anh Tuấn	Giảng viên Khoa Cơ khí - Ô tô
	5	Nguyễn Thái Phúc	Giảng viên Khoa Cơ khí - Ô tô

Số: 01../KH-ĐHCNVT

Phủ Thọ, ngày 07 tháng 01 năm 2025

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

Chương trình đào tạo trình độ đại học 03 ngành: Công nghệ kỹ thuật Ô tô,
Công nghệ thông tin và Quản trị kinh doanh

I. Mục đích tự đánh giá

- Xác định mức độ đáp ứng của các chương trình đào tạo trình độ đại học ngành: Công nghệ kỹ thuật Ô tô, Công nghệ thông tin và Quản trị kinh doanh so với bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Là cơ sở để cải tiến và nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo nói trên.
- Hoàn thiện bộ hồ sơ đăng ký đánh giá là cơ sở để giải trình với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của chương trình đào tạo; cơ sở cho người học lựa chọn ngành học và nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực.

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của Nhà trường trong việc thực hiện các chương trình đào tạo nói trên theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

III. Công cụ đánh giá

- Công cụ đánh giá Tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;
- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 về việc hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD;

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT 03 ngành: Công nghệ kỹ thuật Ô tô, Công nghệ thông tin và Quản trị kinh doanh. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách được thành lập theo Quyết định số 1137/QĐ-ĐHCNVT, Quyết định số 1138/QĐ-ĐHCNVT và Quyết định số 1139/QĐ-ĐHCNVT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì. Mỗi Hội đồng gồm có 17 thành viên:

(Danh sách Hội đồng đã ban hành kèm theo QĐ thành lập Hội đồng).

2. Ban thư ký giúp việc cho Hội đồng và các nhóm công tác chuyên trách:

(Danh sách Ban Thư ký đã ban hành kèm theo QĐ thành lập Hội đồng).

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ:

a) Ban thư ký: Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá, thực hiện nhiệm vụ cụ thể theo sự phân công của Trưởng ban.

b) Các nhóm công tác:

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1 Tiêu chuẩn 2 Tiêu chuẩn 3	Nhóm 1	(13/01/2025 - 16/02/2025)	
2	Tiêu chuẩn 4 Tiêu chuẩn 5 Tiêu chuẩn 10	Nhóm 2	(13/01/2025 - 16/02/2025)	
3	Tiêu chuẩn 6 Tiêu chuẩn 7	Nhóm 3	(13/01/2025 - 16/02/2025)	
4	Tiêu chuẩn 8 Tiêu chuẩn 9 Tiêu chuẩn 11	Nhóm 4	(13/01/2025 - 16/02/2025)	

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá (nếu có)

1. Thời gian: Dự kiến từ (6/01/2025 - 19/01/2025)

2. Thành phần: Hội đồng tự đánh giá CTĐT, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách.

3. Nội dung chương trình tập huấn:

Giới thiệu công cụ đánh giá tiêu chuẩn chất lượng CTĐT, Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo, các công văn hướng dẫn tự đánh giá CTĐT, tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành,...

VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính,...) và thời điểm cần huy động/cung cấp

Xác định các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính cần huy động hoặc cung cấp cho từng hoạt động và thời gian cần được cung cấp

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn: 1 ÷ 11	Thu thập MC	Ban Thư ký, nhóm chuyên trách và các đơn vị liên quan	(13/01/2025 - 16/02/2025)	
2		Viết BC TĐG	Nhóm công tác chuyên trách	(17/02/2025 - 23/03/2025)	
3		Phản biện, điều chỉnh, bổ sung	Hội đồng TĐG CTĐT	(24/03/2025 - 11/5/2025)	
4		Đánh giá ngoài	HD TĐG, Ban Thư ký và các nhóm chuyên trách, các cá nhân, đơn vị có liên quan và TT Kiểm định	(Dự kiến từ 19/5/2025)	

VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (nếu có)

Trong quá trình triển khai công tác tự đánh giá, Nhà trường yêu cầu các đơn vị liên quan thực hiện việc thu thập thông tin từ bên ngoài về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp, nhu cầu tuyển dụng, ý kiến của nhà tuyển dụng về chất lượng và chương trình đào tạo và các nội dung khác liên quan (nếu cần).

VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai tự đánh giá (nếu có)

Trong quá trình triển khai công tác tự đánh giá, Nhà trường sẽ thực hiện thuê chuyên gia tư vấn (nếu cần).

IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hóa các minh chứng thu được, Hội đồng tự đánh giá thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bảng theo chiều ngang của khổ giấy A4 (có thể để riêng và có thể để ở phần Phụ lục của báo cáo TĐG).

X. Thời gian và nội dung hoạt động :

Thời gian	Các hoạt động	Chịu trách nhiệm	Phối hợp	Kết quả dự kiến
Tuần 1 (30/12/2024 – 5/01/2025)	1. Hội Lãnh đạo Nhà trường đề thảo luận, mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên Hội đồng TĐG CTĐT	Hiệu trưởng	P.QLCL: Chuẩn bị tài liệu	Biên bản Cuộc họp
	2. Ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký và các nhóm chuyên trách của 03 ngành: Công nghệ kỹ thuật Ô tô, Công nghệ thông tin và Quản trị kinh doanh	Hiệu trưởng	P. QLCL: tham mưu	Các QĐ thành lập HĐ TĐG CTĐT, ban TK và các nhóm chuyên trách
	3. Hội Hội đồng tự đánh giá CTĐT để công bố các quyết định thành lập HĐ - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng - Dự thảo Kế hoạch tự đánh giá CTĐT	Chủ tịch HĐ	P.QLCL: tham mưu xây dựng dự thảo KH TĐG CTĐT, chỉnh sửa hoàn thiện KH	Dự thảo Kế hoạch TĐG CTĐT
Tuần 2 (6/01/2025 - 12/01/2025)	1. Chỉnh sửa hoàn thiện và trình duyệt kế hoạch TĐG CTĐT sau khi thông qua HĐ.	Chủ tịch HĐ	P.QLCL: chỉnh sửa hoàn thiện KH TĐG; trình Hiệu trưởng phê duyệt.	Kế hoạch TĐG CTĐT được ban hành; Bảng phân công nhiệm vụ
	2. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban TK và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho HĐ		Các đơn vị liên quan	
	2. Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể CB chủ chốt, CB, GV, NV và SV tham gia thực hiện CTĐT	HĐ TĐG CTĐT; Các Khoa: Cơ khí – ô tô, CNTT, Kinh tế	Các đơn vị liên quan	CB, GV, NV, SV tham gia thực hiện CTĐT nắm bắt được chủ trương về công tác TĐG
Tuần 3-7 (13/01/2025 - 16/02/2025)	1. Tổ chức tập huấn/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai TĐG chất lượng CTĐT	Hội đồng TĐG CTĐT	P.QLCL; Chuyên gia tư vấn (nếu cần)	KH tổ chức Hội nghị tập huấn kèm danh sách CB được tập huấn
	2. Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm thu thập thông tin, MC và viết báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí	Nhóm trưởng	Các đơn vị liên quan	Bảng phân công nhiệm vụ
	3. Nghiên cứu, phân tích nội hàm tiêu chí và xây dựng DMMC cần	Nhóm công tác chuyên	Các đơn vị liên quan	DMMC dự kiến cần thu

Thời gian	Các hoạt động	Chịu trách nhiệm	Phối hợp	Kết quả dự kiến
	thu thập.	trách và Ban thư ký		thập
	4. Thông qua DMMC cần thu thập	Ban thư ký	Nhóm chuyên trách	DMMC cần thu thập
	5. Thu thập và phân loại MC theo các tiêu chí, mã hóa các thông tin và minh chứng thu được	Nhóm công tác chuyên trách và Ban thư ký	Các đơn vị liên quan	Minh chứng
	6. Mô tả thông tin và minh chứng thu thập được			
	7. Phân tích, lý giải nội hàm của các MC để xem xét sự phù hợp của MC với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT			
	8. Viết cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT theo “Phụ lục 7. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT”	Ban Thư ký	P.QLCL và các đơn vị liên quan cung cấp thông tin	Cơ sở dữ liệu theo Phụ lục 7
	9. Báo cáo kết quả công việc đã thực hiện	Nhóm công tác chuyên trách	HD TĐG	Bảng DMMC đã được mã hóa
Tuần 8-15 (17/02/2025 - 23/03/2025)	1. Viết báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin minh chứng bổ sung nếu cần thiết)	Nhóm công tác chuyên trách	P.QLCL và các đơn vị liên quan	Dự thảo báo cáo theo tiêu chí
	2. Viết “Phần I. Khái quát, Phần III. kết luận” theo Phụ lục 5: Mẫu báo cáo TĐG CTĐT	Ban Thư ký và các nhóm chuyên trách	P.QLCL và các đơn vị liên quan	Dự thảo báo cáo theo Phần I và Phần III
	3. Tổng hợp các báo cáo của tiêu chí thành báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin minh chứng bổ sung nếu cần thiết)	Trưởng nhóm công tác chuyên trách	Ban Thư ký	Dự thảo báo cáo theo tiêu chuẩn
	4. Nhóm công tác chuyên trách báo cáo kết quả công việc đã thực hiện	Ban Thư ký và các nhóm chuyên trách	Hội đồng TĐG	Dự thảo báo cáo TĐG
	Hoàn thiện dự thảo báo cáo tự đánh giá lần 1: 1. Hoàn thiện kết quả TĐG, CSDL và DMMC theo phụ lục 6, 7, 9 của hướng dẫn tự đánh giá CTĐT 2. Hoàn thiện báo cáo TĐG theo phụ lục 5 của hướng dẫn tự đánh giá CTĐT.	Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách	P.QLCL; Các đơn vị liên quan	Bản dự thảo báo cáo TĐG lần 1
Tuần 16 (24/03/2025 - 30/03/2025)	3. Gửi phản biện	Ban thư ký; các chuyên gia phản biện	P.QLCL và các đơn vị liên quan	Bảng tổng hợp ý kiến phản biện

Thời gian	Các hoạt động	Chịu trách nhiệm	Phối hợp	Kết quả dự kiến
Tuần 17-18 (31/03/2025 - 13/04/2025)	Họp HĐ TĐG để triển khai công việc: 1. Xem xét, phân tích các ý kiến của phản biện cho dự thảo báo cáo TĐG lần 1. 2. Các nhóm chuyên trách và Ban thư ký chỉnh sửa báo cáo TĐG theo kết luận của Hội đồng	HĐ TĐG; Ban thư ký và các nhóm chuyên trách	P.QLCL; Các đơn vị liên quan	Dự thảo báo cáo TĐG lần 2
Tuần 19-20 (14/04/2025 - 27/04/2025)	1. Công bố dự thảo báo cáo TĐG lần 2	Ban thư ký	Các đơn vị liên quan	Dự thảo báo cáo TĐG lần 2 được công bố
	2. Thu thập ý kiến đóng góp của các đơn vị, cá nhân trong toàn Trường	Các đơn vị trong Trường	P.QLCL và Ban Thư ký tổng hợp	Bảng tổng hợp ý kiến góp ý cho dự thảo lần 2
Tuần 21-22 (28/04/2025 - 11/05/2025)	1. Họp Hội đồng TĐG CTĐT để xem xét, phân tích các ý kiến đóng góp từ các đơn vị. 2. Tiếp tục bổ sung minh chứng và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện, góp ý sau khi được Hội đồng thông qua 3. Họp Hội đồng TĐG CTĐT để thông qua và hoàn thiện báo cáo TĐG lần cuối.	Hội đồng TĐG và Ban Thư ký	P.QLCL	Báo cáo TĐG chính thức
Tuần 23 (12/05/2025 - 18/05/2025)	1. Nhà trường gửi báo cáo TĐG và công văn cho Bộ GD&ĐT để đăng ký kiểm định CTĐT.	P.QLCL	Các đơn vị liên quan	Báo cáo TĐG chính thức
	2. Nhà trường và Khoa chuyên môn bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin, minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo TĐG, sẵn sàng để hợp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo TĐG trước khi ĐGN.	P.QLCL, Khoa và các đơn vị liên quan	Các đơn vị liên quan	
Từ tuần 24 (Dự kiến từ 19/05/2025)	Thực hiện các bước để đánh giá ngoài CTĐT sau khi có ý kiến từ Bộ GD&ĐT.	Trung tâm KĐCLGD	P.QLCL; HĐ TĐG	Hồ sơ ĐGN

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng; Chủ tịch HĐT;
- Các phó Hiệu trưởng;
- Các đơn vị trong Trường;
- Lưu VT, QLCL.



Vũ Đức Bình